

Khi Đức Tin Chiến Thắng

CÂU CHUYỆN CÓ THẬT VỀ SỰ SỐNG VÀ CÁI CHẾT

Nguyên Tác: **90 Minutes In Heaven – A True Story of Death and Life**

Tác giả: **Don Piper, Cecil Murphey**

MỤC LỤC

Lời giới thiệu

Lời cảm tạ

Mở đầu

Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

Chương 6

Chương 7

Chương 8

Chương 9

Chương 10

Chương 11

Chương 12

Chương 13

Chương 14

Chương 15

Chương 16

Chương 17

Chương 18

Chú Thích

LỜI GIỚI THIỆU

Đôi khi chúng ta hay tự kêu thán rằng, cuộc đời này thật chẳng có gì đáng tin cậy, chẳng gì có thể làm chỗ dựa cho lòng tin và rằng chúng ta đã mất hết niềm tin. Nhưng hình như tất cả sự kêu ca, phàn nàn đó chỉ là một thói quen mà thôi. Bởi lẽ, nếu bạn đã mất hết niềm tin vào cuộc sống, chắc chắn, bạn đã chẳng thể sống được đến giờ phút này. Niềm tin, có chứa đựng một sức mạnh diệu kì, có khả năng tạo nên những bất ngờ lớn lao mà chúng ta không thể hình dung ra hết. Câu chuyện dưới đây mà các bạn sắp đọc mang đến cho mỗi người thêm một ví dụ sâu sắc và cảm động. *Khi đức tin chiến thắng* không chỉ là niềm tin của mục sư Don Piper, không chỉ là niềm tin của Dick - người bạn đã cầu nguyện cho vị mục sư ngay tại hiện trường của tai nạn, mà còn là niềm tin của tất cả những người thân trong gia đình Don, bạn bè của anh và cả những người nghe kể về anh mà chưa từng gặp mặt đã thâm lặng giúp đỡ và kiên trì cầu nguyện. Niềm tin mà bạn cảm nhận được từ câu chuyện này mang một sắc thái thiêng liêng ở những con chiên của Chúa. Đó là đức tin.

Mới nghe tên sách, chúng ta nghĩ rằng có thể tìm thấy ở đây các tưởng tượng hoang đường về thế giới tâm linh thì khi đi đến trang cuối cùng của cuốn sách, chúng ta chỉ thấy thấm đẫm tình thân nhân bản, một tình cảm thương yêu nồng hậu của con người với nhau. Có lẽ, đó chính là thông điệp sâu sắc mà tác giả muốn chuyển tới mỗi chúng ta. Bởi vậy, tôi tin rằng cuốn sách sẽ là món quà tinh thần ý nghĩa cho mỗi người, đặc biệt là những người đang phải đối diện với thách thức cam go của cuộc sống.

Thực ra, cuốn sách này còn có một chiều kích đặc biệt khác, tác giả cuốn sách đã thể hiện sự trải nghiệm của mình về những khoảnh khắc của “cuộc sống sau cái chết”, một chủ đề lớn mà hàng ngàn năm nay con người cũng như các tôn giáo bản khoán tìm lời giải đáp.

Với kinh nghiệm nghiên cứu của bản thân, cùng mong muốn được chia sẻ tình thân nhân văn vô cùng cảm động, tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách *Khi đức tin chiến thắng* cùng bạn đọc.

Hà Nội, tháng 11 năm 2007

GS. TS. ĐỖ QUANG HÙNG

Tổng biên tập

Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo

LỜI CẢM TẠ

Tôi viết cuốn sách này là để tự phòng vệ. Từ những năm trước 1989, rất nhiều người chưa bao giờ thỏa mãn với những câu hỏi của họ về trải nghiệm của tôi mỗi khi tôi xuất hiện trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng. Mọi người luôn muốn biết nhiều hơn. Tôi đã viết ba bản thảo về trải nghiệm này của mình để cố làm thỏa mãn đòi hỏi đó, nhưng vẫn không thấy hài lòng. Đó cũng là lúc mà tôi thuyết phục được một trong những cây viết uy tín cùng tôi viết một cuốn sách để trả lời đầy đủ nhất những câu hỏi bức thiết nhất liên quan đến cuộc sống và cái chết của tôi. Cecil Murphey, tác giả của rất nhiều cuốn tiểu sử thành công như: tiểu sử của Franklin Graham, Truett Cathey... đã cho tôi thấy viễn cảnh về cuốn sách mà tôi cần phải viết. Đó là cuốn sách mà bạn đang cầm trên tay. Cec đã trở thành một người bạn thân thiết, một cộng sự và cố vấn đáng tin cậy của tôi. Cảm ơn, Cec!

Tôi cũng muốn cảm ơn các nhân viên tại Trung tâm cấp cứu Memorial Hermann và Bệnh viện St. Lukes ở Houston, đặc biệt là bác sĩ Thomas Greider, người đã phẫu thuật thành công cho tôi kể từ sau đêm định mệnh 18 tháng 01 năm 1989.

Tôi cũng vô cùng cảm kích trước những nỗ lực của Hội Tin Lành South Park của vùng Alvin, Texas, Nhà thờ Tin Lành Đệ nhất, Nhà thờ Tin Lành Airline, Nhà thờ Tin Lành Barksdale v.v... và tất cả các nhà thờ tại Bossier city, Louisiana.

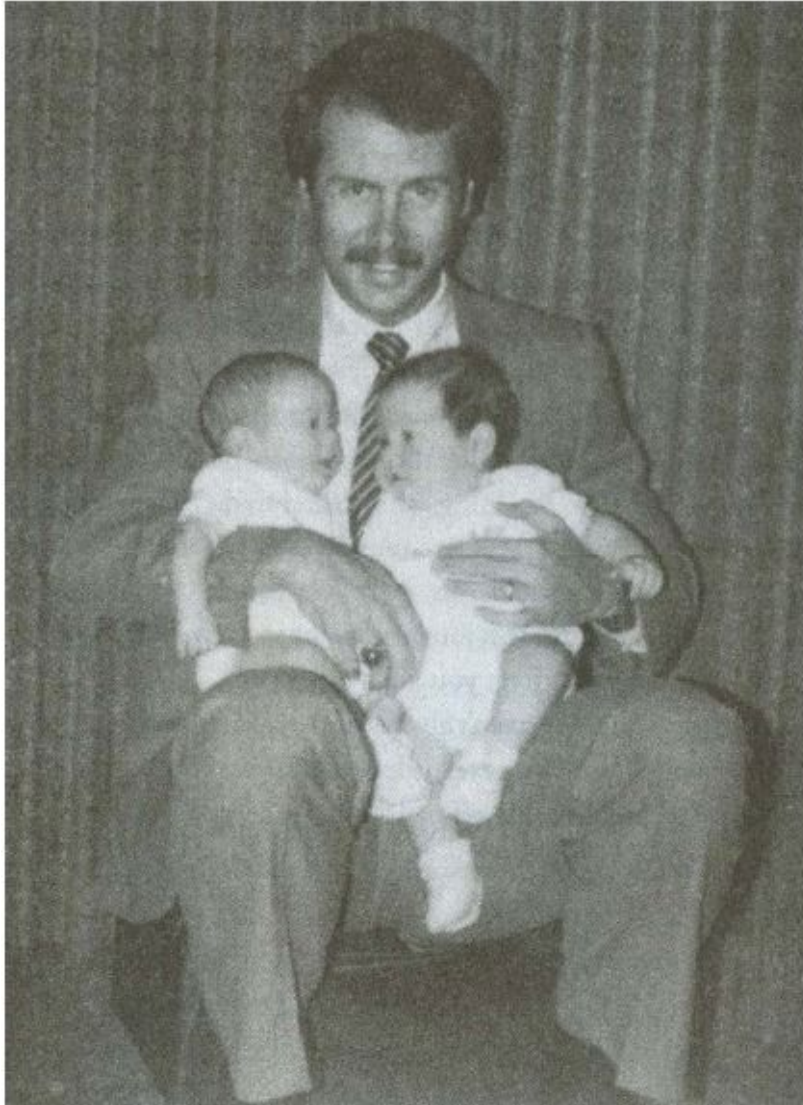
Luôn kiên định ở bên cạnh tôi trong những giờ phút khó khăn nhất từ khi tôi gặp tai nạn là gia đình thân thương của tôi - Hội thánh Tin Lành Rosharon, Texas, nhà thờ Hunters' Glen và nhà thờ Murphy Road, bang Texas. Từ năm 1996, Hội thánh Tin Lành Pasadena, bang Texas đã là nơi tạo mọi điều kiện tốt nhất cho tôi làm việc. Cảm ơn tất cả các bạn vì sự kiên nhẫn, niềm tin, những lời cầu nguyện và tình yêu thương.

Cuối cùng, tôi muốn bày tỏ sự tri ân sâu sắc tới bố mẹ vợ của tôi, Eldon và Ethel Pentecost và bố mẹ đẻ của tôi, Ralp và Billie Piper. Và tôi muốn nói rằng Chúa đã mang đến cho tôi những đứa con tuyệt vời: Nicole và Chris Joe. Còn vợ tôi, Eva, đã phải làm rất nhiều việc cho tôi với tất cả tình yêu. Eva - em là món quà mà Chúa đã mang đến cho anh.

Chúa Trời, người biết rằng tôi luôn không hiểu lý do tại sao mọi chuyện lại xảy ra như thế, nhưng tôi vẫn luôn tin tưởng vào Người. Tôi nguyện cầu rằng những nỗ lực khiêm tốn để kể ra câu chuyện của tôi sẽ làm hài lòng Người và ban phước cho nhiều người khác. Amen!

DON PIPER

Tháng 2, 2004



Mở đầu

Tôi đã chết vào ngày 18 tháng 01 năm 1989.

Các nhân viên cứu hộ tới hiện trường chỉ vài phút sau vụ tai nạn. Họ không đo được mạch đập và tuyên bố là tôi đã chết. Họ đắp một tấm vải dầu lên người tôi. Vì thế, những người ngoài không thể nào nhìn thấy tôi nữa trong khi họ đang chú ý đến những người bị thương khác trong vụ tai nạn. Tôi hoàn toàn không hề biết đến sự có mặt của những nhân viên cứu hộ hay bất kỳ ai ở xung quanh tôi.

Ngay sau khi chết, tôi đã lên đến tận thiên đàng.

Trong khi tôi ở trên thiên đàng, một cha xứ Tin Lành đến hiện trường của vụ tai nạn. Mặc dù biết là tôi đã chết, ông vẫn lao đến chỗ xác tôi và cầu nguyện cho tôi. Mặc những lời chế nhạo của các nhân viên cứu hộ thuộc đội cứu hộ EMT (Emergency Medical Technicians) ông vẫn không ngừng cầu nguyện.

Ít nhất là 90 phút sau khi đội cứu hộ tai nạn tuyên bố tôi đã chết, Chúa đã trả lời những lời cầu nguyện của ông.

Tôi đã trở lại trái đất.

Đó là câu chuyện của tôi.

Chương 1

VỤ TAI NẠN

Nên chúng ta mạnh dạn nói: "Chúa phù hộ tôi, tôi sẽ không sợ hãi; người đời làm gì được tôi?"

Hebrew 13:6

Hiệp hội dòng Tin Lành bang Texas thường tổ chức các hội nghị hàng năm trên toàn bang. Vào tháng Giêng năm 1989, Hiệp hội đã chọn một địa điểm ở phía Bắc của khu vực hồ Livingston nơi Hiệp hội Tin Lành, bao gồm tất cả các nhà thờ của khu vực Houston, tổ chức một hội nghị quy mô lớn có tên là Trinity Pines. Hội nghị tập trung vào việc phát triển nhà thờ, và tôi đã đến tham dự vì tôi thực sự quan tâm tới việc xây dựng một nhà thờ mới.

Hội nghị bắt đầu vào thứ Hai và dự kiến kết thúc vào trưa thứ Tư. Vào đêm thứ Ba, tôi cùng đi dạo với một người bạn và cũng là một thành viên điều hành Hiệp hội BGCT tên là J.V. Thomas. Anh thường xuyên đi bộ sau khi phát hiện mình bị bệnh tim, vì thế chúng tôi cùng nhau đi bộ vào đêm cuối cùng của hội nghị.

Vài tháng trước đó, tôi bắt đầu suy nghĩ về việc tôi cần phải tạo lập một giáo đoàn mới. Trước khi tiến hành, tôi cần càng nhiều thông tin càng tốt. Tôi biết là J.V có nhiều kinh nghiệm và hiểu biết về việc thành lập một nhà thờ mới, như bất kỳ ai trong BGCT. Bởi vì anh là người đã tạo dựng thành công rất nhiều nhà thờ tại Texas, hầu hết chúng tôi đều công nhận anh là chuyên gia về lĩnh vực này. Khi chúng tôi đi bộ cùng nhau trong đêm hôm đó, chúng tôi đã nói chuyện rất nhiều với nhau về việc tạo dựng nhà thờ mới của tôi, khi nào nên bắt đầu, và xây dựng ở đâu. Tôi muốn biết về những khó khăn cũng như nguy cơ có thể gặp để phòng tránh. Anh không những đã trả lời hàng nghìn câu hỏi của tôi mà còn đưa ra nhiều vấn đề mà tôi không ngờ tới.

Chúng tôi đã đi bộ và nói chuyện trong suốt một giờ đồng hồ. Mặc cho thời tiết hôm đó rất lạnh và mưa chúng tôi đã có khoảng thời gian tuyệt vời bên nhau. J.V nhớ rất rõ thời khắc đó.

Tôi cũng vậy, nhưng vì một lý do khác: Đó là lần cuối cùng tôi có thể đi bộ bình thường.

Sáng thứ Tư, thời tiết rất xấu. Trời mưa không dứt. Nếu nhiệt độ chỉ xuống thêm vài độ nữa là chúng tôi không thể di chuyển được bởi mọi thứ dường như đóng băng.

Những cuộc họp vào buổi sáng diễn ra đúng kế hoạch. Diễn giả cuối cùng đã làm một việc rất ít tu sĩ Tin Lành khác thường làm - đó là ông kết thúc bài diễn thuyết của mình sớm hơn dự kiến. Thay vì ăn sáng, các nhân viên phục vụ tại Trinity Pines phục vụ bữa ăn giữa buổi vào lúc 10 giờ 30 phút sáng. Tôi thu xếp hành lý của mình từ tối hôm trước, vì thế mọi thứ đã sẵn sàng trong chiếc Ford màu đỏ đời 1986 của mình.

Ngay sau khi kết thúc bữa ăn giữa buổi, tôi chào tạm biệt bạn bè và lên đường tới nhà thờ Tin Lành South Park ở Alvin - nơi tôi là mục sư.

Khi khởi động xe, tôi nhớ lại ba tuần trước đó tôi đã bị phạt vì không chịu thắt dây an toàn. Lúc đó, tôi đang trên đường đến cầu nguyện cho một người bạn người đang trải qua ca phẫu thuật cổ họng hiểm nghèo. Cảnh sát Texas đã chặn xe tôi lại. Tờ giấy phạt vẫn còn đang ở trên ghế sau, nhắc tôi phải nộp phạt càng sớm càng tốt khi tôi trở về Alvin. Tôi thường không thắt dây an toàn cho tới khi nhận được tờ giấy phạt này, nhưng sau đó tôi đã thay đổi.

Khi nhìn vào tờ hoá đơn phạt tôi trầm nghĩ: “Mình không muốn bị phạt thêm một lần nữa”. Vì thế, tôi cẩn thận thắt dây an toàn. Hành động nhỏ này có lẽ là một quyết định vô cùng quan trọng.

Có hai con đường về Houston và đi đến Alvin. Ngay khi tôi đến cổng của Trinity Pines, tôi đã chọn hoặc là xuyên qua Livingston và xuống đường cao tốc 59 hoặc là đi theo hướng Tây đến Huntsville và thẳng đường I-45, thường được gọi là đường cao tốc vùng Vịnh (Gulf Freeway). Con đường nào cũng xa như nhau. Mỗi lần đến và rời Trinity Pines tôi thường lái xe theo Đại lộ 59. Sáng hôm đó, tôi lại chọn đường cao tốc vùng Vịnh.

Tôi thấy nhẹ nhõm khi chúng tôi đã kết thúc sớm. Đó là khoảng gần 11 giờ trưa, vì thế tôi có thể về đến nhà thờ của mình lúc 2 giờ. Một vị mục sư đáng kính đã dẫn đầu một đoàn đến Miền Đất Thánh nên tôi phải có trách nhiệm tiến hành buổi lễ giữa tuần tại nhà thờ South Park. Ông cũng yêu cầu tôi giảng bài trong hai Chủ nhật tiếp theo. Tối hôm đó sẽ là buổi cầu nguyện nên việc chuẩn bị rất ít, nhưng hai buổi giảng vào ngày Chủ nhật thì tôi cần có nhiều thời gian hơn.

Trước khi rời Alvin, tôi đã viết một bản sơ lược cho buổi giảng vào Chủ nhật đầu tiên với tiêu đề là: “Tôi tin tưởng vào Người”. Khi lái xe tôi đã dự định sẽ xem lại bài kinh và đánh giá bài viết mà tôi đã chuẩn bị từ trước.

Rất nhiều lần từ đó trở về sau, tôi suy nghĩ về quyết định chọn con đường vùng Vịnh. Thật ngạc nhiên là hầu như chúng ta không bao giờ để ý đến những điều chúng ta đã quyết định. Tuy nhiên, tôi luôn nhắc nhở mình rằng ngay cả quyết định nhỏ nhất cũng luôn để lại kết quả lâu dài về sau. Đây cũng là một quyết định như vậy.

Tôi rời Trinity Pines, rẽ phải, và hướng xuống đường cao tốc 19. Con đường này sẽ dẫn tôi tới Huntsville và giao với đường I-45, hướng về Houston. Tôi lái xe một lát thì tới vùng hồ Livingston - một cái hồ nhân tạo nhờ việc xây dựng đập ngăn sông Trinity. Trước đây nó là đáy sông, giờ trở thành một vùng hồ rộng lớn tuyệt đẹp. Bắc ngang qua hồ Livingston là con đường hai làn xe. Con đường không có rào chắn nên nó rất hẹp. Tôi phải lái xe qua một hồ nước lớn trên con đường dài và hẹp để sang được bờ bên kia. Tôi chẳng có linh cảm gì khi đi qua con đường này, ngoại trừ ý nghĩ con đường không có rào chắn.

Cuối đường cao tốc vượt qua hồ là cây cầu cũ bắc qua sông Trinity. Ngay sau cây cầu, con đường trở nên rất dốc, gần như dựng đứng vì đây là lòng sông Trinity. Chính vì độ dốc này mà tầm nhìn trên đường hầu như bằng không, gây khó khăn rất nhiều cho lái xe từ cả hai hướng.

Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy cây cầu, nó đẹp tuyệt vời. Tôi không hiểu biết nhiều về các nhịp cầu nhưng tôi nhận thấy đây là cây cầu khá dài. Đó là một cây cầu rất lớn, đã cũ với cầu trúc thép to đã gỉ sét. Tôi hầu như không nhìn thấy gì ngoài một phần con đường phía trước, và dĩ nhiên là tôi cũng không có ý niệm về bất kỳ chiếc xe nào phía trước. Đó là một cây cầu nguy hiểm, như tôi phát hiện ra sau này, rất nhiều tai nạn đã xảy ra tại đây. (Bây giờ cây cầu không được sử dụng nữa nhưng nó vẫn đứng đó. Chính quyền bang đã cho xây dựng cây cầu khác ở bên cạnh cây cầu này).

Tôi lái xe chừng 30 giờ vì con đường này khá nguy hiểm và không quen với tôi. Tôi hơi co vai lại vì không khí khá lạnh ngoài trời. Gió mạnh khiến cho buổi sáng trở nên lạnh hơn bình thường. Trời mưa và mây đen xám xịt. Tôi cảm thấy vui vì cuối cùng cũng đã tới được Alvin. Đó là lúc 11 giờ 45 phút sáng, ngay khi tiến gần tới phía đông cây cầu thì một chiếc xe tải hạng nặng 18 bánh do một người tù lái xe của Cơ quan Truy lùng Tội phạm thuộc bang Texas vượt qua đường kẻ chắn ở giữa và đâm vào xe của tôi. Chiếc xe tải ép chiếc xe hơi nhỏ của tôi vào giữa đường ray của cầu và bên kia của xe. Toàn bộ bánh trước của xe tải trù lên phía trên chiếc xe hơi nhỏ và nghiền nát nó.

Tôi chỉ nhớ một phần tai nạn, còn hầu hết thông tin là do mọi người kể lại cho tôi nghe. Từ miêu tả của những người chứng kiến tai nạn, chiếc xe tải đổi hướng sang một bên cầu và va chạm vào hai chiếc xe khác. Cả hai chiếc này đều ở phía trước của xe tải và chạy vượt qua xe tôi theo hướng ngược lại. Báo cáo của cảnh sát cho biết, xe tải đi rất nhanh và vận tốc gây tai nạn là ít nhất là 36 km/giờ, người lái xe thiếu kinh nghiệm nên gần đến cuối cầu mới dừng xe được.

Một thanh niên gốc Việt Nam đang lái chiếc xe bị đâm và một người đàn ông gốc Cáp-ca điều khiển chiếc xe còn lại. Mặc dù cả hai lái xe đều bị choáng nhưng họ chỉ bị xây sát, thâm tím nhẹ. Họ từ chối cứu chữa nên các nhân viên y tế không chuyển họ tới bệnh viện.

Các báo cáo về vụ tai nạn cho thấy tốc độ va chạm tại thời điểm đó là 66 km/giờ. Vì vậy, khi chiếc xe đâm vào tôi chạy với tốc độ là 36 km/giờ, và xe của tôi thì đang đi ở tốc độ 30 km/giờ. Người lái xe thiếu kinh nghiệm đã bị phạt vì tội không thể làm chủ tốc độ xe. Thông tin sau này cho thấy anh ta không hề có bằng lái xe tải. Người phụ trách của nhà tù đã hỏi ai xung phong lái chiếc xe tải đi lấy thức ăn. Và bởi vì người đàn ông này là người duy nhất xung phong, nên anh ta được chọn. Có hai người bảo vệ đi theo anh ta trong chuyến đi lấy thực phẩm này.

Sau tai nạn, người lái xe tải không bị thương. Xe tải của nhà tù cũng không bị hư hại nhiều. Tuy thế, chiếc xe tải hạng nặng đã đâm vào chiếc xe Ford của tôi và đẩy nó ra khỏi con đường hẹp nhưng rào chắn trên cầu đã ngăn chiếc xe của tôi khỏi lao xuống hồ.

Theo những người có mặt tại hiện trường, hai người bảo vệ trên chiếc xe tù đã gọi cho bộ phận y tế của nhà tù, và họ đến chỉ sau vài phút. Một nhân viên y tế kiểm tra tình trạng của tôi, không thấy mạch đập và tuyên bố rằng tôi đã chết ngay.

Tôi cũng không nhớ chút gì về vụ va chạm của tai nạn hay những gì xảy ra sau đó.

Trong giây phút vô cùng mãnh liệt và chấn động, tôi đã chết.

Chương 2

THỜI GIAN TRÊN THIÊN ĐÀNG

Ông sợ hãi nói: "Nơi này thật đáng kính sợ. Đây chính là nhà của Đức Chúa Trời, là cổng trời!"

Genesis 28:17

Khi chết, tôi đã không trôi theo đường hầm dài và tối đen nào cả. Tôi không có cảm giác nhòa đi hay quay trở lại. Tôi cũng không cảm thấy thân thể của mình chuyển dời đi trong ánh sáng. Tôi không nghe thấy tiếng gọi tôi hay bất kỳ âm thanh nào khác. Bất chợt những gì còn lại mà tôi thấy chỉ là cây cầu và cơn mưa, với một thứ ánh sáng hoàn hảo của trái đất mà tôi chưa bao giờ thấy. Chỉ vậy thôi.

Vào phút giây tôi nhận thức được, tôi đang đứng trên thiên đàng.

Tôi cảm thấy rất thích thú với những gì xung quanh tôi, và lúc đó tôi nhìn thấy một nhóm rất đông người. Họ đứng trước một cánh cửa rất đẹp và rực rỡ. Tôi cũng không nhận thấy là họ đứng cách tôi bao xa, dường như ở đây khoảng cách không còn nghĩa lý gì nữa. Khi đám đông tiến gần về phía tôi, tôi không nhìn thấy Chúa, nhưng tôi nhìn thấy những người mà tôi quen biết. Khi họ lại gần phía tôi, tôi nhận ra hầu hết mọi người và họ đều đã chết. Sự hiện diện của họ ở đây là hoàn toàn tự nhiên.

Họ tiến gần về phía tôi đang đứng, ai cũng mỉm cười, và cầu nguyện Chúa. Từ trong nhận thức của mình, tôi hiểu họ đang chào mừng tôi. Như thể họ đang tụ tập tại cổng thiên đàng và đợi tôi.

Người đầu tiên mà tôi nhận ra là Joe Kullbeth - ông của tôi. Ông trông hệt như những gì tôi vẫn thường nhớ đến, với mái tóc màu sáng và cái mũi tôi luôn gọi là “quả chuối to tướng”. Ông bắt ngừng dừng lại và đứng trước mặt tôi, miệng cười rộng ngoác. Hình như tôi có gọi tên ông.

“Donnie!” (Ông vẫn thường gọi tôi như thế). Hai mắt ông chớp chớp, ông dang hai tay ra khi bước đến gần tôi hơn nữa. Ông ôm tôi thật chặt. Ông vẫn là ông nội mạnh khỏe và tràn đầy sức sống mà tôi từng biết khi tôi mới chỉ là đứa trẻ.

Tôi luôn ở bên cạnh ông khi ông bị đau tim và cùng ông trên chiếc xe cấp cứu đến bệnh viện. Tôi đã đứng hàng giờ ngoài phòng cấp cứu tại bệnh viện cho đến khi bác sĩ bước ra, lắc đầu và nói: “Chúng tôi đã làm tất cả những gì có thể!”

Ông buông tôi ra, tôi nhìn kỹ vào khuôn mặt ông, một cảm giác sung sướng tột cùng xâm chiếm tôi. Tôi chẳng nghĩ gì về bệnh tim của ông, chẳng nghĩ về cái chết của ông, chỉ còn lại niềm vui đoàn tụ với ông mà thôi. Chúng tôi đã tới thiên đàng bằng cách nào cũng chẳng quan trọng nữa.

Tôi không biết tại sao ông là người đầu tiên tôi gặp. Có lẽ, bởi khi ông mất tôi là người luôn ở bên cạnh. Ông không phải là người có ảnh hưởng lớn nhất với tôi về mặt tinh thần, nhưng về mặt nào đó ông lại ảnh hưởng tích cực tới tôi.

Sau khi được ông ôm, tôi không nhớ là mình đã ôm ai tiếp theo. Cả một đám đông, một số thì ôm, số khác thì hôn vào má tôi, bắt tay tôi và lắc thật mạnh. Chưa bao giờ tôi cảm thấy mình được yêu thương nhiều đến thế.

Một người trong đám đông mà tôi chú ý là Mike Wood - người bạn thừa thiếu thời của tôi. Mike là một người bạn đặc biệt của tôi vì anh ấy đã mời tôi tới lớp học giáo lý Chủ nhật và là người có ảnh hưởng tới việc tôi trở thành người theo đạo Cơ Đốc. Mike là một con chiên ngoan đạo trẻ tuổi nhất mà tôi từng biết. Anh ấy cũng là người rất nổi tiếng ở trường và được tặng huy hiệu trong suốt bốn năm vì đã đạt thành tích môn bóng rổ, bóng bàn, bóng tròn. Thật là một thanh niên có nhiều kỳ tích. Đối với tôi, anh ấy là một anh hùng vì anh đã sống theo đúng nghĩa của một người Cơ Đốc giáo. Anh ấy đã giành được học bổng toàn phần tại trường Đại học bang Louisiana sau khi học xong trung học. Anh đã chết trong tai nạn xe hơi. Cái chết của anh khiến trái tim tôi tan nát và phải mất thời gian dài tôi mới vượt qua được nỗi buồn mất đi người bạn thân thiết. Cái chết của anh là cú sốc đau đớn nhất mà tôi từng trải qua trong cuộc đời.

Tôi đã tự hỏi liệu tôi có thể ngừng khóc vì nhớ anh khi tôi tham dự lễ tang. Tôi không hiểu tại sao Chúa lại cướp đi con người tuyệt vời đến thế. Trải qua từng ấy năm tôi vẫn không thể nào quên được nỗi đau và cảm giác mất mát. Tôi luôn nghĩ về anh và mỗi khi nghĩ về anh, nỗi buồn lại xâm chiếm lấy tôi.

Giờ đây, tôi nhìn thấy Mike ở trên thiên đàng. Khi anh vòng tay qua vai ôm lấy tôi, nỗi đau và buồn thương trong tôi hoàn toàn biến mất. Tôi chưa bao giờ thấy Mike cười tươi như lúc này. Tôi cũng không hiểu lý do tại sao, nhưng niềm vui nơi đây đã xoá tan mọi thắc mắc trong tôi. Mọi thứ đều tuyệt vời. Thật là hoàn hảo!

Ngày càng có nhiều người tiến về phía tôi và gọi tên tôi. Tôi cảm thấy thật sung sướng vì có rất nhiều người chào mừng tôi đến thiên đàng. Có rất nhiều người và ai cũng hạnh phúc khi ở đây. gương mặt họ luôn thể hiện sự thanh thản mà tôi chưa bao giờ thấy khi họ còn sống. Tất cả đều tràn đầy sức sống và sáng lên niềm vui.

Thời gian chẳng có ý nghĩa gì ở đây cả. Tuy vậy, để rõ ràng hơn, tôi sẽ liên hệ kinh nghiệm này với một vài mốc thời gian.

Tôi nhìn thấy cụ tôi, nghe thấy giọng của cụ, và cảm nhận cái ôm thật chặt của cụ khi cụ nói rằng mọi người rất vui gặp tôi ở đây, gia nhập vào thiên đàng. Tôi thấy Barry Wilson,

người bạn học cùng lớp với tôi thời trung học nhưng sau đó đã bị chết đuối. Barry ôm tôi, nụ cười ngời sáng trên khuôn mặt. Anh và mọi người sau đó đều cầu nguyện Chúa Trời và nói với tôi họ vui mừng biết bao khi tôi ở đây với họ.

Ngay sau đó, tôi nhận ra hai giáo viên, những người đã rất yêu quý tôi và thường nói với tôi về Thiên Chúa. Khi tôi đi dạo với họ, tôi cảm nhận sâu sắc sự khác biệt về tuổi tác - những người trẻ tuổi, những người đã già và những người ở khoảng giữa. Rất nhiều người khi còn sống không quen biết nhau, nhưng mỗi người đều ảnh hưởng tới tôi ở mặt này hay mặt khác. Thậm chí, họ chưa bao giờ gặp nhau trên trái đất, nhưng ở đây dường như họ đã biết nhau rồi.

Khi tôi cố lý giải điều này, tôi không thể nào tìm được từ ngữ tương đương, bởi vì tôi sử dụng từ ngữ thường dùng ở trái đất để diễn tả niềm sung sướng khó tưởng tượng được khi ở nơi đây, sự hân hoan, âm cúng, và niềm hạnh phúc trọn vẹn. Mọi người tiếp tục ôm hôn tôi, chạm vào tôi, nói chuyện với tôi, cười với tôi và cầu nguyện Chúa Trời. Điều này dường như diễn ra rất lâu, nhưng tôi lại cảm thấy không hề mệt mỏi gì cả.

Bố tôi là một trong số 11 người con của ông tôi. Các bác, các cô của tôi có tất cả 13 người con. Khi tôi còn nhỏ, những cuộc họp mặt gia đình đông đúc như vậy thường diễn ra ở công viên thành phố Monticello, Arkansas. Chúng tôi, con cháu nhà Piper, luôn triu mến ôm hôn, mỗi khi chúng tôi có dịp gặp mặt. Tuy vậy, chưa có buổi họp mặt gia đình nào mà nhiều những khuôn mặt thánh thiện và thân mến như tôi được trải nghiệm ở đây - công thiên đàng.

Những người tập họp ở Monticello cũng giống như nhiều người đang đợi tôi ở công thiên đàng. Thiên là rất nhiều điều kỳ diệu, và chẳng cần nghi ngờ gì nữa, thiên đàng là sự họp mặt của gia đình lớn cho tất cả mọi người.

Những gì tôi trải qua giống như bữa tiệc sang trọng nhất của cảm giác. Tôi chưa bao giờ cảm nhận được nhiều năng lượng yêu thương và chứng kiến nhiều điều tuyệt vời đến thế. Ánh sáng và khung cảnh nơi đây thách thức con mắt hay những lời giải thích trần thế. Sự ấm áp, ánh sáng rực rỡ nhấn chìm tôi. Tôi hầu như khó nắm bắt được hết màu sắc chói sáng và đầy sức sống quanh tôi. Mỗi màu sắc và âm thanh đều vượt qua cả những gì mà tôi từng chứng kiến.

Tôi cảm thấy tôi chưa từng nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy bất kỳ thứ gì thật đến thế. Tôi không thể nhớ nổi là mình đã nếm trải điều gì tuyệt vời, từng uống thứ gì hay ăn món ăn nào tuyệt vời hơn thế. Cách tốt nhất để tôi giải thích điều này là tôi thấy mình như đang ở trong chiều hướng khác của cuộc sống.

Chương 3

ÂM NHẠC ĐIỀU KỲ

Lúc ấy, tôi nhìn xem và nghe tiếng của nhiều thiên sứ quanh ngài, các sinh vật và trưởng lão, số thiên sứ đông hàng muôn hàng triệu.

Revelation 5:11

Như một cậu bé, tôi đã đi dạo trong rừng và trên cánh đồng. Khi đi qua những vùng cỏ khô, cao ngang ngực tôi ngạc nhiên vì nhìn thấy một đàn chim và đã xua chúng bay ra khỏi những cái tổ chim nằm sát mặt đất. Tiếng lũ chim xen lẫn tiếng vỗ cánh khi chúng bay đi.

Ký ức sống động nhất về thiên đàng chính là những gì mà tôi nghe được. Tôi chỉ có thể miêu tả những điều đó như là một âm thanh sột soạt của tiếng vỗ cánh.

Tôi nhận thấy trong không trung tràn ngập âm thanh vui vẻ, âm điệu nhẹ nhàng và tôi không hề bị sao lãng những nhận thức rõ ràng của mình. Tôi cảm thấy như thể dàn nhạc trên thiên đàng đã thấm thấu vào từng tế bào trong cơ thể tôi. Cùng thời gian đó, tôi vẫn tập trung vào mọi thứ xung quanh mình.

Tôi không hề thấy nhạc cụ nào cả. Tôi có cảm giác rằng mọi thứ âm nhạc trên thiên đàng đều phát ra từ phía trên tôi, nhưng tôi không hề nhìn lên. Tôi cũng không hiểu lý do tại sao. Nhưng có lẽ là do mình quá yêu mến những người đang vây quanh mình lúc đó, nhưng cũng có thể là do tôi quá tập trung vào những cái khác hấp dẫn xung quanh lúc đó. Tôi không hỏi gì và cũng không kinh ngạc về bất cứ thứ gì. Mọi thứ đều hoàn hảo. Tôi cảm thấy mình biết mọi điều và chẳng có gì phải băn khoăn, hỏi han cả.

Âm thanh tràn ngập trong tâm trí và trái tim tôi đến nỗi thật khó để giải thích về chúng. Tuy vậy, có lẽ âm thanh ấn tượng nhất là tiếng đập cánh của những thiên thần. Tôi không nhìn thấy họ, nhưng âm thanh ấy thật tuyệt vời, âm thanh ấy tạo thành điệu nhạc điệu dàng uyển chuyển và dường như chẳng bao giờ dứt. Những âm thanh ấy cứ vang lên nhiều lần, cứ như thể đó là lời nguyện cầu không bao giờ kết thúc. Khi lắng nghe, tôi chỉ biết như vậy.

Âm thanh nữa đọng lại trong tôi, cho đến tận hôm nay, là một giọng hát đơn, tôi cảm thấy đó là một trải nghiệm lung linh huyền diệu nhất mình từng trải qua trên thiên đàng. Tôi gọi nó là âm nhạc, nhưng nó khác tất cả những gì tôi đã nghe thấy trên trần gian. Âm điệu nguyện cầu và ngợi ca vang lên khắp nơi. Những âm thanh không dứt và nhiều giai điệu khác nhau đã khiến tôi đắm chìm trong đó.

Lời ngợi ca Chúa dường như cũng dài vô tận, nhưng điều gây ấn tượng nhất với tôi là hàng trăm bài hát cùng được hát lên - tất cả những bài hát này đều ngợi ca Người. Khi tôi đến gần cánh cửa lớn vô cùng đẹp đẽ, tôi nghe thấy những lời ngợi ca từ khắp mọi hướng và nhận ra rằng mỗi lời hát đều đang nguyện cầu Chúa Trời. Tôi viết là “mỗi giọng”, nhưng từ này không thể

hiện hết ý của tôi. Một số âm thanh phát ra từ những nhạc cụ, nhưng tôi không chắc lắm - và tôi cũng không băn khoăn nhiều về điều đó. Những lời nguyện cầu ở khắp nơi, và tất cả đều được thể hiện bằng âm nhạc, có cả giai điệu, âm thanh tôi chưa từng nghe.

“Hallelujah^ω”, “Đội ơn Chúa”, “Vinh quang thuộc về Người” “Đội ơn nhà vua”! Những lời ấy văng lên trong giai điệu êm ái của âm nhạc. Tôi không biết liệu các thiên thần có phải là đang ca hát hay là âm nhạc ấy là do con người hát lên. Tôi chợt cảm thấy hoảng sợ không thể nhìn ra xung quanh. Tim tôi thất lạc với niềm vui khôn tả. Tôi không phải là một thành viên trong nhóm cầu nguyện, nhưng tôi cảm thấy như trái tim mình rộn ràng lên với niềm hân hoan và vui sướng.

Nếu chúng ta cùng bật ba chiếc máy CD, chúng ta sẽ chỉ thấy chói tai với những thứ âm thanh hỗn tạp không thể nào chịu nổi, có khi chúng ta sẽ bị điên lên vì hồi âm đó. Nhưng âm nhạc ở đây hoàn toàn khác biệt. Mỗi thanh âm đều rất nhẹ, và mỗi giọng hát, mỗi nhạc cụ lại cộng hưởng với những âm thanh khác.

Thật lạ là, tôi không thể nào phân biệt được mỗi bài hát. Nhưng mỗi lời hát tán tụng ngợi ca Người đều có ý nghĩa với tôi khi tôi càng tiến gần tới cánh cổng thiên đàng. Rất nhiều bài Thánh ca và lời hát tôi đã hát nhiều lần, đã nghe nhiều lần trước đây. Những lời thánh ca, bài đồng ca hiện đại, và bài hát đồng dao rất cổ xưa mang đến cho tôi không chỉ cảm giác an lành mà còn đem lại cho tôi cảm giác vui sướng khó tả mà tôi chưa bao giờ trải qua.

Khi tôi đứng trước cổng thiên đàng, tôi chẳng nghĩ gì cả, nhưng sau đó tôi nhận ra mình không hề nghe một bài hát nào như là: *Thập tự xưa* hay *Bàn tay mang dấu đinh*. Chẳng có bài thánh ca nào vang lên nói về sự hy sinh và cái chết của chúa Giêsu. Tôi chẳng nghe thấy bài hát buồn bã nào cả, và cố tình nghe nhưng chẳng thấy bài hát buồn nào trên thiên đàng. Tất cả những lời ngợi ca Chúa Trời như là “Vua của Các Vua” và sự thờ phụng của chúng ta về tất cả những gì Người đã làm cho chúng ta và Người thật là tuyệt vời.

Nhạc điệu diệu kỳ ở đây hơn hẳn những gì tôi được nghe trước đây. Tôi không thể đếm nổi bao nhiêu bài hát - có lẽ là hàng ngàn - được hát lên đồng thời và chẳng hề có sự hỗn loạn trong đó, bởi vì tôi có khả năng phân biệt từng giai điệu một và nhận ra từng điệu hát, từng nốt nhạc.

Tôi thực sự kinh ngạc trước những giai điệu đẹp đẽ. Dù không phải là người có giọng hát tốt, nhưng tôi biết nếu tôi có hát thì giọng tôi cũng sẽ rất chuẩn và êm ái, du dương như thể có hàng trăm nghìn giọng hát và nhạc cụ khác cùng vang lên trong tôi.

Ngay cả đến tận bây giờ, khi đã quay lại trái đất, thỉnh thoảng tôi vẫn nghe văng vẳng những giọng hát và giai điệu của thứ âm nhạc ấy. Đặc biệt, khi tôi mệt và nằm nhắm mắt trên giường, chìm dần vào giấc ngủ thì trái tim và trí óc tôi tràn ngập tiếng nhạc trên thiên đàng. Dù một ngày của tôi qua đi có khó khăn đến mấy thì an lành lập tức lại tràn ngập trong mỗi tế bào trong cơ thể tôi. Tôi vẫn còn giữ hồi tưởng đó, dù có vẻ chúng không giống như những gì ta thường nghĩ. Những hồi tưởng của tôi chứa đựng nhiều âm nhạc hơn là hình ảnh ký ức.

Thật lạ lùng, khi tôi suy ngẫm về ý nghĩa của những ký ức âm nhạc. Tôi đã nghĩ rằng kỷ niệm đáng nhớ nhất có lẽ phải là điều gì đó liên quan tới những tình cảm thân thương khi tôi

nhìn thấy hay ôm hôn người thân yêu của mình. Nhưng trên tất cả những điều đó, tôi lại ấp ủ trong lòng những thanh âm. Đôi khi tôi nghĩ, tôi không thể kiên nhẫn ngồi đợi để được đến tận nơi nghe những giai điệu đó thêm một lần nữa. Đó chính là những gì mà tôi mong đợi. Tôi muốn gặp tất cả mọi người, nhưng tôi biết rõ là mãi mãi tôi không bao giờ rời xa họ. Tôi muốn trải nghiệm mọi thứ trên thiên đàng, nhưng hơn tất cả, tôi muốn nghe những bài hát dường như chẳng bao giờ dứt ấy.

Rõ ràng là tôi thực sự không biết Chúa cảm thấy thế nào, nhưng tôi thấy vui và hạnh phúc khi nghĩ rằng chắc hẳn Người rất hài lòng và hạnh phúc khi được nghe những lời ca ngợi không bao giờ dứt ấy.

Trong phút giây ấy - họ giữ cho tôi không có khái niệm về thời gian - họ đã chạm vào tôi, những vòng tay yêu thương và ấm áp hoàn toàn là có thật. Tôi nhìn thấy sắc màu mà tôi từng tin là nó không bao giờ tồn tại. Tôi chưa bao giờ cảm thấy sự sống tràn trề như tôi đã cảm thấy lúc đó.

Tôi đã về nhà, tôi trở về nơi mà tôi thuộc về. Tôi muốn ở nhà hơn bất cứ nơi nào trên thế giới. Tôi đã từng có mặt trên thiên đàng. Mọi lo lắng, căng thẳng và sầu muộn biến mất. Tôi chẳng còn nhu cầu nào cả, tôi cảm thấy thật là hoàn hảo.

Tôi cảm thấy tức giận khi có ai đó đòi tôi miêu tả thiên đàng thế nào, bởi vì tôi không thể bắt đầu bằng việc mô tả rằng trông nó giống như thế này, thế kia... Thiên đàng thật hoàn hảo, và tôi biết rằng mình không cần và chẳng bao giờ được như thế một lần nữa. Tôi thậm chí còn không nghĩ về trái đất hay những người ở.

Tôi không hề nhìn thấy Chúa. Dù tôi biết rằng Người đang ở đó, tôi cũng không nhìn thấy bất kỳ thứ gì hay hình ảnh nào gợi lên sự hiện diện thần thánh của Người. Tôi nghe thấy mọi người nói về việc đi vào và quay trở ra phía cổng thiên đàng. Nhưng điều đó lại không xảy ra với tôi.

Tôi chỉ nhìn thấy một chùm ánh sáng ngũ sắc. Nhìn chăm chú qua cánh cổng tôi cố gắng tìm hiểu xem cái gì nằm ở phía sau cánh cổng. Đó không phải là mong mỏi trong lo sợ mà là sự cởi mở rất an bình để trải nghiệm tất cả cảm giác thanh nhã và niềm vui của chốn thiên đàng.

Cách duy nhất để khiến một phần trải nghiệm có ý nghĩa là suy nghĩ rằng nếu tôi thực sự thấy Chúa thì tôi sẽ chẳng bao giờ muốn trở về. Cảm giác của tôi là một khi chúng ta thấy rõ sự hiện diện của Chúa, chúng ta sẽ chẳng muốn quay về trái đất nữa, bởi vì nếu đem so sánh thì thế giới này thật trống rỗng và vô nghĩa.

Đối với tôi, đến gần cổng thiên đàng đã là một điều kỳ diệu. Điều đó như thể là sự tương tượng về niềm vui thần thánh. Tôi chẳng đủ ngôn từ để diễn tả lại những gì đã diễn ra.

Là mục sư, tôi đã nhiều lần đứng trước những chiếc quan tài và làm lễ tại rất nhiều đám tang và cầu nguyện: “Chúa sẽ phù hộ cho những ai biết tôn trọng và quý mến Người”. Tôi đã từng tin tưởng vào những lời này. Và giờ đây tôi còn tin tưởng hơn.

Sau một hồi, chúng tôi bắt đầu di chuyển thẳng tới phía cánh cổng. Không ai nói điều đó, nhưng tôi biết rằng Chúa đã gửi những người này tới để đón tiếp tôi và đưa tôi vào phía trong cánh cổng thiên đàng.

Mờ mờ phía xa, trên đầu đoàn người của chúng tôi là cánh cổng cao cất ngang một bức tường trông không rõ cả từ hai phía. Nó khiến tôi nghĩ rằng lối vào thực sự bé nhỏ hơn rất nhiều so với cánh cổng to lớn. Tôi cố nhìn, nhưng tôi không thể nào nhìn thấy phía cuối của bức tường từ bất kỳ hướng nào. Khi tôi cố gắng nhìn lên tôi cũng không thể nhìn thấy phía trên tường.

Có một thứ làm tôi ngạc nhiên: Trên trái đất, mỗi khi nghĩ về thiên đàng tôi đoán rằng ngày nào đó tôi sẽ nhìn thấy cánh cổng làm bằng ngọc trai bởi vì trong kinh thánh có đề cập đến những cánh cổng bằng ngọc trai. Cánh cổng không chỉ bằng ngọc trai, mà còn phát ánh sáng ngũ sắc và thậm chí là hơn thế nữa. Đối với tôi, nó giống như là có ai đó đã trải lớp ngọc trai óng ánh lên một cái bánh. Cánh cổng thật lung linh rực rỡ.

Tôi dừng lại và ngắm nhìn những dải cầu vồng rực rỡ đầy màu sắc. Quang cảnh sáng chói làm chói mắt tôi, và tôi sẽ cảm thấy rất vui nếu được ở trên quãng sáng đó. Tuy vậy, tôi vẫn tiến lên phía trước như thể được hộ tống tới nơi Chúa hiện hữu. Tôi dừng lại ở ngay trước cổng, và lúc này tôi có thể nhìn vào bên trong. Cảnh tượng giống như một thành phố với những đường phố được lát gạch. Tôi cực kỳ kinh ngạc khi thấy dường như nó được xây bằng vàng. Nếu bạn có thể tưởng tượng một đường phố được lát gạch bằng vàng thật, thì đó chính là những gì tôi muốn nói đến đang nằm phía bên kia của cánh cổng.

Mọi thứ tôi thấy đều sáng chói - sáng như chưa bao giờ tôi thấy sáng đến thế - và đầy sức mạnh đến nỗi con người ở trái đất có lẽ không thể nào hiểu được thứ ánh sáng diệu kỳ đó.

Trong khi đang cảm nhận cảnh tượng hùng vĩ như vậy thì chân tôi vẫn bước tiếp đến gần hơn phía cánh cổng tôi và nhận ra là mình sẽ đi vào bên trong nó. Bạn bè, người thân, tất cả đang đứng ở phía trước, mời gọi, thúc giục tôi đi theo họ.

Sau đó, cảnh vật liền thay đổi. Tôi chỉ có thể lý giải điều này rằng, thay vì đứng trước tôi thì những bạn bè người thân của tôi đứng phía sau lưng tôi. Tôi có cảm giác như là họ muốn bước bên tôi khi tôi vượt qua cánh cổng đầy màu sắc đó.

Thình thoảng, mọi người có hỏi tôi: “Lúc đó làm thế nào mà anh di chuyển được? Anh đi bộ hay là lướt nhẹ như đi thuyền?”. Tôi không biết. Tôi chỉ di chuyển theo đám đông chào đón mình. Khi chúng tôi tới gần cánh cổng, âm nhạc to hơn và vô cùng sống động như thể là bạn đang bước đi trong cảnh tượng huy hoàng. Chúng tôi càng gần cánh cổng thì mọi thứ càng hiện ra rực rỡ, sáng chói và sống động hơn. Ngay khi tôi tiến tới cánh cổng, các giác quan của tôi dường như được mở rộng hết sức và tôi cảm thấy cực kỳ phấn chấn, ngây ngất vì hạnh phúc.

Tôi dừng lại - cũng không chắc là vì sao - ở ngay bên ngoài cánh cổng. Tôi rất hồi hộp với những cảnh tượng bên trong, vì vậy rất muốn được đi vào bên trong. Tôi biết mọi thứ còn thú vị hơn nhiều những gì mà tôi đã trải qua. Ngay tại thời điểm đó tôi như sắp nhận ra niềm ước vọng của mỗi trái tim con người. Tôi đang ở trên thiên đàng và sẵn sàng đi qua cánh cổng khám trai lấp lánh kia.

Trong suốt phút giây dừng lại đó, mọi thứ khác đã thay đổi. Thay vì chỉ lắng nghe âm nhạc và hàng ngàn những lời xưng tụng Chúa, tôi đã trở thành một phần của dàn đồng ca. Tôi là một trong số họ, và họ tiếp nhận tôi. Tôi đã đến nơi mà tôi mong muốn đến trong một thời gian rất dài; tôi nán lại ít giây để nhìn ngắm xung quanh trước khi tiếp tục bước đi. Sau đó, ngay khi tôi đến cánh cổng thiên đàng, tôi đột ngột bỏ đi.

Chương 4 TỪ THIÊN ĐÀNG TRỞ VỀ TRÁI ĐẤT

Dù khi tôi đi qua thung lũng chết chóc, tôi sẽ không sợ tai hoạ gì. Vì Ngài ở cùng tôi, cây trượng và cây gậy của Ngài an ủi tôi.

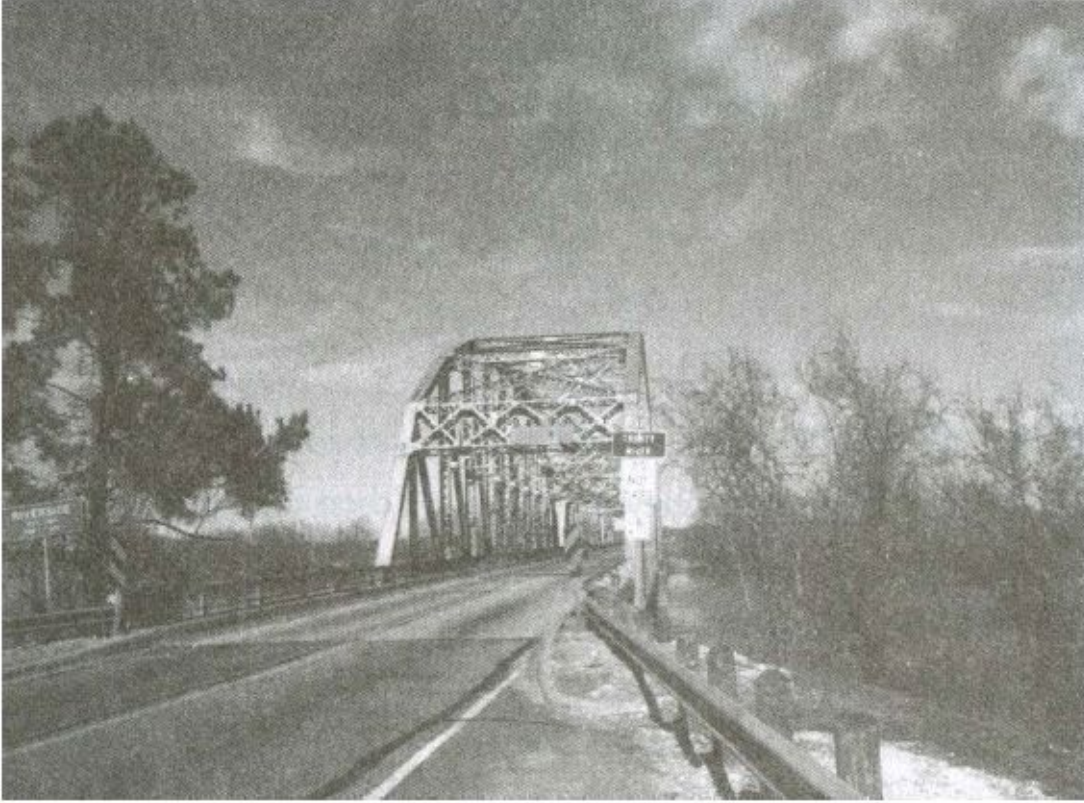
Psalm 23:4

Đội cứu hộ thông báo tôi đã chết ngay sau khi họ đến hiện trường vụ tai nạn. Họ tuyên bố rằng tôi đã chết ngay sau khi tai nạn. Theo báo cáo điều tra, vụ đâm xe xảy ra lúc 11 giờ 45 phút sáng. Những nhân viên cứu hộ đã rất bận rộn với việc đi xem xét những chỗ khác và những người khác nên mãi tới 1 giờ 15 phút chiều họ mới đưa tôi đi. Họ kiểm tra mạch của tôi một lần nữa.

Tôi vẫn chết.



Chiếc xe Ford Escort của Don sau vụ tai nạn.



Hiện trường vụ tai nạn.

Theo luật của bang thì họ phải thông báo tôi chết chính thức trước khi họ đưa xác tôi ra khỏi hiện trường của vụ tai nạn. Nếu họ không thông báo là tôi chết thì xe cứu thương sẽ đưa tôi tới bệnh viện. Tại địa hạt đó không có nhân viên điều tra về những cái chết bất thường như vậy, nhưng sau này tôi mới biết thẩm phán hoà giải mới có thể tuyên bố tôi chết và sau đó người ta mới chuyển xác của tôi đi được.

Các xe cứu thương tới từ nhà tù, từ hạt, và từ Huntsville. Trừ một chiếc còn lại hầu hết tất cả đều đã ra đi mà không mang quay trở lại một bệnh nhân nào. Chiếc cuối cùng chuẩn bị rời đi. Theo những thông tin sau này tôi thu thập được, có ai đó đã sắp xếp một chiếc xe không đánh dấu để chở xác của tôi tới nhà xác.

Họ đã cho gọi một thiết bị thủy lực để đưa tôi ra khỏi chiếc xe dập nát. Bởi vì tôi đã chết nên chẳng cần phải vội vã. Mối quan tâm của họ là làm sao nhanh chóng giải phóng con đường trên cầu cho giao thông thông suốt trở lại.

Khi chiếc xe tải đâm vào một góc và đè thẳng xuống trần xe của tôi, nó đã phá hỏng trần xe, toàn bộ phần trước xe (chấn bùm và đồng hồ) và đè vào chân tôi, nghiền nát chân phải. Chân trái thì gãy thành hai mảnh và văng ra hai nơi giữa ghế ngồi của xe và đồng hồ trên xe. Tay trái nằm phía trên đầu tôi và bị trật khớp, treo lủng lẳng phía sau ghế ngồi. Nó vẫn còn gắn lỏng lẻo với thân người tôi.

Cánh tay trái đó nằm trên cửa ghế ngồi lái, là bởi vì tôi lái xe bằng tay phải. Sau này tôi mới biết, vì xương cánh tay đã bị gãy rời ra, mà phần cánh tay chỉ còn dính một chút với phần tay trên. Chân trái cũng ở trong tình trạng tương tự. Vẫn còn vài mẩu thịt còn dính lại trên chân trái nối các mạch máu với phần da và phía cẳng chân. Khoảng 11 cm phần xương đùi bị mất. Bác sĩ không thể nào giải thích được vì sao mà tôi vẫn không bị mất hết máu trong cơ thể.

Kính và máu bắn tung khắp nơi. Tôi bị rất nhiều lỗ trên mặt vì những mảnh kính sắc cạnh này. Tay lái thì đè vào ngực tôi. Máu rỉ ra từ mắt, mũi và tai của tôi.

Chỉ cần nhìn vào hiện trường của tai nạn, các nhân viên cứu hộ đã biết là tôi phải bị thương vào đầu rất nặng và chắc chắn là nội tạng bên trong của tôi bị đảo lộn hết. Khi một nhân viên cứu hộ không thể tìm thấy mạch của tôi, một nhân viên khác đã lấy một tấm áo mưa trùm lên người tôi, đồng thời cũng trùm lên cả trần xe. Họ không đưa tôi ra ngoài ngay - vì họ cũng không có cách nào, bởi vì họ cũng không thể nào đưa tôi ra khỏi đó mà không có sự trợ giúp của thiết bị thủy lực.

Có một việc giúp đẩy nhanh tốc độ trợ giúp cho việc giải quyết tai nạn là hai nhân viên nhà tù trong xe tải đó đã ngay lập tức gọi cứu hộ từ nhà tù, nếu không thì các trạm cứu hộ khác quá xa nơi xảy ra tai nạn cũng không thể tới cứu chúng tôi nhanh được.

Họ kiểm tra các lái xe của cả hai xe, cả hai đều không bị thương và từ chối những chăm sóc y tế. Người tù đã lái chiếc xe tải không bị thương. Các nhân viên cứu hộ nhận thấy ngay là anh ta không sao, họ chuyển anh ta về nhà tù ngay lập tức. Cảnh sát chặn tất cả các phương tiện giao thông trên cầu và đợi xe cấp cứu tới. Trong khi chờ đợi, hàng đoàn xe bị chặn đứng xếp hàng dài nhiều ki-lô-mét từ hai phía đường, đặc biệt là từ phía mà tôi vừa đi khỏi. Bởi vì, đó là chiếc cầu hai làn chập hẹp không đủ rộng để quay đầu xe. Vì thế, nếu các xe có muốn quay lại thì cũng phải đi thêm 25 đến 30 km nữa để vòng qua con đập hướng tới con đường mà họ muốn đi.

Vượt qua hàng dài những chiếc xe đang đứng nối đuôi nhau, Dick và Anita Onerecker đi bộ ít nhất là nửa ki-lô-mét để đến hiện trường vụ tai nạn. Dick và Anita xây dựng một nhà thờ ở Klein, phía Bắc vùng Houston. Cả hai đều có bài thuyết trình tại hội nghị mà tôi tham gia. Tôi không chắc là chúng tôi đã gặp nhau tại Trinity Pines. Tôi đã nghe nói về Dick Onerecker nhiều năm về trước nhưng chưa bao giờ được gặp. Vào sáng thứ Tư đó, hai vợ chồng nhà Onecker cũng rời Trinity Pines vài phút trước khi tôi đi. Thời tiết ở Houston vào tháng Giêng thường rất lạnh vào buổi sáng. Vì thế, trên đường đi, Anita đã nói: “Em thực sự rất lạnh. Chúng ta nên dừng lại uống cà phê? Như vậy có lẽ sẽ làm em ấm hơn”.

Dick đã dừng lại tại cửa hiệu bên đường ngay bên phải hồ Livingston, vì thế họ chậm hơn tôi. Rõ ràng là khi họ đang uống cà phê, tôi đã vượt qua họ.

Rất nhiều lần sau đó, Dick thường lấy hai tay che lên mặt và nói: “Anh biết không, rất có thể tai nạn đã xảy ra với chúng tôi. Đáng lẽ là chúng tôi, nhưng bởi vì anh đã vượt qua chúng tôi nên anh lại gặp tai nạn”.

Trước khi hai vợ chồng Onecker tới cầu, tai nạn đã xảy ra và hàng dài các phương tiện giao thông bị tắc nghẽn đằng sau. Mọi người đều ra khỏi xe, đi lại, hỏi han và chia sẻ những mẩu thông tin vụn vặt mà họ có được.

Sau khi ra khỏi xe, Dick và Anita hỏi những người lái xe khác: “Chuyện gì đang xảy ra thế?”

Mọi người đều nói là đã có một tai nạn khủng khiếp xảy ra. “Một chiếc xe tải đâm vào một chiếc xe con” là tất cả những gì mà mọi người biết.

Dick và Anita dừng lại vài phút, nhưng không có biến chuyển gì. Những chiếc xe khác cũng dừng lại sau xe của họ mỗi lúc một nhiều thêm. Khoảng 12 giờ 30 phút đến 12 giờ 45 phút họ quyết định đi đến hiện trường vụ tai nạn. Khi nhìn thấy cảnh sát, Dick nói: “Tôi là mục sư. Liệu tôi có thể giúp gì ở đây không? Có ai cần tôi cầu nguyện không?”

Viên cảnh sát lắc đầu nói: “Những người ở hai chiếc xe kia”, anh ta nói và chỉ tay “đang bị choáng một chút nhưng họ đều ổn cả. Hãy nói chuyện với họ nếu anh muốn”.

“Thế còn cái xe kia thì sao? Cái xe với tấm bạt che trên kia kia?”

“Người đàn ông trong chiếc xe đó đã chết rồi”.

Trong khi Dick đang nói chuyện với viên cảnh sát, Anita đưa cốc cà phê của mình cho một người đàn ông đã đứng tuổi.

Dick, sau này kể lại: “Chúa đã nói với tôi rằng: ‘Con cần phải cầu nguyện cho người đàn ông trong chiếc xe màu đỏ’. Dick là một mục sư Tin Lành xuất sắc. Cầu nguyện cho người chết là một việc đi ngược lại với học thuyết của ông. Ông nghĩ: “Mình không thể làm thế. Làm sao mình có thể tới đó và cầu nguyện? Người đàn ông đó đã chết”.

Con mưa dần trở thành mưa bụi, nhưng Dick hoàn toàn không để ý gì đến xung quanh nữa. Dick nhìn chăm chăm vào viên cảnh sát, biết rằng anh ta đang nói chẳng có ý nghĩa gì với mình cả. Vì Chúa đã nói rất rõ ràng với ông rằng ông không được chần chừ về những gì mà ông sắp làm. Chúa đã nói ông cần phải cầu nguyện cho người đàn ông đã chết. Điều này cũng thật kỳ quái đối với ngay cả chính ông, Dick cũng không nghi ngờ rằng Chúa đã thúc giục ông hành động.

Cuối cùng Dick nói với viên cảnh sát: “Tôi muốn cầu nguyện cho người đàn ông trong chiếc xe đó”.

“Như tôi đã nói, anh ta đã chết”.

“Tôi biết rằng điều này nghe thật kỳ lạ, nhưng dù sao tôi vẫn muốn cầu nguyện cho anh ta.”

Viên cảnh sát chăm chăm nhìn ông rất lâu trước khi nói: “Thôi được, nếu đó là những gì ông muốn thì hãy làm đi, nhưng tôi cần phải nói là cảnh tượng rất khủng khiếp. Anh ta đã chết và ở

đó thực sự là một đồng lộn xộn dưới tấm bạt. Máu và kính ở khắp nơi, và thân thể của anh ta thì đã bị đập nát”.

Dick nói: “Tôi đã từng là bác sĩ quân y tại Việt Nam, vì thế máu không thành vấn đề với tôi”.

“Tôi phải cảnh báo anh”. Viên cảnh sát dừng lại, co người và nói: “Hãy làm những gì mà anh muốn, nhưng tôi muốn nói với anh là anh chưa bao giờ nhìn thấy một ai trong tình trạng tồi tệ khủng khiếp như vậy đâu”.

“Cảm ơn!”, Dick nói và tiến về phía xe của tôi.

Từ những bức ảnh chụp chiếc xe bẹp dúm thì không thể tin nổi bằng cách nào mà Dick đã bò được vào chiếc xe Ford của tôi. Nó là một chiếc Ford đuôi cong, nhưng phần đuôi đã bị hỏng nặng. Tôi thì bị tấm bạt phủ lên, Dick không nhắc tấm bạt ra, vì vậy ở phía trong rất tối. Dick bò lại phía sau tôi, dựa vào ghế sau, đặt tay lên vai phải tôi.

Ông bắt đầu cầu nguyện cho tôi. Sau này, ông nói: “Tôi cảm thấy như là bị ai xui khiến làm việc này, tôi không biết người đàn ông đó là ai, liệu đó có phải là người tin vào Chúa không. Tôi chỉ biết rằng Chúa nói với tôi là phải cầu nguyện cho anh ta”.

Khi cầu nguyện, Dick nhanh chóng rơi vào tình trạng xúc động, và khóc rất nhiều. Sau đó, ông hát. Dick có một giọng hát tuyệt vời và thường hát trước công chúng, ở nơi có nhiều người. Thình thoảng, ông lại dừng lại để hát một bài Thánh ca rồi lại tiếp tục cầu nguyện cho tôi.

Dick không chỉ tin rằng Chúa đã gọi ông cầu nguyện cho tôi mà còn vì tôi bị thương ở những nơi không nhìn thấy được - ở đầu và các phần bên trong.

Điều này nghe thật lạ lùng, bởi vì Dick biết là tôi đã chết. Không chỉ viên cảnh sát nói với ông mà tự ông cũng kiểm tra lại mạch cho tôi. Ông không biết tại sao ông lại cầu nguyện, chỉ biết là Chúa khiến ông làm điều đó. Ông cũng không cầu nguyện cho vết thương mà ông nhìn thấy trên thân thể tôi, mà chỉ cầu nguyện cho những thương tích ở bên trong tôi. Ông nói rằng mình chưa bao giờ cầu nguyện nhiệt thành sâu sắc và đầy cảm xúc đến thế trong suốt cuộc đời. Như sau này tôi mới biết, Dick là người đàn ông giàu tình cảm.

Sau đó, ông lại tiếp tục hát: “Ôi hoà bình mà chúng ta luôn gìn giữ, Ôi những nỗi đau không cần thiết mà chúng ta đang mang, tất cả là bởi chúng ta không cầu nguyện Người!” Điều duy nhất tôi có thể biết chắc chắn về toàn bộ sự việc xảy ra là Dick đã hát bài thánh ca Giêsu là bạn thật (What a Friend We Have in Giêsu” và tôi đã hát theo anh.

Trong giây phút nhận thức, tôi đã hiểu ra hai điều. Thứ nhất, tôi đang hát - không giống với âm điệu trên thiên đàng - tôi nghe thấy giọng hát của chính mình và rồi nhận ra giọng hát của những người khác nữa.

Điều thứ hai là tôi có cảm nhận như ai đó đang nắm chặt tay mình. Đó là cái nắm tay thật mạnh và là cảm giác vật lý đầu tiên đưa tôi quay trở lại trái đất.

Phải mất hơn một năm, tôi mới hiểu được sức mạnh của cái siết tay ấy.

Chương 5

TỪ THỰC TẠI ĐẾN BỆNH VIỆN

Trái lại, họ mong ước một quê hương tốt hơn, là quê hương ở trên trời, nên Đức Chúa Trời không hề thẹn khi được gọi là Đức Chúa Trời của họ vì Ngài đã chuẩn bị cho họ một thành phố.

Hebrews 11:16

Tôi không biết rõ kỷ lục thế giới về khả năng thoát ra khỏi một chiếc xe bẹp dúm là bao lâu nhưng chắc chắn nó đã bị Dick Onerecker phá vỡ vào buổi chiều thứ Tư đó. Khi người đã chết bắt đầu cất tiếng hát, Dick đã cố bò ra khỏi chiếc xe nát đó và lao tới nhân viên cấp cứu gần nhất.

“Người đàn ông đó còn sống! Anh ta không chết! Anh ta còn sống!”

Ai mà tin anh được? Một vị cha đạo làm lễ cầu nguyện cho người vừa chết trước đó một tiếng rưỡi đồng hồ. Rồi anh băng qua đường và hét lên: “Anh ta đã sống lại!”

Nhân viên cấp cứu nhìn chăm chăm.

“Anh ta còn sống! Anh ta còn hát cho tôi nghe thấy mà”.

Sau này nghĩ lại những lời đó, Dick cũng thấy chúng nghe thật vô nghĩa, nhưng lúc đó anh chỉ có thể gào lên:

“Anh ta đang hát! Anh ta còn sống!”

“Ồ vậy sao?”, một nhân viên y tế hỏi.

“Tôi nói nghiêm túc đấy, anh ta còn sống”.

“Chúng tôi là chuyên gia y tế. Chúng tôi có thể nhìn và biết ai là người đã chết. Anh ta đã chết rồi”.

“Tôi đã bảo mà, tôi còn nghe thấy anh ấy hát cho tôi. Anh ấy còn sống”.

“Tốt nhất là hãy để anh ấy được yên nghỉ”. Nhân viên y tế giải thích rằng mặc dù biết là tôi đã chết, họ cũng không thể mang tôi đi cho đến khi đại diện nhà chức trách khẳng định là tôi đã chết. “Nhưng tôi chỉ có thể nói: Anh ta đã chết”. Rồi ông ta quay đi, không buồn đi xem chiếc xe của tôi.

Bao nhiêu xe cứu thương đến rồi đi.

Dick đứng trước chiếc xe cứu thương còn lại và nói với lái xe: “Anh ta còn sống. Hãy ra xem sao”.

Nhân viên cấp cứu bắt đầu cư xử như vẫn thường gặp phải những kẻ ngu dốt: “Làm ơn đi, chúng tôi biết phải làm gì. Anh ta đã...”.

“Nghe đây! Tôi sẽ nằm trên chiếc cầu này, nếu anh muốn đi qua, hãy đi qua người tôi”.

“Anh ta chết rồi”.

“Hãy nghe tôi đi. Thử bắt mạch anh ta xem”, Dick khẩn khoản.

“Được rồi, chúng tôi sẽ kiểm tra cho anh thấy”, ông ta làm bầm trong tiếng thờ rỗi đi về phía chiếc xe, nâng bật lên, vói vào bên trong thấy cánh tay phải của tôi và bắt mạch.

Rồi mọi người lao vào việc tìm cách đưa tôi ra. Họ đã có thể lôi tôi ra từ một bên, nếu không vì cái chân trái của tôi. Cái băng điều khiển làm chân trái tôi không thể rời ra khỏi ghế ngồi, nên họ đã định cắt bỏ cái chân đó đi. Dù sao thì cái chân đó cũng chỉ như đang dính vào người tôi mà thôi. Tôi cũng không biết họ có lôi cả chân phải của tôi ra được nữa không. Vấn đề là nếu không có dụng cụ máy móc, dù họ có thể lôi tôi ra, một phần thân thể của tôi vẫn mắc lại trong đó. Họ quyết định chờ có đủ dụng cụ cần thiết nên đã gọi điện yêu cầu một thiết bị thủy lực đến gấp từ Huntsville, cách đó ít nhất 20 km. Tôi chắc chắn là họ đã làm tất cả những gì có thể vì tôi, nhưng tôi chẳng nhớ gì cả. Tôi vẫn cảm nhận mơ hồ về những người chạy đi chạy lại quanh mình, chạm vào người mình và nói gì đó. Tôi nghe thấy tiếng họ nhưng không thể hiểu họ đang nói gì. Dick không chịu rời khỏi tôi. Anh quay vào trong chiếc xe để có thể quý sau tôi và tiếp tục cầu trời cho đến khi thiết bị thủy lực tới. Anh chỉ rời tôi khi tôi được đưa lên xe cứu thương. Tôi nhớ là khi nhân viên cấp cứu đưa tôi ra khỏi chiếc xe, phải có đến sáu hoặc bảy người đàn ông. Khi đưa tôi ra, họ còn nói về cái chân của tôi. Ai đó trong số họ còn nói rằng phải cẩn thận để chân của tôi khỏi bị rời ra mất.

Toàn bộ người tôi chấn động, tôi chẳng hề cảm thấy đau đớn, ít nhất là vào lúc đó. Nếu có đau đớn thì là mãi sau này.

Họ đặt tôi lên băng ca và đẩy tôi về phía xe cứu thương. Một làn sương mỏng bao phủ trên mặt, tôi chẳng nhìn thấy gì ngoài phần phía trên cây cầu. Tôi cũng không thể cử động được đầu mình. Tôi nghe tiếng người đi xung quanh và tiếng kính vỡ lạo xạo dưới chân họ. Họ cố gắng nói nhỏ nên tôi chẳng hiểu được họ đang nói gì.

Tôi nghĩ đến điều gì đó tệ hại đã xảy ra ở đây và hình như là với mình. Thậm chí, khi họ đưa tôi vào xe cứu thương, tôi có cảm giác như mình đã mất trọng lượng.

Tôi không hề nhớ gì lúc xe chạy, nhưng sau đó tôi biết là họ đã đi tới hai bệnh viện - nơi chỉ khá hơn các phòng khám ở nông thôn một chút.

Tôi nhớ một ông bác sĩ khi khám cho tôi đã nói: “Chúng tôi không thể làm được gì cho anh ấy. Anh ấy không thể qua khỏi. Các anh đã cứu sống anh ấy khỏi chiếc xe nhưng cũng chẳng làm được gì hơn. Chẳng còn hy vọng gì nữa đâu”.

Họ lại đưa tôi vào xe cứu thương và phóng đi. Tôi nhớ không rõ lắm, hình như họ đã vọt đến bệnh viện Huntsville, một trung tâm y tế khá lớn trong vùng. Lúc đó là 2 giờ 30 phút chiều.

Khi đó, có người đã thông báo cho vợ tôi, Eva. Cô ấy đang dạy học ở trường và người ta đã gọi điện đến đó. Một vài người khác gọi đến trường nơi các con tôi đang học và người của nhà thờ đã đến đón chúng về nhà họ trong khi chờ vợ tôi liên lạc.

Không ai biết là tôi đã chết vài giờ trước đó. Họ cũng không biết tôi bị thương nặng thế nào một giờ sau khi tôi trở lại thế giới này. Dù không biết gì cụ thể, những người ở nhà thờ đã cầu Chúa cho tôi hồi phục. Họ còn kêu gọi những người khác cùng cầu nguyện.

Gần hai tuần sau tai nạn, qua một lần Dick đến thăm tôi ở bệnh viện, Eva mới được biết là tôi đã chết. Chỉ đến lúc đó, cô ấy mới hiểu mọi chuyện đã tòi tệ đến thế nào. Cùng lúc đó, Ann Dillman, đại lý bảo hiểm của chúng tôi, một thành viên của South Park mang đến bức ảnh chụp xác chiếc xe sau khi bị đưa ra khỏi chiếc cầu. Eva nói rằng phải mất một thời gian cô ấy mới hiểu điều tệ hại đó. Và, có lẽ cô ấy không chú ý đến tin xấu vì đang phải tập trung vào những vấn đề trước mắt.

Con cái của chúng tôi cũng như những người khác trong gia đình và bạn bè lúc đó mới bắt đầu cùng nhau ghép nối những chuyện khủng khiếp về tai nạn và tự hỏi làm sao mà tôi có thể tai qua nạn khỏi trong gang tấc như vậy.

Một nhân viên cấp cứu đã nói: “Chúng tôi đã ở đây rồi. Anh sẽ ổn thôi”.

Tôi cảm nhận là mình đang được đẩy bằng xe lăn vào bệnh viện. Tôi lơ mơ nhìn rất nhiều người đang lùi lại để nhường chỗ cho chiếc xe đi qua. Nhiều khuôn mặt chăm chú nhìn tôi, ánh mắt của họ và tôi gặp nhau trong giây lát trong khi chiếc xe tiếp tục lăn.

Họ đưa tôi vào một phòng khám nơi có bác sĩ đang đợi sẵn. Thật lạ, là điều duy nhất mà tôi nhớ được về ông bác sĩ khám cho mình là ông ta hỏi đầu. Ông đã khám khắp người tôi khá lâu và chắc hẳn là đã nói đến ba lần: “Ông Piper, chúng tôi sẽ làm tất cả những gì có thể để cứu ông. Ông bị thương nặng, rất nặng, nhưng chúng tôi sẽ làm mọi việc có thể”. Sau này, tôi biết là dù nói vậy nhưng ông cũng không nghĩ là tôi qua khỏi. Nhưng ông đã làm những việc có thể cho tôi hy vọng và buộc tôi phải chiến đấu để giữ lấy sự sống. Nhiều người đi lại quanh tôi. Chắc chắn là họ đang cố gắng cứu tôi, nhưng tôi lại chẳng thấy đau đớn gì cả. Giống như sống trong tình trạng tranh sáng tranh tối khi tôi chẳng cảm thấy gì và vẫn chỉ nhận thức mơ hồ về những gì diễn ra quanh mình.

Ai đó nói: “Chúng tôi đã liên lạc được với vợ anh”. Qua điện thoại, họ đã kết nối cô ấy đến phòng cấp cứu. Một y tá để máy cạnh tai tôi, tôi nhớ là đã nói chuyện với Eva nhưng không thể nhớ bất cứ từ nào mà chúng tôi đã nói.

Eva thì nhớ toàn bộ cuộc nói chuyện. Cô ấy bảo rằng câu duy nhất mà tôi đã nói là: “Anh rất tiếc đã để xảy ra chuyện này”.

“Thôi mà Don. Đó không phải là lỗi của anh”.

Và tôi cứ nói đi nói lại: “Anh rất tiếc. Anh chỉ muốn về nhà. Hãy đưa anh về nhà”. Tôi cho là mình đã cảm nhận được rằng không thể ở lại ngôi nhà thần tiên, tôi muốn trở về ngôi nhà nơi trần thế.

Tôi đủ tỉnh táo để biết là họ muốn dùng một chiếc trực thăng cứu hộ để chuyển tôi đến Trung tâm chấn thương của bệnh viện Hermann ở Houston. Nhưng họ lại thấy thời tiết quá xấu, tầng mây xuống quá thấp nên trực thăng không thể cất cánh được.

Tình trạng của tôi xấu đi nhanh chóng và họ không biết liệu tôi có thể qua khỏi chiều hôm đó hay không. Dù vậy, đội cứu thương đã có một quyết định quan trọng: đưa tôi trở lại xe cứu thương và đi 50 km đến Houston. Họ không có đủ thiết bị để cứu chữa cho tôi. Bệnh viện Hermann là nơi duy nhất tôi có cơ hội được cứu sống.

Một chiếc xe cứu thương mới được mang tới. Điều lạ là dù tôi bị thương như vậy và họ vẫn nghĩ rằng tôi có thể tắt thở bất cứ lúc nào, tôi vẫn có thể nhận thức được những thứ rất nhỏ như mùi của chiếc xe mới, đặc biệt là mùi sơn mới.

“Anh là bệnh nhân đầu tiên của chúng tôi”, người nhân viên đi theo xe nói khi đang trên đường đi.

“Gì cơ?”

“Anh là người đầu tiên đi trên chiếc xe này. Chúng tôi sẽ đưa anh đến Houston. Chúng tôi sẽ đưa anh đến trong thời gian nhanh nhất có thể”.

Người lái xe hỏi một nhân viên ngồi gần tôi: “Đi nhanh thế nào đây?”

“Nhanh nhất có thể”.

“Thế là sao?”, người lái xe hỏi lại.

“Dần ga đi. Chúng ta phải tới đó - ngay bây giờ!”

Trước lúc xe chạy, tôi vẫn không cảm thấy đau đớn gì. Tôi chỉ lúc tỉnh lúc mê. Tôi có cảm giác không trọng lượng, và đầu óc không còn gắn với cơ thể. Tuy nhiên, sau 10 phút đi trên đường, tôi bắt đầu thấy hơi nhói đau. Trước tiên, tôi bắt đầu cảm thấy vết thương nhỏ ở cánh tay trái. Rồi tôi thấy chân tôi nhói đau. Chỉ trong vài phút, tôi thấy đau nhiều chỗ nhưng không xác định được ở những chỗ nào. Người tôi run lên vì đau đớn và phải rít lên cho đỡ đau. Toàn bộ chấn thương tấn công cơ thể tôi, cảm giác như khắp người tôi đang bị thương, như bị ai đó đánh. Tôi không thể biết còn chỗ nào không bị xé lên vì đau. Không nhớ lắm nhưng có lẽ tôi đã gào khóc. Mỗi nhịp tim đập như chiếc búa tạ đang dần lên từng mảnh cơ thể tôi.

Cuối cùng thì tôi như van nài: “Anh hãy làm điều gì đó đi! Làm ơn đi! Thuốc hay thứ gì đó đi...”

TỪ THỰC TẠI ĐẾN BỆNH VIỆN

“Tôi đã cho anh tất cả những gì anh cần rồi”.

“Anh đã cho tôi tất cả những gì tôi cần?” Lời anh ta chẳng có nghĩa lý gì cả. Nếu họ tiêm thuốc cho tôi, tại sao tôi vẫn đau như vậy? “Làm ơn...”

“Tôi không thể để anh bất tỉnh. Anh phải giữ tỉnh táo”.

“Làm ơn đi, chỉ một cái gì đó thôi”.

Tôi không thể hiểu tại sao mình phải tỉnh táo. Họ chỉ cần tiêm cho tôi một mũi thôi, sẽ không còn đau đớn. Tôi lại nài xin: “Hãy làm ơn đi”.

“Tôi xin lỗi, thực sự xin lỗi, nhưng tôi không thể cho tiêm cho anh thêm nữa. Anh đã có đủ lượng thuốc để hôn mê. Anh khá to khỏe, nhưng tôi càng không thể để anh bất tỉnh”. Chắc chắn là tôi đã rên khóc, rên rĩ, thậm chí la hét nhiều lần trong suốt chuyến đi khó nhọc đó. Chiếc xe lắc lên lắc xuống, sang bên nọ rồi bên kia, còi báo âm ỉ suốt chặng đường. Đó là chuyến đi đau đớn và nhiều ác mộng nhất trong đời tôi.

Cho đến bây giờ, tôi có thể nhắm mắt lại và cảm nhận sự rung xóc của chiếc xe cứu thương và sự va đập vào lề đường khi xe đi qua chỗ cua.

Một nhân viên cấp cứu nói gì đó về chuyện xe cộ ngày càng tắc nghẽn vào giờ cao điểm, vì vậy tôi đoán lúc đó là khoảng 5 giờ chiều. Trong giây lát, tôi tự hỏi làm sao có thể muộn đến vậy.

Chuyến đi dường như dài vô tận, cho dù tôi đã bất tỉnh nhiều lần vì đau đớn. Cuối cùng, chúng tôi cũng tới phòng cấp cứu của bệnh viện Hermann ở Houston.

Đó là lúc 6 giờ 20 phút giờ chiều. Sáu tiếng rưỡi đã trôi qua kể từ lúc tai nạn xảy ra.

Lúc tôi tới được bệnh viện ở Houston thì hàng nghìn người đang cầu nguyện cho tôi. Họ còn truyền thông tin đến mọi người ở hàng trăm nhà thờ khác để cùng cầu Chúa cho tôi bình phục. Trong vài ngày sau đó, việc tôi bị thương được lan truyền và ngày càng có nhiều người cầu nguyện cho tôi. Mấy năm qua, tôi đã gặp những người từng cầu xin Chúa cứu sống tôi. Có lẽ, một vài người trong các bạn đang đọc cuốn sách này đã cầu cho tôi qua khỏi và bình phục. Tôi chỉ có thể nói rằng tất cả lời cầu nguyện đó đã hiệu nghiệm: Tôi đã sống, và vẫn đang sống.

Khi nhân viên cấp cứu nâng cang của tôi ra khỏi xe cứu thương, tôi đã nhận ra khuôn mặt của Eva. Cạnh cô ấy là người trợ tế ở nhà thờ chỗ chúng tôi. Với bộ dạng đầy thương tâm của tôi, tôi cảm thấy như họ đang nhìn một chú chó con vừa bị lạc. Họ sửng sốt, ngần ngại nhưng không nói gì cả.

Eva nhìn tôi không chớp. Cho đến lúc đó, tôi mới lờ mờ nhận ra chuyện gì đang xảy ra trên thân thể mình. Đau đớn không thuyên giảm nhưng tôi vẫn không lý giải được chuyện mình bị tai nạn. Tôi không nghĩ là mình đang chết.

Khi nhìn vào mặt cô ấy, tôi nhận ra sự khổ tâm trong mắt cô ấy. Có lẽ, cô ấy đã nói điều gì đó để an ủi tôi, tôi cũng không biết nữa. Tôi chỉ biết là mình cảm nhận được nỗi đau của cô ấy và rằng cô ấy sợ tôi sẽ không qua khỏi được.

Đó là lúc tôi biết là mình đang rất tệ hại - đúng là như thế. Ngực tôi bị xuất huyết, các y sĩ đã băng bó gần hết người tôi. Những mảnh kính nhỏ vẫn găm vào mặt, ngực và đầu tôi. Tôi còn biết những mảnh vụn đó đã rơi ra và nằm lại trên băng ca, chỗ gài đầu tôi.

Không ai nói cho tôi biết tôi trông thật gớm ghiếc. Bất cứ ai đã biết tôi chắc chắn sẽ không thể nhận ra tôi. Tôi tự hỏi làm sao Eva nhận ra đó là tôi.

Sự đau đớn của tôi dường như không còn giới hạn. Trong trung tâm chấn thương, các y tá tiêm cho tôi một mũi morphin - rồi nhiều mũi sau đó. Chẳng có tác dụng gì. Không gì có thể làm tôi đỡ đau hơn.

Ngay sau khi tới Hermann, tôi được đưa đi phẫu thuật trong 11 giờ đồng hồ. Cuối cùng, tôi cũng không còn thấy đau nữa khi được gây mê.

Cliff McArdle, bạn thân của chúng tôi đã quyết định ở lại với Eva suốt cả đêm đó. Cliff, David Gentiles – hai bạn thân nhất của tôi, và tôi đều là bạn bè trong nhóm mục sư từ khi chúng tôi tốt nghiệp trường dòng và đến giờ vẫn thân thiết với nhau.

Khi tôi tỉnh lại, đó đã là sáng thứ Năm. Khi mở mắt ra, tôi lờ mờ biết rằng mình là bệnh nhân đầu tiên được đưa tới phòng chăm sóc đặc biệt mới đưa vào sử dụng. Một cô y tá đang lau rửa vết thương cho tôi trong khi cô khác đang kéo giãn chân tay cho tôi. Tôi có thể cảm thấy cô ta đang đặt những cái kẹp giữa mắt cá chân và cánh tay tôi. Tôi còn thấy mình kêu lên.

“Chúng tôi đã chụp cộng hưởng từ cho ông”, vị bác sĩ nói. Cho đến lúc đó, tôi mới biết trong phòng còn có ông ta. “Ông đã bị thương rất nặng, nhưng điều đáng mừng là ông không bị thương ở đầu và ngực”.

Lúc đó, tôi chẳng hề quan tâm mình bị thương ở đâu. Các vết thương thi nhau nhói lên khắp người tôi. Tôi đau đớn còn hơn những gì người ta nghĩ là con người có thể chịu được.

Tôi chỉ muốn bớt đau.

Hai tuần sau vụ tai nạn, khi Dick tới thăm, tôi đã được chuyển từ phòng chăm sóc đặc biệt sang một phòng bệnh. Anh ấy nói rằng Chúa bảo anh ấy cầu nguyện cho tôi và anh ấy đã làm vậy rất nhiều lần.

“Điều may mắn nhất là tôi không bị thương ở đầu hay tổn thương bên trong”, tôi nói.

Dick chặc lưỡi: “Tất nhiên là anh không bị rồi. Chúa bảo tôi cầu nguyện cho điều đó, và Người đã đáp lại”.

Phải mất một lúc tôi mới tiếp nhận được những gì anh ấy nói. Do lực va chạm với cường độ mạnh như vậy, lẽ ra tôi phải bị tổn thương bên trong. Thậm chí bác sĩ cũng phải nhận xét là thật kỳ lạ là tôi lại không bị chấn thương ở đầu hay ngực.

Tôi nói: “Tôi sẽ cho anh biết điều này. Tôi biết là tôi đã bị tổn thương bên trong, nhưng đâu đó, từ cầu đến bệnh viện này, tôi không còn bị nữa”.

Nước mắt lăn trên khuôn mặt của Dick, anh nói: “Tôi biết. Tôi ước là mình cầu nguyện như thế”.

Chương 6

BẮT ĐẦU HỒI PHỤC

Đây là sự bảo đảm chúng ta có thể đến gần Đức Chúa Trời: ấy là nếu chúng ta xin bất cứ điều gì theo ý muốn Ngài thì Ngài sẽ nghe chúng ta. Và nếu chúng ta biết Đức Chúa Trời nghe bất cứ điều gì chúng ta xin, chúng ta có được điều chúng ta đã xin Ngài.

1 John 5:14 - 15

Đau đớn đã trở thành người bạn đồng hành của tôi. Lâu lắm rồi tôi không biết sẽ ra sao nếu không còn bị đau khắp người như thế này.

Dù vậy, chỉ vài ngày sau tai nạn, tôi bắt đầu nhận ra bao nhiêu phép màu. Tôi gọi chúng là phép màu - mặc dù có người gọi đó là tình huống may mắn - vì tôi tin rằng với Chúa, chẳng có tai nạn bất ngờ hay điều ngạc nhiên nào hết.

Thứ nhất, tôi đã thắt dây an toàn. Thật xấu hổ phải nói rằng tôi từng không quan tâm đến việc đó cho đến khi bị phạt. Buổi sáng hôm đó, tôi còn chủ động thắt dây an toàn.

Thứ hai, tai nạn xảy ra nếu tôi đang đi trên cầu. Điều gì có thể xảy ra trên con đường cao tốc trợ trợ bắc qua hồ khi tôi đi về phía cây cầu. Tôi có thể bị văng ra xa ít nhất là 9m xuống cái hồ đó và có thể bị chết chìm rồi.

Thứ ba, tôi không bị thương ở đầu. Bất cứ ai nhìn thấy tôi hoặc xem bệnh án của tôi đều nói rằng không thể nào mà tôi lại không bị thương ở đầu. (Eva vẫn nói đùa rằng có lúc cô ấy không thể tin nổi vào chuyện này). Điều gây hoang mang cho giới y khoa nữa là tai nạn cũng không ảnh hưởng gì đến các bộ phận bên trong cơ thể tôi. Điều đó, đi ngược lại với mọi lời giải thích của y học.

Thứ tư, bác sĩ phẫu thuật chỉnh hình Tom Greider, người có ca trực tại bệnh viện hôm đó, đã cứu được cái chân của tôi. Bác sĩ Greider “vô tình” lại là một trong số vài chuyên gia của Mỹ xử lý loại chấn thương kỳ lạ đó. Ông đã chọn một quy trình thử nghiệm khá mới mẻ, khung Ilizarov. Một tuần sau vụ tai nạn, ông đã tiến hành phẫu thuật cho tôi. Khung Ilizarov cấy vào không chỉ cứu cái chân tôi mà còn cho phép nối dài xương ở chân sau khi tôi bị mất đến 10 cm xương đùi trong vụ tai nạn. Xương đùi là phần xương lớn nhất trong cơ thể người và rất khó bị đập vỡ.

Khi khám cho tôi, bác sĩ Greider buộc phải lựa chọn: hoặc là dùng Ilizarov hoặc là cắt bỏ cái chân của tôi. Dù ông có chọn dùng Ilizarov thì cũng không có gì bảo đảm là tôi sẽ không phải bỏ cái chân đó. Thật ra, lúc đó ông cũng không dám chắc là tôi có vượt qua được thử thách này hay không. Nếu là một bác sĩ ít chuyên môn và thiếu tận tâm thì có lẽ ông đã cắt bỏ cái chân đó đi rồi, vì cho rằng đằng nào tôi cũng sẽ chết.

Thứ năm, mọi người đã cầu nguyện cho tôi. Tôi đã nhận được hàng ngàn tấm thiệp, thư từ, lời cầu chúc từ những người không quen biết, từ nhiều nơi tôi chưa bao giờ tới, mọi người cầu nguyện cho tôi vì họ nghe nói tôi bị nạn. Tôi cũng nghe nhiều người kể rằng chuyện này đã làm thay đổi việc cầu nguyện hàng ngày và niềm tin vào sức mạnh nguyện cầu của họ.

Vào cái đêm tới Trung tâm chấn thương Hermann, tôi phải phẫu thuật trong 11 giờ đồng hồ. Trong ca phẫu thuật đó, tôi bị gãy xương chân phải. Cánh tay trái của tôi phải cố định vì mỗi đoạn xương thiếu mất 5cm. Chân trái của tôi bị kéo giãn vì thiếu mất 11cm xương đùi. Cũng trong ca phẫu thuật đó, một chiếc ống dẫn khí bị đặt lệch trong dạ dày, khiến cho dạ dày của tôi phồng lên, còn phổi thì bị xẹp xuống. Phải rất nhiều ngày sau họ mới phát hiện ra đó là nguyên nhân khiến dạ dày của tôi sưng lên. Do đó, tôi ngày càng khó thở, không thể nói được và còn bị viêm phổi. Tôi đã gần như chết một lần nữa.

Do tôi có quá nhiều vết sưng tấy và vết thương trầm trọng nên bác sĩ gần như không biết bắt đầu từ đâu. Nhiều tuần sau đó, các vết thương nhẹ lại trở nên trầm trọng hơn. Nhiều năm sau, họ mới phát hiện tôi còn bị rạn xương chậu nữa.

Tôi nằm trên giường, mũi khâu đầy khắp trên người, không thể cử động và phải dựa vào hệ thống duy trì sự sống. Tôi chỉ có thể nhìn mọi thứ từ phía trên chiếc mặt nạ ôxy. Phần lớn những ngày nằm trong phòng bệnh đặc biệt, tôi nửa tỉnh nửa mê. Đôi lúc tỉnh dậy, tôi thấy nhiều người đang đứng trước giường và tự hỏi: Có đúng là tôi đang ở đây hay tôi đang mơ?

Quanh tôi đầy những máy theo dõi và trên tay tôi là máy đo theo dõi mức ôxy. Tôi thường không đủ ôxy nên máy theo dõi báo động liên tục, khiến cho các y tá phải vất vả chạy đi chạy lại.

Phòng bệnh đặc biệt ở Hermann nằm gần một bãi đậu trực thăng, bao nhiêu máy bay cứu cánh rời hạ cánh liên tục từng giờ mỗi ngày. Những lúc tỉnh, tôi có cảm giác như mình đang ở trong một bộ phim về Việt Nam. Trong phòng không có đồng hồ nên tôi cũng chẳng có khái niệm về thời gian.

Nhiều người bệnh khác nằm ở giường gần tôi, thường chỉ ngăn cách bằng một cái rèm. Nhiều lần, tôi tỉnh giấc và thấy những người hộ lý đang mang đi những chiếc cáng phủ vải trên người ai đó. Là mục sư, tôi hiểu là nhiều người không sống sót khi rời khỏi phòng bệnh đặc biệt.

Tôi có phải là người tiếp theo? Tôi tự hỏi mình như vậy.

Dù tự hỏi thế nhưng những vết thương khiến tôi chẳng thể suy nghĩ thêm được. Tôi chỉ muốn hết đau, và chết là giải pháp nhanh chóng nhất.

Tôi đã trải qua thiên đàng, trở lại thực tại và chịu đựng những gì gần với địa ngục trần gian. Phải rất lâu sau, tình trạng và thái độ này của tôi mới thay đổi được.

Ngày và đêm của tôi đầy rẫy âm thanh ác mộng. Gào thét, rên rỉ, kêu la thường chen vào những lúc tôi được tạm nghỉ, khiến tôi phải tỉnh lại. Một y tá đến bên giường và hỏi: “Tôi có thể giúp gì cho ông không?”

“Cô đang nói gì?” Tôi hỏi. Đôi lúc tôi chỉ nhìn chăm chăm, không hiểu tại sao cô ấy lại hỏi vậy.

“Có vẻ như ông đang rất đau đớn”. Đúng là như thế, tôi nghĩ, nhưng rồi lại hỏi: “Sao cô biết điều đó?”

“Ông đã la lên”.

Đó là lúc tôi hiểu rằng những tiếng la hét đến từ chính bản thân tôi. Tiếng rên rỉ, kêu la bật ra khi tôi làm những động tác đơn giản như cử động chân tay. Nằm trong phòng bệnh đặc biệt thật kinh khủng. Các bác sĩ đang làm hết sức, nhưng đau đớn chưa khi nào thuyên giảm.

“Chúa ơi, con phải sống lại để như thế này sao? Người cho con trở lại thế gian này để như vậy sao?” Tôi đã khóc nhiều lần.

Tình trạng của tôi ngày càng tồi tệ. Tôi phải nằm thẳng người vì chân tôi bị gãy xương (Họ không thể tìm được cái xương bị mất đó. Nó đã bị bắn từ xe xuống hồ khi chân tôi bị kẹp giữa ghế ngồi và bảng điều khiển). Vì phải nằm thẳng nhiều, tôi bị tràn dịch phổi. Do không phát hiện là phổi tôi đã bị suy, các y tá và các nhân viên trị liệu hô hấp đã cố ép tôi thở vào một thiết bị thở rất to, bằng nhựa được gọi là thiết bị đo phế dung để tăng dung tích phổi cho tôi.

Đến ngày thứ sáu, tôi gần như cận kề cái chết. Bệnh viện đã gọi gia đình tôi đến thăm lần cuối. Tôi bị viêm cả hai buồng phổi và họ cho là tôi khó qua khỏi đêm hôm đó.

Tôi đã sống sót qua những đau đớn, và giờ tôi đang chết dần vì viêm phổi.

Bác sĩ nói chuyện với Eva: “Chúng ta sẽ phải làm gì đó. Hoặc là phải bỏ cái chân hỏng đó, hoặc là phải có một quyết định quyết liệt”. “Quyết liệt như thế nào?”

“Nếu chúng ta không làm gì, chồng cô sẽ không thể qua khỏi sáng mai”.

Đó là lúc những lời cầu nguyện bắt đầu có tác dụng. Hàng trăm người đã cầu nguyện cho tôi từ khi nghe tin tôi bị nạn, tôi biết điều đó. Tuy nhiên, dường như vẫn chưa có điều gì thay đổi.

Eva gọi điện cho người bạn thân nhất của tôi, David Gentiles, một mục sư ở Antonio: “Anh hãy đến xem Don thế nào đi. Anh ấy cần anh”.

Không do dự, bạn tôi đã bỏ hết mọi việc và phóng xe gần 120 km đến chỗ tôi. Nhân viên y tá chỉ cho phép anh vào phòng bệnh đặc biệt trong 5 phút.

5 phút đó đã thay đổi cuộc đời tôi.

Tôi chưa bao giờ nhận thức được sự thay đổi này, nhưng khi nằm đó với quá ít hy vọng bình phục - không ai cho rằng tôi sẽ trở lại bình thường - tôi chỉ không muốn sống. Không phải vì đối mặt với những đau đớn bất tận về thể xác mà bởi vì tôi đã được đến thiên đàng. Tôi muốn trở lại nơi huy hoàng đó. Tôi khẩn cầu: “Xin Chúa hãy đưa con trở lại, hãy đưa con trở lại”.

Với những ký ức tràn ngập trong tâm trí, tôi mong được đứng ở cánh cổng đó một lần nữa. “Cầu xin Chúa”.

Câu trả lời của Chúa là: “Không”.

Khi David bước vào, tôi đang rối loạn vì đau đớn và thuốc men. Tôi phải định hình trong đầu xem có thật là anh đang ở đó hay không và tự hỏi: “Có phải tôi đang ảo giác?”.

Lúc đó David nắm lấy các ngón tay tôi, tôi cảm thấy anh ấy chạm vào mình. Đúng là anh ấy đang ở đó thật.

Anh ấy siết chặt các ngón tay tôi. Tôi được điều trị bằng liệu pháp IVs (liệu pháp đưa dung dịch thuốc trực tiếp vào tĩnh mạch) khiến các tĩnh mạch dường như bị huỷ hoại. Một cái vòi dẫn vào lồng ngực đến thẳng tim tôi. Tôi từng nghĩ về những IVs này như một đội quân. Thậm chí, tôi còn có IVs ở ven phía trên bàn chân, nơi tôi có thể nhìn xuống để thấy chúng và nhận ra là họ đã truyền vào chân tôi vì chẳng còn chỗ nào khác trên người.

“Anh sẽ sống được”, David nói. “Anh phải làm được. Anh đã sống được đến như thế này rồi”.

“Tôi chẳng phải làm gì hết. Tôi không chắc... tôi... tôi không biết mình có muốn sống nữa hay không”.

“Anh phải sống. Nếu không vì anh thì hãy cố vì chúng tôi”.

“Tôi hết sức rồi. Tôi đã làm tất cả những gì có thể. Tôi đã làm hết rồi. Tôi chẳng còn làm gì hơn được nữa”. Tôi phải ngừng lại để thở, vì chỉ nói hai câu cũng làm tôi mất bao nhiêu là sức lực.

“Anh phải làm được. Chúng tôi sẽ không để anh đi”.

“Nếu tôi sống được thì đó chỉ là vì mọi người muốn vậy. Tôi không muốn vậy. Tôi mệt rồi. Tôi đã chiến đấu với tất cả những gì có thể và giờ tôi đã sẵn sàng để đi”.

“Vậy thì, nếu anh không muốn làm gì, chúng tôi sẽ làm cho anh”.

Không còn hiểu gì nữa, tôi chỉ nhìn chăm chăm vào vẻ mặt căng thẳng của anh.

“Chúng tôi sẽ không để anh chết. Anh hiểu điều đó đúng không Don? Chúng tôi sẽ không để anh bỏ cuộc”.

“Hãy để tôi ra đi”

“Không. Anh sẽ sống. Anh có nghe thấy gì không? Anh sẽ sống. Chúng tôi sẽ không để anh chết”. “Nếu tôi sống”, cuối cùng tôi nói, “thì đó là vì mọi người muốn thế”.

“Chúng tôi sẽ cầu xin Chúa”. Tất nhiên, tôi biết là mọi người vẫn luôn cầu xin, nhưng anh nói thêm: “Chúng tôi sẽ cầu xin suốt đêm. Tôi sẽ gọi tất cả những người tôi biết cầu xin cho anh.”

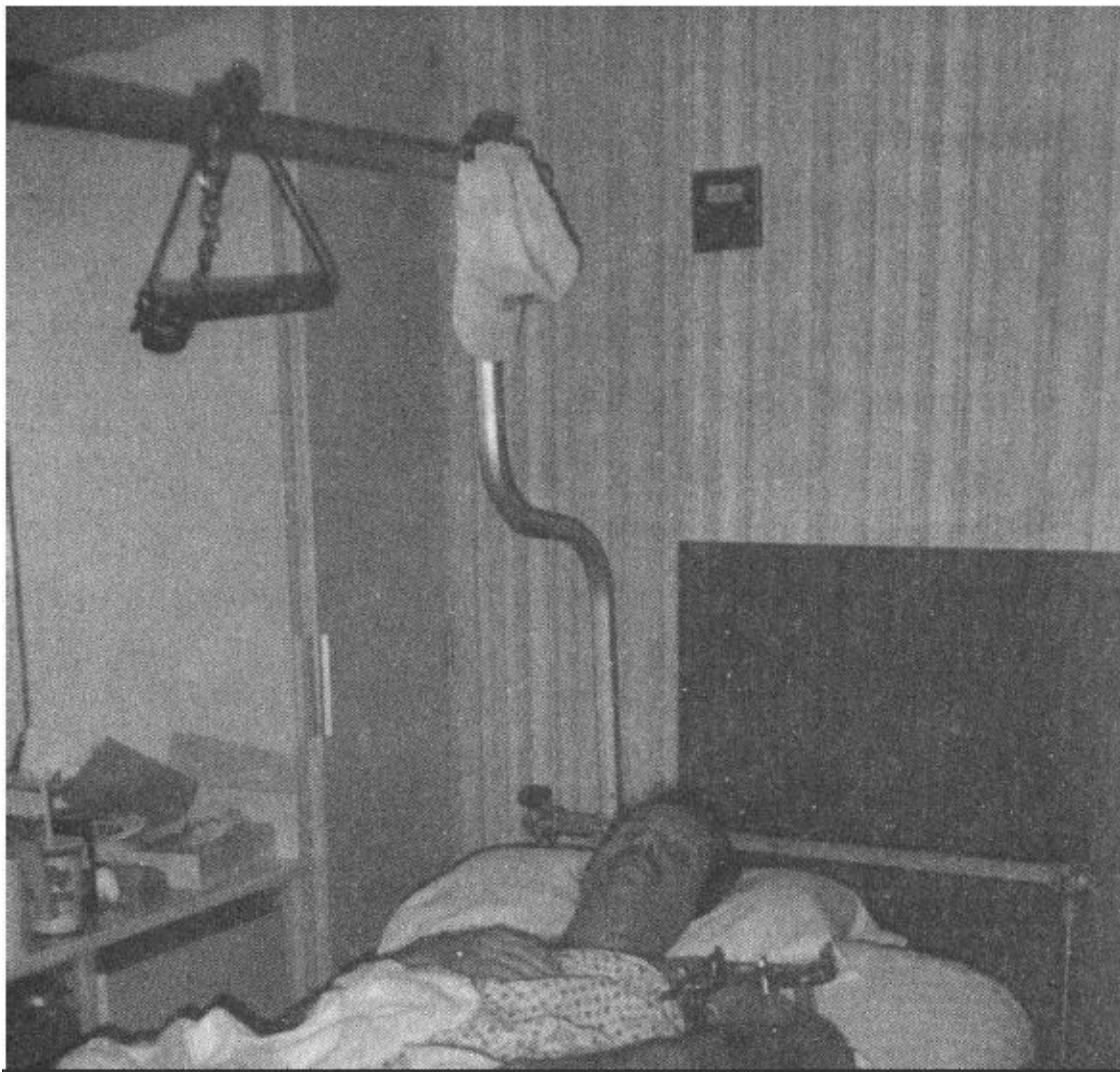
Tôi muốn anh biết là tất cả chúng tôi đang quan tâm đến anh và thức thâu đêm để cầu nguyện cho anh”.

“Được rồi”.

“Chúng tôi sẽ làm thế, Don ạ. Anh sẽ không phải làm gì hết”.

Tôi thực sự không quan tâm họ có cầu xin hay không. Tôi quá đau đớn; tôi không muốn sống nữa.

“Từ bây giờ sẽ đến lượt chúng tôi. Anh không phải làm gì hết, không gì hết, để qua khỏi. Tất cả những gì anh phải làm là hãy nằm im đó để mọi chuyện diễn ra. Chúng tôi sẽ cầu xin để anh qua khỏi”.



Don đang điều trị bằng khung Ilizarov.

Anh ấy nói rất nhỏ với tôi trong khoảng 1 - 2 phút. Tôi không biết mình có nói gì nữa không. Vết thương ngày càng đau, có lẽ vậy, và tôi không thể tập trung vào những gì anh ấy nói nữa.

“Chúng tôi sẽ lo liệu việc này”. David hôn lên trán tôi và đi ra.

Tiếp đó, một buổi lễ cầu nguyện diễn ra suốt đêm, buổi lễ đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong việc điều trị của tôi và hàng loạt phép màu sau đó.

Ngày hôm sau, tôi hết viêm phổi. Họ đã cầu nguyện để xua nó đi. Và y tá đã phát hiện ra vấn đề trong ống thở.

Đến ngày thứ bảy, bác sĩ Greider đã tiến hành thêm một ca phẫu thuật phức tạp và cài thiết bị Ilizarov để tôi có thể ngồi dậy và cải thiện vấn đề hô hấp. Họ cũng làm cho dạ dày của tôi bớt phồng và phổi được phình lên.

Bình thường, các bệnh viện cần phải tham khảo sáu tháng trước khi cho phép sử dụng khung Ilizarov. Trong trường hợp của tôi, nhân viên y tế không thể bảo đảm với Eva là tiến trình thử nghiệm này có thành công hay không. Họ cũng nói rằng dùng khung Ilizarov sẽ khiến tôi bị đau nhiều hơn về thể chất cũng như về tâm lý và cảm xúc. Hơn nữa, họ còn cảnh báo rằng cho dù có cấy được khung Ilizarov thì vẫn có khả năng tôi mất cái chân đó.

Bác sĩ phẫu thuật nói với Eva: “Việc này rất đau đớn và phải mất nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mới có thể bình phục được”. Ông ta cũng lưu ý lần nữa về điều tồi tệ nhất có thể xảy ra - tôi vẫn có thể mất cái chân đó. “Tuy nhiên, nếu không dùng cách này, chúng tôi chẳng còn cách nào khác là cắt bỏ”.

Ông cũng nhẹ nhàng giải thích rằng nếu phải cắt bỏ, họ sẽ lắp cho tôi cái chân giả và tôi sẽ phải tập đi với nó.

Eva không ảo tưởng về mức độ chấn thương của tôi hay tôi sẽ phải chịu đựng nỗi đau khủng khiếp đó trong bao lâu. Cô ấy cân nhắc cả lợi lẫn hại nhiều lần và thậm chí cầu xin được chỉ dẫn. Cuối cùng, cô ấy nói: “Tôi sẽ ký giấy đồng ý”.

Sáng hôm sau, khi tỉnh lại sau 12 tiếng phẫu thuật, tôi nhìn thấy cái gì đó như một đồng, phình lên dưới chân, chỗ để chân của mình. Khi tự lật ra, tôi kinh ngạc vì những gì mình nhìn thấy. Trên chân trái tôi là một cái vòng lớn bằng thép không gỉ, quấn từ hông xuống tận đầu gối. Một cô y tá bước vào và bắt đầu làm gì đó với cái chân của tôi, tôi cũng không biết cô ấy đã làm gì nữa.

Tôi đã nhận ra Eva đang ngồi bên cạnh giường. Tôi hỏi: “Chuyện gì thế? Cô ấy đang làm gì vậy?”

“Chúng ta cần nói chuyện. Hôm qua, em đã quyết định đồng ý. Đó là một thiết bị phát triển xương gọi là “thiết bị cố định bên ngoài”. Đó là cơ hội duy nhất để bác sĩ cứu được chân anh. Em nghĩ là cần phải mạo hiểm”.

Tôi không nhớ là mình đã phản ứng gì. Còn gì để nói đây? Cô ấy đã quyết định một việc tốt nhất có thể và buộc phải quyết định nó một mình.

Đúng lúc đó, tôi nhận ra những cái dây lộ ra từ thiết bị. “Những cái dây đó xuyên qua chân anh sao?”

“Đúng vậy”.

Tôi lắc đầu không hiểu. “Chúng đang xuyên qua chân anh?”. “Đó là công nghệ mới. Họ đang cố cứu lấy chân anh”.

Tôi chẳng biết gì mà nhận xét. Tôi gật đầu và cố thư giãn.

Cô ấy nói: “Em tin là nó sẽ có ích”.

Tôi hy vọng là cố ấy đúng. Tôi chẳng thể biết hơn, gần một năm sau tôi vẫn nhìn thấy nó.

Chương 7

QUYẾT ĐỊNH VÀ THÁCH THỨC

Ai sẽ phân rẽ chúng ta khỏi tình yêu thương của Chúa Cứu Thế? Phải chăng là hoạn nạn, cực khổ, bất bớ, đói khát, trần truồng, nguy hiểm hay gươm giáo? Như Kinh thánh chép rằng: "Vì Ngài mà chúng tôi bị giết suốt cả ngày, chúng tôi bị kẻ như chiên của lò sát sinh".

Romans 8:35-36

Ngoài những đau đớn thể chất, một trong những điều khó khăn nhất của tôi là phải nhìn phản ứng của mọi người trong nhà và những người bạn thân. Bố mẹ tôi sống ở Louisiana, cách Houston 150 km nhưng họ đã đến thăm, ngay sau hôm tôi phẫu thuật lần đầu. Mẹ tôi là phụ nữ mạnh mẽ và tôi luôn nghĩ là bà có thể kiểm soát được mọi chuyện. Nhưng khi bước vào phòng bệnh đặc biệt, nhìn thấy tôi, bà đã sụp xuống và xỉu đi. Bố tôi phải đỡ bà đưa ra ngoài.

Việc đó khiến tôi nhận thức rõ mình trông đáng thương như thế nào.

Hầu hết, những ngày đầu tiên vẫn còn lờ mờ đối với tôi. Tôi không chắc mọi người có thực sự đã đến thăm tôi hay tôi chỉ ảo giác, và từ những gì Eva và các y tá cho biết, đôi khi tôi còn mê sảng.

Bệnh viện cho phép mọi người đến thăm hàng ngày nhưng chỉ vài người một lần. Dù không nói ra, nhưng ánh mắt buồn bã, tiếc nuối của họ khiến tôi có thể cảm nhận được. Khi hồi tưởng lại, có thể tôi đã bị nhầm lẫn. Tôi cho là mình có thái độ khá tích cực khi chết - và tôi muốn thế - vì tôi nhìn thấy trong mắt họ những gì mà mình đang cảm nhận.

Dù đúng hay sai, tôi cảm thấy như họ đang nhìn một thân thể nham nhở chứ không phải là người đang sống, dù nói những lời tin tưởng và động viên, họ vẫn nghĩ là tôi có thể chết bất cứ lúc nào. Tôi tự hỏi có phải họ đến để thể hiện sự trân trọng cuối cùng trước khi tôi nhắm mắt vĩnh viễn.

Dù viêm phổi đã không còn nhưng chúng tôi vẫn phải xử lý hậu quả của nó. Cứ bốn tiếng đồng hồ, y tá phải vào thực hiện liệu trình hô hấp. Họ vỗ vào lồng ngực tôi và bắt tôi phải hút qua một miệng ống nhựa thứ gì đó có mùi vị thật kinh khủng, để nó thấm vào phổi của tôi. Đó là cách chữa trị để ngăn viêm phổi tái phát và giúp phổi của tôi dần hồi phục. Mỗi lần như thế, tôi tỉnh dậy nhìn mọi người đi vào, và tôi nghĩ: "Ồ không, lại nữa rồi". Họ sẽ bắt tôi hút cái đó, rồi đập vào tôi, rồi lấy đờm của tôi ra. Khó khăn như vậy nhưng cách chữa trị đó đã có tác dụng. Bác sĩ Houchins, trưởng nhóm chấn thương của bệnh viện Hermann, đến thăm tôi nhiều lần trong ngày. Ông quyết tâm không để mất bệnh nhân nào của mình.

Ông yêu cầu tôi thở: "Đừng từ bỏ. Đừng bỏ. Hãy cố lên". Đó không chỉ là những lời nói, dù đau đớn, tôi cảm thấy như ông đang chiến đấu bên cạnh tôi. "Đừng từ bỏ. Hãy cố nữa đi".

Tôi tưởng như không còn sức để thở và cố gắng nữa.

Tôi nhìn thấy vẻ khổ sở trên mặt ông và ông chuyển sang thái độ vô cùng tức giận. “Anh có nghe tôi nói gì không hả? Làm đi! Ngay! Thở và ho ra! Làm đi”.

Tôi lắc đầu. Tôi không còn đủ sức để làm gì nữa.

“Đây không phải là chuyện nhân nhượng đâu. Hãy làm ngay đi! Thở đi!”

“Tôi không thể”.

“Được rồi, đừng làm nữa. Anh chết rồi. Anh sẽ chết nếu không làm vậy. Anh hiểu điều đó không?”

Tôi không muốn sống, nhưng điều gì đó đã xảy ra khi ông hét lên với tôi.

Tôi đã thở.

Ngay sau đó, các nhân viên đã tìm được cách nâng chân tôi lên để tôi có thể ngồi dậy. Chỉ ngồi thôi cũng đã là bước tiến lớn. Tôi không nghĩ là mình lại có thể nằm nghiêng một lần nữa.

Một lần, nằm ở phòng bệnh đặc biệt, dường như mỗi khi tôi mở mắt ra chớp thì chỉ trong giây lát, ai đó đã đưa chiếc thìa đầy thức ăn dài đến 15 cm vào miệng tôi.

“Há miệng nào”.

Có lần là một giọng nam.

Tôi mở mắt và nhìn. Một người đàn ông vạm vỡ đang cầm thìa. Anh ta nâng mặt nạ oxy của tôi lên và nhẹ nhàng đút cái thìa vào miệng tôi. “Thế chứ, chỉ một miếng thôi”.

Tôi ngoan ngoãn làm theo trong khi đầu óc tê dại vì thuốc và cố nghĩ xem điều gì đang xảy ra.

Dần dần, tôi nhận ra giọng nói đó là của Stan Mauldin, huấn luyện viên trưởng đội bóng và Giám đốc thể thao của Trường trung học Alvin Áo Vàng. Con gái tôi đã sống với Stan và Suzan cùng hai đứa con của họ khi tôi dưỡng bệnh. Huấn luyện viên Mauldin nghe nói là vì không ăn uống gì nên tôi bị sụt cân nghiêm trọng (Mặc dù lúc đó, tôi chỉ bị sụt có vài kilôgam, sau đó tôi bị sụt gần 22,5 kg trong sáu tuần đầu tiên ở bệnh viện).

Ngay khi nghe chuyện đó, dù bận rộn nhưng Stan đã dành thời gian để đến bệnh viện Hermann. Anh không chỉ đến đó thăm tôi mà còn đề nghị y tá đưa thức ăn và ngồi đợi bên giường cho đến khi tôi tỉnh dậy.

Khi thấy tôi hoàn toàn tỉnh táo, Stan xúc thức ăn và nói chuyện còn tôi cố sức nhai và lắng nghe. Sự hy sinh tuyệt vời đó của Stan là một trong những hành động sâu sắc nhất mà tôi từng thấy trong những ngày dần hồi phục. Stan là mẫu mực của sự kết hợp giữa sức mạnh và sự tinh tế trong một con người phi thường.

Tôi thường nói về khung Ilizarov như một thứ nghe có vẻ bình thường. Thực ra, nó phức tạp nhiều hơn thế. Eva phải tự quyết định một chuyện mà không ai nên tự mình quyết định. Cô ấy phải quyết định có nên sử dụng phương pháp Ilizarov không vì phương pháp này lúc đó vẫn còn đang thử nghiệm.

Thiết bị này chủ yếu nhằm kéo giãn chân, được sáng chế giúp người bị tật bẩm sinh hai chân không bằng nhau - một số trường hợp có thể chênh nhau đến 30 cm - và phải nhờ vào xe lăn, compa hoặc nạng. Khung Ilizarov làm cho xương chân phát triển mà vẫn giữ nguyên các mô xung quanh. Dưới tác động cơ học của khung Ilizarov, xương mới có thể được tạo ra giữa các khe.

Thiết bị phát triển xương Ilizarov thường được gọi là “thiết bị cố định ngoài” do một bác sĩ tên là Ilizarov ở Xibê-ri phát minh ra.

Bác sĩ Ilizarov dùng thí nghiệm trên cừu để phát minh ra phương pháp giúp các phần xương mất đi có thể phát triển lại hoặc kéo dài xương ngắn bẩm sinh. Trong trường hợp mất xương như của tôi, ứng dụng này đòi hỏi phải làm một chi võ hoàn toàn. Người ta đặt những sợi dây giống như dây đàn một đầu xuyên qua da và xương, đầu còn lại thông ra ngoài.

Thiết bị Ilizarov được đặt vào hông bằng những chiếc que to như cái bút chì. Các bác sĩ đã khoan lỗ để đút bốn cái que to từ háng đến hông trái của tôi. Sau đó, chân trái tôi phải có ít nhất 30 cái lỗ như thế, nhiều cái xuyên qua chân tôi sang đến tận đầu bên kia. Que xuyên vào thịt càng to thì dây càng bám chặt vào xương chậu. Khoảng sáu tháng sau, tôi có thể nhìn sâu trong chân mình khi những cái lỗ đó giãn ra.

Mỗi ngày lại có vài người đến vặn vít thiết bị Ilizarov để kéo giãn xương cho tôi. Phần lớn là các y tá làm việc này. Khi tôi về nhà thì Eva làm. Gần một năm sau, xương đùi trái của tôi đã mọc lại thay cho phần đã mất. Đó là một thiết bị tài tình nhưng đầy đau đớn và đòi hỏi quá trình hồi phục lâu dài, gian khổ. Tôi gọi đó là “sự tuyệt vời kinh khủng”.

Trên tay trái của tôi cũng có sáu cái que xuyên qua từ đầu đến cuối. Nó được cố định bằng cách đặt các thanh thép không gỉ ở phía trên và phía dưới vì hai xương cẳng tay tôi đều bị gãy. Cái thanh to bằng bút chì cho phép bác sĩ Greider lấy xương ở xương chậu phải của tôi cho sang cánh tay trái. Việc này, theo bác sĩ giải thích, cũng giống như việc lấy mẫu trong quá trình khoan dầu. Họ cũng lấy được khoảng 0.5 m² da chân tôi để đắp lên các vết thương lớn ở tay trái. Rồi họ còn đặt một mảnh Teflon (hoá chất không dính, có tính độc hại) giữa các phần xương mới tạo thành ở cẳng tay tôi để chúng khỏi dính vào nhau, nghĩa là gắn với nhau và cùng nhau phát triển.

Thật không may cho tôi là kỹ thuật đó không phát huy tác dụng, xương liền được nhưng lại dính vào nhau. Do đó, tay trái tôi không thể úp hay ngửa bàn tay, không thể duỗi ra ở khuỷu tay và tôi không thể lật được bàn tay. Khi tôi duỗi cánh tay, nó như đang ở tư thế bắt tay. Tôi cũng không thể vặn được cổ tay sang trái hay sang phải. Tôi biết tất cả những điều này nghe có vẻ kinh khủng, nhưng lúc đó đúng là như thế. Nhưng giống như Ilizarov, nó cũng có tác dụng.

Vâng, đúng là thiết bị Ilizarov có tác dụng, và nó cũng là quá trình đau đớn nhất mà tôi

đã phải chịu đựng trong quá trình hồi phục.

Phần thép không gỉ Ilizarov trên chân tôi nặng khoảng 13.5 kg, và thiết bị cố định ngoài trên cánh tay tôi có lẽ nặng khoảng 9 kg nữa. Dù là ngồi trên xe lăn (trong khoảng 8 tháng) hay khung tập đi (3 tháng nữa) hay cuối cùng là nạng (4 tháng nữa), tôi phải mang trọng lượng đó trong khoảng gần một năm.

Bạn có thể tưởng tượng những cái nhìn lạ lùng dành cho tôi dù ở bất cứ nơi đâu. Mọi người há hốc miệng vì kinh ngạc và trở mắt lên khi thấy một người đàn ông ngồi trên xe lăn với những que thép xuyên khắp người.

Một lần, như thường lệ, tôi ngồi xe lăn đến phòng khám của bác sĩ Greider, phản ứng của những bệnh nhân khác đều như vậy, dù đang băng bó hay chống nạng, mọi người đều nhìn chăm chăm vào tôi cũng như những cái thanh và vòng thép trên người tôi. Rồi không kiềm chế được, có người nói ra những điều dường như hơi xúc phạm: “Ồi, tôi cứ nghĩ là mình đã tẻ lắm rồi”. Có người còn nói thêm: “Sau khi nhìn thấy anh, tôi thấy mình khoẻ hơn”. Suốt một thời gian dài, tôi trở thành hình mẫu để đánh giá mức độ đau đớn.

Tôi thường nói đùa với mọi người là vì những thứ “sắt thép” này, có lẽ nhiều năm sau, khi phát hiện ra xác tôi, các nhà khảo cổ sẽ nghĩ là họ đã tìm ra loại động vật mới! Bộ xương của tôi đã bị sắp xếp lại hoàn toàn.

Tôi sẽ không bao giờ đánh đổi khả năng vận động này dù chỉ một lần nữa. Trong quá trình hồi phục, thậm chí những cử động nhỏ nhất cũng là một phép màu. Mỗi lần tôi học làm được điều gì mới thì đó như là một chiến công vậy.

Phải đến sau này tôi mới biết bác sĩ Greider đã vất vả thế nào để tìm cách cứu vãn chân trái và cánh tay tôi. Tôi luôn biết ơn vì ông đã không từ bỏ trường hợp của tôi.

Đầu gối bên phải của tôi bị đè nát nên tôi phải bó bột một thời gian. Họ đặt lên đầu xương bánh chè của tôi miếng gạc nhỏ để nó lành lại. Cánh tay phải của tôi là chỗ duy nhất không bị xây xát gì.

Dù cái khung Ilizarov có tác dụng thì đau đớn vẫn không buông tha tôi, dù chỉ một phút.

Tôi đã tự hỏi không biết bao nhiêu lần: “Bao lâu nữa đây?”. Tôi muốn biết tôi sẽ phải chịu đựng thiết bị này trong bao lâu, bao lâu thì nó có tác dụng, bao lâu tôi có thể đi lại được.

Không ai dám chắc hay có thể trả lời câu hỏi của tôi, nhưng dù sao tôi vẫn cứ hỏi.

Câu trả lời thường thấy là: “Một vài tháng”.

Tôi cố hỏi: “Vài là bao nhiêu?”

“Có thể nhiều tháng hoặc lâu hơn”, một bác sĩ trả lời.

“Như thế có thể là một năm?”

“Đúng vậy, có thể phải mất vài năm”.

“Và không có gì bảo đảm là tôi sẽ giữ được những cái chân tay đó?”

“Không có gì bảo đảm hết. Anh có thể bị nhiễm trùng bất cứ lúc nào và chúng tôi buộc phải bỏ cái chân của anh đi”.

“Ý ông là tôi có thể chịu đựng chuyện này trong nhiều tháng và cuối cùng cũng chẳng còn cái chân?”.

Ông ta gật đầu.

Rõ ràng, đó không phải là những gì tôi muốn nghe. Dù Eva có nói với tôi điều tương tự thì điều ngược lại vẫn ăn sâu vào tôi. Tôi vẫn cần sự đảm bảo là mình sẽ được hoàn toàn hồi phục.

Tôi muốn có câu trả lời, hơn thế, tôi muốn được bảo đảm là mình sẽ khoẻ lại. Tôi muốn trở lại bình thường. Tôi muốn có thể ra khỏi bệnh viện trên chính đôi chân của mình và quay trở lại kiểu sống trước đây. Không ai sẵn lòng đảm bảo cho tôi như vậy.

Nhiều tháng trôi qua, nhưng có một ngày tôi đã quay lại bệnh viện đó và ôm hôn tất cả những y tá.

Trong suốt những tháng ngày dùng khung Ilizarov, tôi còn gặp nhiều vấn đề khác. Tôi bị nhiễm trùng - nhiều lần. Mỗi lần, tôi phải đối mặt thực tế ghê ghớm trên khắp người và có thể tỉnh lại mà không còn cái chân.

Sau khi về nhà, tôi bị nhiễm trùng vài ba lần và phải nhập viện trở lại, bị cách ly và phải dùng rất nhiều kháng sinh để trị nhiễm trùng.

Dù vậy, nhiều đêm tôi đã cầu xin: “Chúa ơi, hãy mang con trở lại thiên đàng. Con không biết tại sao Người đưa con trở lại trần gian. Xin đừng để con lại nơi đây”.

Câu trả lời của Chúa vẫn là: “Không”.

Tôi vẫn không biết hết mọi lý do, nhưng trong những năm tháng bình phục đầu tiên, tôi dần hiểu được, ít nhất là vài lý do, vì sao mình phải quay lại trần thế.

Các vết thương của tôi bắt đầu lành lại. Khi nằm trên giường bệnh ngày này qua ngày khác, tôi nhận ra là Chúa đã đưa mình trở lại trần thế. Tôi không hiểu tại sao mình phải chịu đựng nhiều đau đớn thể chất đến vậy, nhưng tôi vẫn luôn nghĩ về những lời nói của David Gentiles. Anh ấy và những người khác đã cầu nguyện cho tôi sống lại và Chúa đã trả lời họ.

Trong nhiều ngày chịu đau đớn cực độ, tôi luôn nhớ những lời của David. Đôi khi, tôi có cảm giác là Chúa có dụng ý để tôi sống khiến tôi phải tiếp tục.

Tôi ở trong phòng lệnh đặc biệt của bệnh viện Hermann trong 12 ngày và thêm 4 - 5 ngày trước khi được chuyển qua bệnh viện St. Luke. Hai bệnh viện này đều thuộc trung tâm y học lớn nhất thế giới. Tôi ở St. Luke trong 105 ngày. Và khi về nhà, tôi còn nằm trên giường 13

tháng và trải qua 34 ca phẫu thuật. Chẳng cần phải thắc mắc gì nữa, tôi sống sót vì mọi người đã cầu nguyện cho tôi, bắt đầu từ Dick Onerecker và những người khác trên khắp đất nước, nhiều người trong số họ tôi chưa bao giờ gặp.

Đó có lẽ là phép màu lớn nhất. Mọi người cầu xin và Chúa đã ưu ái với họ.

Khi nghĩ lại, tôi thấy bao nhiêu người cần đến Chúa để cứu tôi. Dick Onerecker đã cứu sống tôi bằng cách luôn cầu nguyện. Bác sĩ Greider đã cứu chân tay của tôi và giúp tôi qua khỏi ca phẫu thuật ban đầu. Bác sĩ Houchins đã cứu sống tôi sau ca phẫu thuật với quyết tâm bền bỉ để tôi tiếp tục sống. Các y tá ở khoa chỉnh hình của bệnh viện St. Luke đã chăm sóc cho tôi ngày đêm. Ai cũng có vai trò quan trọng.

Tôi nghĩ mình sống sót khi rời phòng bệnh đặc biệt là nhờ những lời cầu nguyện của David Gentiles và người khác. “Chúng tôi đang ở đây. Anh không phải làm gì để qua khỏi. Chúng tôi sẽ cầu nguyện để anh qua khỏi”.

Tôi biết là mình không chết.

Những con người của Chúa không để tôi chết.

Chương 8

ĐAU ĐÓN VÀ THÍCH NGHI

Đừng sợ vì ta ở cùng người. Chớ kinh hoàng vì ta là Đức Chúa Trời người. Ta sẽ thêm sức cho người, giúp đỡ người. Ta sẽ gìn giữ người bằng tay phải công chính của ta.

Isaiah 41:10

Vì mọi người không hề nhận ra việc thăm viếng của họ làm tình trạng của tôi tồi tệ hơn nên họ vẫn thể hiện sự quan tâm đó như là lẽ tự nhiên nhất trên đời. Đó là một vấn đề với tôi.

Dòng người vào ra phòng làm tôi kiệt sức. Tôi không thể chỉ nằm đó để họ ngồi bên và nói chuyện. Có lẽ tôi cần thực hiện vai trò là mục sư của mình và cảm thấy phần nào trách nhiệm phải làm vui lòng họ. Tôi không muốn làm ai tổn thương khi bảo họ về đi và đừng đến nữa.

Nhiều ngày, tôi mỉm cười và nói chuyện với họ trong khi mình thực sự chỉ muốn nghỉ ngơi. Đôi khi những vết đau nhức làm tôi gần như không thể tiếp khách chu đáo, nhưng tôi vẫn cố tỏ ra hoà nhã. Tôi cứ tự nhủ với mình rằng họ quan tâm và đã cố gắng để tới thăm tôi.

Giữa bạn bè, họ hàng và mọi người ở nhà thờ, tôi cảm thấy như xuất hiện một hàng rào ngăn cách. Một buổi chiều Eva tới và nhận thấy những vị khách này đang làm phiền tôi. Cô ấy trách cứ tôi vì cứ để như vậy.

Cô ấy biết là tôi sẽ không bảo ai đi về, vì vậy cô ấy đã nói với y tá giảm bớt số người được phép vào thăm. Việc đó không ngăn được mọi người vào thăm, nhưng cũng làm giảm mật độ người ra vào phòng.

Ngoài chịu đựng những vết thương và dòng người vào thăm liên tục, tôi còn phải sống trong trầm uất. Phần lớn là do chấn thương trên cơ thể tôi, một phần có thể do tôi bị phản ứng với thuốc. Tuy nhiên, tôi cho là vì luôn gặp phải kết quả không mong muốn và vết đau chưa lành, tôi luôn có cảm giác mình chẳng còn tương lai gì để mà đón đợi. Tôi dường như chỉ muốn chết.

Tại sao tôi lại bị đưa khỏi nơi thiên đàng hoàn hảo để sống đau đớn trên cõi đời này? Dù cố gắng thế nào, tôi vẫn không thể vui hưởng cuộc sống như trước; tôi muốn trở lại thiên đàng.

Sau tai nạn, đau đớn dường như đã trở thành cuộc sống của tôi, cũng như của nhiều người. Điều đáng kinh ngạc là chúng ta vẫn sống trong điều kiện như thế. Thậm chí bây giờ, đôi lúc nằm trên giường sau một giấc ngủ ngon, tôi bất chợt nhận ra mình không bị đau ở đâu. Chỉ khi đó, tôi mới nhớ lại là mình đã từng phải sống trong đau đớn không ngừng trong 23 giờ 55 phút mỗi ngày.

Phải mất một lúc lâu tôi mới nhận ra là tình trạng của tôi đã ảnh hưởng đến cảm xúc như thế nào.

Tôi đã cầu nguyện và những người khác cũng cầu nguyện, nhưng cảm giác thất vọng bắt đầu xuất hiện. “Liệu tất cả việc này có đáng không?” Mỗi ngày tôi lại đặt câu hỏi này vài lần.

Các bác sĩ và y tá vẫn cố gắng tiêm thêm thuốc chống trầm cảm cho tôi, nhưng tôi từ chối. Tôi không biết chắc là tại sao. Có lẽ, bởi có quá nhiều thuốc trong người nên tôi không muốn thêm nữa. Ngoài ra, tôi nghĩ rằng thêm thuốc cũng chẳng ích gì.

Tôi muốn thoát khỏi sự tồn tại khổ sở của mình và chết đi. Chỉ có điều tôi hoàn toàn chưa được chuẩn bị để đối mặt với chuỗi sự kiện bước ngoặt đó. Giờ đây, tôi biết rằng trường hợp trầm cảm của mình chỉ là trường hợp đặc biệt.

Mọi người khác cũng sớm nhận ra điều đó.

Bác sĩ của tôi đã hỏi: “Anh có muốn nói chuyện với bác sĩ tâm lý không?”

Tôi đã trả lời: “Không”.

Vài ngày sau, một trong số các y tá lại hỏi: “Ông có muốn tôi gọi đến một nhà tâm lý trị liệu không? Một ai đó để ông có thể nói chuyện?”

Câu trả lời của tôi vẫn như thế.

Bởi vì tôi không muốn nói chuyện với bất kỳ ai nên “các bác sĩ tâm thần lên lút” bắt đầu lên vào phòng tôi. Một bác sĩ tâm lý bí mật, sau khi đọc các phác đồ điều trị của tôi đã nói: “Tôi thấy là anh đã gặp một tai nạn khủng khiếp”. Ông ấy đã cố làm cho tôi nói lên cảm giác của mình.

Tôi đã trả lời: “Tôi không muốn nói về vụ tai nạn”. Sự thật là, tôi không thể. Làm sao tôi có thể giải thích cho bất kỳ ai về những gì đã xảy đến với tôi trong 90 phút tôi đi khỏi trái đất này? Làm sao tôi có thể tìm được lời để diễn tả những gì không thể diễn tả được? Tôi không biết cách giải thích là tôi đã thực sự lên thiên đàng. Tôi dám chắc là nếu tôi có nói về việc đó, ông ấy sẽ cho là tôi bị điên. Ông ấy sẽ nghĩ rằng đầu óc tôi có vấn đề nghiêm trọng, rằng tôi đã bị chứng ảo giác, hay cho là tôi cần dùng các loại thuốc mạnh hơn để loại bỏ đi các ảo giác đó. Làm sao tôi có thể diễn tả bằng lời rằng tôi đã có một trải nghiệm mạnh mẽ và vui sướng nhất trong đời? Làm sao tôi có thể làm cho mọi người thấy có lý khi nói tôi thích được chết hơn? Tôi biết được điều gì đang chờ đợi mình sau khi chết, nhưng ông ấy thì không.

Tôi không có ý định nói chuyện với bác sĩ tâm lý (hay bất kỳ ai khác) về những gì đã xảy đến với tôi. Tôi thấy trải nghiệm đó quá sâu kín, quá mãnh liệt để chia sẻ với người khác. Lúc đó, tôi thậm chí còn không kể cho một người gần gũi như Eva.

Việc lên thiên đàng là quá thiêng liêng, quá đặc biệt. Tôi cảm thấy việc nói về 90 phút trên thiên đàng có thể làm vấy bẩn những khoảnh khắc quý giá đó. Tôi không may may nghi ngờ liệu cuộc dạo chơi trên thiên đàng của tôi có phải là thực hay không. Điều đó chưa bao giờ

làm tôi băn khoăn. Mọi thứ đã rất sinh động và chân thực, tôi không thể chối bỏ nó. Không, vấn đề là tôi không muốn chia sẻ kinh nghiệm mạnh mẽ đó với người nào khác.

Điều đó không thể ngăn các nhà tâm lý tìm đến và cố gắng giúp tôi. Sau vài lần, họ không nói với tôi họ là bác sĩ tâm lý. Giờ thì điều đó thật khôi hài, nhưng các bác sĩ tâm lý của bệnh viện vẫn quyết tâm giúp tôi. Sau khi tôi từ chối nói chuyện với họ, họ vẫn lên vào phòng và quan sát tôi. Đôi khi, họ vào phòng như một y tá làm việc với tôi. Có lúc, họ bước vào và nghiên cứu phác đồ điều trị của tôi và chẳng nói gì cả, và tôi cho rằng họ trông đợi tôi bắt đầu một cuộc đối thoại.

Thường thì, họ vào phòng và nói gì đó kiểu như: “Tôi là Bác sĩ Jones”, nhưng không nói gì khác. Bác sĩ có thể kiểm tra mạch của tôi và hỏi: “Dạ dày của anh thế nào?” Ông ấy xem xét phác đồ điều trị của tôi và hỏi những câu rất hợp lý. Cuối cùng, ông ấy tự đề lộ bằng một câu hỏi đơn giản như: “Hôm nay ông cảm thấy thế nào?”

“Vẫn vậy”.

“Ông thực sự cảm thấy tất cả việc này thế nào?” Cho dù họ có thay đổi cách thức khác nhau, họ vẫn luôn hỏi tôi thực sự cảm thấy thế nào.

Tôi đã hỏi: “Ông là một bác sĩ trị liệu phải

không?” “À, thực ra là đúng vậy”.

“Được rồi, ông muốn biết gì nào? Ông muốn biết xem tôi có bị trầm cảm không à? Câu trả lời là tôi rất chán nản. Và tôi không muốn nói về việc đó”.

Những cuộc đối thoại vẫn diễn ra, nhưng tôi đã xoá bỏ phần lớn những người đó ra khỏi đầu óc. Mặc dù tôi biết bác sĩ Jones và những người khác đang cố giúp đỡ tôi, tôi không tin là vẫn còn có hy vọng. Tôi ghét bị suy sụp, nhưng tôi không biết phải làm gì với nó.

Tôi càng nằm lâu trên giường, tôi càng tin rằng tôi chẳng còn gì để trông đợi. Thiên đàng đã thật hoàn hảo - tuyệt đẹp và vui sướng. Tôi muốn được giải thoát khỏi nỗi đau và trở lại đó.

Tôi đã hỏi Chúa Trời: “Sao Người lại muốn con ở đây sau khi đã trải nghiệm thiên đàng? Xin Người, xin Người hãy đưa con trở lại”.

Tôi đã không chết, nhưng tôi cũng không thoát khỏi tình trạng trầm cảm của mình.

Tôi không chỉ từ chối nói chuyện với các bác sĩ tâm lý; tôi còn không muốn nói chuyện với bất kỳ ai về bất kỳ việc gì. Tôi không muốn gặp bất kỳ ai. Tôi thấy ổn hơn nếu không có ai đến thăm - hay ít ra là tôi đã tự bảo mình như thế.

Khi bị trầm cảm, tôi chỉ muốn được ở lại một mình để có thể chết một mình, mà không cần ai cố làm cho tôi tỉnh lại.

Tôi vẫn còn đủ tự trọng của một mục sư nên tôi không muốn bất kỳ ai chứng kiến tình trạng tồi tệ của mình. Ý tôi không chỉ nói về các vấn đề về thể chất; tôi cũng không muốn để họ biết về trạng thái tinh thần suy sụp của tôi.

Dĩ nhiên, khi mọi người vào thăm tôi, những lời nói và chăm chăm của họ khiến tôi cảm thấy như họ đang nói: “Ông là một kẻ đáng thương nhất mà tôi từng thấy”.

Tôi đoán là đúng như vậy.

Và tình trạng trầm cảm vẫn tiếp diễn. Đó là quãng thời gian dài trước khi Chúa trời ban cho tôi điều kỳ diệu khác.

Tôi là cha của ba đứa trẻ, chồng của một người phụ nữ tuyệt vời, và cho đến trước vụ tai nạn, là một người đàn ông có tương lai rạng rỡ. Khi vụ tai nạn xảy ra, tôi 38 tuổi và cho đến tận khi đó, hình ảnh về tôi là một người mạnh khỏe và có thân hình hết sức cân đối. Trong những ngày sau vụ tai nạn, tôi biết là tôi sẽ không bao giờ có thể lại trở thành người đàn ông mạnh khỏe và đầy nam tính được nữa. Giờ thì tôi đã hoàn toàn vô dụng. Tôi không thể tự làm gì cho mình, không cả nâng nổi tay mình lên. Từ trong sâu thẳm, tôi sợ rằng tôi sẽ trở nên vô dụng trong cả phần đời còn lại của mình.

Một ví dụ cho sự vô dụng của tôi đó là trong 12 ngày đầu nhập viện, tôi đã không có chuyển động ruột nào. Biết là hệ thống tiêu hoá của tôi có thể bị nhiễm khuẩn, họ bơm thuốc tháo dạ cho tôi, nhưng việc đó cũng chẳng có tác dụng nhiều.

Tôi nói: “Không có tác dụng nhiều” là bởi vì nếu tôi rặn ra được một tí gì thì người y tá hay hộ lý sẽ mỉm cười vui sướng.

Một hôm, tôi đã có thể rặn ra một ít. “Ôi, tốt quá. Chúng tôi rất mừng cho ông. Hãy đợi xem. Có thể sẽ còn nữa”.

Trong khi trầm cảm, tôi nghĩ: Đây là trải nghiệm đáng buồn nhất trong cuộc đời mình. Mình giống như một đứa trẻ và mọi người thấy vui mừng khi ruột mình có chuyển động nhỏ.

Tôi không nhớ tôi đã nói gì với người hộ lý, nhưng tôi chắc rằng tôi đã không thấy thoải mái.

Cô ấy ra khỏi phòng. Đó là một trong những khoảng thời gian hiếm hoi khi không có ai vào thăm. Tôi hoàn toàn ở một mình và thấy mừng vì sự thanh bình và yên tĩnh đó.

Vài phút sau khi người y tá đi khỏi, thuốc tháo dạ đã phát huy tác dụng.

Tôi đã bùng nổ. Tôi đã có chuyển động của ruột lớn nhất trong đời. Mùi của nó đã tràn ngập người tôi.

Trong cơn hoảng sợ, tôi đã vồ lấy qua tấm ga và các ngón tay tôi cuối cùng đã tìm thấy nút gọi y tá. Vài giây sau, người hộ lý trẻ chạy vào phòng.

Tôi đã nói: “Tôi rất tiếc, tôi không cố ý làm thế này. Tôi sẽ giúp cô dọn dẹp chỗ này”. Những lời nói đó vừa rời khỏi miệng tôi thì tôi nhận ra mình chẳng giúp gì được cho cô ấy cả. Tôi đã cảm thấy thật kinh khủng, vô dụng và ghê tởm.

Tôi bắt đầu khóc.

“Không, không, không, ông đừng lo lắng gì cả. Chính chúng tôi thấy rất mừng khi ông làm được điều đó. Điều này là rất tốt bởi vì nó có nghĩa là hệ thống tiêu hoá của ông đang bắt đầu hoạt động trở lại”.

Thật là một điều đáng xấu hổ, tôi chỉ có thể nằm đó và xem người phụ nữ trẻ tôi nghiệp thay mọi thứ. Cô ấy phải mất ít nhất nửa tiếng để dọn sạch và gấp đôi khoảng thời gian đó để làm mất mùi.

Sự xấu hổ vẫn chưa từ bỏ tôi, mặc dù thâm tâm tôi đã cố bảo mình khác đi. Tôi đã ăn trong 12 ngày và đây là một bước phá thực sự. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng đây là một trong những sự việc ngượng nhất trong đời mình.

Việc đó đối với tôi càng kinh khủng thì càng có nhiều trải nghiệm về cảm giác vô dụng và bối rối xảy ra. Tôi phải đi tiêu; tôi không thể tự lau người; tôi không thể cạo râu. Thậm chí, tôi không thể gội đầu. Người ta đã phải mang đến những thiết bị đặt biệt và đặt đầu tôi vào đó và dội nước lên tóc tôi và sau đó xả nước xuống đường ống dẫn ra thùng rác. Còn một hành động tử tế khó tin khác, Carol Benefield, người đã từng cắt tóc cho tôi từ rất lâu, đã đến cắt tóc cho tôi vài lần trong lúc tôi phải nằm trên giường. Trong những chuyến đi về gần đến 40 km đó, Carol dù thế nào cũng không lấy tiền công.

Bạn bè, gia đình và các nhân viên y tế đã tìm ra cách để đáp ứng tất cả nhu cầu vật chất của tôi, nhưng tôi chỉ có thể nghĩ về bản thân như một người hoàn toàn vô dụng. Tay phải của tôi, cái tay không bị gãy, đã phải mang rất nhiều ống tiêm tĩnh mạch nên người ta phải dính vào đó một miếng gỗ để tôi không thể gập cánh tay đó được.

Tôi có ống tiêm tĩnh mạch trên khắp cơ thể. Chúng chạy vào ngực và vào đầu các ngón chân. Chúng được xếp vào một ống chính đi trực tiếp qua ngực tới tim của tôi. Nhiều tĩnh mạch của tôi đã bị vỡ. Tôi đã hoàn toàn mất hết khả năng và người ta phải nâng tôi lên khỏi giường bằng những sợi dây xích để thay ga giường cho tôi hay để làm bất kỳ việc gì khác mà cần phải di chuyển tôi.

Tôi đã sụt cân ở mức báo động, điều này khiến các bác sĩ lo ngại. Tôi đã không thể nuốt được thứ gì và chúng teo cơ bắt đầu xuất hiện. Trong gần bốn tháng ở bệnh viện, tôi đã sụt khoảng 27 kg. Trước khi xảy ra tai nạn, tôi nặng 94,5 kg, và tôi giảm xuống chỉ còn dưới 67,5 kg. Cách duy nhất để họ có thể cân được tôi đó là đặt tôi vào một đai đeo giống một đĩa trẻ để nâng tôi lên khỏi giường và cân tôi. Họ đã cố dỗ tôi ăn và bằng cách chuẩn bị những món ăn ưa thích của tôi, nhưng chẳng có gì là ngon cả. Chỉ cần ngửi mùi thức ăn cũng làm tôi buồn nôn. Tôi không thấy ngon miệng. Tôi đã cố ăn, thực sự đã cố, nhưng tôi không thể nuốt nổi sau vài miếng.

Tôi cho rằng sự trầm cảm khiến tôi không muốn ăn, mặc dù tôi không biết đó có phải là nguyên nhân không. Tôi biết rằng khi tôi cố ăn thì tôi không thể buộc mình nhai được gì cả. Thậm chí tôi còn không muốn nuốt.

Người ta đã gắn vào tôi một bơm tiêm thuốc giảm đau gọi là PC. Cứ khi nào cơn đau thực sự tồi tệ, tôi lại ấn nút để tiêm cho mình một mũi. Tôi luôn phải tiêm thuốc giảm đau. Lúc đầu, tôi cố cưỡng lại việc tiêm thêm thuốc giảm đau, nhưng bác sĩ đã trách mắng tôi về việc đó. Ông ấy nói cơ thể tôi đang căng lên vì đau và việc đó làm chậm quá trình lành bệnh.

Vào ban đêm họ tiêm thêm thuốc cho tôi để cố giúp tôi ngủ. Tôi viết là cố bởi vì có thêm thuốc thì cũng chẳng có tác dụng gì. Những việc họ làm chẳng có việc nào giúp tôi ngủ được - thuốc ngủ, tiêm giảm đau, hay tiêm thêm thuốc giảm đau đều không có tác dụng. Tôi không tìm được cách nào để cảm thấy thoải mái hay thậm chí cảm thấy dịu bớt cơn đau.

Tôi đã cố giải thích việc này bằng cách nói: “Hãy tưởng tượng bạn nằm trên giường, và tay đầy những que, chân đầy những dây, và bạn phải nằm ngửa. Bạn không thể trở mình. Trên thực tế, chỉ có thể di chuyển vai chưa đầy 1 cm trừ khi bạn với lên và túm được cái giống như thanh xà treo phía trên giường. Ngay cả việc cố gắng di chuyển phần nhỏ cen-ti- mét cũng gây ra những cơn đau khắp cơ thể. Bạn hoàn toàn bất động”.

Vì nằm ở một vị trí quá lâu nên tôi bắt đầu xuất hiện những vết loét trên lưng. Cuối cùng, bệnh viện đã cấp cho tôi một chiếc giường nước đặc biệt có thể di chuyển được. Việc này giúp điều trị các vết loét.

Thời gian duy nhất tôi được rời khỏi phòng là khi họ đẩy tôi xuống để chụp X-quang, việc này luôn là một sự mạo hiểm. Vì tất cả thiết bị và dụng cụ kim loại gắn trên người tôi nên họ đã không biết phải làm cách nào để có thể chụp X-quang cho tôi. Ba hay bốn người đàn ông mặc những bộ quần áo bằng chì trong phòng X-quang và cầm những thấu kính và đĩa đồng sau các chi gắn thép của tôi, vì chưa có máy chụp X-quang nào được thiết kế để chụp cho những kiểu bệnh nhân như tôi.

Điều đó cũng có nghĩa là trong vài ngày tôi phải mất hai hay ba giờ trong phòng X-quang trong khi các kỹ thuật viên cố tìm ra cách chụp ảnh để các bác sĩ có thể xem các xương đã gắn chặt với nhau chưa. Trước đây, họ chưa gặp ca bệnh nào như tôi.

Khi một người nào đó đến để đưa tôi đi chụp X-quang, ông ấy luôn nói: “Chúng tôi đang đưa ông xuống sảnh”.

Đó là tất cả những gì họ phải nói, bởi vì tôi biết họ định nói gì. Khi chiếc giường được đẩy dọc theo những hành lang dài, tôi tự làm sao lãng mình bằng cách chơi trò chơi nối điểm với các viên gạch trên trần. Tôi bắt đầu từ ngày tôi quay trở lại sau cuộc phẫu thuật đầu tiên. Có thể tôi đã ảo tưởng, nhưng tôi nhớ phòng bệnh đặc biệt là một căn phòng mới và tôi là bệnh nhân duy nhất. Khi họ đưa tôi vào, tôi đã rên rỉ và không thể ngừng được. Sau đó, tôi thấy những viên gạch trên trần, và khi tôi nhìn chăm chăm vào chúng, dường như chúng đang chạy cùng nhau và tạo thành một kiểu dáng nào đó mà tôi không thể đoán ra. Trong đầu tôi bắt đầu tạo ra các bức tranh và thiết kế chúng. Trong khi tôi làm như vậy, tôi cũng đã nghĩ: Mình sẽ hoàn toàn bị điên mất. Nhưng dù sao tôi vẫn làm việc đó. Cuối cùng, việc nối các điểm đã trở thành cách làm sao

lãng, giúp tôi tập trung, dù chỉ trong giây lát, vào một điều gì khác chứ không phải nỗi đau của mình.

Sự tra tấn tột tệ nhất diễn ra hàng ngày khi một y tá lau những lỗ ghim mà từ đó các sợi dây đi vào da thịt tôi. Tất cả y tá chăm sóc tôi trên tầng chính hình cơ xương, tầng thứ 21 của bệnh viện St. Luke, đã được đào tạo cách lau các lỗ ghim này. Bởi vì họ không muốn da bệnh nhân bị dính vào dây nên họ phải tách nó ra mỗi khi nó tự dính vào đó. Sau đó, người y tá bơm ôxy già vào mỗi lỗ ghim để tránh nhiễm trùng. Tôi không thể nghĩ được có điều gì còn khó chịu hơn thế, và việc đó đã diễn ra hàng ngày.

Đó chưa phải là tất cả. Mỗi ngày bốn lần, cứ sáu tiếng, họ lại lấy một chiếc cờ lê Allen và vặn các đinh ốc trên thiết bị. Mục đích của việc này là để kéo các đầu xương bên trong chân và cuối cùng làm cho xương mọc ra đó thay thế cho các xương bị mất. Mỗi vòng xoắn của cờ lê khiến tôi đau không thể tả, mặc dù mỗi vòng xoắn rất ít, ít hơn nửa milimét. Cho dù là ngày hay đêm, cứ mỗi sáu tiếng, một người nào đó vào phòng để vặn các đinh ốc cho tôi.

Là một mục sư, tôi từng đến rất nhiều phòng bệnh, trong đó có cả những chuyến đi đến phòng chăm sóc đặc biệt. Tôi đã chứng kiến sự đau đớn quặn quại trên nhiều khuôn mặt, và tôi thường co rúm lại đầy cảm thông. Ngay cả lúc đó, tôi vẫn không thể tưởng tượng được điều gì đó lại có thể đau hơn.

Về phần tôi, có lẽ điều tột tệ nhất là tôi không thể ngủ được. Trong 11 tháng rưỡi tôi chưa bao giờ ngủ - tôi chỉ ngất đi. Ngay cả khi tăng liều lượng mocphin, tôi vẫn chưa bao giờ thấy hết đau. Khi họ quyết định đã đến lúc tôi phải đi ngủ, một y tá đã tiêm cho tôi ba hay bốn mũi hoặc mocphin hoặc là một loại thuốc ngủ khác. Tôi nằm trên giường, và cho dù tôi đã bao lần tự nhủ phải thả lỏng thì tôi vẫn không thể. Tôi chống chọi với nỗi đau đớn và rõ ràng là tôi đã ngất đi. Thời khắc tỉnh táo tiếp theo của tôi là quá trình nhận thức nỗi đau khủng khiếp. Giữa những khoảng thời gian đó, tôi chẳng cảm thấy gì khác.

Cuối cùng, các thành viên trong gia đình và nhân viên y tế cũng để tôi yên bởi vì họ biết là tôi không có đồng hồ sinh học chức năng. Tôi không có cảm giác về thời gian, và tôi không thể thả lỏng, bởi vì tôi đang phải chịu trạng thái căng thẳng. Nếu tôi tạo được nỗ lực di chuyển nhỏ nhất thì sợi dây gắn trong thịt của tôi sẽ xé rách da của tôi - chỗ sợi dây được gắn vào. Tôi có thể di chuyển, nhưng những sợi dây thì không. Ngay cả với chuyển động nhỏ nhất thì nỗi đau đớn ghê gớm vẫn chạy khắp cơ thể tôi.

Sau một thời gian, tôi đã học được cách chung sống với tình trạng đó, nhưng tôi không bao giờ có thể quen được với nó.

Người đầu tiên tôi gặp (chúng tôi chưa bao giờ gặp nhau thật sự) là Christy, người đã từng sử dụng khung Ilizarov cho mục đích ban đầu của thiết bị này. Quá trình Ilizarov được tạo ra để kéo dài xương cho những người bị khiếm khuyết bẩm sinh. Tuy nhiên, thiết bị này sẽ không được gắn vào cho đến khi xương ngừng phát triển. Đặc biệt, trong thời niên thiếu, các xương phát triển với tốc độ rất nhanh, vì vậy bác sĩ phải lựa chọn thời gian thật cẩn thận để tiến hành.

Christy, một cô gái trẻ, được điều trị ở phòng bên cạnh phòng của tôi. Cô sinh ra bị một chân ngắn hơn chân kia. Khi các xương của cô trưởng thành, cô đã chọn phương pháp phẫu

thuật gắn khung Ilizarov để làm cho xương của cô dài ra, giúp cho hai chân có kích thước bằng nhau.

Bởi vì cuộc phẫu thuật của Christy là do cô chọn lựa nên cô có đôi chút khái niệm về sự đau đớn và sự hồi phục lâu dài. Hàng tháng trời, cô phải trải qua những buổi tư vấn đặc biệt. Gia đình cô phải chăm sóc vết thương cho cô và họ cũng biết khoảng thời gian kéo dài của nó.

Sự khác biệt giữa Christy và tôi là dù sao cô ấy cũng biết trước mọi việc. Còn tôi, tình dục thì các thiết bị đã được gắn vào người rồi. Trong tình trạng chán nản thì điều đó càng làm tôi cảm thấy tệ hại hơn. Mặc dù, tôi biết người ta gắn khung Ilizarov vào người tôi để cứu cái chân của tôi, tôi chỉ có thể thấy nó là một nguyên nhân đau đớn cho chính mình.

Một vấn đề khác nảy sinh, mặc dù chỉ là một vấn đề nhỏ. Mặc dù, chúng tôi được điều trị bởi các bác sĩ khác nhau, nhưng những nhân viên y tế vào phòng Christy và tôi để vận đĩnh ốc lại là những người giống nhau. Đôi lúc cờ lê bị để sai chỗ, và nhân viên y tế không tìm thấy nó trong phòng tôi thì sẽ chạy sang phòng Christy để mượn chiếc cờ lê của cô và ngược lại. Thật may cho cả hai chúng tôi là các thiết bị điều trị của chúng tôi có thể trao đổi được cho nhau và một người có thể mượn cờ lê từ phòng này để điều chỉnh các đĩnh ốc ở phòng kia.

Đó là cách thức đầu tiên tôi biết về Christy. Chúng tôi chưa bao giờ gặp mặt nhau, nhưng chúng tôi có thể nhìn thấy bác sĩ của nhau, và cộng thêm chúng tôi có cùng chung một vấn đề, điều này đã tạo ra sợi dây liên kết giữa chúng tôi.

Christy và tôi đã cùng chia sẻ - nỗi đau. Nhiều lần, tôi nghe thấy cô ấy khóc. Ý tôi không phải là khóc thầm, mà là kêu khóc, hay thậm chí là kêu la, và đôi khi chỉ là những lời rên rỉ. Có thể, cô ấy cũng nghe được những âm thanh tương tự từ phòng của tôi. Tôi không kêu khóc vì đó không phải là bản tính của tôi. Một trong các y tá đã gợi ý là tốt hơn tôi nên để tự nhiên và hãy gào thét. Mặc dù cô ấy đúng, nhưng tôi không thể làm thế - ít nhất là trong nhận thức.

Khi kiểm soát được các khả năng của mình, tôi không bao giờ kêu to lên. Tôi nghe thấy những người khác la hét vì đau và những lời kêu khóc của họ đã rất quấy rầy tôi. Tôi cũng học cách giữ những nỗi đau và cảm xúc cho bản thân. Lúc đó, tôi tin rằng sự than khóc, la hét và rên rỉ chẳng ích gì. Những lần duy nhất tôi kêu la là do tôi vô thức hay do bị điều trị quá nặng. Tôi biết về sự bùng nổ này nhờ người khác đã nói cho tôi biết.

Mặc dù trong 12 tuần chúng tôi ở cạnh phòng nhau và chưa bao giờ gặp mặt, nhưng Christy và tôi đã liên hệ với nhau bằng cách gửi thư qua lại, các y tá đã sẵn lòng làm những người đưa thư cho chúng tôi.

Tôi đã cố gắng động viên Christy. Cô ấy kể cho tôi nghe câu chuyện của mình và rất thông cảm với tai nạn của tôi. Cô ấy cũng là người có đức tin. Chúng tôi còn thư từ nói về vấn đề đó.

Tuy vậy, trong một số thời khắc tự thương hại bản thân tồi tệ nhất của tôi, tôi đã nghĩ khi tất cả nỗi đau qua đi, Christy sẽ trở thành một phụ nữ trẻ bình thường, còn tôi sẽ không bao giờ bình thường trở lại nữa. Cô ấy sẽ có thể chơi đùa, chạy nhảy và làm mọi việc mà một thanh niên có thể làm. Còn tôi sẽ chẳng bao giờ chạy được nữa.

Rất nhiều lần tôi thấy tự thương hại cho mình, tự nhắc nhở mình rằng cô ấy chọn sự đau đớn cho mình, còn tôi không được cảnh báo trước và không có quyền lựa chọn. Cô ấy biết trước những gì sẽ phải trải qua; còn tôi chẳng biết gì. Cô ấy có một quyết định ảnh hưởng tích cực đến toàn bộ phần đời còn lại của cô, còn tôi chỉ làm việc gì đó để cứu sống bản thân mình. Đúng vậy, sự tự thương hại đã ngập tràn trong đầu óc tôi trong rất nhiều ngày.

Tuy nhiên, tôi vẫn quay trở lại ý nghĩ: Chúa Trời đã chọn để tôi được sống. Ngay cả trong những thời khắc chán nản và tự thương hại tồi tệ nhất của mình, tôi chưa bao giờ quên điều đó.

Christy và tôi cùng chung nỗi đau. Chúng tôi cũng cùng chung đức tin và tự nhắc nhở rằng Chúa Trời vẫn ở cạnh chúng tôi trong những thời khắc chịu đựng kinh khủng nhất. Chỉ việc Christy ở cạnh phòng tôi cũng làm tôi thấy dễ chịu, bởi vì tôi đã nghĩ: Mình không phải là người duy nhất; có một người khác cũng hiểu được cảm giác của mình.

Đó là khi tôi bắt đầu nghĩ đến việc trở thành thành viên của một tổ chức tôn giáo riêng biệt. Trong những năm sau khi lành bệnh, tôi đã gặp những bệnh nhân khác của sự bất đắc dĩ này và những người bạn nhỏ. Bởi vì tôi biết cảm giác chịu đựng là thế nào, tôi có thể hiểu được nỗi đau của họ, cũng như Christy có thể cảm nhận được nỗi đau của tôi và ngược lại.

Hơn cả mong đợi, cuối cùng tôi đã làm được một việc mà các bác sĩ cho rằng tôi có thể không bao giờ làm được: Tôi học cách đi lại. Tôi có thể đứng trên đôi chân của chính mình, đặt một chân lên trước chân kia và di chuyển. Người ta đã cảnh báo với tôi là do đầu gối chân phải bị vỡ, và do mất xương đùi ở chân trái (thay vào đó là một chiếc xương được kéo căng ra và được thay thế), nên tôi sẽ không thể bước đi được nữa, và nếu có đi được thì tôi sẽ phải mang những thanh trụ nặng. Tôi đã suýt mất chân trái, và bằng cách nào đó Chúa Trời đã đưa tôi ra khỏi những khủng hoảng đó.

Khoảng bốn tuần sau cuộc phẫu thuật đầu tiên, cánh tay tôi được trị liệu và hai tuần sau là đến chân của tôi.

Vào thời gian đó, họ đặt tôi vào một cái mà tôi gọi là “giường Frankenstein”. Họ buộc tôi vào một tấm bảng lớn và xoay chiếc giường để chân tôi chạm xuống sàn nhà và người tôi ở trong tư thế đứng, mặc dù vẫn bị buộc vào giường. Hai bác sĩ vật lý trị liệu đã buộc chiếc đai lớn xung quanh eo của tôi và đi kèm bên cạnh tôi. Các chân của tôi bị teo và rất yếu ớt, vì thế họ giúp tôi bước những bước đầu tiên. Tôi phải mất rất nhiều ngày để học cách đứng trở lại để có thể dồn trọng lượng lên hai chân mình. Sự thăng bằng của tôi bị thay đổi bởi vì tôi đã quen với vị trí nằm ngang. Tôi trở nên buồn nôn khó tả mỗi khi họ dựng tôi lên vị trí thẳng đứng. Nhiều ngày trôi qua trước khi tôi quen được với vị trí đó đủ để tôi bước đi những bước đầu tiên.

Tôi đã không học đi được cho đến khi bệnh viện cho tôi ra viện. Mỗi ngày, một bác sĩ vật lý trị liệu đến để giúp tôi. Sáu tháng sau, tôi mới học đi được vài bước trên đôi chân của chính mình.

Mười một tháng rưỡi sau vụ tai nạn, bác sĩ của tôi đã tháo thiết bị Ilizarov. Sau đó, tôi phải sử dụng nạng chống và cuối cùng là một cây gậy. Một năm rưỡi sau, tôi vẫn không thể bước đi mà không có nạng hay một cây gậy.

Vụ tai nạn của tôi diễn ra vào tháng Giêng năm 1989. Người ta đã tháo nẹp kim loại bên ngoài khỏi thiết bị hỗ trợ tay của tôi vào tháng Năm, nhưng họ lại đặt các đĩa kim loại bên trong cho cả hai xương cẳng tay. Những đĩa kim loại này được đặt ở đó thêm vài tháng nữa.

Vào cuối tháng Mười Một, họ tháo thiết bị hỗ trợ khỏi chân tôi, nhưng vẫn chưa hết. Sau đó, tôi phải bó bột rất lâu, và họ lồng một đĩa vào chân tôi - đĩa này phải đặt ở đó trong chín năm. Tôi rất sẵn lòng để nó ở đấy, nhưng người ta nói là phải lấy nó ra. Bác sĩ của tôi giải thích rằng khi tôi già đi, các xương, dựa trên đĩa trợ lực đó, sẽ trở nên rất giòn. Và tôi biết được các xương của chúng ta chỉ có thể trở nên khỏe mạnh và duy trì được trong điều kiện chịu lực căng và được hoạt động.

Trong những năm tháng với thiết bị hỗ trợ và các đĩa kim loại, cứ khi nào phải bay từ Ohio đến California tôi đều không phải qua kiểm tra bởi thiết bị dò kim loại. Thay vì phải đi qua thiết bị dò kim loại của hải quan thì tôi nói với nhân viên an ninh: “Số lượng thép không gỉ trong người tôi còn nhiều hơn cả ngăn kéo đồ trang sức bằng bạc của anh ở nhà”.

Họ đã cười với tôi và nói: “Chắc chắn thế rồi”.

Bọn trẻ nhà tôi đã rất tự hào gọi tôi là “người thuyết pháp rô-bốt” theo tên nhân vật chính trong bộ phim Robocop (Cảnh sát rô-bốt). Trong phim, sau một vụ việc khủng khiếp, các bác sĩ đã sử dụng công nghệ cao và các đĩa kim loại để khôi phục lại người cảnh sát để anh này có thể chiến đấu chống tội phạm.

Mặc dù những sợi dây và chiếc đĩa có vẻ man rợ, nhưng chúng rất hiệu quả. Mọi người rất sợ khi nhìn thấy chúng được gắn vào thịt của tôi. Giờ đây, những người này càng kinh ngạc hơn trước khả năng di động của tôi. Nhưng ẩn sâu về ngoài mỏng manh của sự bình thường đó, tôi vẫn trong quá trình phục hồi, luôn phải điều chỉnh.

Chương 9

KHÔNG NGỪNG ĐIỀU CHỈNH

Một người bạn luôn trung thành, một người anh em sinh ra để giúp đỡ nhau trong lúc hoạn nạn.

Proverbs 17:17

Phản ứng của mọi người sau tai nạn của tôi khác nhau đến lạ lùng. Nhiều bạn bè và thành viên ở nhà thờ South Park đã đến thăm tôi chỉ năm ngày sau vụ tai nạn. Cũng nhiều người trong số đó đã đến thăm tôi sau buổi lễ cầu nguyện Đêm Trắng mà David Gentiles phát động. Họ vui mừng trước những biến chuyển nhỏ nhất của tôi. Còn tôi thì hồi phục quá chậm nên căn bệnh trầm cảm nặng nề cứ đem bám lấy tôi. Sau khi rời phòng chăm sóc đặc biệt, tôi còn phải nằm viện 105 ngày. Tôi cho là ai cũng sẽ bị trầm cảm nếu phải nằm lâu như vậy.

Trong nhiều tháng tôi hồi phục, nhà thờ đã làm mọi việc để tôi cảm thấy có ích. Họ đưa cả xe tải chở các cháu nhỏ tới thăm tôi. Đôi khi, các ban bộ của nhà thờ còn họp ngay trong phòng bệnh của tôi, cứ như là tôi vẫn có thể tham gia quyết định được chuyện gì. Họ biết là tôi không thể nói hay làm gì nhiều, nhưng họ làm thế để khẳng định và động viên tôi. Họ đã làm tất cả những gì có thể để tôi cảm thấy có giá trị và có ích.

Dẫu vậy, tôi vẫn luôn bị trầm cảm và chỉ biết tự thán. Tôi chỉ khát khao được quay trở lại thiên đàng.

Ngoài bị trầm cảm, tôi còn gặp phải vấn đề khác: Tôi không muốn ai làm bất cứ thứ gì cho tôi. Đó là bản tính của tôi.

Một hôm, Jay B. Perkins, một mục sư về hưu, tới thăm tôi. Ông đã làm mục sư cho nhiều nhà thờ ở Texas cho đến khi về hưu và trở thành đức cha có thể lực trong đoàn mục sư của tôi. Nhà thờ South Park mời ông về để tạm thời thay thế trong thời gian tôi nghỉ.

Jay thành tâm đến thăm tôi. Mỗi lần đến ông đã phải đi hơn 25 km và cứ thế hai hoặc ba lần một tuần. Tôi thấy không hợp lắm với ông nhưng vẫn phải cười. Tôi cứ nằm trên giường và cảm thấy hối tiếc cho chính mình. Ông nói chân thành và luôn tìm những từ để động viên tôi, nhưng nó cũng chẳng giúp gì cho tôi, mặc dù đó cũng chẳng phải là lỗi của ông ấy. Không ai có thể giúp gì được cho tôi. Không chỉ tôi đau khổ mà sau này tôi còn biết là mình cũng làm nhiều người khác phải khổ.

Những vị khách tới thăm đã cố gắng giúp tôi, nhiều người còn muốn làm tất cả những gì có thể cho tôi. Có người hỏi: “Tôi mang cho anh một cuốn tạp chí nhé?”

“Anh có muốn uống sinh tố sữa không? Có một hàng McDonald’s ở ngoài sảnh. Hay là tôi mua cho anh chiếc Hamburger hay một cái gì đó nhé”.

“Anh có muốn tôi đọc Kinh thánh cho anh nghe không? Hay đọc một cái gì khác?”

“Anh có muốn tôi giúp việc vặt gì không?”

Câu trả lời của tôi vẫn là: “Không, cảm ơn”.

Mặc dù không biết là mình đã xử sự tiêu cực với mọi người, tôi vẫn không nghĩ là mình hẹp hòi mà chỉ là không thân thiện hay hợp tác. Tôi không muốn nhìn thấy ai, không muốn nói chuyện với ai; tôi muốn không còn sự đau đớn và kỳ dị đó. Nếu buộc phải sống trên thế gian này thì tôi muốn được khoẻ mạnh và quay trở lại cuộc sống như trước đây.

Vì đến thăm tôi thường xuyên nên Jay nhận thấy tôi đã tách mình khỏi bạn bè và gia đình. Một hôm, ông đang ngồi cạnh tôi thì thấy một người trợ tế ở South Park tới thăm tôi. Sau khoảng 10 phút, anh ta đứng dậy và nói: “Tôi chỉ muốn ghé qua thăm anh thôi”. Rồi anh ta lại hỏi một câu quen thuộc: “Trước khi tôi đi, anh có cần tôi làm gì cho anh không?”

“Cảm ơn, không cần đâu. Tôi rất cảm kích, nhưng...”

“À, tôi lấy cái gì cho anh ăn nhé? Tôi sẽ đi xuống dưới nhà và...” “Không, thật mà. Cảm ơn vì đã đến thăm tôi”.

Anh ta chào rồi đi.

Jay chỉ ngồi yên và chăm chú nhìn ra ngoài cửa sổ khá lâu sau khi người trợ tế đi. Cuối cùng, ông đi tới giường và ghé sát vào tôi rồi nói: “Anh thực sự cần phải xem lại mình”. “Thưa ông?”, tôi nói như bất kỳ ai nói một cách đầy kính trọng với vị cha đạo 80 tuổi. “Anh cần phải xem lại”, ông nhắc lại, “Anh đang hành động không đúng lắm”.

“Tôi không hiểu”.

“Ngoài ra”, ông nói và đến gần tôi hơn khiến tôi không thể nhìn đi đâu khác. “Ngoài ra, anh còn rất đạo đức giả nữa”.

“Tôi không hiểu ông đang nói chuyện gì”.

“Họ quá quan tâm đến anh, và anh không thể tưởng tượng họ yêu quý anh đến thế nào đâu”.

“Tôi biết họ yêu quý tôi”.

“Vậy à? Vậy mà anh lại không cho họ thấy được là anh biết điều đó. Anh đang cư xử không đúng lắm với họ. Nếu họ có thể chữa lành cho anh thì họ cũng sẽ làm. Nếu họ có thể thể chỗ được cho anh thì nhiều người trong số họ sẽ làm. Nếu anh bảo họ làm bất cứ thứ gì - bất cứ thứ gì - họ sẽ làm ngay mà không do dự”.

“Tôi biết”.

“Nhưng anh lại không để họ làm gì cho anh”.

“Tôi không muốn họ làm gì cả”. Không cần kiểm chế, tôi đã nói to nhất có thể, “Sự thật là tôi thậm chí không muốn họ ở đây. Giá mà họ đừng đến. Tôi biết là không tiện. Họ còn nhiều việc hay hơn để làm. Tôi biết thế - tại sao tôi lại muốn họ đến và nhìn thấy tôi như thế này? Thật đáng sợ. Tôi thật đáng khinh”.

“Đó không phải là việc anh phải lo”.

Tôi nhìn lại, sốc vì những gì ông nói.

“Anh đã dành phần đời có ích nhất của mình để chăm lo cho người khác, để đáp ứng nhu cầu của họ, giúp đỡ họ trong những lúc khó khăn bi thảm và...”

“Tôi... tôi đã cố gắng”.

“Và giờ anh không được ngăn cản họ làm điều tương tự cho anh”. Tôi sẽ không bao giờ quên câu sau đó. “Don, đó là điều duy nhất họ có thể mang lại cho anh, và anh đang tước đi của họ cái quyền đó”.

Vẫn không định chịu thua, tôi phản đối và cố giải thích. Ông lại cắt ngang lời tôi.

“Anh không để những người khác chăm lo cho anh. Đó là điều họ muốn anh làm. Tại sao anh không hiểu điều đó nhỉ?”

Tôi thực sự không muốn bị tác động bởi những lời nói của ông, nhưng tôi nói: “Tôi đánh giá cao họ, và tôi biết họ muốn giúp. Tôi nghĩ chỉ có thể và cũng tốt thôi nhưng...”

“Chẳng những gì hết! Anh đang lừa để họ mất đi cơ hội thể hiện tình cảm với anh”.

Những lời đó của ông làm tôi bị sốc. Trong thâm tâm, tôi đang cố tỏ ra vị tha và không muốn gây phiền phức cho họ. Chính lúc đó, những lời của ông ấy mới đi vào tiềm thức của tôi. Thực tế, tôi đang ích kỷ. Ở đây còn có thái độ tự ái nữa. Tôi biết cách hào phóng với người khác, nhưng lòng tự ái không để tôi tiếp nhận sự hào phóng của người khác.

Jay vẫn không buông tha cho tôi. Cuối cùng, tôi thành người bị bắt phải nghe hoàn toàn. Ông cứ ở đó cho đến khi buộc được tôi phải thấy tôi đã xa cách tệ hại đến thế nào với mọi người. Thậm chí, khi tôi tìm thêm lý lẽ để biện minh, Jay vẫn không tha cho tôi.

“Tôi muốn anh để họ giúp. Anh có nghe tôi nói không? Anh sẽ để họ giúp!”

“Tôi không thể, quả thật là tôi không thể”. “Được rồi, Don, vậy nếu anh không làm việc đó vì mình thì hãy làm cho tôi”.

Ông ấy biết tôi sẽ làm bất cứ điều gì vì ông ấy, vì vậy tôi đã gật đầu.

“Lần sau, có ai tới đây và đề nghị làm gì, bất cứ thứ gì cũng không vấn đề, tôi muốn anh hãy nói đồng ý. Anh có thể không làm thế với tất cả mọi người, nhưng hãy bắt đầu với một hay hai

người. Hãy để một vài người thể hiện tình yêu thương của họ bằng cách giúp đỡ anh. Hãy hứa là anh sẽ làm vậy đi”.

“Tôi không chắc mình có thể làm được điều đó hay không”.

“Đúng là anh có thể”.

“Tôi sẽ cố, nhưng đó không chỉ là việc của tôi”.

“Vậy thì biến nó thành việc của anh”. Ánh mắt ông ấy như xoáy vào tôi. ”Làm đi!”

Giờ thì tôi hoàn toàn ngạc nhiên khi nghĩ là Jay đã bình tĩnh với mình. Giọng ông nhẹ xuống, và ông nói: “Hãy cố gắng vì tôi, được không? Anh phải làm tốt hơn việc này. Giờ anh chưa làm tốt lắm. Đây là một trong những bài học mà Chúa muốn anh phải học. Anh sẽ còn bị đau một thời gian dài. Và nó sẽ dài hơn nếu anh từ chối được giúp đỡ”.

“Được rồi”. Tôi không thể chống cự thêm được nữa.

Tôi đã hứa. Tôi không tin là ông sẽ đi nếu tôi không hứa.

Phản ứng đầu tiên của tôi là tức giận, thậm chí có thể là giận dữ. Tôi nghĩ là ông đã đi quá giới hạn, nhưng tôi không nói ra như thế. Khi ông đi rồi, tôi suy nghĩ về tất cả những gì ông nói. Khi cơn tức giận, tự ái và ích kỷ qua đi, tôi nhận ra là ông đã nói sự thật, sự thật mà tôi cần phải nghe.

Hai ngày sau, tôi vẫn chưa thể làm điều mà ông yêu cầu.

Đến ngày thứ ba, một người ở nhà thờ vào phòng, chào tôi và ở với tôi 5 phút trước khi đi. Anh ta nói: “Tôi chỉ muốn ghé qua xem anh thế nào. Trông anh có vẻ khá hơn”.

Tôi chỉ cười, trông tôi thật kinh khủng, nhưng tôi cũng chẳng muốn tranh luận với anh ta.

Anh ta đứng dậy chuẩn bị đi. “Có việc gì anh cần tôi làm trước khi tôi đi không?”

Khi miệng tôi đang định nói những lời như: “Không, cảm ơn anh” thì hình ảnh của Jay hiện ra trong tâm trí tôi: “À, tôi muốn có một cuốn tạp chí để đọc”.

“Anh muốn đọc à?” Anh ta cười tươi nhất trần đời. “Thật không?” “Tôi nghĩ vậy. Lâu rồi tôi chưa được đọc mà”.

“Tôi sẽ trở lại ngay!” Trước khi tôi có thể nói muốn đọc loại nào thì anh ta đã chạy ra khỏi cửa nhanh như một cái bóng. Phải xuống đến 21 tầng nhưng dường như anh ta chỉ đi mất không đến một phút. Khi trở lại, trên tay anh ta đã có đầy cả đống tạp chí. Khi chìa cho tôi xem bìa các loại tạp chí đó, anh ta vẫn tươi cười hơn hờ.

Tôi cảm ơn anh ta và nói: “Tôi sẽ đọc ngay đây”.

Anh đặt chúng lên bàn và lại cười: “Còn gì nữa không?”

“Không, đó là tất cả những gì tôi cần rồi. Cảm ơn anh”.

Khi tôi mở rộng lòng để ai đó làm một việc gì tốt cho mình, tôi nhận ra nó cũng không quá vất vả với họ. Khi anh ta đi rồi, tôi bắt đầu lướt qua chỗ tạp chí. Tôi không đọc được thật sự vì vẫn đang nghĩ về những điều xảy ra.

Jay đã đúng. Tôi đã tước đi của họ cơ hội thể hiện lòng yêu thương và sự quan tâm.

Khoảng 40 phút sau, một phụ nữ trong nhóm đọc thân tới thăm và chúng tôi đã bắt đầu cuộc nói chuyện thông thường. “Anh thế nào rồi?”

“Tốt”.

“À, ông có muốn tôi làm gì cho ông không?”

“Không, tôi.. tôi...”. Lại một lần nữa, những lời của Jay vang lên trong đầu tôi. “À, có thể cho tôi một ly sinh tố sữa dâu tây”.

“Sinh tố sữa dâu tây à? Tôi rất muốn được mang nó đến cho anh”. Tôi chưa từng nhìn thấy nụ cười của cô ấy xinh đẹp đến thế. “Còn gì nữa không? Một ít khoai chiên chẳng hạn?”

“Thôi, thế là đủ rồi”.

Cô ấy lao ra khỏi phòng và trở lại với cốc sinh tố sữa dâu tây. “Mục sư ơi, hy vọng là ông sẽ thích”.

“Chắc chắn rồi, thực ra tôi rất thích sinh tố sữa dâu tây”.

Sau đó, tôi có thể tưởng tượng mọi người trong giáo đoàn đang đứng ngoài phòng tôi sẽ bàn tán. “Ông ấy bảo tôi đi mua sinh tố sữa dâu tây”.

“Vâng, và ông ấy để tôi giúp mấy việc lặt vặt”.

Cho đến lúc đó, tôi mới nhận ra mình đã bỏ qua một chuyện quan trọng như thế nào. Tôi đã làm họ và chính mình thất bại. Khi cố tỏ ra cứng rắn trước họ, tôi đã làm cho họ mất đi cơ hội được giúp đỡ mình. Tôi cảm thấy tội lỗi đầy mình, và cuối cùng tôi đã có thể thấy được tấm thịnh tình của họ.

Hồ thẹn tràn ngập, tôi bắt đầu khóc Cuối cùng, khi mở lòng hơn, tôi thấy một sự thay đổi lớn trên vẻ mặt và cử chỉ của họ. Họ thích thế. Tất cả những gì họ muốn là cơ hội làm việc gì đó, và cuối cùng tôi cũng đã để họ làm.

Anh cần phải xem lại mình. Nhiều giờ sau đó, những lời quở trách triu mến của Jay vẫn không rời xa tôi. Nước mắt chảy ra. Tôi không biết đã bao lâu nhưng dường như phải hàng giờ trước khi cuối cùng tôi nhận ra Chúa đã tha thứ cho tôi. Tôi đã được dạy một bài học.

Dù tình trạng của tôi như vậy, không phải nhiều người có thể làm được như Jay. Điều đó đã làm thay đổi thái độ của tôi. Thậm chí, nhiều năm sau đó, đến bây giờ, tôi vẫn phải đấu tranh với việc để người khác giúp mình, nhưng ít nhất là cánh cửa giờ đã hé mở thay vì đóng chặt.

Những lúc cảm thấy thể chất và tinh thần đều mệt mỏi, tôi thường đẩy mọi người ra xa và khẳng định rằng mình không cần gì. Tuy nhiên, khi đã mở lòng cho người khác được thể hiện thịnh tình của họ và giúp đỡ mình, đó là một sự khác biệt. Khuôn mặt họ sáng ngời lên khi hỏi: “Anh thực sự để tôi làm thế cho anh nhé?”

Tôi đã coi sự từ chối của mình là không muốn áp đặt, họ coi sự thay đổi của tôi là cơ hội để họ được giúp đỡ.

Tôi luôn biết ơn bài học về việc để mọi người đáp ứng nhu cầu của mình. Tôi cũng biết ơn vì có được bài học đó trong bệnh viện trong lúc mình gần như vô dụng.

Ai đó đã mang đến bệnh viện cho tôi một cái thẻ. Lúc đầu tôi nghĩ đó là để đùa vui vì nó có những chữ trong Thánh ca 46:10 “Hãy lặng yên và biết rằng ta là Chúa”. Có lẽ nhằm để an ủi tôi. Tôi không biết người đưa nó cho tôi (tôi cũng chẳng nhớ đó là ai) đã nhận ra là tôi chẳng thể làm gì ngoài lặng yên.

Tuy nhiên, tấm thẻ đó vẫn chứa đựng thông điệp mà tôi cần, chỉ có điều là phải mất khá lâu tôi mới hiểu ra.

Nhiều tuần trôi qua trước khi tôi nhận ra mình cần lặng yên và tin tưởng rằng Chúa biết mình đang làm gì trong chuyện này. Đúng, đó là một bài thơ cho tôi, mặc dù không phải do tôi chọn.

Chúa bắt tôi phải lặng yên. Bản chất của tôi không phải là sống quá nội tâm nhưng tôi ngày càng trở nên như vậy. Tôi không có sự lựa chọn nào khác. Tôi không thể làm gì khác hơn là cảm thấy hối tiếc cho chính mình. Càng nằm bất động lâu, tôi càng đến gần hơn với sự bình thản của Chúa và sự tĩnh lặng bên trong mình.

Eva tìm được một bản khắc đoạn thơ đó bằng chữ mạ vàng và tặng nó cho tôi. Tấm thẻ đó giờ đang được để ở phòng làm việc của tôi ở nhà thờ, tôi thấy nó mỗi lần nhìn vào bàn.

Ngày qua ngày, tôi vẫn nằm trên giường, gần như bất động. Tôi nằm ở vị trí ngửa người, tổng cộng khoảng 13 tháng trước khi xoay người sang nằm nghiêng. Chỉ cử động đơn giản đó cũng làm nên một ngày bình phục tuyệt vời nhất. “Ôi, tôi đã quên mất cái cảm giác tuyệt vời này”, tôi nói to lên.

Trong suốt quá trình hồi phục dài dằng dặc đó, tôi đã học được rất nhiều về bản thân mình, về thái độ và bản tính của mình, mặc dù tôi cũng không thích nhiều điểm ở Don Piper. Tuy nhiên, trong lúc nằm bất động đó, tôi vẫn bị trầm cảm.

Tôi bắt đầu tự hỏi liệu tôi có thể hết trầm cảm.

Thế là Chúa lại mang đến một điều kỳ diệu nữa.

10 NHỮNG ĐIỀU KỲ DIỆU KHÁC

Tôi luôn luôn cảm tạ CHÚA
Miệng tôi hằng ca ngợi Ngài
Linh hồn tôi hân diện trong CHÚA
Những kẻ khốn cùng sẽ nghe và vui mừng
Hãy cùng tôi tán dương CHÚA
Hãy cùng nhau ca ngợi danh Ngài
Tôi đã cầu khẩn CHÚA và Ngài đáp lời tôi,
Ngài cũng giải cứu tôi khỏi mọi điều lo sợ.

Psalm 34:1-4

Đôi khi, tôi còn bị trầm cảm đến mức khó thở. Nó đưa tôi trở lại những ngày ở phòng chăm sóc đặc biệt để giải quyết vấn đề hô hấp do suy phổi. Thậm chí, bây giờ, khi không còn suy phổi thì tinh thần tôi lại suy sụp. Hiếm thứ gì có thể làm suy sụp tinh thần con người như sự vô vọng. Trong nhiều tháng, không ai có thể nói được khi nào và thậm chí là liệu tôi còn có thể trở lại bình thường được nữa không. Vì thế, tôi đã bị trầm cảm nặng.

Khi cái thân hình tàn tạ đáng sợ của tôi đã dần hồi phục thì tôi còn cần sự cải thiện về tinh thần. Tôi bắt đầu nghĩ thế này: từ “spirit” theo tiếng Hy Lạp có nghĩa là “sự hô hấp”, cũng có nghĩa là “gió” hoặc “hơi thở”. Đó là gốc gác của từ mà ta gọi là viêm phổi. Cũng như phổi cần được căng trở lại để qua khỏi giai đoạn viêm tấy, tôi cũng cần hơi thở của Chúa để giúp mình qua khỏi sự suy sụp tinh thần.

Tôi không biết mình đã nhận ra sự suy sụp đó từ khi nào. Trong vài tuần, đầu sau khi hồi phục, tôi vẫn bị đau đớn nên không thể nghĩ được điều gì quá vài giây. Trong những tuần đó tôi còn phải đấu tranh với nhiều cơn giận dữ khó chịu. Tôi không tức giận với Chúa, mặc dù thường xuyên tự hỏi tại sao Người lại đưa tôi trở về trái đất này và tại sao mình lại phải chịu những đau đớn thể chất kinh khủng như vậy. Dù vậy, sự đau đớn đó không phải là một vấn đề với tôi. Ngay từ những ngày đầu ở bệnh viện, đau đớn đã luôn đồng hành với tôi và như những người khác, tôi đã phải học cách chung sống với thực tế đó. Cuộc đấu tranh của tôi là ở chỗ tôi đã được trải qua hào quang và uy nghi của thiên đàng rồi lại phải trở về thế gian này. Trong những lúc yếu đuối, tôi không thể hiểu tại sao Chúa lại đưa tôi trở về trái đất trong điều kiện như thế. Nhiều người đã sống trong đau đớn khôn cùng nhưng có rất ít người đã trải qua thiên đàng.

Thay vào đó, sự tức giận của tôi tập trung vào những nhân viên y tế. Tôi cho là vì họ cứ ở đó suốt ngày đêm. Sâu thẳm bên trong mình, tôi giận dữ với bản thân cũng như với các nhân viên y tế. Tại sao tôi không thể hồi phục nhanh hơn? Tôi đổ lỗi cho họ vì việc mình chậm hồi phục. Những lúc tỉnh táo, tôi biết họ đã cố gắng hết sức. Dù tôi có tức giận và phản kháng như thế, tôi chắc là họ cũng cảm nhận được nhưng họ vẫn ở bên tôi và thường xuyên động viên tôi.

Tôi không muốn được động viên, tôi cần kết quả. Tôi muốn trở lại mạnh khỏe. Tại sao cuộc sống của tôi lại không còn như trước kia? Tôi muốn tự mình đi lại và không muốn phải suốt ngày dựa vào người khác.

Các nhân viên y tế không thể cho tôi câu trả lời rõ ràng nào và điều đó càng làm tôi thêm bức tức. Khi nghĩ lại, tôi chắc họ đã nói những gì có thể, nhưng tôi chẳng qua chỉ là trường hợp đặc thù. Không ai có thể tiên lượng về tôi. Thực ra, trong nhiều tuần họ vẫn không chắc liệu tôi có thể sống được không, chứ không nói đến việc hồi phục nhanh chóng.

Tôi trở nên hoang tưởng, tôi biết là mình không chính đáng khi kêu ca, yêu cầu quan tâm hơn và cho nhiều thuốc hơn để giảm đau. Chẳng giống tôi chút nào. Tốc độ quá chậm. Họ bắt tôi phải đợi quá lâu khi tôi cần. Không ai muốn trả lời những câu hỏi của tôi.

“Tôi sẽ phải mang cái khung Ilizarov này trong bao lâu?” Tôi đã hỏi gần như tất cả các nhân viên vào phòng mình.

“Tôi không biết”. Đó là câu trả lời thường được nghe nhất.

Cuối cùng, tôi vẫn phải nói: “Nhưng tôi vẫn muốn biết dù chỉ chút ít”.

Câu trả lời duy nhất mà họ có thể cho tôi là: “Lâu đấy, rất lâu”.

Có đôi lần, tôi cố ép bác sĩ để có một câu trả lời.

“Hàng tuần, có khi hàng tháng. Chúng tôi không thể nói rõ vì chúng tôi không biết. Nếu tôi biết, tôi sẽ nói cho anh”.

Thông thường, có thể hiểu là họ đang làm hết sức nhưng những ngày đó thì tôi đâu có hiểu được lẽ thông thường đó. Một phần là do đau đớn và phần nữa là do hàng đống thuốc mà tôi phải dùng cũng đã ảnh hưởng đến tôi, mà tôi thì không phải là một bệnh nhân tốt. Thay vì vừa lòng, tôi cứ luôn tự hỏi: Tại sao họ không nói với mình? Họ biết và đang giấu mình điều gì vậy? Có những điều họ không nói với mình và mình có quyền được biết chuyện gì đang diễn ra.

Trong nhiều đêm không ngủ, tôi cứ nằm trên giường với ý nghĩ là các y tá đang hiệp lực chống lại mình. Tôi chưa bao giờ tự hỏi là tại sao họ lại muốn làm thế.

Tại sao họ không nói gì với tôi? Khi nằm đó, tôi cứ xỉ vả: “Họ có thể làm điều gì gây đau đớn cho tôi hơn như thế này không?”

Câu trả lời là chẳng có gì. Tôi phải chịu đựng thêm nỗi đau không chỉ từ vụ tai nạn mà còn từ quá trình chữa trị. Ví dụ, khi họ lấy xương từ hông bên phải của tôi cho vào cánh tay trái, họ lại rạch thêm một đường dài đến 15 cm và đóng lại bằng những cái ghim bằng kim loại. Đến lúc phải lấy ra, họ kéo chúng khỏi da thịt tôi. Mỗi lần kéo đó, tôi lại quặn lên vì đau và trở nên sứt sứt đến nỗi tôi không thể hét lên được nữa. Tôi không thể nhớ được sự đau đớn dằn vặt đó. Tất nhiên, tôi đã quên đi thân thể mình phải chịu bao nhiêu tra tấn.

Cô y tá tội nghiệp cứ phải dừng lại sau mỗi lần rút cái ghim từ người tôi ra. Ánh mắt cô đầy vẻ buồn bã và tôi biết cô cảm nhận được việc này đau đớn thế nào đối với tôi. Cô ấy là

người to lớn nhưng luôn chăm sóc tôi thật dịu dàng. Cô ấy thường nói rất nhẹ nhàng: “Xin lỗi cha”.

Tôi trêu trạo: “Tôi biết, cô không thể làm gì hơn”. Lúc đó, tôi lại vào vai trò mục sư cố an ủi cô ấy. Tôi không muốn để cô ấy lo lắng về cảm giác bị tra tấn của tôi.

“Sao cha không xoay mình và cứ hét lên?” “Cũng chẳng tốt hơn”.

“Nếu là con thì con sẽ hét lên”. “Ừ, chắc vậy”. Tôi ra về hài hước. “Và cô sẽ đánh thức tất cả bệnh nhân ở đây”.

Tôi không bao giờ tự muốn hét lên. Có thể là do sợ mất tự chủ. Có thể là tôi sợ khi hét lên, cô ấy và những người khác sẽ cho rằng tôi yếu đuối. Đến giờ, tôi cũng không biết chắc về các lý do đó. Tôi chỉ biết rằng tôi không thể la hét như những người khác ở đó. Hàng ngày, tôi nghe thấy các bệnh nhân la hét vì đau đớn từ các phòng bên cạnh. Tôi thì không thể như thế. Thay vào đó, tôi chỉ nín thở và đôi khi vã mồ hôi ra, nhưng tôi không có ý kêu thét.

Dù tôi biết mình không phải là bệnh nhân dễ tính nhất trong việc cư xử, song các y tá ở khoa chỉnh hình vẫn đối xử với tôi rất tốt bụng và đầy thông cảm. Tôi học được rất nhiều từ sự chăm sóc của họ và khâm phục sự tận tâm ấy. Tôi đoán là họ cũng biết tôi như thế nào. Tôi biết họ thường châm chước khi ai có thiện chí đến thăm tôi, bất kể giờ giấc ngày đêm. Nhưng khoảnh khắc ngọt ngào nhất là khi tôi được về nhà sau 105 ngày nằm ở St. Luke. Rõ ràng, có sự sắp đặt khi các y tá ở khoa tôi và các khoa khác đi cùng tôi xuống cầu thang đến chỗ chiếc xe cứu thương đang đợi sẵn để đưa tôi đi. Những y tá từng cho tôi ăn, cho tôi uống thuốc, cho tôi tắm rửa đều vây quanh tôi, và chỉ có Chúa mới biết họ còn làm điều gì tốt đẹp cho tôi nữa. Ngày trở về của tôi trở nên thật tuyệt vời. Tôi chỉ có thể hình dung ngày mình trở về nhà đã khác thế nào so với khi còn mong manh giữa sự sống và cái chết.

Dù có kiên quyết không chịu bày tỏ cảm xúc, trước khi rời St. Luke, những đau đớn dữ dội cuối cùng đã tan biến. Tôi sụp xuống và khóc. Tôi cảm thấy vô dụng, tan vỡ và thừa thãi. Tôi tin là mình không thể tiến triển.

“Chúa ơi, sao lại thành ra thế này? Tại sao tôi lại phải qua những đau đớn liên miên như vậy mà không có tiến triển gì?” Tôi lại cầu Chúa mang tôi đi. Tôi không muốn sống nữa. Tôi muốn trở về nhà vì với tôi lúc này, thiên đàng là nhà. Tôi cứ cầu nguyện như thế nhiều ngày và thường ngủ thiếp đi vì mệt. Khi tỉnh dậy, về tuyệt vọng lại tràn ngập quanh tôi. Chẳng có gì giúp được tôi cả.

Ngay trước khi xảy ra vụ tai nạn, tôi đã đặt mua rất nhiều băng cát-xét các bài thánh ca phổ biến được nhóm Imperials và David Meese thu âm lần đầu vào những năm 1960 và 1970. Eva đã mang chúng đến bệnh viện cùng với một cái đài băng, nhưng tôi không có hứng thú nghe chúng.

Thay vào đó, tôi xem ti vi. Có lần, tôi bảo một người bạn: “Tôi đã xem các phần của Brady Bunch, ít nhất là tám lần và thuộc lòng từng lời thoại của nó”.

Có lần, khoảng 3 - 5 giờ sáng, không thể chờ để xem ti vi phát lại, tôi quyết định nghe băng. Một cô y tá đi vào và giúp tôi bật chiếc băng đầu tiên.

Bài hát đầu tiên là của nhóm Imperials có tên “Ca tụng Chúa”. Lời bài hát nói rằng mỗi khi phải đương đầu với cái gì và nghĩ là mình không thể tiếp tục, chúng ta hãy ca ngợi Chúa. Một điều dường như bất bình thường vào lúc 3 giờ sáng trên giường bệnh, tôi tiếp tục nghe với hy vọng khoả bớt nỗi đau buồn sâu thẳm ấy. Có một câu ở đoạn tiếp theo nói về những xiềng xích đang trói chúng ta sẽ tự bung ra khi chúng ta bắt đầu ca tụng. Toàn bài hát tập trung vào ca ngợi Chúa dù chúng ta có rơi vào bất kỳ hoàn cảnh nào.

Khi nhóm Imperials hát đoạn điệp khúc về những chiếc dây, tôi nhìn xuống những cái dây của mình, hàng đồng thép không gỉ đang bọc lấy chân tay tôi. Trước khi bị tai nạn, tôi chắc là đã nghe hát bài đó hàng trăm lần. Thậm chí, chính tôi cũng đã tự hát bài hát đó. Ngay lúc đó, lời bài hát trở thành thông điệp của Chúa - một thông điệp từ trên cao.

Trước khi hét bài, tôi nắm đó và nghe thấy giọng mình đang hát “Hãy ca tụng Chúa!” Ngay sau đó, David Meese hát bài “Chúng ta là lý do”. Lời bài hát nhắc nhở rằng chúng ta là lý do để Giêsu Christ khóc, chịu đựng và chết trên cây thánh giá. Meese hát về việc cuối cùng anh tìm ra mục đích sống thực sự của mình là cống hiến toàn bộ con người mình cho Chúa. Đó không phải là bài hát mới mẻ với tôi, nhưng là một điều xảy ra vào những lúc rạng sáng đó. Ngoài âm nhạc, tôi không nghe thấy thứ gì khác, không tiếng than vãn rên rĩ từ các phòng bên cạnh, không tiếng chân y tá ngoài lối đi.

Tôi cảm thấy hoàn toàn tách khỏi thế giới quanh mình.

Rồi xúc động bật ra. Nước mắt lăn trên gò má, tôi không thể lau chúng đi được, thậm chí là tôi cũng không muốn lau nữa. Chúng cứ chảy ra, không dứt. Tôi khóc như chưa từng được khóc. Tôi không nhớ lắm nhưng chắc cũng phải khóc đến một tiếng đồng hồ.

Rồi thần thức cũng lắng xuống. Quanh tôi là một sự thanh thản, tôi nằm thoải mái và yên bình. Đó là lúc tôi nhận ra điều kỳ diệu nữa: Tôi không còn trầm cảm nữa. Nó hoàn toàn biến mất.

Tôi đã lành lại. Một lần nữa.

Những lời nhắc nhở bình dị từ mấy bài hát đơn giản đã làm tôi thay đổi. Imperials nhắc tôi rằng quỷ sa tăng là một kẻ nói dối. Hắn muốn lấy đi niềm vui của chúng ta và thay vào đó bằng sự tuyệt vọng. Khi chúng ta đương đầu với thử thách và nghĩ là mình không thể tiếp tục, chúng ta có thể thay đổi bằng cách ca tụng Chúa. Chúng ta sẽ thoát khỏi những xiềng xích của mình.

Meese động viên tôi bằng cách nhắc nhở tôi về những lý do thật sự khiến chúng ta phải sống hết mình trong cuộc đời này. Đó là cống hiến tất cả những gì mình có cho Chúa - dù là buồn bã đốn đau. Chúa chính là lý do chúng ta phải sống.

Sáng hôm đó, tôi quyết định thức dậy, sống tiếp phần đời còn lại dù có như thế nào. Tôi quyết định điều đó không cần sự giúp đỡ nào về tâm lý, không thuốc men, không tư vấn. Khi tôi

nghe hai bài hát đó, Chúa đã chữa trị vết thương cho tôi. Nỗi tuyệt vọng biến mất. Những xiềng xích tinh thần của tôi đã tan vỡ. Tôi cũng biết những gì mình đã trải qua - hoặc chịu đựng không có gì đáng sợ so với những gì Chúa đã trải qua.

Không phải tôi cố nói rằng mình không cần đến sự trợ giúp tâm lý. Kể từ tai nạn và trước đó, tôi đã được nhiều người đến tư vấn. Nhưng vì không đón nhận sự giúp đỡ dưới bất kỳ hình thức nào, Chúa đã làm lành vết thương cho tôi theo cách đầy xúc động và không thể giải thích nổi.

Khi nằm đó, thái độ của tôi đã thay đổi. Tôi không biết khi nào thì hết những vết thương trên người hay tôi sẽ phải mang cái khung Ilizarov trong bao lâu. Tôi vẫn không thể hiểu tại sao Chúa lại đưa tôi trở về với tất cả nỗi đau đớn này, nhưng điều đó không còn quan trọng nữa. Giờ tôi đã được tự do. Người đã chữa trị tâm hồn tôi. Cơ thể tôi sẽ dần hồi phục, nhưng tôi đã có được chiến thắng trọng đại. Sự ngã lòng sẽ không bao giờ có thể làm tôi buồn khổ nữa. Đó chính là điều kỳ diệu nữa từ thiên đàng.

Chương 11 TRỞ LẠI NHÀ THỜ

Bởi đó, anh chị em hãy hạ mình dưới quyền năng của Đức Chúa Trời, hầu cho đến kỳ Ngài sẽ nâng anh chị em lên. Hay trao mọi điều lo lắng của mình cho Ngài vì Ngài chăm sóc anh em.

1 Peter 5:6

Một số người quen biết tôi nhiều năm coi tôi là một hình tượng về lòng can đảm. Tất nhiên, bản thân tôi không nghĩ về mình như vậy - tôi không phải là một hình mẫu - bởi vì tôi biết rất rõ mình thực sự là ai. Nhưng, tôi cũng không rõ lắm bằng cách nào mà mình lại có thể vượt qua được thử thách của cuộc đời.

Dù cho tôi có nghĩ như vậy thì bạn bè và những thành viên ở nhà thờ vẫn nói rằng họ có thêm lòng can đảm mỗi khi chứng kiến tôi vượt lên từ trạng thái hoàn toàn bất lực đến lúc dần gượng dậy để trở về với cuộc sống bình thường. Rất nhiều người mỗi khi rơi vào hoàn cảnh khó khăn đến nói với tôi rằng: “Nếu cha vượt qua được tất cả những khó khăn mà cha từng nếm trải, thì con cũng có thể làm được điều đó”.

Tôi vui mừng vì những người như vậy đã lấy tôi làm hình mẫu để họ có thêm nguồn khích lệ động viên, nhưng tôi cũng cảm nhận thấy thử thách to lớn đè nặng lên vai khi tôi chấp nhận trở thành chỗ dựa về lòng can đảm và sự khích lệ. Tôi không biết xử sự thế nào trước sự ngưỡng mộ và tán dương của họ, bởi vì tôi đã chẳng làm được điều gì. Tôi đã từng muốn chết. Làm sao tôi lại có thể nâng đỡ được tâm hồn họ?

Khi mọi người nói tôi đã trở thành nguồn động viên khích lệ to lớn với họ, tất nhiên tôi không tranh cãi với họ, mà chỉ nhớ rõ nhất lúc David Gentiles nói với tôi rằng anh và những người khác sẽ cầu nguyện để tôi được khoẻ trở lại. Tôi đã sống bởi bao nhiêu người khác không để tôi chết. Những người bạn đã cầu nguyện cho tôi mới là những người xứng đáng được ngưỡng mộ.

Mỗi khi có người nào đó nhắc đến câu nói: “Luôn phải sống hết mình”, tôi đều gật đầu, thừa nhận điều họ nói và nói thêm: “Tôi đang cố gắng hết sức có thể”. Và sự thực là như vậy, đó là tất cả những gì tôi đã làm trong khoảng thời gian khủng khiếp nhất đời tôi. Đôi khi, “có hết sức có thể” không có ý nghĩa nào khác ngoài việc phải đối mặt, chịu đựng thử thách. Thậm chí, ngay cả việc tôi phải vật lộn với trạng thái đau đớn thì đó vẫn là điều tốt nhất tôi có thể làm. Phải chăng đó là thứ mà Chúa ban phát. Tôi không biết nữa.

Trời sinh ra tôi là một người kiên định, tôi phải thừa nhận đôi khi tôi là kẻ cứng đầu nhất trong dòng họ. Tuy nhiên, đã có rất nhiều lúc, tôi cảm thấy cô đơn khủng khiếp và bị ám ảnh rằng chẳng có ai hiểu được tôi. Và đến giờ, tôi vẫn nghĩ như vậy. Khi nỗi đau trở nên quá dữ dội và sự chịu đựng phải kéo dài mà không vơi bớt thì đúng là không một ai hiểu được cảm giác này. Tôi không chắc liệu có đáng để mọi người biết được nỗi đau đớn đó là như thế nào không.

Song, họ có quan tâm. Tôi nghĩ đó là điều quan trọng.

Sau khi tôi được xuất viện và trở về nhà vào giữa tháng Năm, tôi vẫn phải ngủ trên chiếc giường bệnh đến tháng Hai năm 1990 - tổng cộng là 13 tháng. Ngay cả khi đã ngủ ở trong chính ngôi nhà của mình, tôi vẫn phải chịu đựng những đợt nhiễm trùng tái phát. Thỉnh thoảng, tôi vẫn phải quay lại bệnh viện, và nhất là thời gian đầu mới về nhà, những lần phải vào viện cấp cứu là lúc các cơn tái nhiễm đe dọa tính mạng. Đôi khi, tôi phải ở lại viện hai tuần, có khi ba tuần. Hầu hết những lần tôi đến viện, Eva đều lái xe đưa tôi đi, còn khi trở về nhà thì luôn là xe cứu thương.

Sau khi tôi được xuất viện, những người làm việc ở nhà thờ không ngớt khen sắc diện của tôi “bất kể điều gì đã xảy ra”. Không ai thực sự nói ra những từ này, nhưng tôi tưởng tượng là họ đang nói thế này: “Chúng tôi đã cầu nguyện cho Don. Chúng tôi không thể tin được là hoá ra cha lại khá được đến thế. Chúng tôi đã cầu nguyện để cha được sống, và chúng tôi đã cầu nguyện để cha bình phục”. Vậy đó, tôi là kẻ đáng thương, song tôi đã sống sót và đó là những gì họ cầu nguyện.

Hai đứa con trai sinh đôi của tôi, Joe và Christopher, lúc đó mới chỉ 8 tuổi. Và cô con gái của tôi, Nicole mới 13 tuổi. Một trong những điều làm tôi khổ tâm nhất trong thời gian tôi điều trị là nỗi đau đớn mà lũ trẻ phải chịu đựng. Chúng không nói ra, nhưng tôi hiểu các con tôi cảm thấy như thế nào.

Dưới đây là tấm thiệp do chính tay Joe, con trai tôi tự làm. Thằng bé đã viết cho tôi vào tháng Hai năm 1989 khi đang sống với ông bà. (Tôi để nguyên các lỗi chính tả).

Chào bố,

Bố là tuyệt nhất. Con yêu bố và con mong bố thích những tấm thiệp này. Con ước điều này sẽ không bao giờ xảy ra nữa.

Con yêu bố,

Joe

Nhiều tháng sau khi tôi được về nhà, hầu như chiều nào đứa em sinh đôi của Joe là Christ cũng trở về nhà sau khi tan học và bước vào phòng khách lớn có đặt chiếc giường của tôi. Thằng bé không nói lời nào mà chỉ lại gần và ngả đầu vào ngực tôi. Tôi không biết Christ ngả đầu như thế trong bao lâu, có lẽ là chưa đầy một phút.

Nó chẳng bao giờ nói một lời.

Nó không cần phải làm vậy. Một cử chỉ giản dị là đủ. Tôi cảm nhận rất rõ tình yêu của con trai dành cho mình.

Sau khoảng một phút, Christ thường sẽ về phòng của thằng bé, cởi bỏ bộ đồng phục trường học, mặc bộ quần áo ở nhà và sau đó ra ngoài chạy nhảy. Đó là cách con trai thăm hỏi tôi mỗi ngày.

Tôi biết để làm được như vậy là rất khó khăn, thực sự khó khăn với Christ - và con tôi

đã biểu lộ nỗi thương cha theo cách của riêng mình.

Chỉ sáu tháng sau tai nạn, tôi đã có thể tham dự một sự kiện rất đặc biệt của Nicole.

Những nhà rửa tội miền nam có nhiều tổ chức truyền giáo để thanh thiếu niên tham gia. Nhưng tổ chức nổi tiếng nhất là Sứ Giả Hoàng Gia dành cho các cậu con trai và Những Cô Gái Hành Động (GAs and Acteens) cho các bé gái. Ngay khi Nicole đủ tuổi tham gia, cô bé gia vào tổ chức Những Cô Gái Hành Động và hoàn thành được tất cả các nhiệm vụ được giao như lễ tưởng niệm Kinh thánh, và hàng loạt chương trình lễ thánh, các chuyến đi truyền giáo. Khi con tôi 14 tuổi, nó được vinh dự nhận giải thưởng Nữ Hoàng với cây vương trượng tại lễ đăng quang ở nhà thờ South Park Baptist vào tháng Sáu năm 1989.

Đó là giải thưởng danh giá nhất cho những ai tham gia tổ chức Những Cô Gái Hành động và lễ trao giải sẽ được tổ chức trong một buổi lễ ở nhà thờ. Giải thưởng mà Nicole được nhận là món quà đền đáp lòng quyết tâm cao độ của cô bé. Trong suốt thời gian con tôi tự ném mình vào các hoạt động đó, nó không được ở nhà. Những người bạn của tôi là Suzan và Stan Mauldin đã mở rộng cửa đón cháu và cô bé đến sống với họ. Nicole không nhận được bất cứ sự hỗ trợ nào về cả vật chất lẫn tinh thần từ tôi, bởi vì lúc đó tôi phải cố giành giật sự sống trong bệnh viện. Cô bé cũng không nhận được nhiều sự động viên từ mẹ bởi vì cuộc sống hàng ngày của vợ tôi là rời trường học sau mỗi buổi chiều và tất tả lao đến bệnh viện để trông nom tôi cho đến lúc phải về nhà đi ngủ.



Don tham dự lễ đăng quang Những Cô Gái Hành Động của con gái Nicole.

Tất cả thách thức đó khiến chúng tôi thêm tự hào về Nicole.

Một trong những nghi lễ truyền thống gắn liền với buổi đăng quang là người cha sẽ dắt tay hộ tống con gái đi dọc giữa hai hàng ghế. Các anh em trai, các chị em gái sẽ đi theo sau và cầm theo vương miện và cây vương trượng.

Vào thời điểm sắp diễn ra lễ đăng quang hàng năm của nhà thờ South Park, khi người ta vẫn còn nghỉ ngơi về khả năng sống của tôi, thì làm sao tôi có thể nghĩ đến việc hộ tống con gái đi dọc hai hàng ghế của nhà thờ.

Tôi rất cảm kích khi các bác sĩ đã cho tôi xuất viện đúng hôm buổi lễ đăng quang diễn ra. Tôi thực sự muốn đến đó. Đó không phải là lễ cưới của con tôi, nhưng đó là sự kiện quan trọng nhất trong đời nó ít nhất đến thời điểm này, và tôi muốn chia sẻ khoảnh khắc này với con gái.

Tôi ngồi trên xe lăn, Nicole nắm tay tôi khi tôi lăn xe dọc hai hàng ghế. Christ và Joe đi bên cạnh chúng tôi, tay giơ cao những chiếc gối có đặt chiếc vương miện và quyền trượng của chị gái. Chúng cũng giúp đẩy xe lăn cho tôi. Hôm đó, tôi mặc coplete và đeo cà vạt (lần đầu tiên kể từ sau tai nạn) và khoác bên ngoài chiếc áo choàng có đường xẻ cho phù hợp với cái khung sườn xương chân của tôi.

Đôi mắt tôi ngập tràn nước mắt khi tôi lăn bánh xe dọc theo hai hàng ghế. Tôi nghe thấy tiếng ai đó đang sụt sùi. Nhưng tôi biết rằng chúng tôi đang khóc những giọt nước mắt sung sướng hạnh phúc cho khoảnh khắc kỳ diệu trong cuộc đời của Nicole.

Tôi tin rằng, ban đầu các bác sĩ cho tôi xuất viện vì họ nghĩ tôi sẽ hồi phục nhanh hơn khi được ở bên gia đình. Ở nhà, tôi cũng sẽ bớt đi các khoản phải chi trả. Hãng bảo hiểm đã không trả một xu nào cho cuộc điều trị của tôi. Hoá đơn lúc đầu được thanh toán bằng các khoản đền bù của những người công nhân, và sau cùng là từ bang Texas bởi toà án liên bang nhận thấy bang này cũng phải gánh một phần trách nhiệm.

Tuy vậy, ở tại chính nhà của mình cũng không khiến mọi thứ dễ dàng hơn với tôi và với cả gia đình, nhất là Eva. Hàng ngày, đều phải có ai đó tiêm cho tôi những liều thuốc giảm đau. Tôi phải nhờ đến các phương pháp vật lý trị liệu, có đầy đủ tất cả mọi thứ để dành cho tôi, để phục vụ tôi tại nhà. Phòng khách của chúng tôi trông giống như căn phòng ở bệnh viện. Nhưng chắc chắn tôi sẽ cảm thấy khá hơn thời gian còn ở trong quang cảnh ảm đạm buồn tẻ ấy. Tôi chỉ cảm thấy tinh thần phấn chấn hơn khi được vây quanh bởi những gì thân thuộc. Tôi thích thú khi mình nhìn được ra ngoài cửa sổ, ngắm hàng xóm láng giềng hay khi có những người đến thăm nom mà không phải là những người mặc đồ y phục màu trắng.

Êkíp bác sĩ điều trị gửi đến cho tôi chiếc giường bệnh và cái xà treo - những thứ tôi dùng ở bệnh viện. Các y tá đến thăm nom tôi hàng ngày; các bác sĩ vật lý trị liệu cũng đến thường xuyên.

Một trong những kỷ niệm ngọt ngào nhất mà tôi nhớ được là về những người đã dành cả ngày ở bên tôi khi Eva phải đi làm. Khi những thành viên ở nhà thờ nghe nói vợ tôi sẽ phải quay lại trường để dạy học nếu không cô ấy sẽ bị sa thải thì họ quyết định làm mọi thứ có thể cho chúng tôi.

Ginny Foster, vợ của một mục sư thâm niên đã lập ra nhóm người có thể vào trông nom tôi hàng ngày. Ginny đã lập ra tổ chức mà cô thường hay gọi đùa là “Đội tuần tra Don” - hầu hết tham gia là những người phụ nữ ở nhà thờ, ngoài ra còn có một số nam giới đã nghỉ hưu.

Thời gian từ lúc Eva đi làm đến lúc trở về là khoảng bảy tiếng đồng hồ. Thói quen ngủ của tôi rất lộn xộn và tùy thuộc vào việc đến lúc nào tôi chấm dứt được cuộc vật lộn của mình với những cơn đau và vượt qua được nó. Nhưng dần dần, giấc ngủ của tôi đã bắt đầu ổn định. Nhìn chung, tôi đã có thể ngủ được khoảng hai đến ba tiếng vào buổi sáng và thức giấc vào khoảng 10 giờ. Đội tuần tra Don đến vào khoảng 9 giờ trong lúc tôi vẫn đang ngủ. Có lúc, họ đến và nấu bữa trưa cho tôi, có lúc họ chuẩn bị sẵn ở nhà và mang đến.

Mỗi khi tôi tỉnh giấc thì hình ảnh quen thuộc tôi nhìn thấy là một phụ nữ hiền dịu đang ngồi đan len ở cuối giường. Hoặc cũng có thể là một người đàn ông đứng tuổi đang đọc tờ *Houston Chronicle*. Lúc đó, ông sẽ hạ thấp tờ báo và cười với tôi: “Chúc buổi sáng tốt lành. Cha có cần thứ gì không?”

Cuộc điều hành của những gương mặt đáng mến thay đổi mỗi ngày. Mặc dù, các tình nguyện viên khác nhau, song mục đích thì luôn không đổi: chăm sóc Don và bầu bạn với anh ta.

Khi tôi nằm trên giường hết ngày này sang ngày khác, tôi nhận ra mọi người đã làm cho chúng tôi biết bao điều. Lúc tôi ở bệnh viện, những người bạn từ nhà thờ Alvin đã thu xếp đồ đạc của gia đình tôi và đưa chúng tôi chuyển đến ngôi nhà mới chỉ có một tầng và tôi không phải lo về việc đi lại bằng cầu thang.

Trong những ngày ở đó, tôi nhìn qua cửa sổ hành lang từ “phòng bệnh” của mình. Tôi thấy các em học sinh Brandon và Matt Mealer và đứa bạn thân của chúng là Chris Alston đang cắt cỏ. Một buổi tối Christ đã sắp xếp xin mượn chiếc xe tải của chúng tôi và làm cho tôi ngạc nhiên khi cậu bé đưa tôi đến rạp chiếu phim. Tôi thậm chí không nhớ bộ phim đó nói về cái gì, nhưng tôi sẽ không bao giờ quên được sự sâu sắc của cậu bé. Khi hàng rào nhà chúng tôi bị đổ xuống sau một trận bão lốc thì lập tức nó sẽ được ai đó gia cố lại ngay trước khi chúng tôi cất tiếng nhờ cậy. Chỉ có Chúa mới chứng kiến được tất cả những tấm lòng đã dành cho chúng tôi suốt thời gian tôi chữa trị.

Vào mỗi sáng, cứ khi nào tôi bắt đầu cựa quậy trên giường thì “người lính gác” sẽ đứng dậy, mang đến cho tôi thuốc đánh răng và chậu nước để tôi rửa mặt. Sau đó, thường sẽ là một cốc nước hoa quả và chẳng lâu sau, bữa trưa thịnh soạn đã sẵn sàng.

Sau khi cho tôi ăn, rửa mặt cho tôi và chắc chắn rằng tôi đã cảm thấy thoải mái với trạng thái sức khỏe tương đối ổn định, tất cả họ sẽ cùng hỏi một câu: “Còn điều gì tôi có thể làm cho cha trước khi tôi đi không?”

Câu trả lời của tôi luôn là: “Không, cảm ơn”. Tôi cố gắng nở nụ cười tươi nhất có thể. Nhưng chắc là không được như vậy. Tuy nhiên, họ luôn cười lại với tôi.

Khả năng của con người trong việc cống hiến và hy sinh vì người khác là không có giới hạn. Với tất cả những khiếm khuyết mà ta có, chắc chắn Chúa đang chứng tỏ những tấm lòng thánh thiện dành cho tôi trong thời gian tôi bị chấn thương là hình mẫu tiêu biểu nhất cho những đứa con được tạo nên bởi Người.

Khoảng một tiếng sau khi thiên thần của Đội tuần tra Don rời đi nhẹ nhàng, cánh cửa sẽ mở ra, và người bước vào sẽ là Eva, vừa về nhà sau khi kết thúc buổi dạy ở trường. Cô ấy luôn nở nụ cười tươi tắn và hôn tôi. Rồi cô ấy hỏi:

“Anh ổn chứ?”

“Anh không sao”, tôi trả lời.

Tôi không thể diễn ra hết cảm xúc của mình bằng lời, nhưng việc thăm nom hàng ngày của những thiên thần trong Đội tuần tra Don đã thực sự làm tinh thần tôi vô cùng phấn chấn.

Nhiều tháng sau khi về nhà, những thành viên tốt bụng của Đội tuần tra Don đã đều đặn chở tôi đến khu trị liệu dùng nước rồi lại đưa tôi về, khu này cũng nằm ở gần nhà chúng tôi ở Alvin. Trong suốt 13 tháng đầu tiên, nếu tôi không ở trong bệnh viện thì tôi cũng nằm trên giường bệnh tại nhà. Trong nhiều tháng, hẳn là tôi đã không thể rời khỏi giường quá 5 phút mỗi ngày nếu như không có phương pháp trị liệu này. Có những hôm, tôi thậm chí không thể ra khỏi giường.

Điều tồi tệ nhất là khi tôi nằm ở giường của bệnh viện thì tôi cảm thấy hoàn toàn bất lực. Tôi không thể đứng dậy và làm được bất cứ điều gì. Nếu không có sự giúp đỡ của bác sĩ trị liệu thì tôi không thể đứng lên hay cử động thân thể được.

Một cách từ từ, dần dần, tôi bắt đầu tập đi lại. Ngày đầu tiên, tôi tự ra được khỏi giường, tôi bước được ba bước. Tôi ngã nhào vào giường và cảm thấy một khối kiệt sức đang đè nặng lên người. Nhưng tôi mỉm cười. Tôi đã đi được. Ba bước đi nghe có vẻ ít, nhưng tôi cảm thấy hài lòng vô cùng.

Cuộc đấu tranh để bình phục trở lại sau chấn thương khủng khiếp này cũng vất vả tương tự như khi giáo dục một đứa trẻ đang ở tuổi thơ ấu vậy. Tôi đã trở thành người vô dụng trong thời gian quá lâu đến mức khi tôi có thể tự đi vào được phòng vệ sinh thì đó thực sự là thành quả đáng kinh ngạc. Được đi lại một lần nữa giúp nhắc nhở ta về những đặc ân mà chúng ta được ban tặng hàng ngày như nói chuyện, đi lại và sống.

Khi tôi đi lại được, đó không chỉ là thành quả của riêng tôi mà còn là món quà dành cho hàng trăm bác sĩ y tá - những người đã làm việc không mệt mỏi để chữa trị cho tôi. Đó cũng là món quà dành cho những người bạn và gia đình của họ - những người đã tin ở tôi, dù họ không thể hiểu được tôi đã cảm thấy khó khăn đến mức nào khi phải giơ một chân lên trước mặt người khác.

Khi tôi ví việc đi lại được tượng trưng cho sự chiến thắng hoàn toàn của ý chí thì điều đó nghĩa là tôi có thể bắt đầu sống một cuộc sống bình thường. Tôi thường hay nghĩ về buổi tối cuối cùng ở Trinity Pines khi tôi và J.V Thomas đi dạo xung quanh trại. Đó là đêm cuối cùng

tôi đi lại bình thường. Trong nhiều tháng, không ai dám chắc tôi có thể đi được thêm một lần nữa. Trong suốt thời gian dài, việc tôi đi được ba bước, run run cứ như là tôi trèo được lên đỉnh Everest vậy.

“Tôi làm được rồi!” Tôi hét lên trong căn phòng yên ắng. “Tôi đi được rồi! Tôi đã đi được”.

Đi được những bước đi đầu tiên này ở tại nhà mình và bằng chính sức mình vẫn luôn là kỷ ức đẹp nhất về thời gian tôi bình phục. Những bước đi đó đã thuyết phục tôi rằng tôi đang bắt đầu khoẻ lại. Giờ thì tôi đã có được thành quả để tiếp tục phấn đấu. Tôi đã vượt qua được phần khó khăn nhất của việc hồi phục. Tôi biết tình trạng của tôi sẽ còn khá hơn. Mỗi ngày tôi đi thêm được vài bước. Đến cuối tuần, tôi đã đi hết một vòng trong phòng khách.

Khi Eva trở về nhà và chứng kiến sự tiến triển mỗi ngày của tôi, nụ cười của cô ấy khiến tôi cảm giác như thể tôi vừa chiến thắng trong một cuộc thi chạy ma-ra-tong. Cô ấy bày tỏ niềm vui sướng tột độ vào một buổi chiều khi tôi cho cô ấy xem tôi đã có thể đi lại khắp nhà bằng chính sức mình.

Một tuần, sau khi rời viện về nhà, tôi đã quyết định muốn đến nhà thờ vào một buổi sáng Chủ nhật nào đó.

Bây giờ nhìn lại, tôi thấy đó là suy nghĩ hấp tấp nóng vội, nhưng trong lòng tôi thực sự bị thiêu đốt bởi khao khát cháy bỏng được trở lại với những người tôi yêu mến và được cầu nguyện cùng với họ. Được một nhóm người giúp đỡ, họ đã sắp xếp kế hoạch giúp tôi đến nhà thờ. Trong trường hợp nếu tôi không thể đến được thì chúng tôi cũng không muốn làm bất kì ai thất vọng, vì vậy chúng tôi quyết định sẽ không thông báo trước điều này với giáo đoàn.

Tôi có thể ngồi trên xe lăn - miễn là có ai đó đứng bên cạnh để nhắc tôi ra khỏi giường và đặt tôi vào trong xe lăn - nhưng tôi vẫn chưa thể đứng dậy được. Sáu người bạn ở nhà thờ đã đến nhà tôi và bỏ bớt ghế trong chiếc xe của nhà thờ. Còn tại nhà thờ, họ dựng sẵn một cái bệ thoải thoải để kéo tôi cùng chiếc xe lăn lên cửa nhà thờ.

Tôi luôn nghĩ ngợi về tất cả những việc mà tôi đã phải nhờ cậy họ và có đôi lần tôi ngờ ý xin lỗi, song họ đều khẳng định với tôi rằng họ rất vui được giúp đỡ tôi.

Sau đó tôi lại nhớ đến những điều mà Jay nói. Gia đình và bạn bè tôi đã thấy tôi trông như thể nào hôm bị tai nạn. Tôi chẳng thể nào nhìn được lúc đó trông bộ dạng tôi ra sao. Họ hẳn đã phải đối mặt với cảm giác choáng váng và kinh hoàng. Họ phải đi đến chấp nhận khả năng có thể xảy ra là tôi sẽ chết hoặc tật nguyên vĩnh viễn. Ở góc độ nào đó, thử thách này thực sự khó khăn với gia đình và bạn bè tôi hơn với chính tôi. Họ mong muốn được giúp tôi. Bằng cách nào đó, điều này giúp họ vượt qua trạng thái lo âu của chính họ vì có thể làm được điều gì đặc biệt cho tôi.

Vâng, niềm mong muốn được tham gia buổi lễ cầu nguyện vào buổi sáng hôm ấy vẫn thật lớn lao, song tôi cũng thấy thật khó khăn khi phải để họ làm giúp tôi tất cả mọi việc. Tôi cảm thấy hoàn toàn bất lực và hoàn toàn phụ thuộc vào họ. Khi một lần nữa nhận ra điều này, tôi mỉm cười.

“Cảm ơn mọi người”, tôi nói và sau đó đồng ý để họ chăm sóc tôi.

Họ cẩn thận đặt tôi vào trong chiếc xe tải và chở tôi đến nhà thờ, và khi đến nơi thì họ đẩy tôi với chiếc xe lăn qua lối cửa phụ. Khi một trong số những người đàn ông ngồi ở trong xe tải mở cửa xe thì những người làm lễ đang đi vào thánh đường quay lại nhìn tôi.

“Trông kia! mục sư Don!”, có ai đó hét lên.

Tôi nghe thấy tiếng vỗ tay hoan hô của những người đang đứng vây quanh và dẹp đường để người đàn ông nọ đẩy tôi với chiếc xe lăn lên bệ thêm.

Vừa xong thì tất cả trở nên ồn ào náo nhiệt. Mọi người chạy bỏ đến tôi. Một số người chúc mừng. Dường như tất cả mọi người đều muốn chạm vào tôi hay bắt tay tôi. Tôi khó có thể tin được là mình lại được quan tâm chú ý đến vậy.

Cuối cùng, cũng có một ai đó đẩy xe lăn đưa tôi vào trong nhà thờ và dừng xe ở ngay gần trước bệ thánh đường. Không thể nhắc tôi lên được.

Lúc đó, toàn bộ giáo đoàn chợt nhận ra là tôi đã ở trước mặt thánh đường. Tôi mỉm cười chợt nghĩ: Mình chỉ mất năm tháng từ lúc tham dự hội nghị ở Trinity Pines đến lúc quay trở lại nhà thờ. Mình có thể hơi chậm, nhưng mình trung thành.

Rồi có ai đó thì thâm vào tai tôi: “Chúng tôi muốn cha nói gì đó với giáo hội”. Anh ta đứng ở sau tôi và đẩy xe lăn đến giữa thánh đường, ngay trước bục giảng kinh.

Đúng lúc đó tôi bắt đầu cảm thấy thấm mệt. Có lẽ cảm giác khó chịu này xuất hiện lâu rồi, nhưng tôi vẫn quyết tâm trở lại nhà thờ nên cố phớt lờ cảm giác mệt mỏi đó. Tôi đã ở ngoài giường hơn hai tiếng đồng hồ tính đến thời điểm ở nhà thờ, và đó cũng là khoảng thời gian lâu nhất tôi ngồi trên xe lăn.

Tại khoảnh khắc đó, tôi chợt nhận ra tôi thật ngu ngốc khi cứ cố muốn đến nhà thờ, và rằng tôi không chịu nghe theo những đòi hỏi của cơ thể mình. Thói cứng đầu đã đánh giá quá cao khả năng chịu đựng của tôi.

Dường như, vì cảm giác chán nản như vậy nên tôi trở nên hoàn toàn bị chìm ngấm trước những tình cảm yêu mến mà giáo hội đang tỏ bày. Tôi không biết liệu tôi có thể nói được gì. Tôi có thể nói được gì đây sau hàng tuần lễ vắng mặt và sau tất cả những gì đã trải qua?

Trong khi tôi vẫn đang cố xoay sở, một ai đó đặt chiếc micro vào tay tôi. Khi tôi cầm nó, tôi suy nghĩ miên man: “Các bạn thực sự không biết rằng tôi đã chẳng làm được gì nhiều để bình phục được như thế này. Các bạn coi đó là chiến thắng. Với tôi, đó chỉ là sự sống sót mà thôi”.

Rồi một tràng vỗ tay đột nhiên nổ ra. Tôi biết là họ rất vui khi được gặp tôi; tôi đã không chuẩn bị gì tỏ lời đội ơn Chúa ngàn lần. Mọi người ở trong nhà thờ đứng đó, và lại thêm một tràng vỗ tay nữa - kéo dài khá lâu. Cuối cùng, tôi phải vẫy tay để họ dừng lại.

Khi tôi nhìn họ, tôi cảm thấy tội lỗi trước những gương mặt hân hoan và tràng vỗ tay

của họ. Tôi không thể tin được là họ đang vỗ tay cho mình. Tôi nghĩ: “Nếu mà họ biết, giá mà họ biết...”.

Sau đó tôi nghe thấy Chúa nói với tôi. Đó là một trong số rất ít lần trong đời tôi được nghe một giọng nói rõ ràng ở trong đầu đến vậy.

“Họ không vỗ tay vì con đâu”.

Chỉ bằng những từ này thôi, nhưng đã làm nên sự khác biệt và tôi có thể cất tiếng nói. Cuối cùng, tôi đã hiểu. Họ đang tạ ơn Chúa vì những gì Người đã làm cho tôi. Chúa đã mang tôi trở về một lần nữa từ cái chết. Tôi thấy nhẹ người. Đó là khoảng khắc ca tụng Chúa. Chứ không phải là ca tụng tôi.

Tôi vẫn phải đợi một lúc lâu sau khi tiếng vỗ tay ngớt. Tôi chỉ nói mấy từ. Bất kể ai có mặt trong ngày vinh quang đó đều có thể nói cho bạn biết đó là bốn từ gì: “Con đã cầu nguyện. Và ta ở đây”

Giáo hội lại vỗ thêm một tràng pháo tay nữa. Nếu tôi có nói thêm điều gì thì chắc họ cũng chẳng nghe được.

Tôi đã không thể nói ra, nhưng tôi tin, và tin đến tận bây giờ, rằng tôi sống sót là nhờ vào những người muốn tôi được sống. Họ là những người kiên định, nồng nhiệt, và cả tuyệt vọng nữa, và họ tin Chúa sẽ nghe thấu được. Những người đã cầu nguyện cho tôi trước đây chưa hề cầu nguyện một cách nghiêm túc, một số thậm chí trong nhiều năm chẳng hề thốt ra một lời cầu nguyện thì nay kêu khóc trước Chúa để xin Người cứu rỗi tôi. Bi kịch của tôi đã khiến cho nhiều người phải quỳ gối đầu hàng trước Chúa, và rất nhiều người đã thay đổi trong suốt thời gian họ cầu xin để tôi được sống.

Khi tôi được cứu sống thì những người này - đặc biệt là những người trước đây không có thói quen cầu nguyện - đã nói rằng câu chuyện xảy đến với tôi đã cách mạng hoá cuộc đời của họ. Ví dụ như, một vài cá nhân mà trước đây tôi không quen biết - những người từ vùng Cottonwood, Arizona đến vùng Buffalo, New York đều đã được nghe kể về câu chuyện của tôi tới hai, ba lần, thậm chí bốn lần. Ba năm sau, họ đến gặp tôi và nói: “Con đã nhìn thấy cha ở một chương trình phỏng vấn. Đúng là cha! Con đã cầu nguyện cho cha”. Hoặc họ từng nghe một trong số những bài giảng kinh thu băng do nhà thờ của chúng tôi phân phát và họ nói: “Cha không biết điều đó nghĩa thế nào đâu. Chúa đã nghe thấy những lời cầu nguyện của chúng con, và chúng con rất hạnh phúc vì cha đã sống”.

Với một số người khác, tôi không còn là một người bình thường mà trở thành một biểu tượng. Với họ, tôi tượng trưng cho lời nguyện cầu được đáp trả. Họ có thể nhớ chức danh mục sư của tôi ở nhà thờ South Park hoặc thậm chí là vài lời phán truyền mà tôi đã giảng, nhưng điều họ nhớ nhất là họ đã tìm được gương mặt của Chúa khi họ cầu nguyện với tình cảm sâu sắc, chân thành và trung thực nhất. Họ cầu xin để tôi được sống, và tôi đã sống. Tôi không biết điều gì tạo nên sức mạnh đó, chỉ có thể nói rằng đó là cái gì đó nằm ngoài và vượt ra ngoài bản thân tôi.

Tôi nghĩ bản thân tôi cũng là câu trả lời cho một số thắc mắc của mọi người. Do tôi bắt

đầu kể cho người khác nghe về câu chuyện của tôi ở trên thiên đàng nên tôi không thể đếm được có bao nhiêu người đã đến gặp tôi và hỏi những câu kiểu như: Liệu thiên đàng có thực không? Thiên đàng trông như thế nào? Hoặc họ sẽ hỏi những câu chi tiết hơn về sự thờ phụng hoặc về con đường bằng vàng. Có một số thì luôn nhắc đến những người thân yêu mới khuất của họ.

Chỉ cần biết rằng tôi đã ở đó rồi trở lại trần gian và có thể nói chuyện với mọi người đã giúp mang lại niềm an ủi lớn cho nhiều người. Đôi khi, điều đó làm tôi kinh ngạc.

Những người khác nhìn vết tích vẫn còn trên người tôi đến ngày hôm nay đều nói:

“Cha là một phép lạ, bởi tất cả những gì mà cha đã vượt qua. Cha là một phép màu sống”.

Chương 12

KHAI SÁNG

Vì chúng ta biết rằng nếu trại tạm trú của chúng ta dưới đất bị hủy diệt, chúng ta còn nhà vĩnh cửu ở trên trời là nhà do Đức Chúa Trời xây dựng chứ không phải do loài người làm ra. Thật vậy, chúng ta than thở trong trại tạm trú này, mong ước mặc lấy quần áo trên trời. Khi đã mặc lấy thì không bị trần trụi. Còn sống trong trại tạm trú bao lâu, chúng ta còn than thở nào nề, không phải vì chúng ta muốn lột bỏ nó nhưng muốn mặc thêm vào để cái chết bị sự sống nuốt đi.

2 Corinthian 5:1-4

Chúa đã dùng đến người bạn thân nhất của tôi, David Gentiles, để làm tôi được sống, và tôi cảm thấy rất biết ơn. Người cũng đem David cho cuộc sống của tôi gần hai năm sau vụ tai nạn.

Vào thời điểm đó, tôi vẫn chưa hề nói với ai về trải nghiệm của tôi trên thiên đàng. Tôi đã từng nói với Eva, nhưng tôi luôn ngắt câu chuyện trước khi cô ấy đặt câu hỏi. Cô ấy ngầm hiểu rằng trải nghiệm đó của tôi đã vượt ra ngoài giới hạn của sự chịu đựng. Cô ấy chẳng bao giờ ép tôi phải nói ra bất cứ điều gì.

Không phải là tôi muốn úp mở với Eva, tôi chỉ thấy không thể nói được gì về trải nghiệm đó. Nhiều lúc tôi cảm thấy đó là sự kiện quá thần thánh linh thiêng và nếu tôi nói ra thì nó sẽ làm trải nghiệm của tôi trở nên tầm thường.

Gần một năm rưỡi sau khi xuất viện, David đến khu vực Houston cho kỳ nghỉ cuối tuần của những tông đồ của Giêsu. Anh lấy cơ đó để đến thăm tôi và dành thời gian cho tôi.

Khi chỉ còn hai chúng tôi, trong đầu tôi hiện lại ký ức khi tôi còn đang nằm ở phòng chăm sóc đặc biệt và tôi đã nói với anh rằng tôi không thể vượt qua được. Lúc đó, anh nói sẽ cầu nguyện cho tôi. Chúng tôi cùng nhắc lại với nhau về câu chuyện ngày hôm đó, và tôi nói lời cảm ơn anh một lần nữa vì tình bạn giữa hai chúng tôi và tấm lòng cầu nguyện tận tụy không mệt mỏi của anh.

“Thế bây giờ cậu cảm thấy như thế nào rồi?” - Anh hỏi tôi.

“Tôi thấy đau”, tôi cố cười và nói thêm, “tôi luôn cảm thấy đau, nhưng tại thời điểm này thì phần đau nhất chưa xuất hiện”.

Anh cúi sát hơn vào tôi và hỏi: “Phần đau nhất là phần nào?”

“Tôi chỉ không biết mình sẽ đi đến đâu. Tôi bị mất phương hướng trước tương lai của mình”.

David lắng nghe tôi nói về những việc tôi muốn làm, những điều mà tôi không thể làm được về mặt thể xác và về việc tôi không chắc liệu Chúa có muốn tôi tiếp tục công việc ở nhà thờ

South Park hay không. Tôi cảm thấy các con chiên ở đó yêu quý và cần tôi, nhưng tôi không chắc liệu tôi nên ở đó không.

Anh ta lắng nghe một lúc lâu và sau đó nhẹ nhàng hỏi: “Cậu đã học được điều gì từ sau vụ tai nạn của mình và quá trình chữa trị?”

Trong khoảng ba hay bốn phút, tôi cân nhắc một vài điều, đặc biệt là về những người đã chăm nom giúp đỡ tôi. Sau đó tôi nói, “Khi đối mặt với tất cả những nỗi đau đớn dẫn dắt này, tôi đã hiểu được rằng thiên đàng là có thật”.

Anh nhướn đôi lông mày lên: “Ý cậu là sao?”

Tôi chậm rãi hé lộ và ngập ngừng về chuyến thăm của tôi ở thiên đàng. Anh ấy nói: “Hãy kể thêm đi” và tôi không nghĩ rằng như thế là tọc mạch. Anh ấy là bạn của tôi và muốn được biết. Tôi cũng cảm giác tôi có thể kể với David về thiên đàng và anh hoàn toàn có thể hiểu được.

“Tôi đã chết trong tai nạn ấy. Khoảnh khắc tiếp theo tôi đứng ở trên thiên đàng”. Tôi nói.

Anh lại cúi gập hơn vào tôi và mặc dù anh chờ đợi tôi nói tiếp trong im lặng, tôi vẫn nhìn thấy sự háo hức trong mắt anh.

Tôi càng kể nhiều bao nhiêu thì anh càng trở nên sôi nổi phấn khích bấy nhiêu. Giờ nhìn lại, tôi tin rằng sự hồ hởi của David là sự kết hợp giữa niềm tin của cá nhân tôi vào sự tồn tại của thiên đàng và cảm giác nhẹ nhõm của anh khi biết rằng vẫn có điều gì đó tốt đẹp đến với tôi trong suốt thời kì ác mộng.

Sau khi tôi chia sẻ với anh toàn bộ câu chuyện của mình ở trên thiên đàng, anh chẳng nói gì và căn phòng tràn ngập không khí im lặng thanh bình. Tình bạn của chúng tôi không cần phải sẻ chia bằng lời.

David, cuối cùng, cũng chậm rãi gật đầu và hỏi: “Vì sao trước đây cậu không nói điều này?”

“Tôi có hai lý do rất chính đáng. Thứ nhất, nếu tôi đi khắp nơi rêu rao là tôi đã ở trên thiên đàng thì hẳn mọi người sẽ nghĩ tôi là thằng dở hơi”.

“Tại sao cậu lại nghĩ như vậy? Tôi đã lắng nghe cậu, và tôi không...”

“Lý do thứ hai”, tôi nói, ngắt lời anh ta, “tôi không muốn phải thấy lại trải nghiệm đó nữa. Nó... quá là riêng tư. Quá đặc biệt. Nó là cái gì đó mà thậm chí mình cũng chưa thể phân tích được. Không phải là tôi không muốn chia sẻ, mà tôi chỉ nghĩ là mình không thể”.

Tại sao cậu là nghĩ cậu đã ở thiên đàng nếu cậu không nghĩ mình phải kể câu chuyện đó ra?”

“Tôi không có câu trả lời”.

“Tại sao?”

“Tôi sẽ cho cậu một câu hỏi hay hơn mà tôi đã tự hỏi chính bản thân: Tại sao mình lại trải qua điều đó và sau đó nó lại rời bỏ mình? Tất cả những điều đó là sao? Hàng tháng trời tôi đã phải dồn nén câu chuyện này, và đến lúc đó mọi nỗi đau thẳm sâu trong lòng đều chực vỡ òa ra. Tôi chỉ vào cánh tay và đôi chân tôi. “Hãy nghe này. Tôi gặp một tai nạn đã cướp đi mạng sống của mình. Đột nhiên, tôi đi tới thiên đàng, đó là điều vĩ đại và tuyệt vời hơn bất cứ thứ gì tôi có thể tưởng tượng. Tôi đã được ném hương vị huyền diệu cao quý của thiên đàng, và sau đó lại bị đẩy xuống cuộc đời này một lần nữa. Cơ thể tôi là một đồng lộn xộn. Và tôi thường xuyên cảm thấy đau đớn. Tôi sẽ không bao giờ có thể khoẻ mạnh lại như xưa. Tôi sẽ vẫn nghĩ đến điều này - bởi vì, nói thẳng ra là mọi thứ dường như quá khắc nghiệt với tôi”.

David nhìn tôi chằm chằm và hỏi lại: “Tại sao cậu nghĩ là cậu đã ở trên thiên đàng nếu như cậu không có ý định chia sẻ nó với ai?”

“Tôi đã nói rồi, tôi không có câu trả lời cho câu hỏi đó”. “Có thể là Chúa đã đưa cậu lên thiên đàng và mang cậu trở về để cậu chia sẻ những điều đã xảy đến với cậu chẳng? Cậu không nhận thấy rằng cậu đang mang lại cho những người khác nguồn động viên tinh thần lớn lao như thế nào sao?”

Những lời nói của David làm cho tôi choáng váng. Tôi đã nghĩ quá nhiều về bản thân, và tôi đã chẳng để tâm đến ai khác.

Tôi kiệt sức khi cố gắng diễn tả cho anh biết tôi cảm thấy thế nào và cố giải thích điều đó với bản thân ra sao. Tôi khóc trước mặt anh, và tôi biết điều đó là đúng đắn.

Sau khoảng 20 phút, chúng tôi tiếp tục câu chuyện. David thúc vào khuỷu tay của tôi và mặc dù tôi biết anh làm vậy là đúng song tôi vẫn cảm thấy thật khó khăn khi chia sẻ trải nghiệm của mình.

Cuối cùng David nói: “Tôi muốn cậu giao kèo với tôi”.

“Giao kèo cái gì?”

“Đơn giản thôi. Hãy chọn ra hai người mà cậu tin tưởng. Hãy kể một chút về câu chuyện này với họ và xem phản ứng của họ ra sao”. David tiếp tục giải thích cho tôi nếu họ nghĩ rằng tôi bị điên hay bị ảo giác thì tôi sẽ không bao giờ kể câu chuyện này nữa.

“Nhưng nếu họ thích thú câu chuyện của cậu”, anh ta nói, “Và nếu họ thúc giục cậu kể tiếp câu chuyện, thì mình muốn cậu coi đó là một dấu hiệu - một dấu hiệu cho thấy Chúa muốn cậu kể cho mọi người biết về 90 phút cậu ở trên thiên đàng”.

Sau khi suy xét một cách cẩn thận, tôi chấp nhận giao kèo với anh. “Mình có thể làm được điều đó”. “Khi nào?”

“Mình hứa sẽ sớm thực hiện”.

“Phải sớm đấy, được chứ?”

“Được rồi, mình hứa sẽ không bỏ qua”. David cầu nguyện cho tôi, và khi tôi lắng nghe điều anh ấy nói, tôi cảm thấy tràn ngập một cảm giác vững chắc. Đó không còn là một lựa chọn nữa - tôi phải nói ra - nhưng tôi sẽ nói theo cách của mình.

Đầu tiên, tôi quyết định sẽ chỉ nói về bí mật thiêng liêng của mình cho những người mà mình tin tưởng. Ngay khi tôi thu hẹp được số lượng người đáng tin cậy để chia sẻ, tôi bắt đầu những bước tiếp cận cẩn trọng. Tôi phải đảm bảo chắc chắn đó là cuộc nói chuyện chỉ giữa hai người với nhau. Tôi sẽ chờ đợi những lúc tình trạng sức khỏe của mình ổn định và sẽ bắt đầu bằng một câu nói đơn giản như: “Con biết đây. Ngày hôm đó cha đã chết. Và cha tỉnh dậy trên thiên đàng”.

Phản ứng của mọi người lúc nào cũng là “hãy kể thêm đi”. Họ không nói những từ hoàn toàn giống nhau, nhưng đó là điều họ muốn. Tôi có thể thấy rõ đôi mắt họ mở to, và họ muốn được biết nhiều hơn.

Khi tôi kể thêm, không ai tỏ ý hỏi về độ minh mẫn của tôi. Không ai nói rằng tôi là kẻ hoang tưởng.

“Cha phải nói với mọi người về điều này”, một trong số họ nói.

“Trải nghiệm đó không phải chỉ dành cho mình cha”, một người bạn khác nói, “Nó cũng dành cho tất cả mọi người. Cho cả tôi nữa”.

Khi lắng nghe mọi người nói chuyện trong hơn hai tuần, tôi chợt nhận ra mình đã trở về ở bệnh viện nơi tôi được chuyển đến sau khi tai nạn, vào hôm mà Jay còn đang khiển trách tôi. Lúc đó, tôi chẳng chịu để bất kỳ ai giúp mình, và điều đó thực là ích kỷ. Lúc đó tôi không chịu chia sẻ bất kỳ điều gì xảy đến với mình - thật là ích kỷ.

“Được rồi, mình sẽ kể chuyện này”, tôi tự thề nguyện với chính mình.

Vì mọi người đều đã biết rõ về tai nạn thảm khốc của tôi, tôi thường dùng nó để làm chất xúc tác tự nhiên để bắt vào câu chuyện của mình ở trên thiên đàng - và luôn rất cẩn trọng lúc khởi đầu. Do mọi người thường phản ứng lại bằng sự khích lệ vô cùng lớn lao nên tôi trở nên cởi mở hơn và bớt cảnh giác với những người tôi chia sẻ câu chuyện của mình.

Tôi muốn khẳng định rằng mặc dù biết đó là việc mình cần phải làm, song tôi vẫn không cảm thấy dễ dàng chút nào. Ngay cả đến bây giờ, sau rất nhiều năm, dường như tôi cảm thấy mình đang đấu tranh với chính mình khi kể chi tiết và riêng tư những điều đã xảy ra. Giờ đây, tôi chỉ kể qua về câu chuyện chốn thiên đàng cho những người muốn hỏi, và sau đó là chỉ kể cho những người mà tôi nghĩ là thực sự muốn biết. Còn nếu không, tôi chẳng bao giờ kể.

Đó là lý do khiến tôi phải mất rất nhiều năm mới quyết định viết ra quyển sách này. Tôi không muốn trải nghiệm của tôi ở trên thiên đàng và sự trở về trần gian là lý do duy nhất cho sự tồn tại của tôi. Mà ngược lại, đó là trải nghiệm cá nhân kỳ lạ và riêng tư đến mức nếu lật đi lật lại nó nhiều lần thì sẽ không đặc biệt nữa.

Tôi kể về trải nghiệm của mình cho cộng đồng và cho cả từng cá nhân. Tôi đang viết về điều đã xảy ra với mình bởi vì câu chuyện của tôi dường như có ý nghĩa với quá nhiều người vì

nhiều lý do. Chẳng hạn, khi tôi nói chuyện với bất kì đám đông nào, ít nhất sẽ có một người xuất hiện và thường là người vừa mất đi người thân và muốn được trấn an rằng người thân họ đã đến được nơi cần đến.

Khi tôi kể xong câu chuyện, cho đến giờ tôi vẫn cảm thấy kinh ngạc trước dòng người nhanh chóng xếp hàng để xin được nói chuyện với tôi. Họ đến với đôi mắt đăm lẹ và niềm khắc khoải u sầu hẳn rõ trên gương mặt. Tôi cảm thấy thật sự vui lòng vì tôi có thể trấn an và mang lại cho họ cảm giác yên bình.

Tôi thừa nhận rằng những lời nói của tôi mang lại sự an ủi, song chưa bao giờ tôi nghĩ mình đang làm được điều đó. Nếu không phải vì David thúc giục thì chắc là đến ngày hôm nay tôi vẫn chưa nói với bất kì ai.

Tôi rất cảm kích vì anh đã thúc ép tôi, tôi đã thấy được hiệu quả của nó không chỉ trong nhiều buổi lễ cầu nguyện mà còn trong những buổi tôi chủ trì lễ tang. Thực ra, trải nghiệm của tôi đã làm thay đổi lớn cách nhìn nhận của tôi về cuộc sống. Tôi thay đổi cả cách tôi chủ trì lễ tang. Giờ đây, tôi có thể nói đầy thuyết phục về thiên đàng nhờ hiểu biết thực tế của mình.

Bên cạnh trải nghiệm thần kỳ, còn có bốn điều nữa đọng mãi trong chuyến bay đến thiên đàng. Thứ nhất, tôi hoàn toàn tin tưởng rằng Chúa đáp trả lời cầu nguyện. Bằng chứng là tôi được tái sinh. Thứ hai, tôi có niềm tin tuyệt đối rằng Chúa có quyền năng siêu phàm. Quá nhiều người đọc về sự siêu phàm trong Kinh thánh và nghĩ: Điều đó chỉ đúng ở thời Kinh thánh thôi. Tôi luôn tin chắc rằng Chúa vẫn làm những công việc hơn-mức-bình-thường. Hàng ngày, tôi tạ ơn Chúa vì tôi đã được ban phép màu nhiệm để được sống, được đi, và được nói chuyện.

Thứ ba, tôi mong muốn ngày càng có nhiều người đến được với thiên đàng. Tôi luôn luôn tin vào triết lý của Thiên Chúa giáo khi họ tuyên bố rằng thiên đàng là có thật và là nơi trở về của những con chiên của Chúa. Vì tôi đã từng ở đó nên trong tôi có cảm giác rất mạnh mẽ là cần phải dọn đường đến đó. Tôi không chỉ muốn mọi người đến được với thiên đàng mà giờ đây tôi còn cảm thấy sự cấp bách cần phải giúp họ khai sáng để họ chắc chắn rằng đó sẽ là nơi họ đến sau khi chết.

Thực ra tôi đã nghĩ về những người bị tử vong do tai nạn trên các xa lộ. Trong các buổi lễ cầu nguyện cho người theo trường phái Phúc Âm, một số đã sử dụng chuyện về những vụ tai nạn này làm phương sách để khiến người khác phải sợ hãi mà tận tụy hết lòng với Chúa Giêsu. Từ trải nghiệm của tôi, tôi nhận thấy những tai nạn như thế này hoàn toàn là dấu hiệu cho thấy cái chết có thể xảy ra ở bất kỳ thời điểm nào trong cuộc đời mỗi người. Tôi không muốn ai phải ra đi mà không có Chúa Giêsu ở bên.

Cuối cùng, một lần, Dick Onerecker và tôi nói chuyện về điều cấp bách này. Anh hiểu tại sao tôi lại suy nghĩ như vậy. Sau đó tôi nói với anh: “Một lần nữa, Dick, tôi muốn cảm ơn anh vì đã cứu mạng tôi. Tôi không biết cảm ơn thế nào cho đủ trước tấm lòng trung thành của anh khi phục tùng Chúa trong khoảng thời gian khốn khó đó”.

“Đó là điều mà bất kì ai cũng sẽ làm”, anh ta nói và bắt đầu khóc.

“Tôi không có ý làm anh buồn phiền”, tôi nói, cảm thấy buồn vì đã nói điều gì để khiến anh phải khóc như thế. “Đó là điều cuối cùng trên thế giới này tôi muốn làm”.

“Không phải tôi khóc vì chuyện đó”.

Mấy phút sau, anh cũng bình tâm trở lại.

“Vậy vì sao anh lại khóc?” Tôi hỏi.

“Tôi nghĩ lại về cái ngày chứng kiến cảnh tượng xảy ra tai nạn và tôi đã hỏi viên sĩ quan liệu tôi có thể cầu kinh cho cha không - tôi nghĩ đó là điều mà bất kì một tín đồ Thiên Chúa giáo nào cũng sẽ làm. Mặc dù ông ấy nói cha đã chết, tôi chỉ biết rằng tôi sẽ phải cầu kinh cho cha. Tôi chỉ có thể nghĩ rằng cha đang bị thương và tôi đã mong muốn cha sẽ cảm thấy khá hơn. Tôi chẳng làm điều gì đặc biệt cả”.

“Có đấy. Ông ấy nói với anh rằng tôi đã chết lúc nào?”

“Hãy nghe này, Don! Nếu cha nhìn thấy một đứa trẻ chạy qua đường thì cha sẽ lao ra để cứu mạng đứa trẻ. Con người là như vậy. Chúng ta cố gắng giữ gìn sự sống, tôi sẽ làm điều đó bất kì khi nào có cơ hội. Và cha cũng vậy”.

Chúng tôi ngồi trong một nhà hàng, còn anh dừng lại nhìn ra ngoài: “Nhưng lúc này đây chúng ta đang ngồi ở nơi này, xung quanh mọi người, rất nhiều người trong số họ có thể đã chết và xuống địa ngục, và chúng ta chẳng biết làm cách nào để giúp họ có cuộc sống bất tử. Có điều gì đó không ổn với chúng ta”.

“Anh hoàn toàn đúng”, tôi nói. “Chúng ta sẵn sàng cứu mạng ai đó trong một thảm họa nhìn thấy được, nhưng vô số người phải chịu đựng những thảm cảnh về mặt tinh thần và chúng ta chẳng thể nói gì để giúp họ vượt qua được”.

“Đó là lý do khiến tôi khóc. Tôi cảm thấy có tội vì sự im lặng của mình, nỗi sợ phải nói chuyện với người khác, sự e dè khi phải lên tiếng”.

Một lúc sau, Dick nói với tôi rằng sau khi lắng nghe câu chuyện của tôi và biết được vai trò của anh ấy trong việc giúp tôi được tái sinh đã khiến cho anh trở nên được sáng suốt. Và anh cảm thấy bạo dạn hơn khi nói về Chúa Giêsu, một cảm giác mà trước đây anh chưa từng có.

Chương 13

BÀN TAY SIẾT CHẶT

Ngài là Đấng anh chị em tôn vinh ca tụng, Ngài là Đức Chúa Trời của anh chị em, Đấng đã làm những việc vĩ đại phi thường chính mắt anh chị em đã chứng kiến.

Deuteronomy 10:21

Tôi rất vinh dự được chia sẻ với các bạn câu chuyện của tôi ở nhà thờ của Dick, nhà thờ Klein First Baptist, khoảng hơn một năm sau vụ tai nạn. Vợ của anh, Anita, cũng ở đó và gia đình tôi cũng vậy. Lúc đó, tôi vẫn phải đeo nạng nên có hai người giúp tôi bước đi trên sàn.

Tôi kể với mọi người về vụ tai nạn, về vai trò của Dick trong việc mang tôi quay trở lại với cuộc sống. “Tôi tin rằng ngày nay tôi vẫn còn sống là do Dick đã cầu nguyện cho tôi quay trở lại trái đất,” tôi nói. “Trong giây phút đầu tiên khi tôi tỉnh dậy, có hai điều tôi nhận thức được rõ rệt. Thứ nhất, tôi đang hát rằng: “Chúa Giêsu đối với chúng ta quả là người bạn tuyệt vời”. Điều thứ hai đó là bàn tay của Dick siết lấy tay tôi và nắm nó thật chặt.

Sau lễ cầu nguyện buổi sáng, tất cả chúng tôi đi ăn cùng nhau tại một nhà hàng Trung Hoa. Anita ngồi đối diện với tôi. Tôi nhớ là tôi đã ngồi nhấm nháp món Wonton (một món canh đặc trưng của Trung Quốc) và có khoảng thời gian thật thú vị với những thành viên của nhà thờ.

Khi có một khoảng lặng trong cuộc nói chuyện, Anita nhòai người qua bàn và thì thầm: “Tôi đánh giá rất cao những gì anh nói sáng nay”. “Cảm ơn”

“Có một điều, chỉ có một điều mà tôi cần đính chính về những điều anh đã nói trong thông điệp của mình”.

“Thật sao?” Những lời cô ấy nói thực sự làm tôi thấy sốc. “Tôi đã cố gắng nói chính xác hết sức có thể. Tôi không định phóng đại bất cứ cái gì cả. Tôi đã nói điều gì không đúng nào?”

“Anh đã nói về việc Dick cùng vào xe ô tô với anh. Và sau đó anh nói là anh ấy đã cầu nguyện cho anh trong khi anh ấy nắm tay anh”.

“Đúng vậy. Tôi nhớ điều này rất rõ mà. Tôi có rất nhiều khoảng trống trong trí nhớ và tôi không nhớ hầu hết mọi việc”. Buổi sáng hôm đó, tôi đã thú nhận rằng có vài thông tin mà tôi đưa ra là do người khác nói lại. “Điều duy nhất hoàn toàn rõ ràng đó là lúc đó Dick có ở trong xe và cầu nguyện cùng với tôi”.

“Điều đó đúng. Anh ấy đã vào trong xe và cầu nguyện với anh”. Cô ấy ghé sát vào tôi hơn. “Nhưng Don này, anh ấy chưa bao giờ nắm tay anh cả”. “Tôi nhớ rõ ràng là anh ấy nắm tay tôi mà”.

“Điều đó không hề xảy ra. Nó hoàn toàn không thể xảy ra được!”

“Nhưng tôi nhớ điều đó rất rõ mà. Đó là một trong số những điều rõ ràng nhất”.

“Hãy nghĩ về điều đó. Dick nằm trên phần phía sau thùng đựng hàng của xe, vắt qua ghế sau, đặt tay của anh ấy lên vai của anh và chạm vào anh. Anh đang hướng mặt về phía trước và tay trái của anh thì treo lủng lẳng”.

“Đúng, đúng như vậy”.

“Dick nói rằng anh ngã xoài trên ghế, đổ về phía bên ghế khách”.

Tôi nhắm mắt lại, tưởng tượng ra những gì mà cô ấy vừa nói. Tôi gật đầu.

“Tay phải của anh nằm ở trên sàn xe, bên phía ghế khách của ô tô. Mặc dù chiếc vải bạt phủ xe che toàn bộ chiếc xe, vẫn có đủ ánh sáng để anh ấy nhìn thấy tay của anh ở đó. Nhưng không thể có cách nào mà Dick có thể với được tới tay phải của anh”.

“Nhưng... nhưng...”. Tôi lấp bắp.

“Có một ai đó đã nắm lấy tay anh. Nhưng đó không phải là Dick”.

“Nếu đó không phải là tay của Dick thì là tay của ai?”

Cô ấy cười và nói: “Tôi nghĩ là anh biết đấy”.

Tôi bỏ thìa xuống và nhìn chăm chăm vào cô ấy trong vài giây. Tôi hoàn toàn không nghi ngờ chút nào về chuyện có ai đó đã nắm lấy tay tôi.” Và sau đó thì tôi hiểu ra: “Vâng, tôi nghĩ rằng tôi cũng biết”.

Ngay lập tức, tôi nhớ về những câu thơ của người Do Thái về việc chúng ta không nhận biết được các thiên thần. Trong khi suy ngẫm, tôi cũng chợt nhớ về một chuyện tình cờ khác mà ta không thể giải thích được được gì hơn là bằng tinh thần. Ví dụ, rất nhiều lần trong phòng bệnh của bệnh viện lúc nửa đêm, tôi ở trong tình trạng tột tể nhất. Tôi không hề nhìn hay nghe thấy tiếng của bất cứ ai nhưng tôi cảm thấy có sự hiện diện của một cái gì đó hay của ai đó: thật vững chãi và khích lệ tôi. Đó cũng là cái mà tôi chưa bao giờ nói tới. Tôi không thể giải thích được điều đó, vì vậy tôi cũng mặc định rằng những người khác sẽ không thể hiểu nổi.

Đó là một điều diệu kỳ khác nữa và có lẽ tôi sẽ chẳng bao giờ biết được nếu Anita không sửa lại chỗ sai của tôi.

Năm năm sau vụ tai nạn, cả Dick và tôi đều xuất hiện trong câu lạc bộ 700 của Pat Robertson. Một đoàn quay phim tới Texas để dựng lại vụ tai nạn và sau đó đề nghị tôi kể về chuyến thăm của mình tới công thiên đàng. Hai năm sau, câu lạc bộ 700 đã trình chiếu cảnh quay này nhiều lần.

Trong một cơn sóng gió của cuộc đời, Dick đã qua đời vì cơn đau tim vào năm 2001. Tôi thừa nhận đã rất buồn khi nghe tin về sự ra đi của anh nhưng thấy vui vì anh ra đi trong chiến thắng. Dick đã cứu sống tôi và Chúa đã mang anh tới thiên đàng trước. Tôi rất vui vì anh đã nghe tôi chia sẻ về hành trình tới thiên đàng của tôi trước khi anh thực hiện cuộc hành trình của mình.

Kể từ kinh nghiệm từ cuộc nói chuyện với Anita sau hơn một năm xảy ra vụ tai nạn, tôi đã bị thuyết phục hơn bao giờ hết rằng Chúa đã mang tôi quay trở lại trái đất này vì một mục đích. Các thiên thần nắm chặt tay tôi chính là cách của Chúa để làm tôi mạnh mẽ hơn, cho tôi biết rằng Chúa sẽ không bỏ rơi tôi bất kể mọi chuyện trở nên khó khăn tới mức nào.

Có thể tôi không cảm nhận được bàn tay đó mỗi ngày, nhưng tôi biết, đôi tay ấy luôn ở đó.

14

SỰ BÌNH THƯỜNG MỚI

Chúa phán: "Dù chúng gọi ngươi là: ‘Si-ôn bị ruồng bỏ’, không ai đoái hoài đến nó, ta sẽ khiến cho vết thương ngươi kéo da non, ta sẽ chữa lành thương tích ngươi”.

Jeremial 30:17

Có một chuyện gì đó xảy ra trong cuộc đời của chúng ta, khiến ta không thể nào hồi phục. Chúng phá huỷ sự bình thường trong cuộc sống của ta. Đó chính là tính chất của cuộc sống!

Con người thường có xu hướng xây dựng lại theo cách cũ của mình và cố gắng nhốt lại những gì mình đã đánh rơi. Nếu khôn ngoan, chúng ta không bao giờ quay trở lại con đường cũ (dù sao thì chúng ta cũng không thể). Thay vào đó, chúng ta phải quên đi chuẩn mực cũ và chấp nhận “sự bình thường mới”.

Tôi đã lãng phí quá nhiều thời gian cho việc suy nghĩ về thời khoẻ mạnh, về thể lực của mình. Trong tâm trí, tôi sẽ xây dựng lại cuộc sống theo cách mà nó đáng ra phải thế. Nhưng thực tế, tôi biết cuộc sống của tôi bây giờ sẽ chẳng bao giờ như trước được. Tôi phải điều chỉnh và chấp nhận giới hạn về thể lực như là một phần trong sự bình thường mới của tôi.

Khi còn là đứa trẻ, tôi thường ngồi trên tấm thảm trải sàn nhà lớn màu nâu trong phòng khách của ông bà và nghe ông bà kể về ngày xưa cũ. Sau khi lắng nghe những câu chuyện đó, tôi nghĩ: Những ngày xa xưa đó chưa chắc đã tốt đến vậy! Ít nhất thì câu chuyện mà ông bà kể cho tôi nghe cũng không có được cái vẻ lớn lao, tốt đẹp đến nhường ấy. Có lẽ là với họ thì đó thực sự là những ngày tốt đẹp hay họ đã quên hết mọi xấu xa của những ngày đó rồi. Tại thời điểm nào đó trong cuộc đời của chúng ta, hầu hết chúng ta đều muốn quay trở về quá khứ, trở về quãng thời gian đơn giản hơn, khoẻ mạnh hơn hay hạnh phúc hơn. Chúng ta không thể làm được điều đó, nhưng chúng ta vẫn cứ mơ mộng về việc nếu điều đó xảy ra một lần thôi thì sẽ như thế nào.

Vào cái tuổi 20, khi tôi còn là một DJ, chúng tôi thường phát những bài hát xưa cũ và những người yêu cầu các bài hát đó thường nhận xét rằng các bài hát ngày xưa hay hơn bài hát ngày nay. Sự thật là, ngày xưa chúng ta phát cả ca khúc hay lẫn ca khúc dở nhưng những ca khúc dở bị phai nhoà rất nhanh ra khỏi trí nhớ của người nghe, điều này cũng giống như những gì xảy ra với các ca khúc dở ngày nay. Chẳng ai yêu cầu chúng tôi phát những bài hát đã bị đào thải cả. Những bài hát hay khiến cho ngày xưa cũ có vẻ tốt đẹp, cứ như thể là tất cả các bài hát cũ đều hay nổi bật vậy. Trên thực tế thì 30 hay 50 năm trước đây đều có những bài hát dở. Chúng ta thường có xu hướng lãng quên khuyết điểm và thường quay lại với những sự kiện làm ta thấy hài lòng. Sự thật là chúng ta đã ghi nhớ có lựa chọn và cũng lãng quên có lựa chọn.

Một khi tôi hiểu được ý tưởng này, tôi quyết định rằng tôi không thể nào lấy lại được quá khứ. Cho dù tôi cố gắng đến đâu để lý tưởng hoá nó thì quãng đời đó của tôi cũng đã kết thúc và tôi sẽ chẳng bao giờ lại thể khoẻ mạnh như xưa. Điều duy nhất mà tôi có thể làm đó là tìm ra “một sự bình thường mới”.

Đúng vậy, tôi tự nói với bản thân mình. Có những điều mà tôi sẽ chẳng bao giờ làm lại được. Tôi không thích điều này mà thậm chí còn ghét nó nhưng cũng chẳng làm thay đổi được điều gì. Càng sớm dần hoà được với sự thật này và chấp nhận mọi thứ như nó vốn có, tôi càng sớm có khả năng sống yên ổn và tận hưởng sự bình thường mới của tôi.

Sau đây là ví dụ minh chứng cho những điều tôi định nói.

Đầu năm 2001, tôi dẫn một nhóm học sinh đi trượt tuyết từ Houston tới Colorado. Trượt tuyết là một môn thể thao tôi luôn luôn yêu thích. Vì không thể tham gia, tôi ngồi trong nhà của một câu lạc bộ ở dưới chân đồi, liếc nhìn qua cửa sổ và xem bọn trẻ trượt xuống. Một nỗi buồn bao trùm và tôi nghĩ mình đã phạm sai lầm lớn, đáng lẽ ra tôi không nên đến đây. Tôi khóc than cho bản thân mình vì chẳng bao giờ tôi trượt tuyết được nữa. Nỗi đau khổ của tôi cũng ngang bằng với niềm vui mà tôi dành cho các em.

Sau đó, tôi suy nghĩ tới lần thứ một nghìn về những việc khác mà tôi cũng không bao giờ làm được nữa. Khi tôi còn là mục sư cấp cao, hầu hết những người lớn đều chào tôi ở cửa sau mỗi buổi lễ. Họ nói: “Bài thuyết pháp hay quá. Buổi lễ thật là tuyệt!”

Tuy nhiên, những đứa trẻ lại cư xử hoàn toàn khác. Chúng chạy tới với bức tranh mà chúng đã tô màu cho tôi. Trước khi xảy ra vụ tai nạn, tôi rất thích được lũ trẻ vây quanh mình. Tôi thường quỳ xuống và nói chuyện với chúng. Sau khi hồi phục, tôi chẳng thể nào ngồi xuống mà nhìn ngắm những khuôn mặt tươi cười của bọn trẻ như tôi thường làm trước đây. Tôi nói: “Cảm ơn các con. Cha rất thích bức tranh này. Nó thật là đẹp!”

Sau vụ tai nạn, điều tốt nhất mà tôi làm được là nhào người về phía trước và nói chuyện với bọn trẻ. Có lẽ điều này không phải là lớn lao với các bạn nhưng với tôi lại khác. Tôi sẽ chẳng bao giờ có thể ngồi xuống, chẳng bao giờ có thể quỳ xuống để tôi trở nên ngang hàng với bọn trẻ được nữa vì chân tôi không còn cái khả năng để làm được việc đó.

Và đây là ví dụ khác nữa. Khi tôi tới một nhà hàng bán đồ ăn nhanh “drive-through” (Đây là loại nhà hàng chuyên bán đồ cho những người mua không có thời gian. Người mua ngồi trong xe ô tô của mình, yêu cầu đồ ăn, lấy đồ ăn qua cửa kính xe và lái xe đi), tôi không thể với tay trái ra để lấy tiền thừa. Điều tốt nhất tôi có thể làm là nhào cả người ra ngoài, dùng tay phải để lấy tiền thừa. Có lẽ, trông tôi lúc đó rất lạ lùng, và có nhiều người nhìn tôi với ánh mắt kỳ cục, nhưng đó là cách tốt nhất mà tôi có thể làm.

Chẳng có ví dụ nào trong hai ví dụ trên mang vẻ kịch tính nhưng tuy nhiên đó cũng là lời nhắc nhở với chúng ta rằng đôi khi những gì mà hàng ngày chúng ta coi là hiển nhiên lại có thể mất đi vĩnh viễn, đột ngột và chúng ta đã thay đổi mãi mãi.

Trong quãng thời gian dài nằm trong bệnh viện, có người đã đưa cho tôi quyển tạp chí có bài viết về một chàng trai trẻ bị mù. Cậu ta phải trải qua những đắng cay không thể tin được và khoảng thời gian thất vọng não nề. Chàng trai viết rằng cậu quá suy sụp đến nỗi một người bạn quan tâm tới cậu phải nói với cậu sự thật rằng: “Cậu chỉ cần vượt qua nó thôi”.

Tôi ngừng đọc và nghĩ: “Đúng, điều này nghe cũng giống như tình trạng của mình sau vụ tai nạn”. Tuy nhiên, sau đó bài báo viết về những hướng dẫn mang tính thực tiễn mà người bạn đã cung cấp cho chàng trai mù: “Minh muốn cậu liệt kê ra đây danh sách tất cả những việc mà cậu vẫn có thể làm”.

“VẬY, đó là loại danh sách gì?”, chàng trai mù tức giận hỏi.

“Hãy làm điều đó vì mình. Rõ ràng là cậu không thể viết ra cái danh sách đó nhưng cậu có thể lấy máy ghi âm và ghi lại. Hãy lập bản danh sách về tất cả những gì mà cậu làm được. Và mình đang nói về những việc đơn giản đại loại như: Tôi vẫn có thể ngửi thấy hương thơm của những bông hoa. Hãy lập một bản danh sách càng dài càng tốt. Khi nào cậu xong, mình muốn nghe cái danh sách đó của cậu”.

Cuối cùng, chàng trai mù cũng đồng ý và lập một danh sách. Tôi không biết là đã bao nhiêu thời gian trôi qua nhưng khi người bạn trở lại, chàng trai mù đã nở nụ cười và cảm thấy thanh bình hơn.

“Có vẻ như tinh thần của cậu đã khá hơn rất nhiều kể từ lần cuối cùng mình nhìn thấy cậu”, người bạn nói.

“Đúng vậy, mình thực sự đã khá hơn. Đó là bởi vì mình vừa mới lập xong cái danh sách của mình”.

“Thế có bao nhiêu việc trong danh sách đó?”

“Cho tới bây giờ thì có khoảng một nghìn”.

“Thật tuyệt!”

“Có vài thứ trong số đó rất đơn giản. Chẳng có cái nào lớn cả nhưng mình vẫn làm được hàng nghìn việc”.

Chàng trai mù đã hoàn toàn thay đổi đến nỗi cậu bạn phải hỏi: “Hãy nói cho mình biết điều gì làm cậu thay đổi đến vậy?”

“Mình vừa quyết định là mình sẽ làm tất cả những việc mà mình có thể làm. Mình càng nghĩ về điều đó, mình càng thấy rất ít những giới hạn. Có hàng nghìn việc mình làm được và mình sẽ làm những việc đó trong suốt quãng đời còn lại của mình”.

Sau khi đọc bài báo, tôi nghĩ: Đó chính xác là những gì mình cần - không phải là khóc than, chẳng phải là phó mặc cho số phận, quay trở lại với quá khứ hay những thứ mình đã từng có mà bây giờ mình không có nữa. Thay vào đó, mình cần phải tìm ra bây giờ mình có gì, chẳng những để tán dương bản thân mà còn để nhận ra rằng mình không vô dụng.

Trong lúc tiếp tục suy nghĩ về ý tưởng này, tôi nhận ra rằng có nhiều thứ đang chờ đợi tôi hơn tôi tưởng. Tôi đã quá tập trung vào sự mất mát mà quên mất là mình vẫn còn những gì. Và tôi đã không nhận ra những cơ hội mà tôi chưa bao giờ thử.

Trong bài báo, chàng trai mù đã nói gì đó tựa như là: “Minh sẽ không lo lắng về những việc mình không thể làm. Minh sẽ làm những gì mình có thể làm tốt”. Những câu này nghe có vẻ đơn giản.

Tôi đã đọc bài báo thật đúng lúc và ngôn ngữ trong bài báo sâu sắc lạ thường. Chúa đã gửi cho tôi thông điệp khi tôi cần tới nó. Đó là một trong số những giây phút mạnh mẽ, khiến tôi tự nhủ rằng: “Tôi phải tiếp tục cuộc sống của mình. Cho dù tôi có cái gì đi chăng nữa, tôi sẽ sử dụng nó và làm cho nó lớn mạnh tới mức tốt cùng”.

Minh đang hết dần thời gian nhưng ai cũng vậy mà, tôi nghĩ. Tôi nhận thức được về thời gian nhiều hơn vài người khác vì hai lý do: Thứ nhất, tôi đã mất đi phần rất lớn của cuộc đời mình vì vụ tai nạn. Thứ hai, tôi biết con người không thể ở lại trái đất này thật lâu. Như nhiều bài thánh ca xưa đã nói, chúng ta thực sự giống như những người lạ đi qua trái đất này. Đó là thứ mà tất cả chúng ta đều biết nhờ đọc Kinh thánh và những cuốn sách khác nhưng sự nhận thức này lại là tiếng gọi thức tỉnh của tôi.

Tôi cũng biết rằng những người mà tôi yêu thương đang chờ tôi ở cổng. Một ngày nào đó tôi sẽ không phải đợi để quay về đó. Tôi cũng nhận ra rằng tôi phải chờ tới khi nào Chúa gửi tôi quay trở lại.

Các thành viên của nhà thờ South Park Baptist chuyển nhà giúp gia đình tôi khi tôi nằm viện. Chúng tôi đã sống ở thị trấn có tên là Friendswood, cách nhà thờ khoảng 6 km. Chúng tôi cần một ngôi nhà gần nhà thờ hơn nhưng vẫn chưa tìm thấy một nơi thích hợp. Khi tôi nằm viện, những người lãnh đạo nhà thờ tìm được một ngôi nhà, thuê nó và đóng gói đồ đạc cho chúng tôi, giúp chúng tôi chuyển nhà. Khi xuất viện, tôi được đưa vào ngôi nhà mà trước đây tôi chưa từng đặt chân. Khi xe cứu thương lùi lại, chuyển tôi từ chiếc cáng cứu thương vào giường bệnh gia đình trong nhà, lần đầu tiên tôi được nhìn ngôi nhà mới của mình.

Chẳng bao lâu sau đó, tôi được chuyển sang ở một phòng mới vì trong suốt thời gian dài tôi chỉ nhìn thấy phòng khách, nơi họ đặt chiếc giường bệnh của tôi mà thôi.

Xét về nhiều khía cạnh, chuyển sang một ngôi nhà thuê khiến các thành viên trong gia đình tôi gặp khó khăn nhiều hơn. Tôi cảm nhận được những vất vả và sự thay đổi mà vợ tôi phải trải qua. Eva gần như mất việc vì cô ấy phải dành quá nhiều thời gian cho tôi, đến nỗi cô ấy đã bỏ những buổi hội thảo, những ngày nghỉ và nghỉ ốm. Những giáo viên khác đã nhường những ngày nghỉ ốm của mình cho cô ấy để cô ấy có thể tới bệnh viện với tôi. Cuối cùng, cô ấy chẳng còn ngày nghỉ ốm nào và phải quay về làm việc. Cô ấy là người kiếm tiền chính trong gia đình chúng tôi.

Các đồng nghiệp của Eva tại trường tiểu học Robert Louis Stevenson, Alvin thường chăm bài, viết giáo án và quản lớp giúp cô khi cô xin về sớm để tới chăm tôi tại bệnh viện. Những người bạn đồng nghiệp của cô thậm chí còn làm nhiều món quà nho nhỏ để tặng con chúng tôi để chúng có cái mà mong đợi. Họ gọi đó là “chiếc hộp ngạc nhiên”. Những người bạn ấy còn tới thăm nhà của chúng tôi cùng với bạn bè tôi ở nhà thờ để dọn dẹp và nấu cơm giúp chúng tôi. Nếu không có những đồng nghiệp giáo viên và những người bạn ở nhà thờ đó, chắc chắn Eva đã mất việc và tôi cũng vậy. Thậm chí, với những món quà và sự hy sinh này, làm thế nào mà vợ cùng các con tôi vượt qua được mùa xuân năm 1989 vẫn còn là một điều kỳ diệu.

Một lần khi Eva hỏi về chuẩn đoán bệnh lâu dài của tôi, y tá đã nói với cô ấy: “Cô không cần phải biết tất cả đâu, cô chỉ là một người vợ”.

Với người y tá này, có thể cô ấy “chỉ là một người vợ” nhưng sau tai nạn của tôi thì Eva phải đảm nhiệm vai trò của cả hai chúng tôi. Trước đây, người quan tâm tới các hoá đơn, tài khoản ngân hàng, bảo hiểm và hầu hết đề gia đình là tôi. Bây giờ thì cô ấy không có lựa chọn nào khác ngoài việc phải giải quyết tất cả các vấn đề đó và cô ấy đã làm rất tốt. Eva tìm thấy sức mạnh và mức độ tự tin mới. Chúa đã cho cô ấy sự khôn ngoan để coi sóc việc gia đình. Cô ấy cũng học được cách giữ bình tĩnh khi phải nghe tôi cầu nhàu và lảm bảm trong suốt quá trình hồi phục dài đằng đặc của tôi.

Nhà thờ vẫn trả lương cho tôi nhưng có lẽ là họ rất miễn cưỡng vì tôi không làm việc. Chúng tôi không bao giờ nói chuyện về tiền nhưng luôn luôn có mỗi nguy cơ treo lơ lửng trên đầu.

Khi người ta phát hiện ra bang Texas phải chịu trách nhiệm về vụ tai nạn, họ phải bồi thường 250.000 đô la. Tất cả khoản tiền đó được dùng để thanh toán viện phí và một phần tư triệu đô cũng chằng thấm vào đâu.

Cay đắng thay, viên chương lý của bang Texas lại bênh vực cho người lái xe đã lái chiếc xe tải đâm vào tôi bởi vì người được bảo vệ đó là người bạn thuở hàn vi của vị chương lý. Vì vậy, những đồng đô la đóng thuế của tôi lại được dùng để bảo vệ bang và bảo vệ người đàn ông đã gây ra tai nạn. Không phải là đôi khi cuộc sống cũng rất bất công đó sao?

Trong suốt 105 ngày tôi nằm viện, Eva là người chịu nhiều áp lực nhất. Cô ấy phải gánh vác mọi việc của gia đình. Sáu giờ sáng, cô ấy thức giấc, làm tất cả việc nhà rồi lao vội tới trường. Khi buổi dạy kết thúc, cô ấy lao tới giường bệnh của tôi và ở lại cho tới tận mười rưỡi tối. Ngày tiếp ngày, vẫn một lộ trình đầy căng thẳng như vậy.

Một trong số thử thách lớn nhất đối với cô ấy là phải mua một chiếc xe tải nhỏ thay thế cho cái xe bị hỏng của tôi. Lúc đó, tôi đã được về nhà và có thể đi lại mặc dù đôi chân vẫn phải đeo nẹp. Tuy nhiên, điều đó cũng có nghĩa là nếu tôi muốn đi đâu, chúng tôi vẫn phải cần một chiếc xe tải để chở. Chúng tôi không biết là cái xe đó phải dài bao nhiêu để tôi có thể ngồi lên như một chiếc ô tô mui kín bình thường.

Eva chưa từng mua chiếc xe nào trong đời nhưng cô ấy không hề phàn nàn. Cô ấy tới một đại lý, lái thử chọn một chiếc và mang nó về nhà. “Đây là xe của chúng ta”, cô ấy nói.

Cô ấy khiến tôi rất tự hào và cảm thấy vô cùng biết ơn.

Tôi lại học lái xe bằng chiếc xe tải đó. Một ngày, khi gia đình tôi đang rửa xe, tôi bước ra ngoài, đeo nẹp. Khi đi quanh chiếc xe, tôi phát hiện ra cửa xe bên ghế lái mở. Nhìn vào bên trong, tôi tính toán rằng tôi và 13,5 kg thép không gỉ có thể ngồi sau tay lái. Trong lúc không ai trong gia đình chú ý, tôi nhẹ nhàng chui vào trong xe và khởi động máy. Cả gia đình tôi đều choáng váng.

Eva chạy tới bên cửa và hỏi: “Anh đang làm cái gì thế?”

Tôi mỉm cười và nói: “Anh chuẩn bị lái xe!”

Cô ấy lấp bắp đầy hoài nghi: “Nhưng anh không thể”.

Tuy nhiên, có một điều gì đó mách bảo tôi rằng hoặc là bây giờ hoặc là không bao giờ tôi có thể cầm lái và lái xe sau thời gian gần một năm không lái xe và lần lái xe cuối cùng lại dẫn tới cái chết của mình.

Tôi từ từ cho xe lùi lại và lái xe xung quanh khu nhà. Đó không phải là quãng đường dài nhưng lại là cái mốc mới trong quá trình hồi phục của tôi. Tôi vẫn không thích chiếc xe tải 18 bánh hay những chiếc cầu hai làn xe dài nhưng cho tới lúc này, tôi đã xoay sở để tới được nơi tôi định tới.

Tất nhiên là việc thiết lập các cuộc hẹn và đảm bảo tôi tới gặp bác sĩ hai lần một tuần dồn xuống vai của Eva. Và tôi phải nói thêm rằng tôi không phải là người dễ chăm sóc. Trên thực tế, tôi rất khó tính. Khi sức khỏe được cải thiện, tôi trở nên đòi hỏi và cực cần (tôi không nhận thức được điều này), Eva phải chịu đựng khổ sở, cố gắng làm tôi hài lòng, và cô ấy làm điều đó rất tốt.

Sự thật là tôi rất đau khổ. Rất nhiều vấn đề của tôi dường như xuất phát từ cảm giác rằng tôi vô dụng. Trong suốt thời gian dài, tôi không thể tự lấy nước cho mình. Thậm chí, nếu như tôi có thể tự mình rót ra một cốc nước, tôi cũng không thể uống được cốc nước đó nếu không ai giúp đỡ. Thậm chí, cả những công việc đơn giản nhất cũng khiến tôi cảm thấy mình vô dụng.

Eva thường phải đưa ra những quyết định ngay lập tức mà không được bàn luận với tôi. Cô ấy đã làm mọi điều tốt nhất có thể. Đôi khi, Eva đề cập tới những gì cô ấy đã làm, tôi nhanh chóng cho cô ấy biết rằng nếu là tôi thì tôi đã làm như thế nào. Ngay lập tức, tôi nhận ra rằng tôi đã làm tổn thương tới cảm xúc của cô ấy khi tôi làm như vậy nhưng lời nói thì cũng đã nói rồi, không rút lại được. Tôi tự nhắc nhở mình và cô ấy: “Anh xin lỗi. Em đang làm những gì tốt nhất có thể”. Tôi cũng tự nhắc nhở bản thân cho dù tôi có thể làm mọi việc như thế nào thì tôi cũng không đủ khả năng làm được những điều đó.

Mặc dù cô ấy nói rất ít nhưng sau đó, cô ấy cho phép tôi đọc những gì đã viết trong nhật ký. Có một dòng nhật ký như thế này: “Don chê trách những gì mình làm. Chắc chắn anh ấy đang bình phục”.

Câu này làm tôi vừa thấy buồn, vừa thấy buồn cười. Cô ấy biết tôi đang bình phục vì tôi lại bắt đầu đưa ra quyết định. Tôi chỉ ước tôi đã là một bệnh nhân tốt hơn và khiến cô ấy đỡ vất vả hơn.

Khó khăn nhất của gia đình tôi trong thời gian dưỡng bệnh của tôi là chúng tôi phải gửi con cho bạn bè nuôi hộ. Chúng không phải là những đứa trẻ mồ côi nhưng chúng phải sống với người khác trong gần sáu tháng. Hai đứa con trai sinh đôi của chúng tôi ở với bố mẹ của Eva ở Louisiana. Tôi biết rằng chúng chẳng thích thú gì khi phải chuyển đi ở xa đến vậy. Khoảng cách làm hai cậu bé cảm thấy bị cô lập và tách biệt nhưng chúng cũng giải quyết được vấn đề đó khá tốt. Chúng vẫn đang học tiểu học và ở cái độ tuổi chẳng quá khó để thay đổi chỗ ở. Nicole,

lúc đó mới 13 tuổi, chuyển tới ở với gia đình của một người bạn và có thể tiếp tục học ở trường của mình. Có lẽ, cô bé sẽ khổ sở hơn rất nhiều nếu phải rời đi.

Vụ tai nạn xảy ra vào tháng Giêng và bọn trẻ không quay về nhà đến tận tháng Sáu. Tôi cảm thấy rất khủng khiếp khi chúng tôi không thể chăm sóc con cái mình.

Bọn trẻ tới thăm tôi vào cuối tuần trong thời gian tôi nằm viện, đây là việc khá vất vả với chúng. Lần đầu tiên, chúng tới bệnh viện, một bác sĩ tâm lý đã làm một việc rất tốt bụng. Ông ta dẫn bọn trẻ vào trong một phòng và chỉ cho chúng nửa bên trái của một hình nhân có gắn các thiết bị, giống như các thiết bị được gắn trên người tôi lúc bấy giờ. Bằng cách này, ông ấy giải thích được bọn trẻ sẽ nhìn thấy gì khi bước vào phòng bệnh của tôi.

Tôi rất vui vì ông ấy đã làm việc đó cho bọn trẻ vì thậm chí, rất nhiều người lớn cũng không được chuẩn bị như vậy đã cảm thấy sốc khi lần đầu tiên nhìn thấy tôi. Trong tình trạng của mình, tôi hiểu phản ứng của họ là khiếp sợ.

Lần đầu tiên bọn trẻ bước vào phòng bệnh của tôi, tất cả bọn chúng đều tới gần hết mức có thể để ôm tôi. Chúng yêu tôi và muốn tự mình nhìn thấy tôi vẫn ổn. Tất nhiên là tôi vẫn sống nhưng chỉ cần nhìn thấy bọn trẻ thôi cũng khiến tôi khoẻ hơn rất nhiều. Các nhân viên y tế không cho bọn trẻ ở lại lâu. Trông tôi lúc đó thật kinh khủng, bọn trẻ tin tưởng tôi khi tôi nói rằng tôi sẽ khoẻ lại.

Sau khi bọn trẻ ra về, Eva quay trở lại phòng chăm sóc đặc biệt. Tôi không nhớ điều này, tôi không nhớ rõ lắm kể từ những ngày đó. Cô ấy nói rằng lúc đó tôi nhìn cô ấy qua mặt nạ ôxy và nói: “Chúng ta có những đứa con tuyệt vời nhất trên thế giới này”.

Tôi chưa từng có cảm giác rằng các con tôi bỏ lỡ bất cứ thứ gì nhưng đôi lúc chúng lại thiệt thòi khi bị tước đi khoảng thời gian sống với cha mình.

Cuối cùng, khi tôi được xuất viện và có thể đi lại, tôi nhớ là tôi đã cố gắng chơi ném bóng với con trai của mình mặc dù tôi biết chẳng thể nào bước đi dù chỉ một hay hai bước. Nếu đứa nào đánh bóng ra khỏi tầm với của tôi, tôi không thể đuổi theo quả bóng đó. Bọn trẻ cảm thấy điều này rất kinh khủng.

Tôi cảm thấy hạn chế của tôi khiến bọn trẻ không hứng thú với trò chơi vì vậy chúng tôi cũng chẳng chơi nữa. Dù bọn trẻ không nói ra nhưng tôi biết chúng không muốn nhìn thấy tôi cố gắng chạy hay phải đối mặt với nguy cơ bị ngã - dù tôi cũng đã ngã nhiều lần.

Cả hai cậu con trai của tôi đều thích lướt ván và trước khi xảy ra vụ tai nạn, tôi thường đi lướt ván với chúng. Sau khi có thể đi lại và lái xe được, một vài lần, tôi chở chúng và các tấm ván bằng xe tải và lái tới khu vịnh nhưng tôi chẳng thể nào cùng làm gì với chúng cả. Tôi chỉ có thể nhìn. Chúng có vẻ hiểu nhưng với tôi, điều này vẫn còn rất nặng nề.

Tôi không chút nghi ngờ còn có những việc mà hai cậu con trai muốn làm nhưng chúng chẳng bao giờ đề cập đến chuyện đó vì chúng sợ đặt tôi vào tình huống khó xử. Vì vậy, tôi thực sự cảm thấy các con tôi đã bị tước đi những hoạt động thông thường của con trai trong những năm trưởng thành sắp tới.

Nicole là một bé gái có những tính nết giống bố. Nó là đứa con lớn nhất của chúng tôi. Nó thể hiện tình cảm cũng thật khác Joe, một đứa trẻ hay xúc động. Chris là đứa khá điềm tĩnh, mặc dù nó cũng rất nhạy cảm. Nó không thể hiện được tình cảm dễ dàng như người em sinh đôi của nó.

Trong khi viết cuốn sách này, tôi yêu cầu các con nói cho tôi biết vụ tai nạn đã ảnh hưởng tới chúng và gia đình tôi như thế nào, và nó đã thay đổi nhận thức của chúng về tôi như thế nào. Vụ tai nạn xảy ra vào năm 1989, khi đó Nicole 13 tuổi. Đây là những gì cô bé viết:

Ảnh hưởng lớn nhất đối với cuộc đời tôi là tôi phải sống xa bố mẹ trong vài tháng. Tôi sống cùng gia đình Mauldin trong thời gian đó. Vụ tai nạn đã dạy cho tôi biết tầm quan trọng của gia đình mình. Tôi rất gần gũi với họ vì tôi nhận ra rằng tôi thật may mắn khi được là một phần của gia đình tuyệt vời đó. Tôi cũng cảm thấy tôi có thể giúp đỡ những người gặp khó khăn vì tôi đã học được từ khi còn rất nhỏ cách làm thế nào để những lời cầu nguyện và bạn bè giúp đỡ tôi vượt qua giai đoạn khó khăn. Nó khiến tôi nhìn cuộc sống theo cách khác. Từ khi còn nhỏ, tôi đã có thể nhận ra cuộc sống thật đáng giá và chúng ta cần phải tận dụng từng khoảnh khắc.

Tôi cảm thấy gia đình tôi thật gần gũi nhờ vụ tai nạn. Tôi cũng cảm thấy chúng tôi thực sự noi gương nhau và chúng tôi có thể làm bất cứ cái gì cho gia đình mình. Giữa tôi và các em trai có chất kết dính đặc biệt mà chúng ta thường không thấy trong mối quan hệ giữa anh em trai và chị em gái. Vụ tai nạn của bố và sự phục hồi của ông dạy chúng tôi cách sống vì người khác. Mẹ trở nên mạnh mẽ và độc lập hơn, vì bố không thể đảm đương những việc mà trước đây bố vẫn làm. Tôi chỉ ước rằng bố không phải trải qua tất cả những việc như vậy để mang chúng tôi lại gần nhau.

Sau khi bố bị tai nạn nặng, lần đầu tiên tôi hiểu rằng ông cũng là người dễ bị tổn thương như bao người khác. Trước khi vụ tai nạn xảy ra, có vẻ như là bố là người bất khả xâm phạm. Kể từ năm đó, tôi thấy vụ tai nạn khiến bố thậm chí còn mạnh hơn. Bố có thể bị đau đớn về thể xác nhưng ông là người có tinh thần và tình cảm mạnh mẽ nhất mà tôi từng biết. Trải qua những gì bố đã phải trải qua mà vẫn là một người yêu Chúa và phụng sự Chúa, bố khiến tôi ngạc nhiên.

Trong một thời gian dài, tôi rất tức giận về vụ tai nạn nhưng tôi đã trưởng thành và nhận ra chúng tôi may mắn biết bao khi vẫn còn có ông bên cạnh và rằng vụ tai nạn đã mang chúng tôi lại gần nhau hơn. Nếu ông đã chết trong vụ tai nạn, tôi không biết tôi phải vượt qua những quãng thời gian khó khăn nhất của cuộc đời như thế nào. Thật đặc biệt khi nhận được lời khuyên từ một người đã đặt chân tới thiên đàng, sống sót qua vô vàn ca phẫu thuật, và sống để nói với chúng ta điều đó. Bây giờ, dường như tôi lắng nghe bố nói nhiều hơn.

Khi vụ tai nạn xảy ra, Joe, 8 tuổi. Và đây là những gì cậu bé trả lời:

Điều đầu tiên tôi nhớ được đó là có một đồng nghiệp của mẹ tới đón tôi. Khi tôi thấy mẹ khóc, tôi biết có cái gì đó không ổn.

Tôi nhớ là đã đến bệnh viện để thăm bố. Họ chỉ cho chúng tôi thấy một con búp bê trông giống như bố đang bị thương, vì vậy, khi chúng tôi bước vào phòng, chúng tôi đã được chuẩn bị trước. Nhìn thấy bố như vậy thật khó khăn. Chúng tôi không ở lại lâu, điều này cũng tốt vì tôi không

muốn nhìn thấy ông trong tình cảnh như vậy. Chris và tôi tới sống với ông bà ở ngoại Louisiana. Tôi nghĩ, ban đầu cũng chẳng đến nỗi tồi nhưng sau đó, tôi bắt đầu thấy nhớ nhà. Tôi thực sự mừng là vẫn còn người anh sinh đôi ở cùng. Cứ tới cuối tuần, chúng tôi lại đi từ thành phố Bossier tới Houston. Chúng tôi cũng nhanh chóng quen với điều này.

Điều tồi tệ nhất về vụ tai nạn đó là trong khi những đứa trẻ khác được đi cắm trại và câu cá cùng với bố của chúng, tôi chẳng bao giờ được trải nghiệm điều đó cả. Thậm chí cho tới bây giờ, tôi vẫn còn nghĩ về điều đó rất nhiều. Đôi khi, tôi còn cảm thấy tức giận, bị lừa dối và cả thất vọng nữa. Nhưng trong những năm gần đây, tôi đã quên cái việc được đi cắm trại và câu cá cùng với bố. Tôi không chắc là bố có nhận ra điều đó làm tôi hạnh phúc như thế nào. Qua việc này, tôi nhận ra rằng có bao nhiêu người yêu mến và quan tâm tới gia đình chúng tôi. Nếu trong cuộc đời này chúng tôi không có Chúa, tôi không biết làm thế nào để chúng tôi vượt qua thử thách này.

Và đây là những gì Chris viết:

Khi bạn 8 tuổi, bố của bạn là một siêu anh hùng. Ông ấy là người không thể bị đánh bại. Khi tôi mới nghe tin về vụ tai nạn của bố, tôi không nghĩ rằng nó thực sự nghiêm trọng đến như vậy. Mẹ rất buồn khi báo với tôi cái tin này và bà không thể giấu nổi nước mắt. Nhưng bố rất mạnh mẽ, và tôi chưa bao giờ thấy ông khóc. Thậm chí khi tôi thấy các nhân viên của phòng chăm sóc đặc biệt đứng quanh ông, ông phải thở bằng bình ôxy và chẳng thể nói câu nào, tôi chỉ ước gì ông có thể về nhà trong vòng một tuần.

Trong những lần bố tôi phải trải qua phẫu thuật quan trọng, tôi hầu như không có mặt. Tôi chuyên tới sống cùng ông bà chỉ một ngày sau vụ tai nạn và tới thăm bố vào cuối tuần. Trong suốt những lần viếng thăm chóng vánh đó, tôi bắt đầu hiểu ra rằng ông bị tai nạn nghiêm trọng như thế nào cả về thân thể lẫn tinh thần.

Tôi rất hứng thú với những dụng cụ kỳ cục bằng kim loại gắn trên tay trái và chân trái của ông nhưng tôi biết chúng gây cho ông rất nhiều đau đớn. Ông nhìn quá mệt mỏi cứ như thể ông mới vừa tỉnh dậy hoặc là vừa mới mất ngủ vậy. Đôi khi tôi có cảm giác là ông không muốn tôi hay bất kỳ ai ở trong phòng. Thậm chí, dù hiểu rất ít về sự suy sụp, tôi biết ông đang phải chịu đựng nó.

Điều đầu tiên tôi làm mỗi lần tới thăm ông đó là chậm chậm tới chỗ ông và quàng tay qua người ông. Tôi nhẹ nhàng ôm ông. Lần đầu tiên trong cuộc đời, tôi cứ lặp lại một lịch trình: từ trường về nhà và ôm bố. Điều này củng cố tinh thần tôi cũng nhiều như là động viên ông vậy. Tôi hy vọng là nó có thể phục vụ được cả hai mục đích đó.

Khi em trai tôi, Joe, và tôi lớn lên, quá trình hồi phục của bố vẫn tiếp tục, chúng tôi càng thích các môn thể thao và hoạt động ngoài trời. Bố cố gắng hết sức để cùng tham gia với chúng tôi. Tôi nhớ có lần tôi đã cảm thấy rất kinh khủng khi tôi ném quả bóng quá xa làm bố không với tới được. Ông loạng choạng và nhiều khi ông bị ngã. Trong nhiều trường hợp, tôi phải nén nước mắt. Tôi chắc rằng bố cũng làm như vậy. Nhưng trên phương diện tình cảm, bố luôn luôn ở đó vì tôi. Ông rất quan tâm tới những gì mà các con ông làm. Sau cùng, tôi cho rằng chúng tôi đã làm cho sự quay trở về của ông từ thiên đàng có ích theo khía cạnh nào đó.

Nhờ vụ tai nạn của bố mà cả gia đình trở nên gần gũi hơn. Chúng tôi đều có vai trò khác nhau trong một hoàn cảnh giống nhau. Mẹ trở thành người đưa ra những quyết định và là người thi hành kỷ luật trong thời gian bố bình phục. Tôi cố gắng hết sức để làm người đàn ông trong gia đình. Đôi khi, tôi thực sự chỉ là người hay bắt nạt người khác, nhưng từ đó, tôi đã trưởng thành. Tôi học cách dựa vào người khác khi họ dựa vào tôi. Nicole cố gắng đảm nhiệm vai trò người mẹ với tôi và Joe bằng những điều tốt nhất có thể.

Bố bị suy sụp trong nhiều năm sau vụ tai nạn và theo vài khía cạnh nào đó thì đến tận bây giờ vẫn vậy. Có lẽ là trước khi vụ tai nạn xảy ra, ông cũng đã phải chiến đấu với nó rồi nhưng nếu như ông có như vậy thì tôi cũng chẳng bao giờ chú ý. Bố độc lập khủng khiếp và hiếm khi bố cho phép cả gia đình đặt chân vào góc tối của ông. Tôi nghĩ rằng bản thân tôi cũng thế.

Và đây là những gì Eva viết về nhận định của cô ấy về tôi đã thay đổi như thế nào:

Tôi ngạc nhiên nhiều nhất về sự thiếu quyết tâm của Don trong những ngày đầu tiên sau vụ đâm xe. Anh ấy đã luôn là một chiến sĩ, là người thúc đẩy những người khác và chính bản thân anh phải làm nhiều hơn nữa. Khi anh ấy không cố gắng để thờ, cứ như thể là tôi chưa hề biết anh ấy vậy. Sự suy sụp cũng là một khía cạnh khác. Tôi học cách để nhận ra dấu hiệu của “thời điểm xấu”. Điều này trở nên khó khăn khi anh ấy đau hơn, anh ấy không ngủ và bị stress.

Trong nhiều năm, tôi đã học được một điều: nếu tôi để Don lại một mình, anh ấy trở nên cân bằng hơn. Khi tôi phải nói với anh ấy điều mà anh ấy thực sự cần biết nhưng không muốn biết, tôi phải cố gắng không nói ra suy nghĩ của mình và đôi khi, tôi không thành công.

Bây giờ, tôi không nghĩ là anh ấy bị thương nữa dù tôi biết sự thật sẽ luôn là như vậy. Don có thể đi lại khiến tôi dễ dàng quên đi những đau đớn và sự tật nguyền của anh ấy. Chồng tôi thực sự là một người đặc biệt.

Có lẽ, bọn trẻ tự tin về sự bình phục của tôi hơn chính bản thân tôi. Chúng chưa bao giờ nhìn thấy tôi phải điều trị vật lý, chịu đau đớn, hay bị nôn vì tôi quá ốm yếu. Chúng cũng chưa từng nhìn thấy tôi khi tôi cố gắng đứng dậy quá nhanh. Chúng tôi cố gắng hết mức có thể để bảo vệ các con. Eva nhìn thấy tôi trong những tình cảnh tồi tệ nhất nhưng cô ấy bảo vệ bọn trẻ hết mức có thể.

Dù chúng không thừa nhận điều này nhưng đối với các con tôi, có lẽ, có một “khoảng trống của bố”, đặc biệt là với hai cậu con trai sinh đôi. Vì chúng mới 8 tuổi, chúng lại không có tôi ở đó trong giai đoạn phát triển quan trọng để giúp chúng học cách làm những việc như chơi các môn thể thao đồng đội và đi cắm trại.

Nhìn lại, tôi thấy vụ tai nạn còn ảnh hưởng tới bố mẹ tôi lâu dài hơn bất kỳ người nào khác. Thực tế, họ đã suy sụp. Tôi là con trai cả trong ba người con trai của các cụ và tất cả chúng tôi đều đã rất khoẻ mạnh. Sau đó, đột nhiên, khi tôi 38 tuổi, trái tim họ đều tan nát và cảm thấy không thể làm gì giúp tôi. Trong suốt thời gian dài họ đã nghĩ rằng có lẽ tôi sẽ chết.

Bố tôi là một sĩ quan và mẹ tôi phải học cách giải quyết mọi việc. Nhưng khi họ tới thăm tôi, tuần đầu tiên kể từ khi tôi vào viện, mẹ đã bị ngã. Bố tôi phải đỡ lấy bà và giúp bà ra khỏi

phòng. Bà không được chuẩn bị để nhìn thấy tôi trong hình dạng tồi tệ đến thế. Tôi không chắc là có ai được chuẩn bị hay không.

Thậm chí cho tới tận bây giờ, tôi cũng không chắc là mẹ tôi đã hoàn toàn bình phục sau vụ tai nạn của tôi. Nhưng sau đây là hai trong số rất nhiều kỷ niệm đẹp về sự hy sinh của cha mẹ dành cho tôi.

Trước hết, trong suốt mùa hè đầu tiên sau vụ tai nạn, như thể là Eva vẫn chưa có đủ việc để lo, cô ấy quyết định chọn South Park làm địa điểm cắm trại. Đó sẽ là công việc của tôi nếu sức khỏe của tôi cho phép. Nhưng cô ấy khắc phục điều đó với sự thích thú. Điều đó có nghĩa là ai đó sẽ phải ở với tôi trong lúc cô ấy vắng nhà.

Mẹ tôi rất hào hứng nhận làm việc đó. Tuần cắm trại thanh niên nhà thờ rồi cũng đến, Eva để tôi ở lại với mẹ. Hàng ngày, mẹ nấu cơm cho tôi và tôi rất hạnh phúc vì có bà ở bên. Nhưng mỗi ngày tôi đều đi vệ sinh một lần và mẹ phải đổ xô cho tôi. Bây giờ thì tôi biết là khi tôi còn bé, mẹ vẫn thay tã cho tôi nhưng thời gian trôi qua cũng đã quá lâu kể từ khi tôi còn là đứa trẻ cho tới bây giờ.

Tôi nhớ lần đầu tiên tôi phải “đi” khi mẹ chăm sóc tôi, tôi nhờ bà đưa giúp tôi cái xô. Bà làm điều đó cứ như thể đó là điều tự nhiên nhất trên đời. Sau khi xong, tôi rất xấu hổ khi phải nói với bà.

Bà đã giúp tôi, làm cho tôi không còn lúng túng nữa bằng cách hỏi tôi xem là tôi đã xong chưa. Tôi chỉ gật đầu. Bà mang cái xô vào nhà tắm, và sau đó tôi nghe thấy một âm thanh đáng nhớ nhất mà tôi từng nghe trong cuộc đời. Sau khi bà vào nhà tắm và xả bồn cầu, tôi nghe thấy bà hát. Bất chấp cái việc thấp hèn nhất mà một con người có thể làm cho người khác, bà hát trong khi cọ rửa cái xô. Dường như trong khoảnh khắc đó, tất cả tinh mẫu tử của bà đều được thể hiện. Một lần nữa, bà lại làm cho con trai những thứ nó không thể tự làm và bà thấy hạnh phúc, mãn nguyện. Tôi sẽ luôn nâng niu kỷ niệm này vì nó đã định nghĩa được thế nào là sự hy sinh mà chỉ người mẹ mới có.

Thứ hai, tôi nhớ tới một khoảnh khắc rất riêng tư giữa tôi và bố, một khoảnh khắc vừa thấm thía, vừa xúc động sâu sắc. Một ngày, sau khi vượt qua chặng đường dài 250 dặm để tới thăm tôi tại St. Luke, bố tôi chuẩn bị cho hành trình quay trở về gần thành phố Bossier.

Vì lý do nào đó tôi không nhớ, mẹ tôi bước ra khỏi phòng. Lúc đó, chỉ còn một mình, bố bước lại gần giường của tôi và cầm tay phải của tôi trong bàn tay nhăn nheo của ông. Ông dựa sát vào tôi và với tình cảm to lớn nhất cũng như sự chân thành tuyệt đối, ông nói: “Bố có thể đánh đổi bất cứ thứ gì để hoán đổi vị trí với con và chịu đựng tất cả đau đớn này”.

Ông ấy là bố của tôi và còn hơn thế nữa, lúc nào cũng vậy. Tôi nhận ra là ông yêu tôi đến nhường nào.

Các bác sĩ liên tục bảo tôi: “Tất cả những gì chúng tôi đã làm đều là điều tốt nhất mà chúng tôi có thể. Đừng hy vọng là anh có thể sống lâu và sống có ích. Anh sẽ phải chiến đấu rất nhiều để có thể cử động được như bây giờ vì anh sẽ bị viêm khớp cũng như nhiều chứng bệnh phức tạp khác nữa”.

Kể từ vụ tai nạn tới nay đã là 15 năm. Tôi bắt đầu cảm thấy triệu chứng của bệnh viêm khớp. Những thay đổi thời tiết ảnh hưởng tới tôi, tôi chóng bị mệt hơn. Có lẽ vài triệu chứng xuất hiện là do tuổi tác nhưng tôi nghĩ nó chính là phản chiếu của sự thật rằng tôi dùng chân và quỳ theo cái cách mà Chúa không tạo ra chúng để làm như vậy.

Thậm chí bây giờ đầu gối chân trái của tôi cũng bị giãn cơ nghiêm trọng. Vì vậy, nếu có ai đi từ phía sau mà vô tình vỗ vào lưng tôi, tôi phải bám vào đầu gối nếu không tôi vẫn cứ lao về phía trước. Tôi không thể kiểm soát đầu gối, không thể dùng nó đúng vị trí để không bị mất thăng bằng và lao về phía trước.

Tôi đã cố gắng để làm cho việc này trở nên nhẹ hơn và nói đầy châm biếm: “Tôi vừa ngã vào một trong những nơi tốt nhất ở Texas”. Hoặc: “Tôi vừa nghĩ tới việc sẽ đặt làm vài tấm biển nhỏ có ghi “Don Piper ngã ở đây”.

Một lần tôi chủ trì một cuộc hội thảo ở vùng đồi ngoại ô bang Texas. Mặt đất không bằng phẳng, tôi đi và đột nhiên tôi ngã. Tôi không thấy đau, nhưng ngay trong ngày đầu tiên, tôi đã ngã ba lần.

Bất chấp tất cả những gì họ làm cho tôi, chân trái của tôi vẫn ngắn hơn chân phải gần 4cm rưỡi. Chỉ riêng điều này thôi cũng khiến cho xương sống của tôi bị cong. Xương sống của tôi bắt đầu triệu chứng bị hư hỏng, và khớp háng cũng vậy. Tôi cũng không thể nào duỗi thẳng tay trái vì khuỷu tay bị hư hỏng nặng. Các bác sĩ đã làm những điều tốt nhất trong khả năng của họ, kể cả việc phẫu thuật cái khuỷu tay ấy vài lần. Xương khuỷu tay đã bị gãy và khi nó được nối lại, nó không cho tôi duỗi thẳng tay ra. Theo cách nói của các bác sĩ thì: “Nó chỉ là một chỗ nối rất lỏng lẻo”.

Ông bác sĩ chỉ ra rằng một tai nạn kiểu như thế này là không thể hồi phục được. Một khi mọi thứ đã bị gãy thì rất khó có thể mà gắn lại được.

Đây cũng là một phần trong sự bình thường mới của tôi.

Một lần sau khi tới phòng khám của bác sĩ Tom Greider, ông ấy yêu cầu tôi quay trở lại để gặp riêng. Dù ông ấy rất bận rộn với các ca khám bệnh của mình, tôi cảm thấy ông ấy đặc biệt quan tâm tới tôi, và chúng tôi bàn luận về rất nhiều thứ.

Tôi chợt hỏi ông: “Tom này, khi tôi được đưa vào viện đêm hôm đó vì vụ tai nạn, tình trạng của tôi tồi tệ đến mức nào?”

Ông trả lời không chút do dự: “Tôi đã thấy những trường hợp còn tồi hơn”. Ông dừng lại một lúc, ti người trên bàn và sau đó tiếp tục: “nhưng chẳng có ai trong số họ sống sót cả”.

Tôi phải tìm nhiều cách khác nhau để làm mọi thứ. Tuy nhiên, tôi vẫn sống và tôi có ý định phục vụ Chúa Giêsu tới chừng nào tôi còn trên cõi đời này. Nhưng tôi không biết điều gì đang chờ tôi phía trước.

Tôi đã sẵn sàng rời bỏ trái đất này bất cứ khi nào.

Chương 15

TIẾP XÚC VỚI NHỮNG CUỘC ĐỜI

Chúc tụng Đức Chúa Trời, Cha của Chúa Giêsu Cơ Đốc chúng ta, là Cha thương xót và là Đức Chúa Trời ban mọi niềm an ủi. Ngài luôn an ủi chúng ta trong mọi cơn hoạn nạn để chúng ta, nhờ sự an ủi đã nhận được từ Đức Chúa Trời, có thể an ủi những người khác trong mọi cơn hoạn nạn họ gặp.

2 Corinthians 1:3-4

Đôi khi tôi vẫn hỏi Thượng đế tại sao tôi không được phép ở lại trên thiên đàng. Tuy nhiên, tôi đã hiểu, Thượng đế mang đến cho tôi những con người cần tôi hoặc cần nghe thông điệp của tôi, cho tôi cơ hội được tiếp xúc với nhiều cuộc đời.

Một trong những dịp đầu tiên tôi có thể giúp đỡ người khác từ sau khi tôi bị tai nạn là khi tôi làm khách mời thuyết giảng trong một nhà thờ lớn. Họ đặc biệt mời tôi nói chuyện về chuyến đi của tôi tới thiên đàng. Một người phụ nữ ngồi phía trên, bên trái tôi rất chú ý khi tôi bắt đầu nói. Tôi có thể nhìn thấy những giọt nước mắt lăn dài trên má cô. Ngay khi tôi kết thúc buổi gặp, cô lao về phía tôi và siết chặt tay tôi.

“Mẹ tôi vừa mất tuần trước”.

“Tôi xin chia buồn vì sự mất mát của cô...”

“Không, không, cha không hiểu rồi. Tối nay, chính Chúa đã gửi cha đến đây. Cái con cần chính là sự bảo đảm này. Không phải là con không tin - con vẫn tin, nhưng mỗi lần nghĩ tới sự mất mát ấy, trái tim con lại trĩu nặng. Giờ đây, con đã cảm thấy khá hơn. Mẹ con đã đến một nơi tốt đẹp hơn. Ôi, thưa cha Piper, tối nay con thực sự cần được nghe điều đó”.

Trước khi tôi có thể nói thêm lời nào, cô ấy ôm chầm lấy tôi và tiếp tục: “Tối nay, Chúa đã dẫn đường cho con đến đây để con được nghe về sự đảm bảo này. Không phải con không biết hay không tin - con là một con chiên ngoan đạo - nhưng con thực sự cần được nghe những lời nói ấy vào buổi tối hôm nay. Con cần được biết về thiên đàng từ một người đã từng ở đó”.

Nếu tôi nhớ không sai, cô ấy là người đầu tiên nói với tôi như vậy, nhưng tất nhiên không phải là người cuối cùng. Tôi đã được nghe những kiểu phản ứng như thế này cả trăm lần. Nhưng nó vẫn khiến tôi cảm thấy bất ngờ khi biết mình có thể đem lại phúc lành cho nhiều người tới vậy, chỉ bằng việc chia sẻ trải nghiệm của mình.

Với những ai đã tin, sự chứng nhận của tôi lại củng cố thêm lòng tin của họ; còn với những người vẫn còn hoài nghi, đây là một cơ hội để họ suy nghĩ nghiêm túc hơn về Chúa.

Hai năm sau vụ tai nạn, khi tôi vẫn phải mang nẹp ở chân và đi lại bằng nạng, tôi đã dẫn một nhóm thanh niên trẻ tới cuộc thảo luận ở nhà thờ First Baptista ở Houston. Dawson

McAllister, một giáo viên vĩ đại đối với lớp trẻ, là người diễn thuyết trong cuộc thảo luận này. Ông ấy khá nổi tiếng và hầu như mọi người trong nhà thờ đều biết tới.

Và đúng như những gì thường xảy ra khi làm việc với bọn trẻ, chúng tôi rời nhà thờ South Park khá muộn. Tôi không mắng mỏ gì lũ trẻ, nhưng tôi thực sự không hài lòng vì sự chậm trễ này. Tôi muốn đến sớm bởi tôi biết nếu không đến trước giờ bắt đầu khoảng một tiếng thì chúng tôi sẽ không thể tìm được chỗ ngồi tốt.

Tôi đã cố để không thể hiện thái độ của mình, nhưng tôi vẫn cảm thấy khó chịu cho đến khi đến nhà thờ First Baptista ở Houston. Và khi bước vào thánh phòng, chúng tôi nhận ra - đúng như tôi đã nghĩ - rằng cả tầng dưới đã không còn ghế trống. Vậy là chúng tôi phải trèo lên tầng trên.

Tôi bật tiếng rên rỉ khi nghĩ tới chuyện phải leo lên những bậc cầu thang ấy. Mặc dù tới đây bằng xe nhưng những thanh giằng dưới chân và chiếc nạng dưới nách cũng khiến tôi mệt mỏi. Và tệ hơn nữa, thang máy lại không hoạt động. Tôi nghĩ, nếu không phải vì người đó đến muộn, tôi tiếp tục nghĩ rằng, mình đã không phải cả nhắc lên những bậc cầu thang này.

Cả thánh phòng trên tầng này cũng chật ních những người, đến mức chỉ còn hàng ghế cuối cùng và cao nhất là còn trống. Đám thanh niên tất nhiên là hăng hái leo lên hàng cao nhất để chiếm lấy những ghế trống đó. Chúng hứa sẽ để cho tôi một chỗ ở cuối hàng. Và khi kết thúc quãng đường đầy đau đớn ấy, tôi đếm được mình đã đi tất cả 150 bậc thang.

Khi đến được hàng cuối cùng, tôi cảm thấy toàn thân mệt mỏi. Phải khó nhọc lắm tôi mới đi hết những bậc thang và băng qua thánh phòng để đến chiếc ghế trống bọn trẻ để lại cho tôi. Trước khi tôi có thể ngồi xuống - mà việc này cũng khiến tôi phải tốn không ít công sức - tôi phải dựa lưng vào tường để nghỉ ngơi. Vừa cố gắng lấy lại hơi thở, tôi vừa tự hỏi: Mình đang làm gì ở đây không biết?

Tôi đã có thể nhờ một người lớn khác đưa đám trẻ này đi, nhưng tôi lại muốn được đi với chúng. Tôi muốn cảm thấy mình vẫn còn hữu dụng. Tôi cũng biết đây sẽ là sự kiện lý thú đối với lũ trẻ, và tôi muốn được là một phần trong đó. Những tiếng cười huyên náo và tiếng hò hét tràn ngập khắp gian phòng. Đám trẻ đã sẵn sàng để được ban phước lành và được thử thách, nhưng chính lúc đó, trong đầu tôi không nghĩ được gì về lũ trẻ hay chúng có thể thu được những gì từ cuộc thảo luận này, tôi chỉ nghĩ đến việc mình đang kiệt sức.

Khi ấy trong tôi tràn ngập cảm giác tự thán. Tiếp tục dựa lưng vào tường, tôi đưa mắt nhìn khắp khán phòng. Cách nơi tôi đứng hai khu, tôi nhận thấy có một cậu bé đang ngồi trên một chiếc xe lăn. Cậu bé ngồi, hai tay ôm lấy đầu và quay lưng lại phía tôi. Vừa nhìn thấy cậu bé đó, tôi biết là tôi phải đến đó và nói chuyện với cậu. Đột nhiên, tôi không thắc mắc vì hành động của mình và cũng quên mất sự mệt mỏi.

Tôi chống chiếc nạng vào tường và chậm chạp lần xuống các bậc cầu thang đầy đau đớn để đi tới chỗ cậu bé ngồi. Đó là một cậu bé to lớn, dễ nhìn, vào khoảng 16 tuổi. Khi tiến lại gần hơn, tôi hiểu vì sao mình phải nói chuyện với cậu bé này. Cậu cũng đang phải mang bộ khung Ilizanov - thứ tôi đã không thể nhìn thấy từ chỗ đứng trước đó của mình. Sự mệt mỏi của tôi tan biến cùng với cơn giận và cảm giác tự thán trước đó. Tôi như trông thấy chính

mình đang ngồi trên chiếc xe lăn và nhớ lại tất cả nỗi đau đón mình đã phải chịu đựng trong những ngày đó.

Cậu bé đang nhìn sang hướng khác khi tôi đặt tay lên vai cậu. Cậu quay phắt lại và nhìn trừng trừng vào tôi.

“Mang thứ ấy hẳn khiến con đau đớn lắm phải không?”

Tôi bắt đầu hỏi.

Ánh mắt cậu bé nhìn tôi như muốn nói: “Ông là thằng ngốc nào vậy?” Thay vì thế, cậu lại trả lời: “Vâng, đau lắm ạ”.

“Ta biết”, tôi vỗ nhẹ lên vai cậu bé an ủi, “Tin ta đi, ta biết thực đấy”.

Đôi mắt cậu bé mở to vì ngạc nhiên: “Thực sao?”

“Phải. Ta cũng đã từng phải mang thứ đó mà”.

“Thật khủng khiếp”.

“Ta biết. Việc đó thật sự khủng khiếp. Ta đã từng phải đeo ở chân trái trong suốt mười một tháng”.

“Và chẳng ai hiểu được điều đó”. Cậu bé tiếp tục bằng giọng ai oán.

“Họ không thể hiểu được. Đó không phải là thứ con dễ dàng nói ra và để mọi người hiểu được sự đau đớn của con”.

Lần đầu tiên tôi thấy trong đôi mắt của cậu bé ánh lên một điều gì đó. Có thể đó là tia hy vọng, cũng có thể chỉ là cảm giác thanh thản bởi mãi rồi cậu bé cũng tìm được người thực sự hiểu cậu đang phải trải qua cái gì. Chúng tôi có điểm chung, và tôi có quyền được đứng bên cạnh cậu bé.

“Tên ta là Don,” tôi nói, “và con vừa gặp một người có thể hiểu được những đau đớn và sự thất vọng con đang phải trải qua”.

Cậu bé nhìn chăm chăm vào tôi, và rồi đôi mắt của cậu ầng ầng nước. “Con không biết liệu con có bình phục được không”.

“Con sắp bình phục rồi. Tin ta đi, con sẽ bình phục được”.

“Có lẽ vậy”. Cậu bé trả lời.

“Đã xảy ra chuyện gì với con thế?” Đến lúc này tôi nhận ra cái chân của cậu bé không phải là kết quả của một ca mổ tự nguyện.

“Con gặp tai nạn khi trượt tuyết”.

Tôi nhận thấy cậu bé đang mặc chiếc áo đồng phục của cầu thủ bóng bầu dục. Tôi hỏi cậu bé: “Con có chơi bóng bầu dục chứ?”

“Vâng, thưa cha”.

Rồi tôi kể sơ lược về vụ tai nạn của mình cho cậu bé, cậu bé cũng kể cho tôi nghe kỹ hơn về tai nạn của cậu. “Để ta nói cho con nghe điều này”, tôi động viên cậu bé, “Rồi sẽ có ngày con đi lại được”.

Khuôn mặt của cậu bé toát lên vẻ hoài nghi.

“Có thể con sẽ không còn chơi bóng được nữa, nhưng con sẽ đi lại được”. Và tôi đưa cho cậu bé tấm danh thiếp của mình. “Trên danh thiếp có số điện thoại của ta, và con có thể gọi cho ta, bất kỳ lúc nào, cả ngày lẫn đêm”.

Cậu bé nhận lấy tấm danh thiếp và xem rất chăm chú.

“Ta phải quay lại với đám trẻ của ta”, tôi chỉ cho cậu bé chỗ chúng ngồi. “Ta muốn con hãy nhìn ta. Và khi con nhìn ta, ta muốn con biết rằng sẽ có ngày con cũng sẽ đi lại được”. Tôi bật cười lớn, “Và ta tin chắc là con sẽ đi lại khá hơn ta”.

Cậu bé gắng đứng dậy và ôm ghì lấy tôi. Cậu cứ ôm tôi như vậy lúc lâu. Tôi có thể cảm thấy hơi thở đứt quãng của cậu bé khi cậu cố ngăn dòng nước mắt lại. Cuối cùng, cậu bé cũng buông tôi ra và mấp máy lời cảm ơn.

“Con đã tìm được một người có thể hiểu con”. Tôi nhắc lại, “Hãy gọi cho ta”.

Cậu bé ấy cần có người hiểu mình. Tôi không biết mình có thể đem lại cho cậu những gì, nhưng tôi biết mình có kinh nghiệm và tôi có thể nói với cậu bé về sự đau đớn. Nếu không phải chính tôi đã từng trải qua những đau đớn ấy, tôi chỉ có thể nói với cậu ấy như thế này, “Ta mong con sẽ khoẻ hơn. Con sẽ ổn thôi”. - những lời lẽ tốt đẹp mà mọi người vẫn thường dùng.

Trong suốt sáu tháng sau, cậu bé ấy gọi điện cho tôi ba lần, hai lần nói chuyện và một lần vào giữa đêm khuya, khi cậu bé thực sự suy sụp. Đó là những cuộc gọi tôi sẽ luôn trông đợi, từ lần đấu tranh chật vật này đến lần đấu tranh khác.

Một hôm, một đài truyền hình ở Houston lên kế hoạch để tôi xuất hiện trên chương trình trò chuyện trực tiếp. Khi tôi đang ngồi trong phòng nghỉ, người sản xuất chương trình bước vào và bắt đầu giải thích cho tôi chương trình sẽ diễn ra như thế nào và một số câu hỏi sẽ được đặt ra cho tôi.

“Được thôi”, tôi trả lời, “Vậy còn ai là khách mời trong chương trình nữa?”

“Chỉ có mình ngài thôi”.

“Đợi đã. Không phải anh định nói chỉ có mình tôi là khách mời trong chương trình dài cả tiếng này đấy chứ?”

“Đúng là như thế đấy”.

Tôi băn khoăn không hiểu mình sẽ nói gì trong một tiếng ấy. Khi đó là giai đoạn đầu trong quá trình hồi phục, và tôi hoàn toàn không hiểu mọi người quan tâm đến mức nào với câu chuyện của tôi. Khi ấy, bác sĩ vừa tháo bộ khung Ilizarov và tôi đang mang các thanh giằng và chống nặng. Tôi cũng mang theo những tấm ảnh chụp tôi khi đang ở trong bệnh viện mà sau đó người ta đã phát lên truyền hình. Tôi cũng mang theo thiết bị Ilizarov ấy.

Khi buổi phỏng vấn bắt đầu, tôi kể về câu chuyện của mình, và sau đó phát thanh viên đặt câu hỏi cho tôi. Một giờ trôi qua thật nhanh. Khi chúng tôi vẫn đang thực hiện chương trình, một người phụ nữ đã gọi đến nhà đài và nài nỉ: “Tôi cần nói chuyện ngay với cha Piper”.

Dĩ nhiên là họ không thể làm gián đoạn chương trình, vì vậy ngay khi buổi phỏng vấn trực tiếp kết thúc, người ta đưa cho tôi mẫu giấy ghi lại số điện thoại của cô ấy. Và tôi đã gọi cho cô ấy.

“Cha cần phải nói chuyện với người em của con,” Cô ấy nói ngay.

“Anh ta bị làm sao?”

“Chú ấy vướng vào vụ đánh nhau trong quán rượu, và một gã khác đã rút súng bắn vào chân cậu ấy. Giờ đây chú ấy đang phải mang cái thứ mà cha đã từng mang”.

“Tất nhiên là tôi sẽ nói chuyện với anh ta,” Tôi lập tức trả lời, “Anh ta đang ở đâu?”

“Chú ấy đang nằm ở nhà”.

“Cô hãy cho tôi địa chỉ và tôi sẽ tới ...”

“Ôi không, cha không tới đó được đâu. Chú ấy đang rất tiêu tụy và giận dữ. Chú ấy lại còn hung dữ nữa. Chú ấy sẽ không nói chuyện với bất kỳ ai đến thăm đâu”. Và cô ấy cho tôi số điện thoại của anh ta”. Xin cha hãy gọi cho chú ấy, nhưng lúc này chú ấy đang rất xấu hổ, thế nào chú ấy cũng chửi rủa”. Sau đó cô ấy còn nói thêm: “Và chú ấy có thể gác máy, nhưng dù thế nào cha cũng phải nói chuyện với chú ấy. Cầu xin cha”.

Ngay khi về đến nhà, tôi gọi cho người em của người phụ nữ ấy và giới thiệu về mình. Tôi chưa nói được ba câu thì anh ta đã làm đúng cái điều mà người phụ nữ ấy đã nhắc. Anh ta quát thẳng vào ống nghe. Anh ta gào lên và bắt tôi phải nghe những lời lẽ tục tĩu mà tôi chưa từng phải nghe, và anh ta còn lặp lại vài lần.

Khi anh ta ngừng lại, tôi nhẹ nhàng nói: “Tôi đã từng phải mang ở chân những thứ giống anh - bộ nẹp cố định ấy”.

Anh ta ngưng bật mắt vài giây, thế là tôi nói tiếp: “Tôi từng phải mang một trong những thiết bị Ilizarov ấy ở chân trái. Tôi biết anh đang phải trải qua những gì”.

“Ôi, ông ơi, nó đang giết tôi đây này. Đau suốt thôi. Mà nó ...” và anh ta lại tiếp tục như

thẻ chưa từng nghe tôi nói, trút hết cơn giận của anh ta lên tôi với toàn lời lẽ báng bổ ấy.

Và khi anh ta ngừng nói một lần nữa, tôi tiếp tục, “Tôi hiểu cảm giác khi phải mang những thứ ấy”.

“Vậy giờ ông không mang nữa à?”

“Không, cuối cùng tôi cũng tháo bỏ được nó. Và nếu anh chịu làm theo những gì được chỉ dẫn, anh cũng sẽ thoát khỏi nó mt ngày nào đó”. Điều đó nghe chẳng có vẻ gì là giống nhau, nhưng đó là điều duy nhất tôi có thể nghĩ ra.

“Tôi mà có cái cờ-lê ở đây là tôi tháo nó ra ngay bây giờ”.

“Nếu bây giờ anh tháo ra cũng có nghĩa là anh tháo bỏ luôn cái chân của anh, bởi vì đó là thứ duy nhất đang giữ lại cái chân ấy”.

“Tôi biết thế, nhưng nó đang giết tôi đây này. Tôi không ngủ được...” Rồi anh ta lại tiếp tục nói với tôi anh ta đã khốn khổ thế nào và anh ta ghét tất cả mọi thứ đến mức nào.

Rồi đột nhiên, một ý nghĩ vụt loé lên trong óc tôi, buộc tôi phải ngắt lời anh ta: “Chân anh trông thế nào? Anh có thấy tiếp xúc với những cuộc đời ở gần những lỗ chốt không? Da anh ở trên và dưới những lỗ ấy có khác nhau không? Có phải có một vài lỗ khiến anh đau đớn hơn các lỗ khác không?”

“Phải, đúng là thế đấy. Đặc biệt là có một cái - ông ơi, nó khiến tôi đau chết đi được”.

“Chị anh có ở đó không?” Khi anh ta trả lời rằng “có”, tôi yêu cầu: “Cho tôi nói chuyện với cô ấy”.

Anh ta không cãi lại và đưa điện thoại cho người chị. “Cảm ơn cha,” cô ấy lên tiếng, “Con thực sự cảm ơn cha rất...”

“Nghe tôi nói này”, tôi buộc phải ngắt lời, “Tôi muốn cô gọi cấp cứu ngay bây giờ. Hãy đưa em trai cô đến bệnh viện càng nhanh càng tốt. Chân cậu ấy đang bị nhiễm trùng nặng. Nếu không đến sớm, cậu ấy có thể mất cái chân đó”.

“Cha nghĩ vậy sao?”

“Tôi đang nói với cô như vậy. Tất cả các triệu chứng đều xuất hiện. Có thể cậu ấy còn bị sốt nữa. Cô đã kiểm tra chưa?” “Phải rồi, cậu ấy đang sốt thật”.

“Đưa cậu ấy đến bệnh viện ngay đi. Sau đó gọi cho tôi nhé”.

Ngày hôm sau cô ấy gọi điện cho tôi: “Ôi, cha đã đúng! Chú ấy bị nhiễm trùng và đang trong tình trạng rất nặng. Người ta đã cho chú ấy sử dụng kháng sinh rồi. Họ nói may là chú ấy được đưa vào bệnh viện kịp thời, và hôm nay chú ấy sẽ khá hơn”.

“Tôi chắc là cậu ấy đang ở trong phòng cách ly”, Khi cô ấy khẳng định việc đó, tôi nói thêm “Tôi sẽ đến thăm cậu ấy”.

Là một mục sư, tôi có thể vào thăm cậu ta. Tôi đến bệnh viện, nói chuyện và cầu nguyện cùng cậu ấy. Và cuối cùng, chàng trai trẻ ấy đã nguyện nghe theo Chúa Giêsu.

Nếu tôi không có mặt trong chương trình truyền hình và nếu người chị không được xem, có lẽ cậu thanh niên ấy đã không chỉ mất một chân; rất có thể cậu ấy đã mất cả mạng sống. Chúa đã không chỉ thông qua tôi để cứu tính mạng của một chàng thanh niên mà tôi còn là công cụ cứu rỗi linh hồn của Ngài. Đó là ví dụ cho tôi thấy Chúa vẫn còn có những việc mà Ngài muốn tôi giúp thực hiện trên cõi đời này.

Tôi lập tức nhận ra vấn đề của chàng trai đó vì nó đã từng xảy đến với tôi khi tôi còn ở bệnh viện. Tôi cũng đã bị nhiễm trùng và bắt đầu cảm thấy rất đau đớn. Tôi chỉ nghĩ đó là một phần của những đau đớn mà mình phải chịu đựng. Nhưng rồi một y tá đã phát hiện ra một trong những lỗ chốt trên chân tôi đã bị nhiễm trùng.

Khi ấy, tôi nhớ lại những ngày trước đó, một trong số những y tá hình như đã làm nhiễm khuẩn các lỗ chốt của tôi. Cô ta có vẻ cáu kỉnh và không cho tôi biết mức tiến bộ của tôi như những người khác. Cô ta bước vào và thực hiện công việc của mình, nhưng cô ta tỏ thái độ như thể cô ta khó chịu vì phải làm việc này cho tôi.

Họ thường dùng các miếng băng gạc và người ta hướng dẫn tôi rằng phải rửa các lỗ bằng từng miếng riêng. Nhưng lần đó tôi thấy cô y tá này không chịu lấy miếng gạc mới, có lẽ là vì dùng miếng cũ thì nhanh hơn cho cô ta. Tôi cũng không nghĩ ngợi nhiều cho đến khi cái lỗ đó bị nhiễm trùng. Tôi đã phải chịu thêm đau đớn chỉ vì sự lười nhác của cô ta. Khi họ phát hiện tôi bị nhiễm trùng và sốt, ngay lập tức tôi được đưa vào phòng cách ly và phải ở lại đó trong hai tuần. Khi ấy, chẳng có ai được đến thăm tôi.

Eva đã khiếu nại và kê tất cả mọi việc cho bác sỹ. Tôi không bao giờ gặp lại cô y tá đó, do vậy tôi cũng không biết liệu họ đã sa thải hay chỉ chuyển cô ta sang bộ phận khác.

Dù tôi rất thích nói chuyện nơi công cộng, ít có trường hợp nào khiến tôi thích thú hơn việc được phát biểu ngay tại trường mình, trường Đại học bang Louisiana (Louisiana State University - LSU). Vợ tôi và tôi đã gặp nhau ở đó, và hai trong ba đứa con của chúng tôi cũng đã học ở đó.

Một trong số những tổ chức trong trường mà tôi từng có vài lần phát biểu là Đoàn Mục sư Rửa tội của các trường đại học (Baptist Collegiate Ministry - BCM). Khi Nicole còn là sinh viên của LSU và làm việc cho nhóm này, BCM đã mời tôi đến phát biểu. Biết rằng con mình có thể nằm trong số các khán giả càng làm tôi cảm thấy thú vị.

Một trong số những hoạt động tại trường mà BCM tài trợ là buổi cầu nguyện và ngợi ca Chúa vào tối thứ Năm có tên là TNT. Ủy ban tổ chức buổi lễ này đã mời tôi đến nói chuyện về vụ tai nạn của mình.

Các sinh viên đã quảng cáo trong toàn trường về buổi nói chuyện của tôi là: “Buổi nói chuyện của một người đã chết”. Hôm đó, có quá nhiều người đến, chúng tôi đã phải tiến hành

buổi lễ thành hai lần. Khi nói chuyện, các khán giả dường như bị mê hoặc vì câu chuyện của một người đã từng chết đi và rồi lại sống dậy. Tôi đã nói về thiên đàng, về những lời cầu nguyện được đáp lại, và về những phép màu. Tôi kể cho họ nghe về việc cùng hát bài *Giêsu là bạn thật* (What a friend we have in Gesù) với Dick Onerecker trong xe.

Khi buổi lễ kết thúc, dàn thánh ca lại bắt nhịp cho chúng tôi hát bài hát đầy ý nghĩa đó. Tôi không hề biết họ định làm thế. Dù tôi không hoài nghi gì về việc thánh thần đã chỉ lối cho họ làm việc đó, tôi vẫn cảm thấy khó hát hoặc nghe bài hát ấy.

Sau đó, rất nhiều sinh viên đã chờ đợi đến lượt mình được đặt câu hỏi. Trong số đó có một sinh viên người Mỹ gốc Phi có tên là Walter Foster. Bản thân cậu ấy đã hỏi rất nhiều câu và cậu ấy còn ở lại nghe câu hỏi của những người khác. Khi tôi rời khán phòng, Walter vẫn theo tôi. Dù tôi không để ý nhưng tôi có cảm giác như thể cậu ấy bám theo tôi với ý chí kiên định - như thể cậu ấy vẫn chưa tìm hiểu đủ về thiên đàng hoặc muốn nghe nhiều hơn về trải nghiệm của tôi.

Vài tháng sau, Nicole gọi cho tôi: “Bố còn nhớ Walter Foster không?” Giọng con bé vỡ oà và con bé bắt đầu khóc. Ngay khi tôi nói tôi còn nhớ cậu ấy, con bé nói với tôi: “Cậu ấy... cậu ấy chết rồi. Cậu ấy lên cơn đau tim! Chỉ thế thôi ... và cậu ấy mất rồi”.

Dường như Walter đã biết về bệnh tim của cậu và đang trong giai đoạn điều trị; mọi người đều biết tình trạng của cậu vẫn ổn. Rõ ràng, cái chết của cậu sinh viên ấy là cú sốc mạnh cho tất cả những ai quen cậu ấy.

“Một sinh viên mới 20 tuổi không thể chết như thế được”, một người bạn của cậu ấy đã nói như vậy.

Sau khi gác máy, tôi lại nhớ lại ngày Walter và tôi gặp nhau. Tôi tự hỏi phải chăng cậu ấy đã linh cảm về cái chết của mình. Việc cậu ấy theo tôi suốt thời gian ở LSU và đặt cho tôi hàng đống câu hỏi bất tận về thiên đàng khiến tôi phải băn khoăn. Những câu hỏi của cậu ấy dường như không phải chỉ vì tò mò. Tôi nghĩ, có lẽ, từ khi đó, Chúa đã chuẩn bị cho cậu ấy hành trình về nhà.

Cái chết đột ngột của Walter đã làm suy sụp tinh thần bạn bè của cậu, đặc biệt là những người có liên quan đến hội BCM. Họ là một nhóm gắn bó và tất cả bọn họ đã khóc thương vì sự ra đi của một thành viên. Đêm sau khi Walter qua đời, họ đã tụ họp lại tại trụ sở BCM - nơi mà Walter thích nhất.

Trong cuộc gặp mặt đầy cảm xúc đêm đó, nhiều người bạn của Walter đã nói rằng việc tôi chia sẻ trải nghiệm về thiên đàng của mình có ý nghĩa như thế nào với cậu ấy. Nhiều người còn nói về sự kích động mà cậu ấy đã biểu lộ với họ về những điều được nghe. Cậu ta đã nói về những điều ấy trong suốt những ngày sau đó.

“Có vài lần, vào ngày cha Piper đến đây,” một trong số họ nói, “Walter đã nói với tôi: ‘Tôi biết sẽ có ngày tớ cũng được ở trên thiên đàng!’”

Công việc nhà thờ bận rộn khiến tôi không thể đến dự buổi lễ truy điệu Walter tại nhà thờ First Baptist ở Baton Rouge. Nicole đại diện cho gia đình tôi và tối hôm đó, con bé kể lại cho

chúng tôi nghe về buổi lễ. Hai yêu cầu đặc biệt của những người bạn của Walter là một vị giáo sĩ có thể giảng giải về những lời phán truyền trong kinh Phúc âm và một người có thể hát một bài hát. Đương nhiên, bài hát đó là *Giêsu là bạn thật* (What a Friend We Have in Gesù). Những người có mặt đã hiểu được ý nghĩa đặc biệt của bài thánh ca dành riêng cho Walter.

Nicole, sinh viên theo học ngành âm nhạc tại LSU và là cây đơn ca tuyệt vời, đã biểu diễn bài hát đó cho nhóm người đang đau khổ ấy. Họ đáp lại bài hát bằng cả nỗi buồn lớn lao và niềm hy vọng. Những giọt nước mắt đã rơi và nhiều người cũng mỉm cười thanh thản.

Sau buổi lễ, nhiều sinh viên nán lại để nói chuyện với nhau về việc niềm tin kiên định của Walter về thiên đàng đã an ủi và động viên họ như thế nào.

Một trong số những điều tốt đẹp nhất mà sự chứng thực về sự tồn tại của thiên đàng của tôi ở BCM và sự ra đi của Walter sau đó là trường Đại học bang Louisiana đã xây dựng và trao tặng một công viên cầu nguyện cho BCM. Điều đó rất phù hợp với ý muốn của tôi, bởi mỗi khi chia sẻ câu chuyện của mình, tôi luôn nhấn mạnh vào tầm quan trọng của những lời cầu nguyện. Dù sao, tôi sống được đến nay cũng là nhờ những lời nguyện cầu được đáp lại.

Giống như những người mà đường đời của họ và tôi từng gặp nhau sau vụ tai nạn và chuyến trở về từ thiên đàng, Walter sẽ là một trong số những người đang đợi tôi trước cổng thiên đàng khi Chúa gọi tôi trở về.

Người chồng đầu tiên của Sue Fayle đã chết vì bệnh ung thư. Anh ấy ra đi sau thời gian dài bị căn bệnh quái ác giày vò và điều đó đã khiến cô phải chịu nhiều mất mát. Cô đã nghĩ mình sẽ sống nốt phần đời còn lại như một quả phụ. Nhưng Charles, người hàng xóm của cô cũng goá vợ, đã giúp cô thay đổi suy nghĩ đó. Họ không chỉ là hàng xóm, họ có chung cảm giác mất mát, vì thế họ đã trở thành bạn tốt của nhau. Thời gian trôi qua và họ cảm thấy cần có nhau theo cách mà chỉ có những người từng yêu và từng mất đi người thương yêu mới hiểu được. Tình bạn của họ đã trở thành tình yêu và họ thận trọng suy nghĩ đến hôn nhân.

Sue rất e ngại khi nghĩ đến chuyện cưới Charles vì anh xuất thân từ tầng lớp mà cô gọi là những “người hàng xóm hung bạo”. Anh lại có tiền sử nghiện rượu nặng, và cô đã nói với anh: “Em không thể chấp nhận việc ấy”.

Nhưng khi tình cảm của họ ngày càng sâu đậm, Sue chỉ đặt ra quy định rất đơn giản cho cuộc hôn nhân: “Em sẽ không cưới một người suốt ngày say sưa”.

Charles không chỉ ngừng say sưa, anh còn bỏ hẳn rượu. Giờ đây họ đã sẵn sàng bàn về đám cưới.

Một hôm, họ nói chuyện với nhau về những người thương yêu đã mất của họ - cả hai đều chết vì bệnh ung thư. “Nếu có ngày anh bị chẩn đoán là mắc bệnh ung thư”, Charles nói, “Anh sẽ tự tử”. Anh ấy hiểu không chỉ có người mang bệnh bị giày vò và cả những người họ yêu thương cũng phải chịu mất mát cả về thể xác và tâm hồn. “Anh không thể để bất kỳ ai phải chịu sự đau khổ đó”.

Họ đã cưới nhau và sống rất hạnh phúc, Charles cũng không bao giờ nghiện rượu lại nữa. Sue là một tín đồ tích cực trong nhà thờ của chúng tôi, nhưng sau đám cưới, Charles cũng trở thành một thành viên năng nổ.

Nhưng rồi một ngày, anh ấy nhận được lời chẩn đoán đáng sợ nhất: anh cũng mắc bệnh ung thư. Giờ đây anh phải đối mặt với nỗi sợ hãi từ sâu thẳm trái tim. Anh sợ rằng lời chẩn đoán ấy sẽ khiến Sue rơi vào nỗi đau khổ mà cô ấy đã từng phải chịu.

Và anh còn phải đối mặt với một nỗi sợ khác: đó là cái chết của chính mình. Anh ấy thú nhận: “Tôi rất sợ cái chết”. Dù Charles là một tín đồ của nhà thờ và từng nói rằng mình có đức tin, anh ấy cũng là một trong những người nghi ngờ về sự cứu rỗi cho linh hồn mình. Sue rất lo lắng khi chứng kiến anh vượt qua cơn khủng hoảng trước kia, vì anh thiếu đức tin vào sự cứu rỗi linh hồn của mình. Cô đã nghe những chứng cứ về thiên đàng của tôi và cũng kể lại chuyện đó với những người khác.

Một hôm, cô ấy nhờ tôi: “Xin Cha nói chuyện với Charles của con được không? Anh ấy cần được nghe chính cha nói về những bằng chứng của cha”.

Khi đó tôi là mục sư rửa tội cho người lớn của nhà thờ First Baptist ở Pasadena, nơi tôi đang ở bây giờ. Sue và tôi đã có nhiều dịp làm việc với nhau.

“Xin cha hãy nói cho anh ấy về sự cứu rỗi, và cả về cuộc sống sau khi chết nữa. Con tin là cuộc nói chuyện giữa hai người đàn ông với nhau có thể giúp cho anh ấy rất nhiều”.

Tôi biết Charles, dĩ nhiên là như vậy, và tôi ngờ anh ấy nghĩ rằng mình không đủ tốt để được đến với Chúa bởi vì quá khứ của mình. Do vậy tôi đồng ý nói chuyện với anh ấy.

Charles và tôi đã họp nhau ngay từ lần đầu gặp mặt. Đó là chàng trai cao lớn nhưng dễ bắt chuyện. Tôi đã sắp xếp để đến thăm gia đình anh thường xuyên. Mỗi khi tôi đến, Sue thường xin phép lui vào phòng mình cho đến khi tôi về.

Kể cả khi sức khỏe của Charles không còn được như xưa, anh ấy cũng chưa từng thể hiện tức giận hay chán nản. Chúng tôi, thậm chí, còn nói chuyện với nhau về việc anh ấy cảm thấy khó khăn như thế nào khi phải dựa dẫm vào người khác, đến cả nhu cầu cá nhân nhất - như việc tiểu tiện hay tắm rửa.

Lần thứ tư tôi đến, cuối cùng Charles cũng chịu nói ra: “Con sợ lắm. Con muốn được lên thiên đàng, nhưng con cần được đảm bảo - con muốn biết chắc rằng con sẽ được lên thiên đàng sau khi chết”.

Khi anh ấy kể lại cuộc đời mình, rõ ràng là niềm tin của anh ấy vào Chúa là rất chắc chắn. Nhưng đến tận bây giờ, sau nhiều năm chung sống với Sue, Charles vẫn không thể trở thành tín đồ sùng đạo của Chúa. Đã đôi lần tôi nhắc anh ấy về những vần thơ trong Kinh thánh có nói rằng thiên đàng là đích đến cuối cùng cho tất cả những ai có niềm tin.

“Con biết, con biết” anh ấy trả lời, “Trước khi được cứu rỗi, con biết con sẽ không thể đến thiên đàng. Con sẽ phải xuống địa ngục. Nhưng bây giờ, con muốn biết chắc chắn rằng thiên

đàng là có thật”. Những lời miêu tả của tôi về thiên đàng đã kích lệ anh, “Phải, đúng rồi, đúng là những gì con muốn biết”.

Một lần tôi đến thăm Charles, anh ấy đã mỉm cười và nói: “Con sẵn sàng rồi. Con cảm thấy thật thanh thản. Cuối cùng con cũng hiểu rằng con sẽ được lên thiên đàng”.

Và hai lần cuối cùng tôi đến thăm, Charles lại nài nỉ: “Cha kể lại cho con đi. Kể cho con biết thiên đàng là như thế nào”.

Và tôi lại kể lại cho anh ấy, dù anh ấy đã biết tất cả những gì tôi sẽ nói. Dường như niềm tin của anh ấy lại tăng lên sau mỗi lần nghe câu chuyện của tôi.

Trước khi Charles ra đi không lâu, Sue đã đưa anh ấy vào khu dành cho người hấp hối của Trung tâm y tế Houston, nơi tôi điều trị một thời gian dài trước đây.

Ngày cuối cùng trên cõi đời, Charles đã nói với Sue: “Mọi chuyện rồi sẽ ổn. Anh sắp được giải thoát khỏi mọi đau khổ và đến với sự bình yên vĩnh hằng. Rồi chúng mình sẽ được gặp nhau thôi”.

Khi Sue gọi điện và kể lại cho tôi, cô ấy còn nói thêm: “Anh ấy đã ra đi mà không sợ hãi”.

Niềm tin và sự bình thản của Charles đã cho Sue có được sự thanh thản để vượt qua nỗi đau mất mát và tiếc thương của mình. Cô ấy kể với tôi rằng chỉ vài tuần trước khi ra đi, Charles nói với cô ấy rằng được nghe câu chuyện của tôi và được thấy ánh sáng rực rỡ toả ra từ cuộc đời tôi đã giúp anh ấy thay đổi. “Mọi việc đã được an bài. Anh biết anh sắp được đến nơi tốt đẹp hơn”.

Khi Sue chia sẻ kỷ niệm về Charles, cô ấy bật cười và nói: “Con chẳng phải là một người may mắn sao? Có hai người đàn ông đang đợi con. Khi đến lượt con được trở về, con sẽ được ôm lấy cả hai, những người chồng cũ và cũng là những người anh em của Chúa, và họ có thể đưa con đi trên con đường trải vàng”.

Khi Joe, một trong hai đứa song sinh của tôi, đến tuổi trưởng thành, chúng tôi quyết định sẽ kiếm cho nó một chiếc xe cũ. Nó muốn có một chiếc xe tải, vì thế chúng tôi đã tìm mua chiếc xe nó thích, một chiếc Ford Ranger 1993.

Tên người bán xe là Gary Emmons; ông ấy đã kinh doanh xe cộ trong khu vực của chúng tôi từ rất lâu. Khi chúng tôi tìm được chiếc xe mà Joe thích, chúng tôi đã ký hợp đồng mua. Ông Emmons đã bán cho chúng tôi với một mức giá rất phải chăng và Joe có được chiếc xe mà nó thích.

Từ sau việc đó, gia đình tôi và Gary Emmons trở nên thân thiết. Chúng tôi còn mua thêm của ông ấy ba hay bốn chiếc xe nữa.

Gary biết một chút về chuyện đã xảy ra với tôi, nhưng không được chi tiết. Ông ấy vừa là người bán xe vừa là vận động viên đua xe. Ông ấy có vẻ rất hứng thú với câu chuyện của tôi. Ông ấy từng nói rất muốn nghe tôi kể toàn bộ vào một ngày nào đó, nhưng thường là ông ấy quá bận hoặc tôi có việc nên chúng tôi chưa có thời gian.

Một hôm, Joe đến cửa hàng để gửi khoản tiền trả góp, Gary vẫy tay gọi nó lại: “Cháu không tin được chuyện này đâu”. Ông ấy cười hóm hờ: “Hôm nay đã xảy ra một chuyện rất thú vị”.

“Gì vậy chú?”

“Hôm nay, ta phải kiểm tra một chiếc xe mà chúng ta vừa mua. Ta vào trong xe và làm những việc ta thường làm - cháu biết đấy, bấm tất cả các nút để xem mọi thứ hoạt động thế nào - như là nghe tiếng động cơ chạy kể kiểm tra hồng học này, kiểm tra hệ thống điều hoà này, và kiểm tra đài radio nữa. Rồi ta nhận ra trong hộp băng có một cuộn băng cát-xét. Ta bấm nút mở cửa băng”.

Ông ấy ngừng lại và nở nụ cười: “Cá là cháu không đoán ra được trong băng ấy nói cái gì.”

“Cháu chịu rồi”, Joe trả lời.

“Đó là câu chuyện của cha cháu. Chúng ta đã mua chiếc xe ấy ở một buổi bán đấu giá, vì thế chẳng có ai yêu cầu chúng ta trả lại cuộn băng đó. Ta lấy cuộn băng và bật lên nghe. Sau khi nghe xong, ta chỉ có thể nghĩ đến một từ - kinh khủng”.

Nghĩ lại tôi vẫn cảm thấy việc đó thật thú vị. Gary đã muốn nghe câu chuyện của tôi nhưng chúng tôi đã không có thời gian rảnh để nói chuyện.

“Thế quái nào mà ta lại tới buổi đấu giá với hàng ngàn chiếc xe được rao bán, rồi ta lại ngồi vào một chiếc xe, bấm một cái nút và được nghe cha cháu kể chuyện chứ?” Gary đã hỏi Joe như vậy.

Những ngày sau đó, tôi nghĩ Gary đã kể lại cho tất cả mọi người anh ấy gặp về vụ tai nạn của tôi.

Dĩ nhiên là việc đó khiến tôi rất cảm động. Tôi cũng đã được nghe nhiều câu chuyện khác về cách mà Chúa đã dùng câu chuyện của tôi.

Tôi đã thu lại những lời kể về trải nghiệm của tôi khi thuyết giảng tại nhà thờ First Baptist ở Pasadena, và cuộn băng ấy đã được sao lại. Tôi đã phát đi hàng ngàn cuộn băng như vậy. Và tôi cũng biết những người nhận cuộn băng ấy cũng đã sao lại cho bạn bè của mình. Tôi biết có những người đã đặt đến 20 cuộn băng chỉ trong vòng vài tháng.

Cuộn băng ấy vẫn tiếp tục được lan truyền rộng rãi. Nhiều người được nghe câu chuyện của tôi lại sao lại cuộn băng cho những người đang phải chịu tổn thương về thể xác hay những người đang phải trải qua nỗi đau mất mát người thân.

Tôi chỉ có thể kết luận rằng Chúa đã lên kế hoạch để Gary Emmons nghe được cuộn băng đó và đảm bảo để kế hoạch ấy được thành công.

Một hôm, khi tôi đang đi dạo trên hành lang của nhà thờ First Baptist, một người phụ nữ đã chặn tôi lại. Việc này đương nhiên không phải là bất thường. Thực ra là, vợ tôi thường nói đùa

rằng tôi phải mất đến 30 phút để bước được 20 bước chỉ vì mọi người lúc nào cũng có việc cần nhờ hay muốn nói với tôi. Chúng tôi có trên mười ngàn tín đồ; vì thế lúc nào cũng có nhiều người ở quanh nhà thờ.

“Ôi, thưa cha Piper, con đến đây chỉ để gặp cha. Con đến để nói với cha một việc - một việc mà cha cần phải nghe”.

Thông thường, khi người ta mở lời theo cách như vậy, câu tiếp theo họ sẽ nói là: “Vì lợi ích của cha thôi,” và đó thường không phải là câu tôi muốn nghe. Khi đó, tôi đang đi cùng vài người khác, và tôi không biết nên đáp lại thế nào. Nhưng khi tôi nhìn vào cô ấy, tôi nhận ra trên gương mặt cô ấy vẻ nài nỉ và một sự xúc động mãnh liệt. Vậy là tôi quay sang những người còn lại và nói: “Phiền mọi người một lát vậy”.

Và đương nhiên là họ rất vui lòng.

“Con là một y tá, và cha sẽ không tin được chuyện gì đã xảy ra đâu”. “Ta đã gặp rất nhiều chuyện không thể tin được. Con cứ nói đi”.

“Chuyện này xảy ra ở bệnh viện. Mẹ của một phụ nữ đang bị ốm và phải nhập viện đã nghe được cuộn băng của cha, và nó khiến cuộc đời của bà ấy thay đổi”.

Tôi đã nghe nhiều chuyện như thế nhưng tôi chưa bao giờ ngại nghe thêm những câu chuyện mới, vì thế tôi nói: “Con cứ kể tiếp đi”.

“Bà ấy được người ta mang cho cuộn băng ấy và bà ấy không phải là một tín đồ. Nhưng người đó muốn bà ấy dù thế nào cũng phải nghe cuộn băng. Bạn bè đã từng nói với bà ấy về Chúa. Họ đã mang cả Kinh thánh đến cho bà ấy, mọi loại sách vở, nhưng chẳng thể làm bà ấy động lòng. Bà ấy nói: ‘Tôi không muốn nói chuyện về Chúa, về tôn giáo hay sự cứu rỗi’. Dù đang ốm thập tử nhất sinh, bà ấy vẫn không chịu mở lòng đón nhận những thông điệp về sự vĩnh hằng”.

Cô y tá ngừng lại một lát để gạt những giọt nước mắt và tiếp tục: “Rồi có người mang đến cho bà ấy cuộn băng - cuộn băng về những trải nghiệm của cha trên thiên đàng - và hỏi xem liệu bà ấy muốn nghe nó không. Người đó không thúc ép, mà chỉ nói những câu bình thường như: ‘Bà sẽ thấy cuộn băng này có ích cho bà. Nó nói về một người đã từng chết đi, được đến thiên đàng và rồi quay trở lại’”.

Cô y tá kể lại với tôi rằng người phụ nữ ấy đã hứa bà ấy sẽ nghe nếu còn nhớ đến nó. Và người bạn đó ra về. Cuộn băng vẫn được để trên giá cạnh giường bà ấy, và bà ấy không hề nghe tới. Rồi sức khỏe của bà ấy nhanh chóng suy giảm, đến mức bác sĩ đã phải gọi cho cô con gái và nói rằng bà ấy chỉ còn sống được khoảng một tuần, nhiều nhất là hai.

Cô con gái, cũng là một tín đồ, đã tha thiết mong mẹ mình nghe cuộn băng của tôi. Trong cuộn băng có hai thông điệp. Một mặt của cuộn băng nói về những điều kỳ diệu đã xảy ra giúp tôi sống lại, bao gồm cả những lời cầu nguyện được đáp lại, như những gì tôi đã viết trong phần trước của cuốn sách. Mặt kia của cuộn băng nói về thiên đàng là thế nào. Tôi gọi nó là “Phép chữa trị cho những tâm hồn bị tổn thương”. Đó là phần mà cô con gái muốn người mẹ nghe.

Nhưng người phụ nữ ấy lại từ chối, “Mẹ không muốn nghe những thứ như thế”.

Ngày qua ngày, tình trạng của người phụ nữ ấy càng tồi tệ hơn. Người y tá đã kể lại cho tôi nghe, cũng là một tín đồ Thiên Chúa, đã nhận thấy điều gì đang diễn ra. Sau khi nói chuyện với cô con gái, cô y tá quyết định nói chuyện với người bệnh đó về linh hồn - một điều mà cô ấy chưa từng làm. Cô ấy lý giải rằng đôi khi, lời nói của một người không quen biết hay ít quen biết lại có thể đưa ra những bằng chứng xác thực hơn thành viên trong gia đình.

Sau khi hết ca trực, cô y tá bước vào phòng bệnh của bà mẹ và hỏi: “Cháu có thể ngồi đây và nói chuyện với bà vài phút được không?”

Người phụ nữ đang trong tình trạng hấp hối ấy đã gật đầu.

Thật nhẹ nhàng và dè dặt, cô y tá nói về đức tin và sự thanh thản của Chúa cũng như Chúa đã thay đổi cuộc đời cô ấy nhiều như thế nào.

Trong suốt thời gian ấy, người phụ nữ kia chỉ lặng yên lắng nghe.

Và cô y tá nói tới cuộn băng: “Cháu đã nghe rồi, và cháu nghĩ bà cũng muốn nghe nó. Cháu mở cho bà nghe nhé?”

Người phụ nữ già gật đầu, vậy là cô y tá cho cuộn băng vào đài cát-xét và đi ra.

Ngày hôm sau, người phụ nữ đang hấp hối ấy gọi cô con gái và người y tá tới và nói rằng bà ấy đã nghe cuộn băng, “Ta thấy nó thật thú vị. Ta đang suy nghĩ nghiêm túc tới việc trở thành tín đồ Thiên Chúa”.

Dù cả hai đều rất vui mừng, họ cũng không thúc ép người phụ nữ ấy. Hai ngày sau, bà ấy nói: “Ta đã trở thành một tín đồ”. Bà ấy nói cho cô con gái biết trước và sau đó là người y tá. Và sau đó, với bất kỳ ai đến thăm, bà ấy cũng nói, “Tôi đã trở thành tín đồ Thiên Chúa. Tôi thừa nhận Chúa Giêsu là Đấng Cứu thế và tôi sắp được lên thiên đàng”.

Chỉ vài giờ sau, tình trạng của người phụ nữ ấy trở nên nguy kịch. Bà ấy lâm vào tình trạng hôn mê. Ngày hôm sau, khi người y tá đến nhận ca trực, cô được biết bà mẹ ấy vừa mất trước đó ít phút.

Trước khi tôi kịp hỏi, người y tá đã nói: “Cuộn băng vẫn còn ở trong máy cát-xét bên giường bà ấy và cô con gái đã đặt mặt kia của cuộn băng, mặt miêu tả về thiên đàng. Khi sức sống của bà ấy sắp cạn kiệt, bà ấy đã được nghe những lời mô tả của cha về thiên đàng. Những lời cuối cùng bà ấy được nghe trước khi lia bỏ cõi đời để đến với Chúa chính là những lời miêu tả về thiên đàng”.

Dù đã cố chịu đựng, tôi vẫn không thể ngăn được dòng nước mắt.

“Con chỉ nghĩ là cha muốn biết việc này”.

“Phải”, tôi trả lời, “Cảm ơn con đã kể cho cha. Đó là sự khích lệ lớn đối với cha”.

Và khi cô ấy kể lại câu chuyện cho những người cùng đi với tôi, tôi thầm cảm ơn Chúa đã cho tôi được trở lại cõi đời. “Lạy Chúa, con đã nhìn ra ý nghĩa của việc ở lại. Tạ ơn Người đã cho con được nghe câu chuyện này”.

Có một lần tôi được mời đến thuyết giảng tại nhà thờ Chocolate Bayou Baptist ở phía Nam Houston. Họ yêu cầu tôi kể lại về việc chết đi và được lên thiên đàng.

Khi đó, tôi đang sắp xếp lại những lời định nói. Thông thường, ở các nhà thờ Baptist, họ sẽ có một người đơn ca hoặc chơi đoạn nhạc đặc biệt nào đó trước khi vị khách bước lên bục giảng. Hôm đó, có một người phụ nữ, cô ấy không có mặt trong buổi lễ và hoàn toàn không biết về điều tôi sắp nói, đã bước vào và cất tiếng hát.

Cô ấy có một giọng ca tuyệt vời và bắt đầu hát bài “Broken and Spilled Out” về chiếc bình thạch cao mà người phụ nữ đã dùng để rửa chân cho Chúa Giêsu.

Ngay khi cô ấy ngồi xuống, tôi bắt đầu đứng dậy và kể cho họ về vụ tai nạn của tôi. Tôi không liên hệ gì giữa bài hát của cô ấy và thông điệp của tôi, nhưng tôi nhận ra có vài người vẫn cau mày với cô ấy.

Sau buổi lễ, tôi nghe thấy người ta nói với người ca sĩ: “Cô hát bài ấy hay quá nhỉ”. Cái cách mà anh ta nhấn mạnh vào từ “hay” cho thấy anh ta muốn nói nó thật vô vị.

Cô ấy bật lên một tiếng: “Ôi!” Về hoảng hốt trên gương mặt cô ấy khiến tôi nhận ra cô ấy đã không biết những điều tôi định nói. Rõ ràng, cô ấy còn không có chút liên tưởng nào.

Ánh mắt của chúng tôi gặp nhau và cô ấy bắt đầu khóc nức lên: “Con xin lỗi... con xin lỗi cha”.

“Được rồi mà,” tôi động viên cô ấy, “Không có gì đâu”. Và tôi tiếp tục bước đi.

“Nát vụn”, có người nói với tôi, “Đấy là việc đã xảy ra với ông phải không?”. Ít nhất phải có đến một tá người có suy nghĩ như thế. Một số còn cho rằng chúng tôi đã bàn với nhau để người ca sĩ hát bài hát đó.

Tôi đành ngừng bước và nhìn lại. Người ca sĩ vẫn đứng bên chiếc piano và khóc mãi không thôi. Tôi xin lỗi mọi người và bước đến bên cô ấy. “Đó là một bài hát hay. Con đã không biết ta sắp nói gì, nhưng không có vấn đề gì cả, vì ta cũng không thể nghĩ ra được bài hát nào hay hơn”.

Cô ca sĩ nở nụ cười tỏ ý cảm ơn và lại xin lỗi. Và tôi lại phải đảm bảo với cô ấy: “Ồn rồi mà. Mọi việc ổn rồi”.

Khi quay về, tôi nghĩ có thể tôi đã bị nát vụn. Nhưng tôi lại mỉm cười vì một suy nghĩ khác: Nhưng mình cũng đã được gắn lại rồi mà.

Chương 16

TÌM KIẾM MỤC ĐÍCH

Tin chắc như vậy, tôi biết rằng tôi sẽ còn ở lại và sẽ ở cùng hết thầy anh chị em để giúp anh chị em trưởng thành và vui mừng trong đức tin.

Philippians 1:25

Brad Turpin, cảnh sát tuần tra ở Pasadena, ngoại ô Houston, đã gần như mất một chân. Chiếc mô tô cảnh sát của anh ấy đã đâm vào đuôi một chiếc xe tải. Anh ấy có thể đã chết vì mất máu trên nền đường bê tông nếu các nhân viên cứu thương không kịp thời buộc ga-rô vào chân anh ấy.

Sonny Steed, cựu mục sư giảng đạo ở nhà thờ của chúng tôi, có quen biết với Brad đã nhờ tôi đến gặp anh ấy. “Tôi luôn sẵn sàng”, tôi đồng ý, đặc biệt khi tôi biết anh ấy cũng đang phải mang một bộ nẹp cố định. Tôi đã gọi điện để chắc chắn anh ấy cho phép tôi đến thăm. Tôi cũng không rõ vì sao, nhưng ngay trước khi chúng tôi lên đường, tôi nhặt lấy mấy tấm ảnh chụp vụ tai nạn cũng như quá trình hồi phục của tôi.

Sonny lái xe đưa tôi đến nhà viên cảnh sát. Khi chúng tôi bước vào nhà, quang cảnh trong nhà chẳng khác gì phòng khách của tôi trước kia. Brad đang nằm trên chiếc giường bệnh với một thanh treo chân phía trên anh ấy. Thiết bị của anh ấy cũng tương tự, mặc dù không hoàn toàn giống như của tôi; tính từ thời điểm tôi gặp tai nạn đến khi đó cũng đã nhiều năm, và công nghệ đã tiến bộ rất nhiều.

Những người khác cũng đang có mặt ở đó, vì thế tôi ngồi xuống và bắt đầu nói chuyện cùng mọi người. Anh ấy khá lịch sự, nhưng tôi biết là anh ấy đang mệt mỏi vì phải tiếp quá nhiều khách. Ngay khi vị khách cuối cùng ra về, tôi hỏi anh ấy: “Anh mệt mỏi vì phải nói chuyện với mọi người rồi phải không?”

Brad gật đầu.

“Tôi hiểu. Anh cảm thấy như mình đang trình diễn ở đây. Điện thoại chẳng lúc nào ngừng reo. Mọi người ai cũng muốn ghé qua thăm anh”.

Anh ấy lại gật đầu. “Tôi rất mừng vì họ đã đến, nhưng tôi cũng cần có chút tĩnh lặng và bình yên”.

“Xin lỗi vì đã làm phiền anh lúc này, nhưng Sonny dẫn tôi đến gặp anh vì tôi muốn nói chuyện với anh về những điều nên trông đợi”. Tôi chỉ vào đám thiết bị và tiếp tục: “Tôi cũng đã từng phải gắn với một mớ như thế này”.

“Ồ, anh cũng thế sao?”

Tôi cho anh ấy xem những bức ảnh của mình, bắt đầu từ những bức chụp ngay sau ngày họ gắn cho tôi bộ khung Ilizanov. Mỗi tấm hình đều cho thấy sự tiến bộ của tôi. Anh ấy nhìn chăm chú vào từng tấm và nhận thấy tôi đã từng bị nặng hơn anh ấy nhiều.

“Và rồi anh đã hồi phục, phải không?”

“Phải, tôi đã hồi phục, và anh cũng sẽ như thế”.

“Tôi mừng là anh đã hồi phục được, nhưng tôi không nghĩ là tôi có thể như thế. Họ chẳng thể đảm bảo với tôi rằng tôi có thể giữ được cái chân này. Các bác sĩ đều tỏ ra bi quan, vì thế tôi càng cảm thấy khó khăn hơn”.

“Chà, đó là cách họ phải làm mà,” tôi nói và nhớ lại cảm giác của mình trong quãng thời gian đó. “Họ cố gắng tỏ ra thận trọng và tránh không để anh nuôi hy vọng. Họ biết là sau nhiều tháng, mọi việc cũng sẽ vẫn ổn với những thiết bị này trên người anh và rồi cái chân của anh sẽ nhiễm trùng và anh vẫn có thể mất nó”.

“Ý tôi chính là thế. Tôi chỉ không chắc chắn rằng nó có đáng để chịu đựng tất cả đau đớn này không”.

“Tin tốt là những đau đớn đó rồi cũng sẽ qua khi anh khoẻ hơn”.

Vợ anh ấy bước vào khi chúng tôi đang nói chuyện và cô ấy cũng ngồi nghe. “Tôi cũng rất mệt mỗi khi thấy tình trạng của anh ấy không có chút biến chuyển, và không ai có thể nói cho chúng tôi điều gì,” cô ấy than thở, “Chúng tôi đang định tìm một bác sĩ khác”.

“Các bạn có thể tìm được một bác sĩ giỏi hơn,” tôi đáp lời cô ấy, “Nhưng các bạn hãy đợi thêm thời gian nữa. Hãy kiên nhẫn. Tôi chắc chắn là bác sĩ của các bạn đang làm những gì tốt nhất”.

Rồi tôi kể cho họ nghe cái lần tôi đã mất hết lòng kiên nhẫn của mình. Khi bác sĩ của tôi đến thăm tôi, cơn giận của tôi bốc lên.

“Ông ngồi xuống đây”, tôi gào lên.

“Và ông ấy ngồi xuống, có lẽ trong vài phút, tôi đã hét lời than phiền về tất cả những thứ khiến tôi bận tâm và lo ngại. Khi tôi nhìn thấy gương mặt của ông ấy, tôi biết mình đã làm ông ấy tổn thương. Tôi đã không nghĩ đến ông ấy, dĩ nhiên là như vậy. Tôi đang đau đớn, tôi không thể thoát khỏi chúng, tôi không thể ngủ yên và tôi muốn có câu trả lời. ‘Tôi đã quá mệt mỏi vì chẳng biết gì cả, tôi hỏi ông liệu tôi còn phải đeo cái thứ này bao lâu nữa, và ông lại trả lời, ‘Có thể là một tháng, cũng có thể là hai hoặc ba tháng’. Tôi vẫn chưa nguôi, và cơn giận của tôi lại bùng phát với hàng loạt lời than phiền khác. Và kết thúc bằng câu hỏi: ‘Lẽ nào ông không thể cho tôi câu trả lời rõ ràng?’”

Ông ấy gục đầu xuống và nhẹ nhàng nói: “Tôi đã làm hết sức có thể. Tôi không biết những câu trả lời ấy. Vì thế tôi không thể trả lời anh được”.

“Nhưng tôi chỉ cần biết...”

“Tôi biết là anh muốn, nhưng đây không phải là môn khoa học chính xác. Chúng tôi cũng đang học hỏi. Chúng tôi không có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này, và công nghệ này lại hoàn toàn mới mẻ đối với chúng tôi. Chúng tôi đã làm những gì tốt nhất có thể”.

Sau khi kể cho Brad và vợ của anh ấy nghe về vụ cãi vã đó, tôi nói thêm: “Các bạn hãy kiên nhẫn với bác sĩ. Ông ấy không thể cho các bạn câu trả lời ông ấy không có. Ông ấy cũng sẽ nói với các bạn những việc phải làm và bắt các bạn phải chịu gánh nặng từ những đơn thuốc. Ông ấy sẽ bắt anh phải thực hiện hàng đồng liều pháp vật lý, và anh sẽ phải học cách đối phó nó - với tất cả những việc này”.

“Phải, tôi biết”, anh ấy lên tiếng, “nhưng tôi không thể điều khiển tình cảm của mình được nữa. Tôi đã nhìn thấy nhiều ca khó khăn, tồi tệ. Và giờ tôi thấy mình đang suy sụp - ý tôi là, những cảm xúc thật ấy. Anh hiểu ý tôi chứ?”

“Tôi hoàn toàn hiểu. Nhưng anh cứ việc tiếp tục và suy sụp. Rồi nó còn xảy ra nữa”. “Tôi cảm thấy mình mất kiểm soát”.

“Anh đâu còn kiểm soát được gì nữa”.

Brad nhìn chăm chăm vào tôi.

“Anh hãy nghĩ đi. Anh còn kiểm soát được gì nữa nào? Chẳng còn gì cả”. “Thậm chí tôi còn chẳng thể lau nước mắt cho vợ mình nữa”.

“Đúng thế. Anh đã hoàn toàn tàn phế. Chẳng còn gì anh có thể làm hay kiểm soát nữa”.

“Trước khi việc này xảy ra, tôi đã từng là một vận động viên thể hình và cử tạ”, anh ấy nói, “Anh sẽ không tin được vào thể lực của tôi lúc ấy đâu”.

“Tôi không nghi ngờ gì về việc ấy”, Tôi có thể thấy anh ấy đã từng là người khỏe mạnh và lực lưỡng. “Nhưng giờ đây anh không còn được thế nữa. Có thể, một ngày nào đó anh sẽ lại cường tráng như trước, nhưng rồi việc không thể dậy và làm việc mà anh đã từng chịu đựng sẽ khiến anh thay đổi. Vậy hãy chuẩn bị cho những thay đổi ấy. Anh sẽ giảm cân; các cơ bắp của anh sẽ teo lại. Anh không thể kiểm soát thân thể mình như trước”.

Người vợ của anh ấy cũng cảm thấy được tâm trạng căng thẳng đó, và cô ấy gằn như bật khóc, “Anh ấy cảm thấy mọi việc rất tồi tệ, kể cả việc điều trị. Nhưng tôi lại chẳng biết phải làm gì”.

“Tôi có thể gợi ý cho chị một vài việc. Đầu tiên, chị hãy kiểm soát những chuyến viếng thăm và gọi điện”. Tôi nói: “Chị phải kiên quyết. Nếu chị để tất cả mọi người vào thăm, chị sẽ tự làm mình mệt vì lúc nào cũng phải tỏ ra dễ chịu. Bạn bè của anh chị sẽ thông cảm”.

Rồi tôi quay sang Brad: “Còn anh, hãy chuẩn bị cho những liệu pháp vật lý, vì anh sắp phải đối mặt với những công việc khó khăn. Nhưng anh phải làm nếu anh muốn đi lại được. Anh phải kiên nhẫn, vì anh còn cần rất nhiều thời gian mới hồi phục được”. Tôi hơi ngừng lại và mỉm cười khi nhớ lại mình đã từng thế nào. “Hãy để mọi người biết anh đang đau đớn ở đâu và họ có thể giúp anh thế nào - đặc biệt là những người anh tin tưởng. Hãy cho họ biết họ giúp gì được anh. Hãy để họ cầu nguyện cho anh. Có rất nhiều người tốt bụng đến thăm anh, và họ muốn mang cho anh chiếc bánh, nấu cho anh bữa ăn hoặc làm gì đó cho anh. Hãy để họ thể hiện tình bạn và tình yêu của họ với anh”.

Sau vài phút nói chuyện, tôi chuẩn bị ra về. Và tôi ghi lại số điện thoại của mình, “Hãy gọi cho tôi. Nếu anh cảm thấy khó ngủ lúc 3 giờ sáng hay khi anh giận dữ, hãy gọi cho tôi. Tôi sẽ nghe anh nói. Tôi sẽ hiểu bởi vì tôi có thể hiểu được những điều đó. Chúng ta là người cùng hội mà chẳng ai trong chúng ta muốn vào cái hội đó cả”.

Trước khi tôi ra về, Brad nói với tôi: “Tôi không thể nói hết lòng biết ơn của tôi vì anh đã đến thăm. Gặp gỡ một người có thể hiểu được đau đớn của tôi đã giúp tôi rất nhiều. Anh là người đầu tiên tôi gặp có thể hiểu là sống với những đau đớn suốt ngày khó chịu như thế nào”.

“Gặp gỡ với người trong cảnh ngộ tôi như mình không phải là điều gì đáng để phô bày”, tôi trả lời, “nhưng tôi sẵn sàng làm việc đó. Tôi muốn giúp đỡ, nhưng anh cũng sẽ phải cố gắng rất nhiều nếu muốn gọi cho tôi. Hãy nhớ - đừng cố chịu đựng một mình”.

Vợ của Brad đưa tôi ra đến tận cửa xe và nói: “Anh ấy thực sự cần điều này. Trước mặt mọi người, anh ấy cố gắng tỏ vẻ mạnh khỏe và lạc quan. Nhưng những lúc một mình, anh ấy lại nản lòng và dễ xúc động, và rồi anh ấy suy sụp. Tôi đã rất lo lắng cho anh ấy. Chưa bao giờ tôi nhìn thấy anh ấy như thế”.

“Tôi nhớ vợ tôi đã từng vất vả cả ngày với công việc giảng dạy ở trường và rồi khi về nhà lại dành toàn bộ thời gian bên tôi”, tôi động viên cô ấy, “Chị hãy ở bên anh ấy. Rồi anh ấy sẽ khỏe lại”.

Tôi lại kể cho cô ấy nghe lần tôi cảm thấy tồi tệ nhất, Eva đã khuyến khích tôi và đã nói vài lời đại loại như: “Anh hãy cố kiên nhẫn. Anh sắp khỏe rồi mà”.

Và tôi đã như nổ tung với cơn giận và sự nản chí - “Sao em biết là anh sắp khỏe lại? Cái quái gì sẽ làm anh khỏe lại? Chẳng ai có thể nói cho anh biết. Chẳng anh có thể hứa với anh về việc ấy”.

Với lòng tin, cô ấy đã không cãi lại tôi. Cô ấy chỉ vòng tay ra ôm lấy tôi. Và tôi đã bật khóc. Tôi chưa từng làm thế trước mặt cô ấy.

Kể xong câu chuyện, tôi nói tiếp: “Chị hãy chuẩn bị cho những thay đổi trong cuộc sống của cả chị và anh ấy. Anh ấy không thể kiểm soát được tình cảm của mình, nhưng chị cũng đừng cho rằng anh ấy nhắm vào mình nếu anh ấy có la hét gì. Đó là nhắm vào nỗi đau đớn và sự nản chí, không phải nhắm vào chị”. Tôi lắc mạnh tay cô ấy và tiếp tục: “Và vì Chúa, nếu chị cần tôi, hãy gọi cho tôi. Hãy thúc Brad gọi cho tôi”.

Sau lần đó, tôi còn gặp Brad thêm bốn hoặc năm lần nữa. Nhiều tuần sau, anh ấy có thể đi lại với chiếc khung tập đi, tôi tình cờ gặp anh ấy trong một nhà hàng. Tôi tiến lại và ngồi xuống bàn của anh ấy và hỏi: “Đạo này anh thế nào?”

“Tôi cũng ổn, thực sự ổn”. Rồi anh ấy cảm ơn tôi vì đã đến khi anh ấy yếu lòng nhất. Anh ấy vẫn chưa hồi phục hoàn toàn, nhưng ít nhất thì cũng đang khỏe lại. Khi anh ấy siết chặt tay tôi và giữ hồi lâu, tôi hiểu đó là cách anh ấy thể hiện lòng biết ơn đối với tôi mà anh ấy không thể nói ra thành lời.

Còn tôi, tôi thấy biết ơn Chúa vì tôi có thể giúp Brad thoát khỏi thời kỳ đen tối nhất.

Hai năm sau tai nạn của tôi, tôi nghe nói Chad Vowell đã gặp tai nạn xe nghiêm trọng. Cậu ấy là một thành viên của đoàn mục sư trẻ của chúng tôi ở South Park, và cha mẹ của cậu ấy nằm trong số những phụ huynh có nhiều đóng góp nhất tại nhà thờ của tôi. Mẹ của cậu ấy, bà Carol, từng ở trong uỷ ban đã đến thăm khi tôi còn ở trong bệnh viện.

Chad là cầu thủ bóng đá xuất sắc và từng có mặt trong đội tuyển cầu thủ trẻ của chúng tôi, khoảng một năm trước khi cậu ấy lên đại học.

Khi tôi gọi điện cho mẹ của Chad, bà ấy nói với tôi rằng trực thăng đã đưa Chad đến bệnh viện John Sealy ở Galveston. Tôi cũng không biết cậu ấy bị nặng đến mức nào cho tới khi bà ấy nói thêm: “Người ta nói cẳng chân thẳng bé bị xé nát và giờ nó đang phải dùng nẹp cố định”.

Khi vừa nghe đến từ “nẹp cố định”, tôi hiểu mình cần phải đến gặp cậu ấy. Dù thế nào thì tôi cũng đi, bởi vì dù sao cậu ấy cũng là một thành viên của South Park. Nhưng chính từ “nẹp cố định” đã thúc giục tôi đến sớm hơn nữa.

Khi tôi bước vào phòng cấp cứu, Chad đang nằm đó với vẻ mặt đầy chán nản, và rõ ràng là cậu không muốn nói chuyện. Đó không còn là cậu Chad mà tôi từng biết. Trước khi xảy ra chuyện này, cậu ấy luôn vui mừng khi gặp tôi, và khuôn mặt cậu lúc nào cũng sáng ngời, rất dễ nhận ra. Lần này, cậu bé vẫn nhận ra sự hiện diện của tôi nhưng lại chẳng có ý cố gắng bắt chuyện như mọi lần.

“Cháu ổn chứ? Người ta nói là cháu sẽ khỏe lại chứ?” Tôi lên tiếng hỏi và rồi nhìn vào cái chân của cậu ấy. “Chú thấy là cháu đã được dùng nẹp cố định”.

“Phải, người ta đã gắn cho cháu”, cậu bé trả lời đầy chán nản.

“Chad này, cháu còn nhớ khi chú gặp tai nạn không? Người ta cũng gắn cho chú một thứ như thế”.

“Thật sao?” Cậu bé ngạc nhiên hỏi lại. Lần đầu tiên kể từ khi tôi đến, cậu bé nhìn tôi với vẻ quan tâm. Tôi không biết có phải cậu ấy chưa từng nhìn tôi như tôi đang nhìn cậu ấy bây giờ hay chỉ là cậu ấy đã quên mất điều đó. Tôi cúi người xuống gần hơn và nói: “Cháu hãy nhớ rằng: chú hiểu người ta cảm thấy thế nào khi phải mang những thứ này”.

Vết thương của cậu bé nằm ở phía cẳng chân. Bởi cẳng chân có hai ống xương nên những vết thương ở đó rất khó lành. Trước khi về, tôi được biết thêm rằng ca mổ của cậu bé đã diễn ra thành công.

Tôi có thể nói chuyện với cậu bé ấy, nắm tay nó và cùng cầu nguyện khiến cậu bé cảm nhận được sự đồng cảm của tôi với cảnh ngộ khốn khổ của nó. Và lần đầu tiên kể từ khi gặp tai nạn, cậu bé hiểu được nên trông đợi điều gì từ quá trình điều trị. Mãi sau này, cũng giống như tôi sau tai nạn, không có ai cho cậu bé biết thêm thông tin cụ thể nào. Cậu bé cũng cảm thấy giận dữ và chán nản.

“Những đau đớn sẽ kéo dài rất lâu, và quá trình hồi phục có thể kéo dài mãi mãi, nhưng rồi cháu sẽ khỏe lại. Cháu chỉ cần nhớ rằng: rồi cháu sẽ khỏe lại”.

Và đúng là cậu ấy đã khỏe lại.

Bệnh ung thư đã cướp đi sự sống của Joyce Pentecost, chỉ một tuần trước sinh nhật lần thứ 39 của cô ấy. Tôi đã rất yêu quý cô ấy. Đó là vợ của Eddie, em trai của Eva, và cô ấy đã để lại hai đứa trẻ xinh xắn có mái tóc màu đỏ, Jordan và Colton.

Joyce không chỉ là người hoạt bát nhất mà tôi từng gặp, một ca sĩ, mà cô ấy còn có thể làm cho bất kỳ căn phòng nào cô ấy bước vào trở nên tươi sáng. Hiếm khi cô ấy chỉ hát không; cô ấy học theo truyền thống của Ethel Merman.

Tôi cảm thấy vinh dự khi được phát biểu tại buổi lễ truy điệu cô ấy tại nhà thờ First Baptist, thành phố Forrest, Kansas. Có hơn 600 người đã đến dự buổi lễ ấy. Joyce đã thu vài đĩa CD nhạc Thiên Chúa, vì thế cô ấy đã để lại cho tất cả chúng tôi số di sản. Vào buổi chiều nắng hôm ấy, tất cả chúng tôi lại được nghe Joyce hát bài kinh tạ ơn riêng của cô ấy.

Sau bài hát ấy, cha của cô ấy, ông Reverend Charles Bradley, đã chuyển tới chúng tôi một thông điệp của hy vọng và sự cứu rỗi. Ông ấy nói với cả đám đông: “Cách đây nhiều năm, Joyce và tôi đã có một thỏa thuận với nhau. Nếu tôi ra đi trước, con bé sẽ hát trong đám tang của tôi. Còn nếu con bé đi trước, tôi sẽ phát biểu trong đám tang của nó. Ngày hôm nay, tôi đang thực hiện lời hứa với đứa con gái bé bỏng của tôi”.

Khoảnh khắc đó vẫn còn đọng lại trong tôi. Những nụ cười u sầu, những giọt nước mắt tuôn rơi, nhưng tôi hiểu rằng chẳng có ai ở đó cảm thấy giận dữ hay tuyệt vọng.

Sau khi cha của Joyce kết thúc, đến lượt tôi lên phát biểu.

Ngày hôm nay, có thể vài người ở đây sẽ hỏi: Joyce đã chết như thế nào?, tôi bắt đầu, “Nhưng tôi muốn đặt cho các bạn một câu hỏi hay hơn, cô ấy đã sống như thế nào? Cô ấy đã sống tốt và được yêu mến. Cô ấy đã sống rất tốt”.

Tôi nói với đám đông đang đau đớn vì sự ra đi của Joyce rằng cô ấy là ngôi sao chổi với mái tóc màu đỏ vụt bay qua quãng đời này, rằng cô ấy đã sống và rất muốn giúp cho mọi người được vui vẻ, rằng cô ấy là một người bạn tận tâm, người con lý tưởng, một bà di luôn cung chiều các

cháu, một cô em gái dịu dàng, và người vợ tuyệt vời. Tôi thẳng thắn thừa nhận mình không thể có câu trả lời cho câu hỏi đang nhức buốt trong tim của nhiều người: Tại sao cô ấy lại ra đi?

“Đó cũng là một sự an ủi cho chúng ta khi không ai có được câu trả lời”, tôi tiếp tục, “Joyce hoàn toàn tin rằng nếu cô ấy ra đi, cô ấy sẽ được đến bên Chúa. Cô ấy tin rằng nếu còn sống, Chúa cũng sẽ ở bên cô ấy. Đó là lý do cô ấy sống. Và đó cũng có thể là lý do để chúng ta tiếp tục tiến tới”.

Tôi kết thúc bài phát biểu bằng một phút tưởng nhớ. Cuộc nói chuyện cuối cùng giữa tôi và Joyce trước khi cô ấy trở về nhà từ bệnh viện là về thiên đàng. Cô ấy đã không tỏ ra mệt mỏi khi lắng nghe tôi kể lại chuyến du hành của tôi trên thiên đàng, đích đến cuối cùng tất cả chúng ta. Chúng tôi đã nói chuyện với nhau về các thiên thần, về cánh công trời, và về những người yêu thương của chúng tôi. (Anh trai của Joyce cũng đã chết vì ung thư). Joyce lúc nào cũng muốn tôi miêu tả về âm nhạc và cuộc nói chuyện cuối cùng của chúng tôi cũng không có gì khác biệt.

“Vài ngày trước đây”, tôi nói với mọi người, Tôi tin rằng Chúa đang ngồi sau cánh cửa đó, đã phán truyền cho các thiên thần rằng: Nơi đây của chúng ta cần một giọng ca soprano tuyệt vời với mái tóc màu đỏ”.

Và các thiên thần đã trả lời Ngài: “Đó là Joyce Pentecost!”

“Chúa đã truyền lời tới Joyce, và cô ấy đã đáp lại tiếng gọi đó của Chúa. Giờ đây, cô ấy đang cất tiếng hát trước các thiên thần ấy. Joyce Pentecost đã không còn trên cõi đời này nhưng cô ấy lại đang được ở bên Chúa”.

Lời cuối cùng tôi nói trong lễ truy điệu ấy là một câu hỏi: “Nếu bạn biết một người đang ở đâu, liệu có đúng là bạn đã mất đi người đó không?”

Khi tôi suýt chết trong chiếc xe vỡ nát khi mới 38 tuổi. Joyce cũng tầm tuổi đó khi cô ấy phải mổ vì bệnh ung thư. Tôi đã vượt qua được thử thách đó; nhưng Joyce thì không. Nhưng tôi biết một điều: Bởi vì tôi đã được đến thiên đàng, tôi có thể chuẩn bị tâm lý cho cô ấy và tất cả những người yêu thương của cô ấy về sự ra đi này. Và giờ đây tôi đang làm việc ấy cho các bạn.

Sau vụ tai nạn, đã nhiều lần tôi mong ước có ai đó từng trải qua nỗi khổ phải mang một bộ nẹp cố định đến thăm tôi tại bệnh viện. Tôi biết điều đó sẽ giúp tôi giảm bớt lo lắng rất nhiều.

Bất cứ khi nào tôi nghe nói về một người phải mang nẹp cố định, tôi lại cố gắng liên lạc với họ. Và khi tôi nói chuyện với những người sắp phải đối mặt với một thời kỳ chữa trị lâu dài ấy, tôi cố gắng thành thật hết mức. Quá trình hồi phục không thể diễn ra dễ dàng, và họ cần được biết về điều đó. Bởi vì tôi cũng đã từng bị như thế, tôi có thể nói với họ (và họ đã nghe) rằng dù phải mất rất nhiều thời gian nhưng cuối cùng họ cũng sẽ hồi phục. Tôi cũng có thể nói với họ về một số vấn đề tạm thời mà họ sẽ phải đối mặt.

Những lần gặp gỡ của tôi với Chad, Brad và nhiều người khác nhắc tôi nhớ rằng Chúa đã ban cho tôi mục đích sống trên đời này. Trong suốt thời gian chữa trị dài đằng đẵng, có đôi lần tôi

mong ước được lên thiên đàng. Nhưng khi nhìn lại, tôi có thể thấy chính kinh nghiệm cá nhân về thiên đàng mà mình chia sẻ với những người khác đã kéo tôi trở lại cuộc sống này.

Cuối cùng, tôi có thể nói rằng: “Nếu Chúa đã sẵn sàng đón tôi, Ngài sẽ giải thoát cho tôi”. Còn trong quãng thời gian chờ đợi này, tôi phải cố gắng đem lại sự an ủi cho người khác càng nhiều càng tốt.

Cũng giống như tôi, khi những nạn nhân khác lần đầu tiên trông thấy bộ nẹp cố định được gắn vào chân họ, và đặc biệt là khi họ bắt đầu cảm nhận được đau đớn cũng như việc họ không thể di chuyển, sự chán nản sẽ xâm chiếm tâm hồn họ. Họ không còn biết việc gì sẽ xảy ra tiếp theo. Và dù các bác sĩ có cố gắng đảm bảo là họ sẽ hồi phục, nhưng những người đó đã phải chịu quá nhiều tổn thương, đến mức họ không thể tìm thấy sự an ủi từ những lời nói của bác sĩ.

Nhưng, đôi khi cũng có những bệnh nhân lại vô tình có suy nghĩ sai lầm: “Tôi sẽ sớm bình phục thôi”.

Và với những người đó, tôi phải nói cho họ biết rằng: “Anh có thể bình phục, những việc đó sẽ không diễn ra sớm đâu. Đó là một quá trình chữa trị lâu dài, và không có cách nào đẩy nhanh tốc độ lên được. Khi anh đã gặp phải những chấn thương ở mức độ này, sẽ chẳng có cách nào giúp anh nhanh chóng bình phục cả. Anh phải học cách sống cùng nó từ bây giờ”.

Tôi có thể chia sẻ với các bạn nhiều câu chuyện khác, nhưng đây là những kinh nghiệm giúp tôi vượt qua thời khắc đen tối nhất của mình. Tôi đã tìm thấy mục đích của đời mình. Tôi vẫn ao ước được trở lại thiên đàng, nhưng từ bây giờ, đây là nơi tôi phải sống. Và tôi phải sống vì mục đích của mình trên trái đất này.

Chương 17

MONG ƯỚC TRỞ VỀ NHÀ

Vì niềm hy vọng dành sẵn trên trời cho anh chị em, điều này anh chị em đã được nghe trước đây trong đạo chân lý là Phúc Âm.

Colossians 1:5

Một trong những câu chuyện mà tôi thích nhất là câu chuyện về một cô gái nhỏ đã ra khỏi nhà và mẹ của cô bé không biết cô đã đi đâu. Không tìm thấy cô bé, người mẹ đã lo lắng có chuyện gì xảy đến với con mình. Bà ra trước cửa và gọi to tên cô bé.

Ngay lập tức, cô bé chạy vụt ra từ ngôi nhà bên cạnh. Người mẹ ôm chầm lấy đứa con gái, nói rằng bà đã rất lo lắng cho cô, và cuối cùng hỏi: “Con đã ở đâu vậy?”

“Con sang nhà bên thăm ông Smith”.

“Sao con lại sang đó?”

“Vợ ông ấy vừa mất và ông ấy đang rất buồn”.

“Ôi, mẹ xin lỗi, mẹ không biết việc đó,” người mẹ trả lời. “Vậy con đã làm gì?”

“Con chỉ giúp ông ấy khóc thôi”.

Theo cách nào đó, đó chính là công việc của tôi bây giờ. Chia sẻ những kinh nghiệm của mình là cách tôi giúp người khác khóc vì đau đớn của họ.

Tôi đã biết lý do vì sao tôi có thể đem lại sự an ủi cho những người đang phải đối mặt với cái chết hay vừa trải qua nỗi đau mất những người thân yêu của họ: Đó là vì tôi đã từng lên thiên đàng. Tôi có thể đảm bảo với họ thiên đàng là chốn yên vui không gì sánh bằng và không thể tả xiết.

Tôi biết thiên đàng có thật, và tôi hoàn toàn không nghi ngờ về điều đó. Nó thật hơn bất kỳ cái gì tôi từng nhận biết trong cuộc đời mình. Đôi khi tôi hay nói: “Hãy nghĩ về những gì tồi tệ nhất từng xảy ra với bạn, những gì tốt đẹp nhất từng đến với bạn, và tất cả những gì ở giữa, thiên đàng thật hơn bất kỳ cái gì trong số đó”.

Khi trở lại với cuộc sống, tôi đã nhận thức sâu sắc rằng cuộc đời này là chỉ là kiếp sống của tất cả chúng ta. Sau khi kết thúc cuộc sống này, dù chúng ta đi đến đâu - thiên đàng hay địa ngục - cuộc sống ở đó cũng sẽ thực hơn cuộc sống hiện tại của chúng ta.

Tôi chưa từng nghĩ về điều này trước khi xảy ra vụ tai nạn, dĩ nhiên là như vậy. Thiên đàng khi đó với tôi chỉ là một khái niệm, một điều mà tôi tin tưởng nhưng tôi không thường xuyên nghĩ đến nó.

Nhiều năm sau tai nạn, tôi không ngừng nghĩ đến đêm cuối của Chúa Giêsu với các tông đồ trước khi bị phản bội và bị đóng đinh. Chỉ vài giờ trước khi Ngài bắt đầu chuyến đi lên thiên đàng, Ngài đã ngồi lại cùng các tông đồ. Ngài yêu cầu họ không cần lo lắng và tin tưởng vào Ngài. Rồi Ngài nói với họ rằng Ngài sắp đi xa và nói thêm: “Trong nhà Cha ta có nhiều chỗ ở. Nếu không, ta đã nói cho các con rồi. Ta ra đi để sửa soạn chỗ ở cho các con; nếu ta đi và sửa soạn một chỗ cho các con, ta cũng sẽ trở lại đón các con về với ta, để ta ở đâu các con cũng ở đó” (Phúc âm thánh John 14: 2-3).

Trước đây tôi chưa từng chú ý đến nó, nhưng Giêsu đã hai lần dùng từ “chỗ” - một địa điểm. Có thể hầu hết mọi người không tin vào điều đó, nhưng tôi thường xuyên nghĩ đến nó. Đó là một chỗ theo đúng nghĩa đen của từ đó, và tôi có thể chứng thực được bởi vì tôi biết chỗ đó. Tôi đã từng ở đó. Và tôi biết thiên đàng có thật.

Sau tai nạn, tôi càng cảm thấy điều đó rõ ràng và mãnh liệt hơn trước đây. Một năm nằm lỳ trên giường bệnh có thể khiến bất kỳ ai nghĩ như thế, nhưng việc này còn hơn thế. Chín mươi phút sống trên thiên đàng ấy đã để lại cho tôi ấn tượng sâu sắc tới mức tôi không bao giờ là con người cũ như trước. Tôi không bao giờ có thể hoàn toàn toại nguyện ở đây, vì tôi sống trong trạng thái đề phòng.

Tôi đã trải qua đau đớn nhiều lần hơn mức tôi nghĩ con người có thể chịu đựng và vẫn còn sống để nói về nó. Bất kể tất cả mọi việc đã xảy ra với tôi trong những tháng ngày đau đớn khôn cùng, tôi vẫn cảm thấy thiên đàng hiện hữu thực hơn những đau khổ mà tôi phải chịu đựng.

Tôi là một người phiêu bạt và hiếm khi dừng lại nên tôi thường cảm thấy mình cần phải giải thích vì sao có một số chuyện tôi không thể làm được. Khi tôi ăn mặc nghiêm chỉnh, hiếm có ai nhận ra tôi là một người ốm yếu, mang trên người những tổn thương nghiêm trọng. Nhưng khi tôi bị buộc phải thực hiện những động tác mà thân thể mới hồi phục không thể làm được (dù chỉ vài động tác đơn giản), tôi thường nhận được những phản ứng khác thường.

Đã có không ít người hỏi tôi câu hỏi: “Trông anh khỏe mạnh lắm mà, anh bị gì vậy?”

Đôi khi, tôi phải theo ai đó lên xuống cầu thang - một cực hình đối với tôi - họ nghe thấy tiếng khớp đầu gối của tôi nghiền vào nhau và lại quay lại hỏi, “Tiếng động ghê rợn ấy phát ra từ anh đấy hả?”

Tôi chỉ có thể mỉm cười và trả lời: “Phải, nghe khiếp quá phải không?”

Nhưng việc đó có thể khiến người ta nhầm lẫn về khả năng đi lại của tôi. Tôi có thể di chuyển khá hơn rất nhiều cách người ta tưởng tượng về mình. Nhưng tôi biết, những việc tôi làm cũng chỉ có giới hạn - mặc dù điều đó không thể hiện ra rõ ràng. Tôi đã phải tập luyện vất vả để đi lại bình thường, bởi vì tôi không muốn thu hút sự chú ý của người khác. Tôi đã phải chịu đựng đủ những cái nhìn xoi mói và ngạc nhiên khi còn mang nẹp cố định rồi.

Cố gắng hoạt động, tỏ vẻ bình thường và tự thúc ép mình tiến lên là cách tôi đối mặt với thể trạng yếu đuối của mình. Tôi nhận ra nếu mình cứ bận bịu suốt ngày, đặc biệt là để giúp đỡ người khác, tôi sẽ không còn thời gian để nghĩ đến những đau đớn của mình. Nói hơi kỳ cục một chút, những đau đớn ấy lại chính là liệu pháp chữa trị. Tôi định sẽ tiếp tục cho đến khi tôi không thể tiếp tục được nữa.

Chúng ta đều chỉ là nạn nhân của phát minh về thời gian mà con người thường nghĩ đến bằng những khái niệm trần tục - đó là cách chúng ta bị ràng buộc. Đó là điểm quan trọng mà tôi muốn làm rõ. Tâm trí tôi luôn muốn biết những người chào đón tôi trên thiên đàng đang làm gì khi tôi quay trở lại trần thế.

Khi tôi còn đang cân nhắc về vấn đề này, tôi không thể tin họ đã nói: “Ôi không, ông ấy đến đây không phải để ở lại”. Họ vẫn ở đó, trước cổng thiên đàng. Họ đang chờ đợi. Đối với họ, thời gian không bao giờ trôi đi. Mọi thứ đều trở thành vĩnh cửu - dù tôi không thể nói ra điều đó thành lời. Dù 5 năm hay 30 năm nữa, đối với những người trên thiên đàng, khoảng thời gian ấy cũng chỉ là một giây trước khi tôi được trở lại đó.

Tôi không được lựa chọn lên thiên đàng vào buổi sáng tháng Giêng ấy. Lựa chọn duy nhất cho tôi là đến một ngày tôi sẽ được đến với Chúa Giêsu và tôn Ngài làm Chúa cứu thế của tôi. Dù tôi không xứng đáng thế nào, Ngài cũng sẽ cho tôi được lên thiên đàng, và tôi biết khi tôi đến đó lần nữa, tôi sẽ được ở lại.

Tôi không mong muốn được chết. Tôi không định tự tử, nhưng hàng ngày tôi vẫn nghĩ đến việc được quay trở lại thiên đàng. Tôi mong muốn được trở lại. Và đến khi Chúa lên tiếng gọi, tôi biết chắc mình sẽ được thỏa nguyện. Giờ đây, tôi đang háo hức trông chờ đến thời khắc đó. Tôi hoàn toàn không sợ cái chết. Mà tại sao tôi lại phải sợ? Không có gì đáng sợ khi phải chết - chỉ có niềm vui vĩnh hằng đang chờ đợi chúng ta.

Như tôi đã nói với các bạn, khi tôi tỉnh lại trên trái đất, một nỗi thất vọng xâm chiếm con người tôi. Tôi không muốn trở lại trần thế, nhưng tôi không có quyền lựa chọn.

Trong thời gian dài, tôi không thể chấp nhận việc Chúa đã phái tôi trở lại. Nhưng ngay cả khi thất vọng, tôi vẫn hiểu rằng Chúa để mọi việc diễn ra như vậy vì Ngài có một mục đích. Cuối cùng, tôi hiểu ra rằng Chúa đã cho tôi cơ hội đặc biệt để trải nghiệm và tận mắt nhìn thấy thiên đàng như thế nào.

Với ước muốn được trở lại thiên đàng, giờ đây tôi đã được chuẩn bị để chờ đợi đến ngày Chúa gọi tôi trở về.

Trải qua 34 lần phẫu thuật và nhiều năm đau đớn đã giúp tôi hiểu được những lời thánh Paul nói với các con chiên Hy Lạp: Chúc tụng Đức Chúa Trời, Cha của Chúa Giêsu Cơ Đốc chúng ta, là cha thương xót và là Đức Chúa Trời ban mọi niềm an ủi. Ngài luôn an ủi chúng ta trong mọi cơn hoạn nạn để chúng ta, nhờ sự an ủi đã nhận được từ Đức Chúa Trời, có thể an ủi những người khác trong mọi cơn hoạn nạn họ gặp” (2 Corinthians 1:3-4)

Một khi tôi còn trên cõi đời này, điều đó có nghĩa là Chúa vẫn phán truyền mục đích cho cuộc sống của tôi. Hiểu được điều đó giúp tôi có đủ nghị lực để chịu đựng những đau đớn và khuyết tật của mình.

Trong những giờ phút đen tối nhất, tôi lại nhớ đến câu hát trong một bài hát cũ: “Mọi cái giá đều là xứng đáng nếu chúng ta có thể gặp Giêsu”.

Và tôi biết điều đó đúng.

Chương 18

CÂU HỎI TẠI SAO

Vì hiện nay chúng ta chỉ thấy mập mờ qua gương, đến bây giờ chúng ta sẽ thấy tận mặt. Bây giờ, chúng ta chỉ hiểu biết một phần, đến bây giờ chúng ta sẽ biết mọi thứ như Chúa biết chúng ta vậy.

1 Corinthians 13:12

Đã nhiều lần tôi xem trên ti vi có những người nói rằng họ đã có trải nghiệm cận kề cái chết. Tôi phải thú nhận rằng điều đó hấp dẫn tôi rất nhiều, nhưng tôi cũng hoài nghi. Nói thực là tôi hoài nghi nhiều hơn. Trước và sau khi những người đó nói, tôi nghĩ: Họ có thể đã gặp vấn đề gì đó với bộ não của họ. Hoặc cũng có thể họ chỉ hỏi tưởng lại trải nghiệm trước đây. Tôi không nghi ngờ sự thành thật của họ và muốn tin vào những gì họ nói.

Tôi đã xem nhiều buổi nói chuyện và đọc nhiều về các nạn nhân tưởng như đã chết và được cứu sống một cách thần kỳ. Bản miêu tả sự thử thách của họ dường như đã được lập sẵn và giống nhau đến khó chịu, như thể người này sao chép lại của người kia vậy. Có một người bị cho đã chết trong hơn 24 tiếng đã viết một cuốn sách và kể rằng ông ta đã được gặp Adam và Eve. Có vài điều mà Adam và Eve nói với ông ta không giống với Kinh thánh.

Mặc dù nghi ngờ nhiều bằng chứng của họ - kể cả đến tận ngày nay nhưng tôi chưa từng đặt ra câu hỏi về cái chết của chính mình. Trên thực tế, việc đó có tác động quá mạnh, có thể tạo ra những thay đổi quá lớn trong cuộc đời, đến mức tôi không dám kể cho ai nghe về nó cho đến tận gần hai năm sau vụ tai nạn, khi David Gentiles dò hỏi tôi về những thông tin đó.

Tôi đã từng xem một bản nghiên cứu về các trải nghiệm cận kề cái chết và thường nghĩ về nó trong suốt những năm qua.

Tháng Mười Hai năm 2001, *Lancet*, một tạp chí của Hiệp hội y học Anh, đã báo cáo một nghiên cứu về những trải nghiệm đó. Trước đó, hầu hết các chuyên gia y tế và các nhà khoa học chỉ bàn luận về các trường hợp này như những mong muốn hay tình trạng mơ màng giả do bộ não thiếu ô-xy gây ra.

Cuộc nghiên cứu được tiến hành tại Hà Lan là một trong những nghiên cứu khoa học đầu tiên. Thay vì phỏng vấn những người từng qua một trải nghiệm, họ đã khảo sát với hàng trăm bệnh nhân vừa được cứu sống sau khi chết lâm sàng - nghĩa là, tim họ đã ngừng đập. Họ hy vọng phương pháp này sẽ giúp họ có được những miêu tả chính xác hơn bằng cách yêu cầu các bệnh nhân viết lại những trải nghiệm vừa trải qua, thay vì dựa trên những tài liệu thu thập được rất lâu sau khi các bệnh nhân đó được cứu sống.

Kết quả là: khoảng 18% bệnh nhân được phỏng vấn nói về những hồi ức khi họ đang chết lâm sàng. Khoảng 8 - 12% kể lại những trải nghiệm cận kề cái chết đã được chấp nhận, như nhìn thấy những ánh sáng trắng, đi qua một đường hầm, hoặc thậm chí siêu thoát lên thiên đàng

và gặp lại những người thân và bạn bè đã chết của họ. Các nhà nghiên cứu kết luận rằng, những trải nghiệm sau cái chết chỉ là “những điều mà tất cả chúng ta muốn tin là sự thật”(trích tạp chí Lancet, số 9298 ngày 15 tháng 12 năm 2001).

Ngược lại, các học giả khác đưa ra kết luận của họ dựa trên một nghiên cứu với 344 người (tuổi từ 26 đến 92) từng được cứu sống. Hầu hết những người này được phỏng vấn trong khoảng năm ngày sau khi sống lại. Các nhà nghiên cứu đã liên lạc với họ trong hai năm và tám năm sau đó.

Các nhà nghiên cứu phát hiện ra những trải nghiệm này không tương quan với bất kỳ giới hạn y học, tâm lý học hay tâm thần học nào đã được chứng thực - nghĩa là, những trải nghiệm này không có liên quan gì tới quá trình xảy ra với bộ não đang chết. Hầu hết các bệnh nhân đều có thể nhớ lại rõ ràng sự kiện mà có ý kiến cho rằng đó chỉ là sai sót trong trí nhớ.

Đối với tôi, điều quan trọng nhất là những người nói trên đã có thay đổi lớn trong cuộc đời họ. Họ không còn cảm thấy sợ chết. Họ trở nên cảm thông hơn, cho đi nhiều hơn và yêu thương mọi người nhiều hơn.

Cuộc nghiên cứu chẳng đem lại bất kỳ bằng chứng nào cho sự tồn tại của các trải nghiệm sau khi chết. Và giống như trước khi tiến hành nhiều cuộc nghiên cứu, một số các nhà nghiên cứu vẫn coi đó chỉ là tình trạng tâm lý của những người đang chết, số khác lại cho rằng có sự tồn tại những trải nghiệm khi cận kề cái chết này, và đề nghị các nhà khoa học suy xét lại.

Tôi không định giải quyết vụ tranh cãi này. Tôi chỉ có thể liên hệ với những gì đã xảy ra với mình. Dù các nhà nghiên cứu có thể nói hay không nói với tôi, tôi biết rằng mình đã từng đến thiên đàng.

Tôi đã dành phần lớn thời gian để tự hỏi: tại sao điều đó lại xảy ra hơn là việc nghĩ về cái gì đã xảy ra. Và tôi đi đến một kết luận duy nhất: Trước khi chết đi trong vụ tai nạn đó, tôi đã nghi ngờ về những trường hợp trải nghiệm cận kề cái chết. Đơn giản là tôi chưa gặp ai đã từng chết, lên thiên đàng và trở lại để kể về nó. Tôi chưa từng nghi ngờ về cái chết, về sự hiện diện của thiên đàng, hay cuộc sống sau khi chết, tôi nghi ngờ những lời miêu tả về những câu chuyện cận kề cái chết. Những câu chuyện đó có vẻ khá trùng lặp và dập khuôn. Rồi tôi chết đi, được lên đến thiên đàng và trở lại. Tôi chỉ có thể kể về những chuyện đã xảy ra với tôi. Chưa từng có phút giây nào tôi nghĩ rằng đó chỉ là ảo ảnh, một trường hợp xáo trộn trong tâm thức hay chỉ là kết quả những câu chuyện tôi đã nghe kể. Tôi biết thiên đàng có thật. Và tôi đã từng đến đó rồi quay trở lại.

Có một lần tôi đã kể trải nghiệm của mình trước một giáo đoàn lớn, trong đó có cả bố mẹ vợ tôi, Eldon và Ethel Pentecost. Họ đã luôn ủng hộ và hy sinh rất nhiều trong quãng thời gian tôi gặp tai nạn và quá trình hồi phục dài đằng đẵng sau đó.

Sau lễ truy điệu, chúng tôi trở về nhà. Ngay lập tức, Eldon và tôi ra nói chuyện riêng và ông ấy bảo tôi: “Bố đã cảm thấy tức giận khi lần đầu tiên nghe con kể về chuyến đi lên thiên đàng của con”.

Tôi không hiểu tại sao ông ấy lại cảm thấy như vậy.

“Con kết thúc bằng cách nói rằng con không bao giờ muốn quay trở lại trái đất nữa”.

Tôi chỉ biết gật đầu đồng ý mà không biết chuyện này sẽ còn đi đến đâu.

“Khi đó, bố vẫn chưa hiểu hết về chuyện ấy, nhưng giờ thì bố đã thay đổi. Giờ đây khi nghe con kể về vẻ đẹp của thiên đàng, bố đã phần nào rõ hơn vì sao con sẵn sàng chịu lia xa đưa con gái và đám cháu ngoại yêu quý của bố trong một thời gian ngắn. Con biết - thực sự là con biết, phải không - rằng sẽ có ngày họ chào đón con trở lại?”

“Chắc chắn là vậy, thưa bố,” tôi trả lời ông ấy.

Tiết lộ của Eldon đã gỡ bỏ hàng rào phòng ngự của tôi. Ông ấy đúng, dĩ nhiên là thế. Tôi có đặc quyền riêng được rửa tội cho những đứa con của mình và nhìn thấy vợ mình được rửa tội. Tôi biết đức tin của họ rất vững chắc. Nhờ đức tin ấy, tôi biết họ sẽ được lên thiên đàng. Nỗi buồn khi phải xa cách họ chưa từng xuất hiện trong tâm trí tôi khi tôi còn ở thiên đàng. Những người trên thiên đàng đơn giản là không cần ý thức ai không có ở đây. Họ biết ai đang tới.

Kể cả đến bây giờ, tôi vẫn có thể thành thật nói rằng tôi đã có thể ở lại thiên đàng, nhưng thời khắc cuối cùng của tôi vẫn chưa tới. Sau khi rời khỏi thiên đàng, nếu tôi biết mình sẽ phải nằm thêm hai tuần trong phòng hồi sức, một năm trên giường bệnh và chịu đựng 34 cuộc phẫu thuật, chắc chắn là tôi sẽ còn cảm thấy chán nản hơn ngay khi bắt đầu. Nhưng, tôi không có quyền lựa chọn, và tôi đã trở lại với những tiếng rên rỉ kêu cứu, tiếng giầy nghiêng kính dưới chân, và tiếng thiết bị Thủy lực xuyên qua chiếc xe nát vụn của tôi.

Có một câu hỏi luôn làm tôi phiền não: Tại sao? Và câu hỏi này có nhiều kiểu: Tại sao tôi chết trong chiếc xe nát vụn ấy?

Tại sao tôi lại có đặc ân được lên thiên đàng?

Tại sao tôi được nhìn ngắm thiên đàng, để rồi phải quay lại?

Tại sao tôi lại suýt chết trong bệnh viện?

Tại sao Chúa lại để tôi sống trong những cơn đau triền miên suốt từ ngày 18 tháng 01 năm 1989?

Câu trả lời ngắn gọn là: “Tôi không biết”. Và chính câu hỏi: “tại sao”, vẫn còn là một câu hỏi lớn của con người. Về bản chất, con người có tính tò mò. Chúng ta luôn muốn biết.

Sau này, tôi cũng khó có thể kết nối những chuyện đã xảy ra. Có đôi lần, tôi thử tự viết ra nhưng không thể. Chính vì vậy tôi phải nhờ bạn tôi, Cec Murphy giúp tôi viết ra cuốn sách này - nếu mọi việc tùy thuộc vào quyết định của tôi, tôi sẽ không bao giờ viết cuốn sách này. Những tổn thương tình cảm khi phải sống lại sự kiện ấy là quá khủng khiếp đối với tôi. Chỉ có nhờ người khác viết lại, tôi mới chịu đựng được sự thử thách này.

Nhưng tôi vẫn không thể hiểu tại sao mọi chuyện lại xảy ra như thế.

Tôi biết rõ rằng Chúa đã ở bên tôi trong những thời điểm khó khăn nhất.

Ngoài câu hỏi tại sao, còn có nhiều câu hỏi khác bắt buộc tôi phải cân nhắc.

Phải chăng Chúa muốn tôi chịu đựng những đau đớn thực sự để tôi hiểu được nỗi đau của những người khác?

Phải chăng Chúa muốn tôi hiểu được thiên đàng thực sự như thế nào?

Chúa muốn tôi học được gì từ những trải nghiệm, từ cái chết của tôi, và khoảng thời gian hồi phục dài đằng đẵng?

Làm sao để trải nghiệm của tôi có thể đem lại lợi ích lớn nhất cho những người khác? Và sau từng ấy năm, tôi cũng chưa tìm ra câu trả lời cho bất kỳ câu hỏi nào trong số ấy. Tôi đã học được vài điều và biết rằng Chúa giữ tôi lại trên đời vì lý do riêng của Ngài. Tôi có thể chẳng bao giờ hiểu được những lý do ấy, nhưng Chúa cũng không có bổn phận phải giải thích cho tôi.

Dù không thể tìm ra câu trả lời đầy đủ cho tất cả những câu hỏi của mình, tôi vẫn cảm thấy bình yên. Tôi biết tôi đã ở nơi mà Chúa muốn, và tôi đang làm công việc Chúa giao.

Tôi tìm thấy sự an ủi từ một câu chuyện ghi trong Kinh Phúc âm Thánh của John. Một người đàn ông mù bẩm sinh đã gặp Chúa Giêsu và được người chữa lành. Sau đó, ông ấy đã đi khắp nơi để ngợi ca Chúa, nhưng việc ông ấy được chữa lành đôi mắt là sự xấu hổ cho những kẻ đứng đầu giáo hội đang cố gắng xúi giục người dân chống lại Chúa Giêsu. Chúng đã chất vấn ông già đó, cố gắng ép ông ấy thừa nhận rằng Chúa chỉ là một kẻ có tội (chính xác là một kẻ lừa gạt).

Ông ta đáp: “Ông ấy là người tội lỗi hay không, tôi không biết. Tôi chỉ biết là trước tôi mù và bây giờ tôi nhìn thấy” (Phúc âm của Thánh John; đoạn 9; câu 25). Cũng giống như vậy, có vài người không tin vào những lời kể của tôi, họ có thể cho rằng đó là dạng ước muốn được thỏa mãn trong một thời điểm của những chấn thương nghiêm trọng. Tôi không cần phải bảo vệ cho trải nghiệm đó.

Tôi biết việc gì đã xảy ra. Đối với những người có niềm tin vào thiên đàng có thực như chúng tôi, chúng tôi không cần bằng chứng nào hết. Tôi biết những điều tôi đã trải qua.

Tôi tin Chúa đã gợi ý cho tôi hiểu sự vĩnh hằng trên thiên đàng là như thế nào.

Tôi cũng tin một phần nguyên nhân khiến tôi sống lại, như tôi đã từng nói với các bạn, là nhờ có người đã cầu nguyện cho tôi. Lời cầu nguyện của Dick Onerecker đã kéo tôi trở lại với cuộc đời - tôi được sống mà không bị bất kỳ tổn thương nào. David Gentiles và những người khác cũng đã cầu nguyện để Chúa đưa tôi đi.

Tôi vẫn ở đây, vẫn tồn tại, và đó là vì mục đích mà Chúa đã giao tôi vẫn chưa được hoàn thành. Khi Chúa chấp nhận, tôi sẽ được trở lại nơi tôi hằng mong mỏi. Tôi đã đặt trước một chỗ trên thiên đàng và ngày nào đó tôi sẽ trở lại đó - vĩnh viễn.

Và lạ Chúa, tôi sẽ sớm gặp lại các bạn ở đó.

CHÚ THÍCH

Tiếng Anh	Tiếng Việt
Genesis	Sáng thế ký
Revelation	Khải huyền
Deuteronomy	Phục truyền luật lệ ký
Corinthians	Cô-rinh-tô
Romans	Rô-ma
Philippians	Phi-líp
Peter	Phi-e-rơ
Psalms	Thi thiên
Proverbs	Châm ngôn
Isaiah	Ê-sai
Hebrews	Hê-bơ-rơ
Colossians	Cô-lô-se
Jeremiah	Giê-mê-mi
John	Giăng

Tên sách trong Kinh Thánh, đoạn: câu

Ví dụ: Proverbs 13:22: Châm ngôn, đoạn 13: câu 22

Quyển, Tên sách trong Kinh Thánh, đoạn: câu

Ví dụ: 2 Corinthian 1:3-4: Cô-rinh-tô, quyển 2, đoạn 1: câu 3 đến 4